

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 25

(Từ ngày 3/3 - 7/3)

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
Hai (3/3)	1	73	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Sáng tác truyện, thơ theo chủ đề “Lời nhắn nhủ yêu thương”	
	2	169	Tiếng Việt	Độc: Đàn t'rung – tiếng ca đại ngàn	GDĐĐ
	3	170	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Liên kết câu bằng từ ngữ thay thế	
	4	25	Tin học	Bài 12. Thực hành sử dụng lệnh lặp	
	5	121	Toán	Bài 51: Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương (tiết 2)	
	6	49	LS-ĐL	Bài 19: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (Tiết 1)	
	7	49	Thể dục	Ôn tập, đánh giá giữa kì II: Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản	
Ba (4/3)	1	171	Tiếng Việt	Viết: Tìm hiểu cách viết chương trình hoạt động	
	2	122	Toán	Bài 52: Thể tích của hình hộp chữ nhật (Tiết 1)	
	3	49	Khoa học	Nam và nữ (Tiết 1)	
	4	25	Mĩ thuật	Bài 12: Em yêu cây xanh	
	5	25	Âm nhạc	Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 3/4 Độc nhạc: Bài đọc nhạc số 3	
	6	74	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Báo cáo kết quả việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình. - Thực hành thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình - Xây dựng kế hoạch duy trì việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.	
	7	1	KN CDS	Thư điện tử (tiết 1)	
Thứ (5/3)	1	172	Tiếng Việt	Độc: Đường quê Đồng Tháp Mười (Tiết 1)	
	2	173	Tiếng Việt	Độc: Đường quê Đồng Tháp Mười (Tiết 2)	GDĐĐ
	3	97	Tiếng Anh	Review 3	
	4	123	Toán	Bài 52: Thể tích của hình hộp chữ nhật (Tiết 2)	

	5	50	Thể dục	Bài 1: Động tác dẫn bóng bằng mu trong (má trong) bàn chân (Tiết 1)	
	6	25	Đạo đức	Bài 7: Phòng tránh xâm hại: (Tiết 1)	
	7	5	Rèn chữ	Dáng hình ngọn gió	
Năm (6/3)	1	174	Tiếng Việt	Viết: Viết chương trình hoạt động (Bài viết số 1)	
	2	124	Toán	Bài 53: Thể tích của hình lập phương (tiết 1)	
	3	98	Tiếng Anh	Review 3	
	4	99	Tiếng Anh	Fluency Time 3	
	5	50	Khoa học	Nam và nữ (Tiết 2)	QCN
	6	25	Công nghệ	Bài 7: Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin (tiết 4)	
	7	5	STEM	Xe chạy bằng "động cơ" nước (tiết 1)	
	8	21	KNS	Kĩ năng xác định mục tiêu (tiết 2)	
Sáu (7/3)	1	175	Tiếng Việt	Đọc mở rộng	Tiết học TV
	2	125	Toán	Bài 53: Thể tích của hình lập phương (tiết 1)	
	3	50	LS-ĐL	Bài 19: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (Tiết 2)	
	4	75	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Hát về chủ đề gia đình.	
	5	100	Tiếng Anh	Fluency Time 3	
	6	1	Tiết đọc TV	Đọc những câu chuyện về lòng hiếu thảo	
	7		Năng khiếu		

Thứ hai, ngày 3 tháng 3 năm 2025

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Tuần 25: Sinh hoạt dưới cờ:

SÁNG TÁC TRUYỆN, THƠ THEO CHỦ ĐỀ “LỜI NHẮN NHỦ YÊU THƯƠNG”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh thể hiện được tình yêu thương, lòng biết ơn với những người thân trong gia đình qua các tác phẩm tự sáng tác.

- Học sinh chia sẻ được về những tác phẩm em yêu thích trong chương trình.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện và điều chỉnh những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: tự giác thực hiện việc làm giúp đỡ gia đình, tích cực tham gia các hoạt động chung và tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình

- Phẩm chất nhân ái

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Ghế ngồi cho học sinh khi tham gia sinh hoạt dưới cờ

2. Học sinh

- Tác phẩm tự sáng tác được chọn trình bày

- Trang phục chỉnh tề

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
a) Mục tiêu – Học sinh hào hứng, chú ý lắng nghe những tác phẩm tự sáng tác theo chủ đề “Lời nhắn nhủ yêu thương” từ đó học thêm được cách thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn với những người thân trong gia đình – Học sinh chủ động chia sẻ về những tác phẩm yêu thích trong chương trình	
b) Tiến trình hoạt động	

– GV tập trung HS tham gia buổi sinh hoạt dưới cờ đúng giờ, ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ. - GV hỗ trợ HS trình bày các tác phẩm tự sáng tác (đọc thơ, kể chuyện,...) trong chương trình “Lời nhắn nhủ yêu thương” - GV yêu cầu HS lắng nghe và cổ vũ cho các tiết mục tham gia chương trình - GV hướng dẫn HS tham gia chia sẻ về những tác phẩm yêu thích trong chương trình. - GV tổ chức cho HS chia sẻ về những điều mình học được để thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn với những người thân trong gia đình sau khi tham gia chương trình. - GV nhắc HS gửi lời nhắn nhủ yêu thương tới các thành viên mỗi ngày bằng những hành động, việc làm cụ thể	- HS tập trung và ổn định trật tự theo hướng dẫn của GV - HS trình bày các tác phẩm tự sáng tác - HS lắng nghe và cổ vũ cho các bạn - HS chia sẻ về tác phẩm mình yêu thích – HS chia sẻ những điều mình học được với các bạn sau khi tham gia chương trình. - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT
Bài 13: ĐÀN T'RUNG- TIẾNG CA ĐẠI NGÀN (3 tiết)
Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài “Đàn t’rung- tiếng ca đại ngàn”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc thú vị khi khám phá nét đặc sắc của vùn đất Tây Nguyên.

Đọc hiểu: Nhận biết được các từ ngữ có sức gợi tả, cảm nhận được hình ảnh gợi lên vẻ đẹp tâm hồn của người dân Tây Nguyên. Cuộc sống của họ tràn ngập những cung bậc âm thanh của tiếng đàn t’rung hòa với tiếng suối chảy, gió reo. Hiểu được nội dung chính của bài: Người Tây Nguyên đã tạo ra vẻ đẹp riêng cho vùng đất Tây Nguyên từ bao đời nay. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc và sự trân trọng bàn tay, khối óc, tâm hồn con người bao đời đã tạo nên vẻ đẹp riêng cho mỗi vùng miền trên đất nước ta.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở đồng quê.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

***Giáo dục đạo đức: Yêu quý, trân trọng, giữ gìn, bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1- Cách tiến hành:	
1. Ôn bài cũ. - GV hỏi HS: Bài đọc Vũ điệu trên nền thổ cẩm muốn nói với chúng ta điều gì? - GV nhận xét và chốt: Bài nêu cảm nhận được vẻ đẹp đặc sắc của các di sản văn hóa Việt Nam. Biết	HS lắng nghe, trả lời.

tự hào, trân trọng những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của dân tộc. Có ý thức giữ gìn các di sản văn hóa dân tộc trên nước ta.	- HS lắng nghe.
2. Khởi động - GV cho HS quan sát trang và lên chia sẻ những hiểu biết của mình về Tây Nguyên.  - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	- HS thảo luận nhóm, chia sẻ, nêu ý kiến (Nhà rông, công chiêng, lễ hội, trang phục...). - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài “Đàn t’rug- tiếng ca đại ngàn”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc thú vị khi khám phá nét đặc sắc của vùn đất Tây Nguyên. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Đoạn 1: Đến Tây Nguyên.....suối reo của đàn t’rug. + Đoạn 2: Phần còn lại. - GV gọi 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó, dễ phát âm sai: điệu hát ru, điệu, trĩa lúa, chòi canh, rộn rã, ... - GV hướng dẫn luyện đọc câu:	- Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu.

<i>Đền Tây Nguyên,/ ta thường được nghe tiếng đàn t'rung/ ngân dài theo dòng suối,/ hòa cùng tiếng gió/trên đồi núi hoang vu.//</i> - GV HD đọc đúng ngữ điệu:, đọc đúng ngữ điệu diễn cảm ... - GV mời 2 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương.	- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được các từ ngữ có sức gợi tả, cảm nhận được hình ảnh gợi lên vẻ đẹp tâm hồn của người dân Tây Nguyên. Cuộc sống của họ tràn ngập những cung bậc âm thanh của tiếng đàn t'rung hòa với tiếng suối chảy, gió reo.. + Hiểu được nội dung chính của bài: Người Tây Nguyên đã tạo ra vẻ đẹp riêng cho vùng đất Tây Nguyên từ bao đời nay. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc và sự trân trọng bàn tay, khối óc, tâm hồn con người bao đời đã tạo nên vẻ đẹp riêng cho mỗi vùng miền trên đất nước ta. - Cách tiến hành:	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) + <i>đàn t'rung</i>: đàn của một số đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên làm bằng những đoạn nứa dài, ngắn khác nhau, treo trên một cái giá, gõ bằng dùi. + <i>tría</i>: gieo trồng bằng cách tra hạt giống vào từng hốc và lấp đất lên.	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Bài đọc nói về điểm nổi bật nào của vùng đất Tây Nguyên? + Câu 2: Tiếng đàn T'rung gắn bó với người Tây Nguyên như thế nào?	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: +Tiếng đàn t'rung rộn rã. + Với người Tây Nguyên, từ khi còn nhỏ tới lúc lớn lên, luôn được nghe tiếng đàn t'rung vang

GV giới thiệu thêm: ở Tây Nguyên, mỗi chiều từ rẫy về buôn, những chàng trai, cô gái sai nấy đều quên hết mệt nhọc khi nghe tiếng đàn trầm hùng như thác đổ, lúc lại thánh thót, vui tươi như suối reo. Tiếng đàn t'rung như là một phần không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của Tây Nguyên. + Câu 3: Những chi tiết nào cho thấy đàn t'rung là nhạc cụ phổ biến, được yêu thích ở Tây Nguyên? + Câu 4: Theo em, vì sao tác giả khẳng định tiếng đàn t'rung đã trở thành niềm thương, nỗi nhớ của người Tây Nguyên? Câu 5: Bài đọc giúp em cảm nhận được điều gì về cuộc sống và con người Tây Nguyên? - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học. - GV nhận xét và chốt: <i>Người Tây Nguyên đã tạo ra vẻ đẹp riêng cho vùng đất Tây Nguyên từ bao đời nay. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc và sự trân trọng bàn tay, khối óc, tâm hồn con người bao đời đã tạo nên vẻ đẹp riêng cho mỗi vùng miền trên đất nước ta.</i>	bên tai. Mỗi bước chân vào rừng kiếm củi, xuống suối nước lấy nước, ra nương tria lúa,... đều vẫn vương nhịp điệu của tiếng đàn t'rung. + HS có thể tự nêu câu trả lời theo sự tưởng tượng của mình. + Vì đàn t'rung có mặt mọi lúc, mọi nơi. - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học. + Người Tây Nguyên yêu ca hát nên cuộc sống ở Tây Nguyên luôn sôi động, vui tươi, người Tây Nguyên luôn yêu đời, yêu cuộc sống.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Đàn t'rung-tiếng ca đại ngàn” *Giáo dục đạo đức: Yêu quý, trân trọng, giữ gìn, bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số.	- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - HS lắng nghe

- GV nói: Chúng ta cần yêu quý, trân trọng, giữ gìn, bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số.

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

TIẾNG VIỆT
Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
Bài: LIÊN KẾT CÂU BẰNG TỪ NGỮ THAY THẾ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được quan hệ liên kết giữa các câu trong đoạn văn.
- Biết dùng các từ ngữ thay thế (đại từ, danh từ...) chỉ cùng một sự vật, hoạt động, đặc điểm ... để liên kết các câu trong đoạn văn. .
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại thế nào Danh từ? Lấy ví dụ? - GV nhận xét. - GV dẫn dắt vào bài mới.	+ HS trả lời - HS lắng nghe.
2. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được quan hệ liên kết giữa các câu trong đoạn văn.	

+ Biết dùng các từ ngữ thay thế (đại từ, danh từ..) chỉ cùng một sự vật, hoạt động, đặc điểm ... để liên kết các câu trong đoạn văn. .

+ Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài 1: Mỗi từ in đậm trong đoạn văn dưới đây thay thế cho từ ngữ nào? Nêu tác dụng của việc thay thế từ ngữ trong đoạn văn?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

Cánh đồng cỏ của cao nguyên Gia Lai, Đắc Lắc vào mùa mưa có rất nhiều hồ nước. Đó là những vạt đất trũng, phơi nắng suốt mấy tháng mùa khô. Bước vào mùa mưa, chúng trở thành những hồ nước đầy ắp như những chiếc gương lớn.

(Theo Thiên Lương)

- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2

- GV mời các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. Các từ ngữ in đậm trong đoạn văn dưới đây nói về ai? Việc dùng những từ ngữ đó có tác dụng gì?

Xúc động trước tình cảm của người cha dành cho con gái và tiếng dương cầm da diết của người thiếu nữ mù, Bét-tô-ven đến bên cây đàn, ngồi xuống và bắt đầu chơi. Những nốt nhạc ngẫu hứng vang lên, tràn đầy cảm xúc yêu thương của nhà soạn nhạc thiên tài, lúc

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.

- Các nhóm trình bày

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Từ in đậm “đó” thay thế cho từ ngữ: *cánh đồng cỏ của cao nguyên Gia Lai, Đắc Lắc.*

– Từ in đậm “chúng” thay thế cho từ ngữ: *những vạt đất trũng.*

Tác dụng của việc thay thế từ ngữ trong đoạn văn giúp liên kết các câu văn với nhau, làm cho những từ ngữ cùng chỉ một đối tượng rút ngắn lại, tránh sự trùng lặp với nhau mà vẫn làm cho người đọc, người nghe hiểu được ý nghĩa câu văn.

- Cả lớp lắng nghe.

- HS thảo luận theo nhóm.

êm ái, nhẹ nhàng như ánh trăng, lúc lại mạnh mẽ như sóng sông Đa-nuýp.

(Theo *Tiếng Việt 1, tập một*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022)



- GV nhận xét.

- GV hướng dẫn HS rút ra Ghi nhớ:

Các câu trong đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng cách dùng đại từ, danh từ,... ở câu sau thay thế cho từ ngữ đã dùng ở câu trước. Ngoài tác dụng liên kết, việc dùng từ ngữ thay thế còn tránh được sự trùng lặp từ ngữ trong đoạn văn.

Bài 3: Các từ ngữ in đậm trong mỗi đoạn văn dưới đây thay thế cho những từ ngữ nào?

a. Đến Tây Bắc, bạn sẽ gặp những nghệ nhân người Mông thổi khèn nơi đỉnh núi mênh mang lồng gió. Hình bóng **họ** in trên nền trời xanh hệt như một tuyệt tác của thiên nhiên.

(Theo Hà Phong)

b. Một giây... hai giây... ba giây. Vèo một cái, con dơi buông người nhảy dù vào không trung rồi biến mất như một tia chớp. Chúng tôi vỗ tay reo hò ầm ĩ. Tối hôm ấy, chúng tôi rước đèn, chúng tôi phá cỗ, thỉnh thoảng lại ngược lên vòm trời trong biếc xem có thấy “**nhà du hành**” bay trở lại hay không.

(Theo Vũ Tú Nam)

c. Chiều nào cũng vậy, con chim hoạ mi ấy không biết tự phương nào bay đến đậu trong bụi tầm xuân ở vườn nhà tôi mà hát... Hót một lúc lâu, “**nhạc sĩ giang hồ**” không tên,

- Các từ ngữ in đậm trong đoạn văn nói về nhà soạn nhạc cổ điển người Đức Bét-tô-ven (Beethoven, 1770 – 1827). Ông là một hình tượng âm nhạc quan trọng trong giai đoạn giao thời từ thời kì âm nhạc cổ điển sang thời kì âm nhạc lãng mạn.

- Việc dùng những từ ngữ đó có tác dụng ca ngợi, làm nổi bật lên tài năng, tên tuổi của người được nhắc đến. Giúp đoạn văn gợi hình, gợi cảm và lôi cuốn hơn.

- HS lắng nghe.

- 2,3 HS đọc lại.

Các từ ngữ in đậm trong mỗi đoạn văn dưới đây thay thế cho những từ ngữ:

+ họ: những nghệ nhân người Mông thổi khèn;

+ nhà du hành: con dơi;

+ nhạc sĩ giang hồ: con chim hoạ mi.

không tuổi ấy từ từ nhắm hai mắt lại, thu đầu vào lòng cổ, im lặng ngủ...

(Theo Ngọc Giao)

Bài 4: Chọn từ ngữ thay thế cho từ in đậm để liên kết các câu trong đoạn văn dưới đây:

thành phố ngàn hoa	thành phố du lịch	thiên đường du lịch
-----------------------	----------------------	------------------------

Đà Lạt là địa danh du lịch nổi tiếng của nước ta. **Đà Lạt** níu chân du khách không chỉ vì khí hậu nơi đây quanh năm mát mẻ mà còn bởi nhiều điểm du lịch hấp dẫn. Trong những ngày lưu lại ở **Đà Lạt**, du khách không thể không ghé thăm thung lũng Tình yêu, núi Lang Bi-ang, hồ Xuân Hương,... Đó là những địa danh huyền thoại đã làm nên một Đà Lạt mộng mơ. Để làm mới mình trong mắt du khách, gần đây, Đà Lạt xây dựng thêm một số điểm du lịch mới như làng Cù Lân, đồi chè Cầu Đất, vườn dâu tây Đà Lạt,.. Những điểm du lịch này sẽ góp phần làm nên một **Đà Lạt** vừa truyền thống vừa hiện đại, giàu sức hút đối với du khách trong nước và thế giới.

(Lâm Anh)

- Nhận xét, khen

- Hs đọc nội dung, yêu cầu
- HS thảo luận nhóm, trình bày, và lý giải lý do chọn từ đó.

Đà Lạt là địa danh du lịch nổi tiếng của nước ta. **Thành phố du lịch** níu chân du khách không chỉ vì khí hậu nơi đây quanh năm mát mẻ mà còn bởi nhiều điểm du lịch hấp dẫn. Trong những ngày lưu lại ở **thiên đường du lịch**, du khách không thể không ghé thăm thung lũng Tình yêu, núi Lang Bi-ang, hồ Xuân Hương,... Đó là những địa danh huyền thoại đã làm nên một Đà Lạt mộng mơ. Để làm mới mình trong mắt du khách, gần đây, Đà Lạt xây dựng thêm một số điểm du lịch mới như làng Cù Lân, đồi chè Cầu Đất, vườn dâu tây Đà Lạt,.. Những điểm du lịch này sẽ góp phần làm nên một **thành phố ngàn hoa** vừa truyền thống vừa hiện đại, giàu sức hút đối với du khách trong nước và thế giới.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có các từ ngữ thay thế.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ thay thế phù hợp có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

TOÁN

Bài 51: DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ DIỆN TÍCH TOÀN PHẦN CỦA HÌNH LẬP PHƯƠNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu được khái niệm diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương. Biết cách tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu khái niệm phân biệt được diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết cách tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

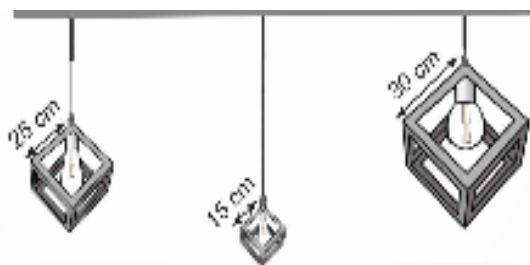
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho học sinh nghe bài hát tiếng anh về các hình để khởi động bài học. https://youtu.be/H9BERV3wxAo + Bài hát vừa nghe nhắc đến các hình nào? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia lắng nghe - HS trả lời: - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành: - Mục tiêu: + HS luyện tập, củng cố và phân biệt được diện tích toàn phần và diện tích xung quanh của một hình lập phương.	

- Cách tiến hành:

Bài 1: Bài tập này giúp HS củng cố cách tính diện tích toàn phần của hình lập phương.

-GV cho HS nêu yêu cầu của bài toán.



-GV hỏi:

+Cần bao phủ mấy mặt của khối lập phương?

+ Mỗi mặt là hình gì?

+Cách tính diện tích mỗi mặt như thế nào?

Từ đó, kết luận xem cần tính diện tích toàn phần hay diện tích xung quanh.

-GV có thể gọi một số HS lên bảng làm bài. Các HS còn lại so sánh, nhận xét bài làm của các bạn trên bảng.

- Tùy vào tình hình mỗi lớp, trước khi HS làm bài, GV có thể yêu cầu HS dự đoán phần diện tích mảnh nhựa cần dùng ở hai bóng đèn 2 và 3 sẽ tỉ lệ với nhau như thế nào? Liệu có tỉ lệ 1: 2 như tỉ lệ độ dài cạnh hay không?

Bài 2: Bài tập này giúp HS củng cố cách tính diện tích toàn phần của hình lập phương.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài toán.



- GV có thể cho lớp làm bài theo nhóm đôi.

- Gọi đại diện nhóm trình bày.

- GV và lớp nhận xét.

-HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS quan sát tranh và cùng nhau tìm hiểu bài:

(Mỗi chiếc đèn cần bao phủ 4 mặt, mỗi mặt hình vuông, cách tính là cạnh x cạnh)

Đèn thứ nhất: $25 \times 25 \times 6 = 3\,750 \text{ cm}^2$

Đèn thứ hai: $15 \times 15 \times 6 = 1\,350 \text{ cm}^2$

Đèn thứ ba: $30 \times 30 \times 6 = 5\,400 \text{ cm}^2$

-HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

(số mặt cần phủ là: $6 - 1 = 5$ mặt)

Diện tích cần phủ: $10 \times 10 \times 5 = 500 \text{ cm}^2$

Bài 3: Bài tập này giúp HS củng cố cách tính diện tích xung quanh của hình lập phương và áp dụng vào bài toán thực tế.

- GV cho HS nêu yêu cầu của bài toán.



- GV có thể cho lớp làm bài theo nhóm 4.
- Gọi đại diện nhóm trình bày.
- GV và lớp nhận xét.

Bài 4: Bài tập giúp HS củng cố kiến thức về diện tích toàn phần, diện tích xung quanh của hình lập phương. Cũng như câu hỏi thêm của bài 1, HS cần xác định và tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần trước khi đưa ra kết luận.



- GV cho HS nêu yêu cầu bài toán và cho HS làm bài cá nhân vào vở.
- Khi chữa bài, GV cần yêu cầu HS tính với trường hợp cụ thể để minh họa cho lập luận của mình.
- Gọi đại diện nhóm trình bày.
- GV và lớp nhận xét tuyên dương.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

-HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

-HS làm việc theo nhóm

+ Diện tích phần Rô-bốt cần trang trí là:
 $20 \times 20 \times 4 = 1\,600 \text{ (cm}^2\text{)}.$

+ Số tiền mà Nam cần trả cho Rô-bốt là:
 $25 \times 1\,600 = 40\,000 \text{ (đồng)}.$

-HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

(Mai đã nhận xét sai vì:

Diện tích toàn phần của 1 hình lập phương là: $4 \times 4 \times 6 = 96 \text{ (cm}^2\text{)}.$

Diện tích toàn phần của 2 hình lập phương là: $96 \times 2 = 192 \text{ (cm}^2\text{)}$

Nếu 2 hình lập phương ghép lại thì sẽ bị che khuất 1 mặt do đó: $4 \times 4 \times 5 = 80 \text{ (cm}^2\text{)}$

$80 \times 2 = 160 \text{ (cm}^2\text{)}$

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.

- Cách chơi: GV đưa cho HS một số kích thước của các hình lập phương,...). Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3-4 HS. GV cho HS viết nối tiếp diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của các hình đó. Trong thời gian 1 phút, nhóm nào viết nhanh và chính xác nhóm đấy thắng cuộc.

+Hình lập phương cạnh 2cm

+Hình lập phương cạnh 20dm

+Hình lập phương cạnh 200m

- GV tổ chức trò chơi.

- Đánh giá tổng kết trò chơi.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS lắng nghe trò chơi.

- Các nhóm lắng nghe luật chơi.

- Các nhóm tham gia chơi.

Các nhóm rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
Bài 19: NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào.
- + Năng lực tìm hiểu Lịch sử và Địa lí: khai thác được lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và dân cư Lào.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học.
- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng những giá trị văn hoá của Lào.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Lược đồ hành chính Châu Á hoặc Đông Nam Á treo tường (nếu có).
- Lược đồ tự nhiên Lào treo tường.
- Hình ảnh, video về tự nhiên và dân cư của Lào.
- Một số câu chuyện lịch sử, tư liệu liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. + HS nêu được từ khoá: “Hoa đại”. - Cách tiến hành:	
GV tổ chức trò chơi “Chiếc nón kì diệu” để trả lời câu hỏi: Loài hoa nào biểu tượng cho nước Lào? + GV chia lớp thành 4 nhóm.	

+ GV nêu thể lệ trò chơi. – GV hỗ trợ, gợi ý nếu câu hỏi khó. GV tuyên dương nhóm chiến thắng, sau đó dẫn dắt vào nội dung bài mới.	Các nhóm tham gia trò chơi bằng cách trả lời các câu hỏi của GV. – Các thành viên của nhóm xung phong trả lời câu hỏi.
---	---

2. Hoạt động khám phá: (22 phút)

- Mục tiêu:

- + Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.
- + Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Lào.

- Cách tiến hành:

Khám phá 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí Lào (7 phút)

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp quan sát hình 1. Lược đồ tự nhiên Lào trang 83, làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ sau: Em hãy xác định vị trí địa lí của Lào trên lược đồ.

- GV tổ chức thảo luận cả lớp: GV gọi 1 – 2 HS xác định vị trí địa lí của Lào trên lược đồ hành chính Đông Nam Á (hoặc châu Á) treo tường.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

+ **Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào tiếp giáp với các quốc gia: Trung Quốc và Mi-an-ma ở phía bắc, Thái Lan ở phía tây, Cam-pu-chia ở phía nam và Việt Nam ở phía đông.**

+ **Lào là quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Nam Á không giáp biển.**

Khám phá 2: Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên và dân cư của Lào. (15 phút)

2.1. Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên của Lào

- GV yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi, đọc thông tin mục 2 phần đặc điểm tự nhiên và quan sát hình 1. Lược đồ tự nhiên Lào trang 83 và nêu đặc điểm tự nhiên của nước Lào theo bảng thông tin dưới đây:

- HS hoạt động cá nhân và làm việc với lược đồ trong SGK, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

- Các HS khác quan sát, nhận xét và bổ sung (nếu có).

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

- HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau:

+ HS làm việc cá nhân bằng cách đọc thông tin trong SGK mục 2 và khai thác lược đồ 1, ghi lại thông tin ra giấy.

+ Sau đó, HS trao đổi với các bạn trong cặp và thống nhất ý kiến.

- Các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét

Thành phần	Đặc điểm
Địa hình	Chủ yếu là núi và cao nguyên
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa

Thành phần	Đặc điểm
Địa hình	
Khí hậu	
Sông	
Khoáng sản	

- GV tổ chức cho các cặp trình bày kết quả: GV gọi 1–2 cặp trình bày kết quả, trong đó lưu ý việc kết hợp sử dụng lược đồ treo tường để trình bày.

- GV nhận xét, đánh giá phần làm việc theo cặp và chốt kiến thức cho HS.

- Mở rộng kiến thức: GV tổ chức cho HS quan sát một số hình ảnh hoặc video về thiên nhiên của nước Lào để HS có cái nhìn trực quan hơn.

2.2. Tìm hiểu về đặc điểm dân cư của Lào

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin mục 2 và thực hiện nhiệm vụ: Em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Lào (gợi ý: số dân, thành phần dân tộc, phân bố dân cư...).

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân: Mỗi HS sẽ khai thác thông tin trước, sau đó có thể trao đổi với bạn cùng bàn để thống nhất ý kiến.

- GV tổ chức cho lớp thảo luận như sau: GV gọi các HS nhanh tay, mỗi HS sẽ đưa ra 1 đặc điểm dân số mà các em khai thác được, các HS sau nêu đặc điểm không được trùng với HS trước.

- GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt kiến thức:

+ Lào có số dân khoảng 7,5 triệu người (năm 2021).

+ Phần lớn dân cư là dân tộc Lào, sống chủ yếu ở vùng đồng bằng. Các dân tộc khác như Khơ-me, Mông, có số lượng ít và sống chủ yếu ở vùng đồi núi.

- GV cho HS xem các hình ảnh hoặc video về các dân tộc ở Lào để HS hiểu hơn về dân cư và văn hóa của Lào.

và bổ sung (nếu có).

- HS quan sát, theo dõi, ghi nhớ.

- HS lắng nghe, ghi nhớ, thực hiện nhiệm vụ.

- HS trao đổi nhóm bàn.

- Lớp thảo luận theo hướng dẫn của GV.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

- HS quan sát.

3. Vận dụng trải nghiệm: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc điểm vị trí địa lí, tự nhiên và dân cư Lào. (10 phút)

- Mục tiêu:

+ Hệ thống hóa kiến thức trong tiết học ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS vẽ sơ đồ tư duy. Lưu ý HS:

- Xây dựng ý tưởng ở trung tâm. Đây là điểm bắt đầu của sơ đồ tư duy. Ý tưởng chính được đặt ở giữa trang giấy.

- Các nhánh chính xuất phát từ ý tưởng chính, khai thác về một nội dung quan trọng của chủ đề, từ đó tiếp tục phân chia thành các nhánh phụ để cụ thể hoá các nội dung.

- Phối màu sắc hợp lí và hài hoà cho từng nhánh giúp sơ đồ tư duy trở nên hấp dẫn và bắt mắt hơn.

- Bổ sung những hình ảnh minh hoạ cho chủ đề, các nhánh nhằm tạo một sơ đồ tư duy đẹp, sáng tạo.

- HS tham gia vẽ sơ đồ tư duy theo nhóm.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.

- Các thành viên còn lại của nhóm di chuyển lần lượt đến vị trí các nhóm khác để nghe trình bày kết quả làm việc, ghi chú và đặt câu hỏi.

- Nhóm thảo luận và thống nhất phương án trả lời câu hỏi của các nhóm khác.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Thứ ba, ngày 4 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

Bài: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG .

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách viết chương trình hoạt động.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS xem 1 video về chuỗiwng trình hoạt động Đội. + GV cùng trao đổi với HS về nội dung video. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe - HS cùng trao đổi với GV về nội dung video. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Biết cách viết chương trình hoạt động. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.	

- Cách tiến hành: Bài 1: Đọc bản chương trình dưới đây và trả lời câu hỏi. - GV mời 1 HS đọc bài văn. GV nêu cách thực hiện nhiệm vụ. - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài. - GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây: a. Chương trình trên nhằm triển khai hoạt động nào? b. Chương trình gồm có mấy mục? Đó là những mục nào? c. Mỗi mục gồm những nội dung gì? - GV mời các nhóm trình bày kết quả. - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc bài theo nhóm: - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời: a. Chương trình trên nhằm triển khai hoạt động: Tiết học biên cương – tìm hiểu cột mốc biên giới và nhiệm vụ người dân trong bảo vệ cột mốc biên giới. b. Chương trình gồm có 4 mục, đó là các mục: (1) Mục đích (2) Thời gian và địa điểm (3) Chuẩn bị (4) Kế hoạch thực hiện. c. Mỗi mục gồm các nội dung: Mục (1): Nêu lí do thực hiện chương trình, lợi ích chương trình mang lại. Mục (2): Nêu thời gian tổ chức, địa điểm tổ chức. Mục (3): Nêu thời gian, nội dung và người phụ trách tiến hành nội dung: + Tham quan Đài quan sát và cột mốc; + Nghe giới thiệu về lịch sử hình thành cột mốc, việc quản lí và bảo vệ cột mốc; + Nêu câu hỏi về cột mốc, biên giới và công việc của các cán bộ, chiến sĩ biên phòng; + Giao lưu văn nghệ và chụp ảnh kỉ niệm. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được cách viết chương trình hoạt động. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	

Bài 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết chương trình hoạt động G:– Những hoạt động chuẩn bị – Cách lập kế hoạch thực hiện - GV mời HS trả lời. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt: Chương trình hoạt động thường được trình bày theo các mục; mục đích, thời gian và địa điểm, chuẩn bị, kế hoạch thực hiện,....	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - Một số HS trả lời: Những điểm cần lưu ý khi viết chương trình hoạt động: + Các hoạt động chuẩn bị phải thực sự liên quan và phù hợp với chủ đề hoạt động. + Kế hoạch thực hiện phải được lập gồm các mục: mục đích, thời gian và địa điểm, chuẩn bị, kế hoạch thực hiện,... + Có thể bổ sung thêm mục nhằm lí giải và phân công, thực hiện nội dung rõ ràng, phục vụ mục đích của chương trình muốn tổ chức.
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: Tìm đọc 2 – 3 bài ca dao về di tích, lễ hội hoặc sản vật độc đáo của một địa phương.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. – Ca dao về di tích: “Bình Định có núi Vọng Phu Có đầm Thị Nại, có cù lao xanh” “Ngọ Môn năm cửa, chín lầu Cột cờ ba bậc, Phu Văn Lân hai tầng” Ca dao về lễ hội: “Gái chưa chồng nhớ hang Cốc Cờ Trai chưa vợ nhớ hội chùa Thầy” - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN

Bài 52: THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tính được thể tích của hình hộp chữ nhật.
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.
- Thông qua việc quan sát các đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật và kích thước tương ứng, HS phát triển năng lực quan sát, mô hình hoá và phát triển trí tưởng tượng hình học không gian.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tính được thể tích của hình hộp chữ nhật.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết cách tính thể tích của hình hộp chữ nhật.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

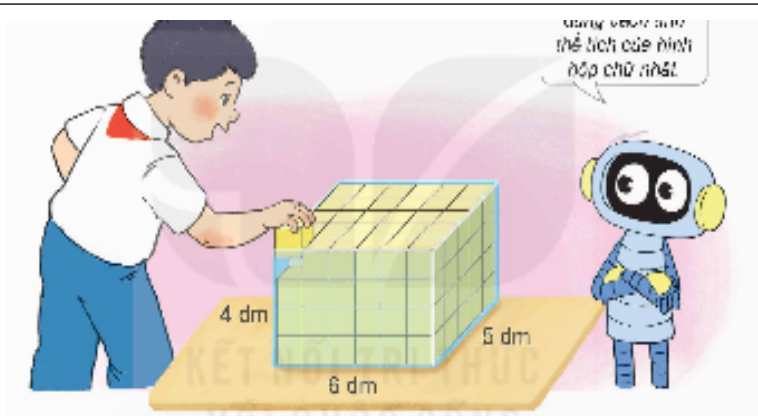
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC **Tiết 1**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho học sinh nghe bài hát tiếng anh về các hình để khởi động bài học. https://youtu.be/rXMSfXMz1XY?si=QbgDG3xQ1ZRCq9Lv&t=86 + Bài hát vừa nghe nhắc đến các nhân vật nào? Khuyến khích chúng ta điều gì? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia lắng nghe - HS trả lời: - HS lắng nghe.
2. Hình thành kiến thức: - Mục tiêu: + HS biết cách thể tích của hình hộp chữ nhật - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh và phân tích tình huống trong sgk, HS lắng nghe và trả lời câu hỏi:	



+ Cần làm thế nào để xác định thể tích của thùng đó?

+Rô-bốt gợi ý một cách làm nhanh hơn đó gì

+Sau đó, GV đưa ra kích thước của chiếc hộp như trong SGK rồi yêu cầu HS thảo luận cách tính thể tích của chiếc hộp.

-GV gợi mở để HS đưa ra quy tắc tính thể tích của hình hộp chữ nhật.

GV kết luận: Muốn tính thể tích hình hộp chữ nhật ta lấy chiều dài x chiều rộng x chiều cao (cùng đơn vị đo)

3. Hoạt động thực hành

- Mục tiêu:

+ Tính được thể tích của hình hộp chữ nhật.

+ Giải quyết được một số vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.

- Cách tiến hành:

Bài 1: Bài tập này giúp HS củng cố kiến thức về tính thể tích hình hộp chữ nhật với các số đo cho trước.

-GV có thể yêu cầu một số HS lên bảng làm bài. Các HS còn lại trình bày vào vở và đối chiếu, nhận xét bài làm của các bạn trên bảng.

-GV và lớp nhận xét.

Bài 2: Bài tập này giúp HS củng cố kỹ năng giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.

- HS quan sát tranh và cùng nhau tìm hiểu bài:

(Bỏ hết các khối hộp lập phương vào thùng)

là dùng công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật

(Thể tích V của hình hộp chữ nhật có chiều dài a , chiều rộng b và chiều cao c (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức: $V = a \times b \times c$.

(Muốn tính thể tích hình hộp chữ nhật ta lấy chiều dài x chiều rộng x chiều cao (cùng đơn vị đo)

-HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

-HS làm bài cá nhân

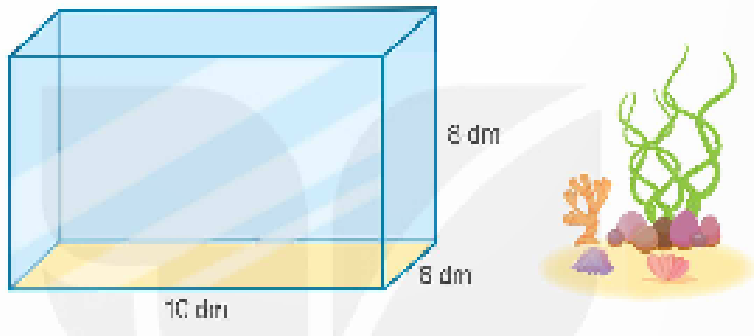
(Thể tích của hình hộp chữ nhật là: $8 \times 5 \times 6 = 240 \text{ (cm}^3\text{)}$.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS thảo luận và làm bài theo nhóm.

(Thể tích của bể cá đó là: $10 \times 6 \times 8 = 480 \text{ (dm}^3\text{)}$.

-GV có thể cho HS thảo luận và làm bài theo nhóm.



$$1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ lít}$$

$480 \text{ dm}^3 = 480 \text{ lít}$ nên thể tích của bể cá này bằng khoảng 480 hộp sữa 1 lít, 960 chai nước khoáng 0,5 lít, 96 chai nước khoáng 5 lít,....

-Mở rộng: Tùy khả năng liên tưởng của HS mà GV có thể giới thiệu thêm cách quy đổi giữa đề-xi-mét khối và lít bằng cách trả lời thêm câu hỏi “Thể tích của bể cá này bằng tổng thể tích của bao nhiêu hộp sữa 1 l, hay bao nhiêu chai nước khoáng 0,5 l, 1,5 l hay bao nhiêu chai nước khoáng 5 l?”.

- Gọi đại diện nhóm trình bày.

- GV và lớp nhận xét tuyên dương.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

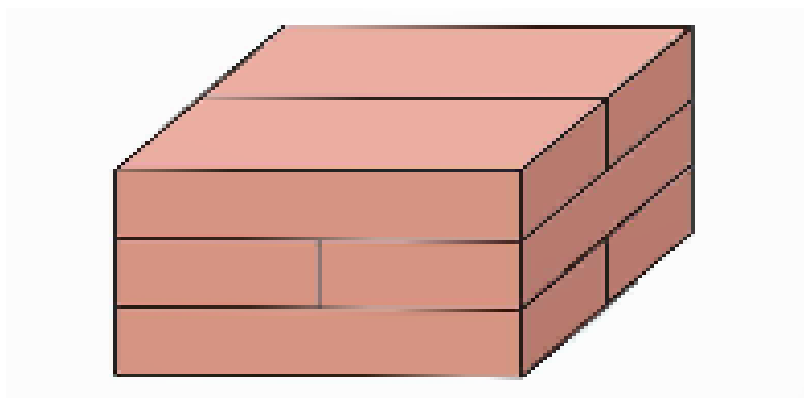
+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 3: Bài tập này giúp HS củng cố kỹ năng giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.



-GV cho HS thảo luận và làm bài theo cá nhân rồi chia sẻ cách làm của mình.

-Ở bài tập này có thể tính theo những cách nào?

- HS lắng nghe.

-HS trả lời:

+ Cách 1: Tính thể tích của 1 hình hộp chữ nhật rồi từ đó suy ra thể tích của khối hình.

- Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	Thể tích của 1 hình hộp chữ nhật là: $10 \times 5 \times 2 = 100$ (cm³). Thể tích của khối hình là: $100 \times 6 = 600$ (cm³). + Cách 2: Xác định số đo chiều dài, chiều rộng và chiều cao của khối hình, rồi áp dụng công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật để suy ra thể tích của khối hình. Khối hình được tạo bởi Việt có chiều dài 10 cm, chiều rộng 10 cm và chiều cao 6 cm. Thể tích của khối hình là: $10 \times 10 \times 6 = 600$ (cm³).
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

KHOA HỌC
Bài 24: NAM VÀ NỮ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực khoa học tự nhiên:
- + Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ.
- + Thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao, liệt kê đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam và nữ...
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được những thái độ hành vi việc làm thể hiện sự tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới phù hợp với văn hoá của địa phương.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của các bạn cùng giới và khác giới.
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu quý mọi người

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Bảng nhóm, phiếu bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Kết bạn” + GV nêu cách chơi: 5 bạn giữ 5 thẻ có đặc điểm khác nhau, các bạn còn lại sẽ chọn đặc điểm phù hợp với mình và di chuyển tạo thành 6 nhóm. + GV tổ chức cho HS tham gia chơi	- Cả lớp lắng nghe. - Nhóm 1: có đặc điểm tóc ngắn - Nhóm 2: có đặc điểm thích đá bóng - Nhóm 3: có đặc điểm thích múa hát

- GV nhận xét trò chơi và dẫn dắt vào bài mới:
Chúng ta có những đặc điểm giống nhau và khác nhau, có đặc điểm có thể thay đổi được và có đặc điểm không thể thay đổi. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài hiểu hôm nay.

Nhóm 4: có đặc điểm thích đọc truyện

Nhóm 5: có đặc điểm tóc dài

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

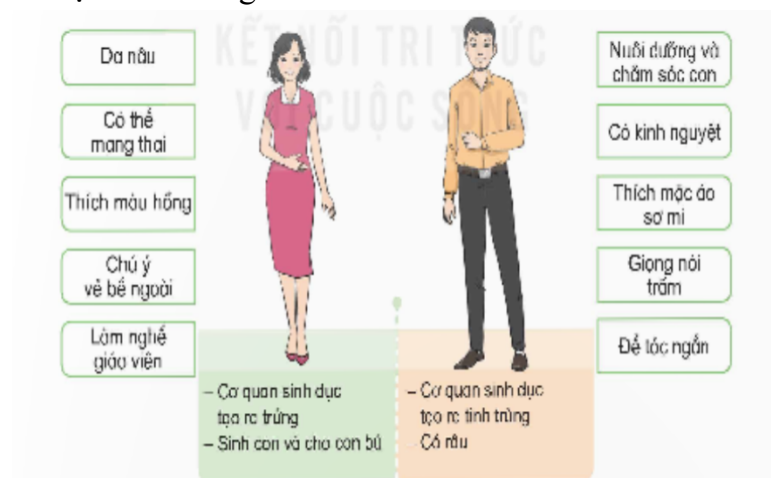
+ Học sinh trình bày được đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam và nữ.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và cho biết đặc điểm nào của con người ít thay đổi, đặc điểm nào của con người thay đổi theo thời gian?

- GV tổ chức làm việc nhóm thực hiện theo nhiệm vụ ở SGK. Quan sát hình 1, đọc thông tin và cho biết thông tin nào là đặc điểm sinh học, thông tin nào là đặc điểm xã hội của con người?



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm, mỗi bạn trong nhóm chuẩn bị 1 tấm thẻ để viết thêm các đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của con người và dán vào bảng của nhóm mình.

- HS đọc thông tin và TLCH: Các đặc điểm sinh học ít thay đổi, đặc điểm xã hội thay đổi theo thời gian

- HS làm việc nhóm:

+ Những đặc điểm sinh học như: da nũu, có thể mang thai, có kinh nguyệt,...

+ Những đặc điểm xã hội của con người: thích màu hồng, làm nghề giáo viên, thích mặc áo sơ mi, để tóc ngắn, ...

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện.

- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

- Có thể viết thêm các đặc điểm xã hội như: thích ăn quà vặt, làm nghề cắt tóc, thích mặc váy,....

- Mời 1 nhóm chia sẻ, các nhóm khác bổ sung.
- GV hướng dẫn hoàn thiện.

- Các đặc điểm sinh học của con người như giọng nói nhẹ nhàng, râu quai nón, da trắng, mũi cao,...
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức về phân biệt được những đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam, của nữ.
 - + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực khoa học tự nhiên.
- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi: “Tiếp sức đồng đội”

- GV tổ chức trò chơi “Tiếp sức đồng đội”.
- Luật chơi:
 - + Hai đội tham gia trò chơi tương ứng với hai nhóm và 2 bảng đã kẻ sẵn:

Đặc điểm	Đặc điểm sinh học	Đặc điểm xã hội	Nam	Nữ
Cơ quan sinh dục tạo ra trứng	x			x
Đề tóc ngắn		x	x	x
?	?	?	?	?

- + HS1: Đọc tên đặc điểm
- + HS2: Đánh dấu vào các ô trong bảng sao cho phù hợp. Cứ như thế nối tiếp cho đến hết các thành viên trong đội. Trong thời gian 3 phút, đội nào tìm được nhiều đặc điểm, đánh dấu vào ô tương ứng chính xác thì đội đó chiến thắng.
- + HS nào dưới lớp đoán đúng tên sản phẩm sẽ được tuyên dương.
- + Trong 10 phút, đội nào có số sản phẩm được đoán đúng nhiều nhất sẽ là đội chiến thắng.

- GV tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.

- HS lắng nghe luật chơi.

- HS tham gia chơi

Đặc điểm	Đặc điểm xã hội	Đặc điểm sinh học	Nam
Cơ quan sinh dục tạo ra trứng		x	
Đề tóc ngắn	x		x
Thích mặc áo	x		
Thích ăn quà vặt	x		x
Có râu		x	x

		...			
		- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.			
4. Vận dụng trải nghiệm.					
- Mục tiêu:					
+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.					
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực khoa học tự nhiên.					
+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.					
- Cách tiến hành:					
- GV chia lớp thành 2 nhóm: nhóm nam và nhóm nữ. Hai nhóm thảo luận và chia sẻ về những đặc điểm củ bản thân và bạn.			- HS lắng nghe.		
- Yêu cầu mỗi nhóm nam, nhóm nữ những đặc điểm sinh học giống và khác các bạn; những đặc điểm xã hội giống và khác các bạn?			-HS nam chia sẻ riêng, HS nữ chia sẻ riêng		
			Học sinh nam:		
			+ Đặc điểm sinh học giống nhau: cơ quan sinh dục tạo ra tinh trùng, giọng nói thường trầm, ...		
			+ Đặc điểm sinh học khác nhau: một số bạn có má lúm đồng tiền, một số mắt hai mí, ...		
			+ Đặc điểm xã hội giống nhau: thường để tóc ngắn, thích mặc áo thể thao,...		
			+ Đặc điểm xã hội khác nhau: có bạn thích đá bóng, có bạn lại thích bóng rổ,...		
			Học sinh nữ:		
			+ Đặc điểm sinh học giống nhau: cơ quan sinh dục tạo ra trứng, có kinh nguyệt, và có thể mang thai, ...		
			+ Đặc điểm sinh học khác nhau: một số bạn tóc xoăn tự nhiên, ...		
			+ Đặc điểm xã hội giống nhau: thường để tóc dài, thích mặc váy,...		
			+ Đặc điểm xã hội khác nhau: có bạn thích làm cô giáo, có bạn lại thích hoạ sĩ,...		
			- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.		
GV nhận xét tuyên dương.					
- Nhận xét sau tiết dạy.					
- Dặn dò về nhà.					

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động giáo dục theo chủ đề:

- Báo cáo kết quả việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.
- Thực hành thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình
- Xây dựng kế hoạch duy trì việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

HS thực hiện:

– Thực hiện được việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn của bản thân với các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.

– Xử lý được các tình huống thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ được với các bạn về ý kiến cá nhân trong các nhiệm vụ nhóm.

- Tự chủ và tự học: chủ động học tập và điều chỉnh việc làm của bản thân thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

2. Năng lực cốt lõi:

- Thẩm mỹ: thể hiện qua sản phẩm báo cáo kết quả việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

3. Năng lực đặc thù:

– Thích ứng với cuộc sống: thực hiện được những việc làm phù hợp thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi

- Thiết kế và tổ chức hoạt động: lập kế hoạch duy trì việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình

4. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: chia sẻ, giúp đỡ các thành viên trong gia đình bằng lời nói, việc làm phù hợp với lứa tuổi

- Trách nhiệm: chủ động duy trì thực hiện những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Kế hoạch tổ chức hoạt động, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- Giấy bìa, giấy màu, bút màu, keo dán...

- Tranh/ảnh về những việc đã làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
<i>a) Mục tiêu</i> – Tạo hứng thú cho HS và kết nối vào tiết hoạt động	
<i>b) Cách tiến hành</i>	
- GV tổ chức cho học sinh hát và vận động theo nhạc của bài hát: “Chung sống” của nhạc sĩ Ý Vũ	HS hát và vận động theo nhạc
- GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi hát: + Bạn nhỏ trong bài hát đã làm gì để cùng xây dựng mái ấm gia đình? + Em cần làm gì để thể hiện tình yêu thương, tạo sự gắn kết với các thành viên trong gia đình?	HS trả lời theo suy nghĩ
– GV nhận xét và kết nối vào chủ đề: <i>Những việc các em làm chính là thể hiện tình yêu thương và tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình. Trong tuần vừa qua, các em đã làm được những gì thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với những người thân trong gia đình rồi? Cùng chia sẻ với các bạn ở hoạt động tiếp theo nhé!</i>	
Thực hành – Vận dụng	
2. Hoạt động 4 : Báo cáo kết quả việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình	
<i>a) Mục tiêu</i> HS chia sẻ được việc mình đã làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn của bản thân với các thành viên trong gia đình	
<i>b) Cách tiến hành</i>	
– GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 1 của hoạt động 4 ở trang 67, SHS HĐTN5 và hỏi: + Nhiệm vụ 1 yêu cầu điều gì?	– HS trả lời theo suy nghĩ
- Giáo viên hướng dẫn HS làm cuộn phim để báo cáo kết quả việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình + GV cho HS quan sát một cuộn phim và tổ chức cho HS trao đổi: • Cuộn phim có những bộ phận nào?	- HS trả lời dựa trên quan sát: + Cuộn phim có phần thân máy; có thước phim với nhiều ảnh + Ảnh trên phim là những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
• Trên cuộn phim có những thông tin gì? (việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình) • Các thông tin được trình bày như thế nào? + GV nhận xét và cho HS trao đổi về cách làm cuộn phim	+ Mỗi việc làm được vẽ, dán ảnh vào từng khung hình. Mỗi việc làm là một khung hình. - HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân: Làm phần thân máy và phần thước phim. Số lượng khung hình trên thước phim phụ thuộc vào số lượng việc đã làm.
+ GV chiếu slide hướng dẫn cách làm cuộn phim: + Làm phần máy ảnh + Làm phần cuộn phim + Viết, vẽ việc em đã làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình Lưu ý: học sinh có thể dán ảnh về những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình vào khung hình. + GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS và tổ chức cho HS làm cuộn phim. + GV quan sát và hỗ trợ HS trong quá trình làm cuộn phim	- HS theo dõi hướng dẫn của GV và đặt câu hỏi làm rõ thêm (nếu cần) - HS làm cuộn phim theo hướng dẫn và hỏi giáo viên khi cần hỗ trợ.
- GV tổ chức cho HS sử dụng cuộn phim chia sẻ với các bạn trong nhóm (4-6 em) về những việc đã làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.	HS sử dụng cuộn phim chia sẻ với các bạn trong nhóm về những việc đã làm tuần vừa qua.
- GV tổ chức cho HS chơi chuyền bóng để chia sẻ với các bạn trong lớp về những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.	- HS tham gia chơi theo hướng dẫn và chia sẻ về những việc đã làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nghĩ, trao đổi thêm về cách thực hiện những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình. <u>Lưu ý:</u> trong trường hợp HS không đặt câu hỏi, GV có thể đưa ra câu hỏi về cách thực hiện một số việc làm cụ thể để rèn thêm kỹ năng cho HS.	HS chia sẻ và đặt câu hỏi theo suy nghĩ của bản thân
– GV nhận xét hoạt động và kết nối sang hoạt động 5: <i>Trong các hoạt động hàng ngày của gia</i>	HS lắng nghe và suy ngẫm.

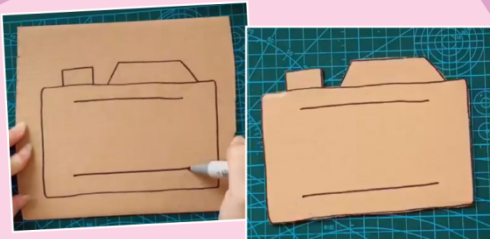
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<i>đình có rất nhiều tình huống xảy ra. Khi đó, chúng ta sẽ làm như thế nào để thực hiện được trách nhiệm, thể hiện được lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình. Mời các con cùng tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo nhé!</i>	
3. Hoạt động 5. Thực hành thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình	
– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm (4-6 em) đọc yêu cầu của nhiệm vụ 1 của hoạt động 5 trang 67 sách HS HĐTN và chọn 1 tình huống để sắm vai thể hiện cách xử lý tình huống.	HS làm việc nhóm và chọn tình huống theo hướng dẫn của GV
- GV yêu cầu các nhóm báo cáo việc lựa chọn tình huống của nhóm mình và tổng hợp lại.	HS báo cáo theo yêu cầu
- GV tổ chức cho các nhóm thảo luận và sắm vai xử lý tình huống theo gợi ý: + Chuyện gì đã xảy ra? + Trong hoàn cảnh đó, em sẽ nói gì? Làm gì? + Khi sắm vai, cần chú ý: Phân vai gì, cho ai? Cần dụng cụ, đồ dùng gì?	HS thảo luận và thực hành sắm vai xử lý tình huống theo hướng dẫn
– GV Giáo viên tổ chức cho các nhóm trình diễn phần xử lý tình huống của mình và chia sẻ cảm xúc khi sắm vai. + GV mời các nhóm khác góp ý, bổ sung về: • Cách xử lý tình huống • Lời nói, thái độ của từng nhân vật <u>Lưu ý:</u> Những nhóm có ý kiến khác có thể lên sắm vai thể hiện lời nói của mình (nếu được)	– HS sắm vai xử lý tình huống nhóm đã chọn theo nhóm - HS các nhóm khác bổ sung, đưa ra ý kiến và câu hỏi trao đổi.
- GV nhận xét và tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm những điều mình học được về cách thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.	HS trao đổi trong nhóm về những điều mình học được
- GV mời HS chia sẻ trước lớp về những điều mình học được về cách thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.	HS chia sẻ và chủ động mời bạn tiếp theo lên chia sẻ.
- GV tổng kết và kết nối sang hoạt động sau: <i>Để có thói quen thực hiện việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình, chúng ta cần có một kế hoạch duy trì hoạt</i>	HS lắng nghe

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<i>động cụ thể.</i>	
4. Hoạt động 6: Xây dựng kế hoạch duy trì việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình	
- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, viết những việc mình sẽ tiếp tục làm để thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình	HS liệt kê những việc sẽ tiếp tục làm để thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.
- GV tổ chức cho HS xây dựng kế hoạch duy trì những việc làm của mình để thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với người thân trong gia đình theo gợi ý ở HĐ6 trang 68, SHS HĐTN5. + GV hướng dẫn thêm cho HS cách hoàn thiện bản kế hoạch: • Việc làm của em là gì? • Em sẽ làm việc đó vào lúc nào? • Người thân suy nghĩ, nhận xét như thế nào về việc làm của em?	HS lập bảng kế hoạch, viết các việc sẽ tiếp tục làm và hoàn thiện các thông tin của bảng kế hoạch.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ bản kế hoạch theo nhóm đôi	HS chia sẻ theo yêu cầu.
- GV tổ chức cho HS đóng vai phóng viên, mời các bạn lên chia sẻ về kế hoạch của bản thân.	- HS tham gia chia sẻ với các bạn trong lớp - HS đặt câu hỏi làm rõ thêm về cách thực hiện các việc làm trong bản kế hoạch
- GV nhận xét và nhắc HS về nhà thực hiện những việc làm trong bản kế hoạch, theo dõi việc làm và ghi vào bản kế hoạch; điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.	- HS lắng nghe và ghi lại hướng dẫn của GV để thực hiện kế hoạch
4. Tổng kết tiết trải nghiệm	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ về những điều học được qua tiết hoạt động - GV nhận xét và dẫn dắt HS về sưu tầm và tập hát các bài hát về chủ đề gia đình để chuẩn bị cho hoạt động của tiết sinh hoạt lớp.	- HS chia sẻ theo suy nghĩ của bản thân - HS về nhà thực hiện
IV. IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	

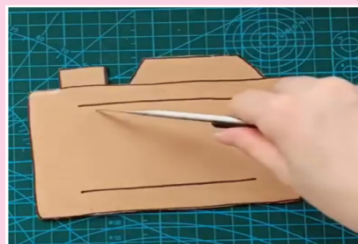
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
.....	

PHỤ LỤC

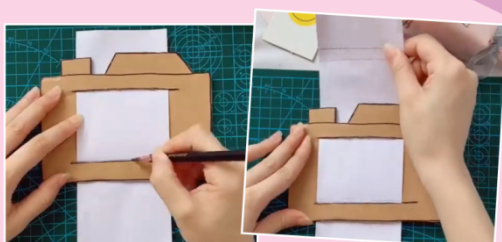
Cách làm cuộn phim



Bước 1: Vẽ hình máy ảnh lên giấy bìa.



Bước 2: Cắt theo 2 đường kẻ tạo khung hình.



Bước 3: Cắt đoạn giấy trắng để đưa được qua khung hình. Dùng bút chì kẻ theo 2 đường thẳng để tạo khung trên giấy.



Bước 4: Vẽ và trang trí khung hình của cuộn phim.



Viết hoặc vẽ việc em đã làm để thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình vào từng khung hình trên cuộn phim

KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ

Bài 1. Thư điện tử

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Có khái niệm và biết được tác dụng của thư điện tử.
- Chia sẻ được thông tin, dữ liệu trong môi trường số thông qua gửi và nhận thư điện tử.
- Có ý thức giữ bí mật thông tin tài khoản thư điện tử.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, máy chiếu và tệp trình chiếu PowerPoint.
- Phiếu học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
TIẾT 1	
A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG 1. Mục tiêu – HS biết được các cách gửi thư khác nhau của con người. – HS hứng thú vào bài học mới. 2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm – GV gợi ý để HS nêu: + Những cách gửi thư của con người ở thời xưa. + Những cách gửi thư của con người ở thời nay. + Chọn ra cách gửi thư nhanh nhất. – GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận. – GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới.	– HS làm việc nhóm. – HS trình bày trước lớp.
Sản phẩm: – HS nêu ra được các cách gửi thư của con người thời xưa và thời nay. Thời nay, con người gửi thư bằng thư điện tử sẽ nhanh hơn, tiện lợi hơn.	
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI HOẠT ĐỘNG 1. TRUY CẬP HỘP THƯ 1. Mục tiêu – HS thực hiện được thao tác truy cập hộp thư điện tử (với tài khoản Gmail). 2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm a. Thư điện tử	

– GV nêu: Thư được gửi, nhận qua Internet là thư điện tử hay e-mail. – GV gợi ý để HS: nêu được điều kiện cần để có thể gửi và nhận thư điện tử. – GV yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc theo nhóm. – GV nhận xét, trình chiếu đáp án, ví dụ. – GV lưu ý HS: Theo quy định của Gmail, trẻ em dưới 15 tuổi phải được sự đồng ý, quản lý, giám sát của bố mẹ khi sử dụng Gmail.	– HS làm việc nhóm: tìm hiểu điều kiện để có thể gửi và nhận thư điện tử. – HS báo cáo kết quả. – HS theo dõi đáp án trên màn chiếu.
Sản phẩm: – HS biết được khái niệm thư điện tử, điều kiện cần để gửi và nhận thư điện tử là phải có địa chỉ thư điện tử và mật khẩu.	
b. Truy cập thư điện tử – GV mô phỏng các bước truy cập thư điện tử. – GV gợi ý để HS: mô tả các bước thực hiện của GV. – GV yêu cầu HS trình bày các bước thực hiện truy cập vào hộp thư điện tử. – GV nhận xét, trình chiếu các hình ảnh hướng dẫn HS truy cập hộp thư điện tử. – GV yêu cầu HS thực hành các bước truy cập hộp thư điện tử trên máy tính.	– HS quan sát GV mô phỏng – HS mô tả lại các bước thực hiện truy cập hộp thư. – HS thực hiện các bước truy cập hộp thư điện tử trên máy tính.
Sản phẩm: – HS thực hiện được thao tác truy cập hộp thư bằng cách sử dụng tài khoản Gmail.	
HOẠT ĐỘNG 2. MỞ, ĐỌC VÀ TRẢ LỜI THƯ ĐIỆN TỬ 1. Mục tiêu – HS thực hiện được thao tác mở và đọc thư – HS trả lời được thư sau khi mở và đọc. 2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm a. Mở và đọc thư. – GV yêu cầu HS tìm hiểu các bước mở và đọc thư trong SHS trang 6. – GV mời một số HS báo cáo kết quả. – GV nhận xét, trình chiếu hình 4 trong SHS.	– HS làm việc cá nhân, tìm hiểu các bước trong sách. – HS nêu các bước thực hiện. – HS quan sát đáp án, thực hiện mở và đọc thư trên máy tính.
b. Trả lời thư. – GV yêu cầu HS tìm hiểu các bước	– HS làm việc cá nhân, tìm hiểu các

trả lời thư trong SHS trang 7. – GV mời một số HS báo cáo kết quả. – GV nhận xét, trình chiếu hình 5, 6 trong SHS.	bước trong sách. – HS nêu các bước thực hiện. – HS quan sát đáp án, thực hiện trả lời thư trên máy tính.
Sản phẩm: – HS thực hiện được thao tác mở, đọc và trả lời thư điện tử.	
HOẠT ĐỘNG 3. SOẠN THƯ MỚI VÀ GỬI THƯ <i>1. Mục tiêu</i> – HS thực hiện được thao tác soạn thư mới và gửi thư. 3. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm – GV minh họa các bước soạn thư mới và gửi thư. – GV yêu cầu HS nhắc lại các bước. – GV nhận xét, trình chiếu hình 7 trong SHS.	– HS quan sát thao tác của GV. – HS làm việc cá nhân. – HS trình bày các bước thực hiện. – HS theo dõi đáp án trên màn chiếu. HS thực hiện thao tác soạn thư và gửi thư trên máy tính.
Sản phẩm: – HS thực hiện được thao tác soạn thư mới và gửi thư điện tử.	
HOẠT ĐỘNG 4. ĐĂNG XUẤT HỘP THƯ <i>1. Mục tiêu</i> – HS biết đăng xuất hộp thư khi không sử dụng, có ý thức bảo vệ an toàn thông tin cá nhân. 2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm – GV gợi ý đề HS: Tìm cách đăng xuất khỏi hộp thư khi không sử dụng. – GV mời HS báo cáo kết quả. – GV nhận xét, trình chiếu hình 8 trong SHS.	– HS làm việc nhóm: thực hiện các bước đăng xuất hộp thư trên máy tính. – HS trình bày các bước thực hiện.
– GV đặt câu hỏi gợi mở: Tại sao các em cần đăng xuất hộp thư điện tử khi không sử dụng? – GV mời HS báo cáo kết quả. – GV nhận xét và trình chiếu lưu ý về bảo mật trong trang 9 SHS.	– HS làm việc nhóm. – HS trình bày kết quả thảo luận. – HS theo dõi lưu ý trên màn chiếu.
Sản phẩm:	

– HS thực hiện được thao tác đăng xuất hộp thư điện tử. – HS có ý thức bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.	
TIẾT 2	
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP 1. Mục tiêu – HS được luyện tập các thao tác: đăng nhập hộp thư điện tử; mở, đọc thư, soạn thư mới và gửi thư; đăng xuất hộp thư. 2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm – GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trên phiếu học tập hoặc một số phần mềm trực tuyến Kahoot, Quizziz,... để hoàn thành các bài 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong phần Luyện tập SHS trang 10. – GV nhận xét, tuyên dương những nhóm thực hiện tốt.	– HS làm việc nhóm, thực hiện yêu cầu của GV.
– GV yêu cầu HS thực hiện trên máy tính bài 7 phần Luyện tập trong SHS trang 10. – GV mời một số HS thực hiện tốt trình bày các bước thực hiện. – GV nhận xét thao tác của HS.	– HS thực hành theo nhóm trên máy tính cá nhân. – HS trình bày kết quả làm bài trước lớp.
Sản phẩm: – HS thực hiện được thao tác đăng nhập hộp thư điện tử, gửi thư cho bạn, đọc thư của bạn gửi đến và đăng xuất hộp thư.	
E. HOẠT ĐỘNG EM ĐÃ HỌC 1. Mục tiêu Tóm tắt kiến thức trọng tâm của bài học 2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm GV gợi ý để HS nêu: – Các thành phần của tài khoản thư điện tử. – Tác dụng của mật khẩu tài khoản thư điện tử. – Biết cách bảo vệ thông tin cá nhân khi không sử dụng hộp thư điện tử.	HS làm việc cá nhân, trình bày theo gợi ý của GV.
Sản phẩm: – Tài khoản thư điện tử gồm: • Địa chỉ thư. • Mật khẩu. – Mật khẩu là thông tin cần được bảo mật. – Đăng xuất hộp thư sau khi dùng xong.	

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

Thứ tư, ngày 5 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Bài 14: ĐƯỜNG QUÊ ĐỒNG THÁP MƯỜI (4 tiết)

Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Đường quê Đồng Tháp Mười”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm giác ngạc nhiên, thích thú trước không gian, nhịp sống có màu sắc riêng của vùng Đồng Tháp Mười.

Đọc hiểu: Nhận biết được nghĩa của các từ có sức gợi tả, cảm nhận được hình ảnh gợi lên vẻ đẹp riêng của cuộc sống và tâm hồn con người vùng Đồng Tháp Mười. Cuộc sống của họ gắn bó với sông nước, kênh rạch. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Cảnh đẹp Đồng Tháp Mười ấn tượng với thiên nhiên, con người sôi động, náo nức xen lẫn những giản dị, chất phác và đầy yêu thương. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở đồng quê.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

***Giáo dục đạo đức: Yêu quê hương, đất nước.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn bài cũ.	
Cách tiến hành - GV hỏi HS: Nội dung bài Đoàn t'rug- tiếng ca đại ngàn?	HS lắng nghe, trả lời.

- GV nhận xét.	Người Tây Nguyên đã tạo ra vẻ đẹp riêng cho vùng đất Tây Nguyên từ bao đời nay. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc và sự trân trọng bàn tay, khối óc, tâm hồn con người bao đời đã tạo nên vẻ đẹp riêng cho mỗi vùng miền trên đất nước ta. - HS lắng nghe.
2. Khởi động - GV cho HS quan sát trang và lên chia sẻ những hiểu biết của mình về vùng đất Đồng Tháp Mười.  - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	- HS thảo luận nhóm, chia sẻ, nêu ý kiến Những điều em biết về vùng đất Đồng Tháp Mười: Đây là vùng đất trong lãnh thổ phía Nam nước ta. Trong chiến tranh chống Pháp và chiến tranh Việt Nam, nơi đây là một trong những chiến khu quan trọng. Đồng Tháp Mười có hệ sinh thái rừng tràm rộng lớn, đồng cỏ ngập nước, nhiều loài sen – súng và thực vật thủy sinh trong đầm lầy, kênh rạch... - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài “Đường quê Đồng Tháp Mười”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc thú vị khi khám phá nét đặc sắc của vùng đất Đường quê Đồng Tháp Mười. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Mỗi khổ thơ là một đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó, dễ phát âm sai: <i>thả lòng đèn, cá lòng tong, xuống lướn, lóe nắng, chở lúa vàng...</i>	- Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn.

- GV hướng dẫn luyện đọc câu diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả cảnh sắc và nhịp điệu của cuộc sống. Bông súng thả lồng đèn Sáng bồng bênh mặt nước Cá lòng tong chạy trước Dẫn đường về thăm ông. - GV HD đọc đúng ngữ điệu:, đọc đúng ngữ điệu diễn cảm ... - GV mời 2 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương.	- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được các từ ngữ có sức gợi tả, cảm nhận được cảm nhận được hình ảnh gợi lên vẻ đẹp riêng của cuộc sống và tâm hồn con người vùng Đồng Tháp Mười. Cuộc sống của họ gắn bó với sông nước, kênh rạch. + Hiểu được nội dung chính của bài: Cảnh đẹp Đồng Tháp Mười ẩn tượng với thiên nhiên, con người sôi động, náo nức xen lẫn những giản dị, chất phác và đầy yêu thương. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc và sự trân trọng bàn tay, khối óc, tâm hồn con người bao đời đã tạo nên vẻ đẹp riêng cho mỗi vùng miền trên đất nước ta. - Cách tiến hành:	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Ở khổ thơ đầu, đường về quê thú vị như thế nào qua cảm nhận của bạn nhỏ?	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Qua cảm nhận của bạn nhỏ, đường về quê thú vị qua các chi tiết: bông súng trên mặt nước như thả lồng đèn, sáng bong bênh; cá lòng tong dẫn đường. + Những nét đẹp riêng của vùng Đồng Tháp Mười được miêu tả trong bài thơ:

+ Câu 2: Tìm những nét đẹp riêng của vùng Đồng Tháp Mười được miêu tả trong bài thơ. – Về cảnh vật thiên nhiên – Về cuộc sống con người + Câu 3: Những từ ngữ nào trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức? + Câu 4: Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói điều gì về quê hương mình? + Câu 5: Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc? *Giáo dục đạo đức: Yêu quê hương, đất nước. - GV hỏi: Em có thể làm những việc gì để thể hiện tình yêu quê hương, đất nước. - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: <i>Bài thơ gợi vẻ đẹp riêng của cảnh vật, cuộc sống và tâm hồn con người Đồng Tháp Mười, nơi có sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.</i>	– Về cảnh vật thiên nhiên: đường quê, sào vít cong; xuồng lướt như tên bắn; thuyền đuôi tôm chờ lúa rẽ sóng; búp sen hồng từ đầu thu tới cuối hạ; cầu trăm đốt tre. – Về cuộc sống con người: ông như bọt, hiền lành. - Những từ ngữ trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức: <i>lướt như tên bắn; giạt mình; chém cặp sừng; xinh xịch; rẽ sóng; nước lớn; nghiêng ngả.</i> + Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói về quê hương mình: quê hương đẹp và chất phác với những nét đẹp thôn quê: cầu tre, đường quê; bạn nhỏ yêu con người, yêu quê hương mình, nhìn quê hương như những gì nhẹ nhàng, hiền lành và tốt đẹp nhất. + Những chi tiết, hình ảnh ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc: <i>cá bơi như chạy; cầu trăm đốt tre; ông đứng như bọt.</i> - HS trả lời: Cố gắng học tập, rèn luyện để trở thành một công dân tốt trong xã hội. Giữ gìn và bảo vệ những truyền thống văn hóa tốt đẹp của quê hương, đất nước. Vệ sinh khu phố mình đang ở cũng như xung quanh, hạn chế xả rác bừa bãi. - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.	

- Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Đường quê Đồng Tháp Mười” - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	
..... 	

TIẾNG VIỆT

TIẾT 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Đường quê Đồng Tháp Mười”.
- Trình bày được khổ thơ đã thuộc.

Đọc hiểu: cảm nhận được hình ảnh gợi lên vẻ đẹp riêng của cuộc sống và tâm hồn con người vùng Đồng Tháp Mười. Cuộc sống của họ gắn bó với sông nước, kênh rạch. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Cảnh đẹp Đồng Tháp Mười ẩn tượng với thiên nhiên, con người sôi động, náo nức xen lẫn những giản dị, chất phác và đầy yêu thương. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở đồng quê.
- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
Cách tiến hành - GV hỏi HS: Nêu Những chi tiết, hình ảnh ở bài Đường quê Đồng Tháp Mười gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc?	HS lắng nghe, trả lời. Những chi tiết, hình ảnh ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc: cá bơi như chạy; cầu trăm đốt tre; ông đứng như bụt.

	nghĩ bay bổng, trí tưởng tượng của con người mà thành.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Đường quê Đồng Tháp Mười” - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

TOÁN
Bài 52: THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tính được thể tích của hình hộp chữ nhật.
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.
- Thông qua việc quan sát các đồ vật có dạng hình hộp chữ nhật và kích thước tương ứng, HS phát triển năng lực quan sát, mô hình hoá và phát triển trí tưởng tượng hình học không gian.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tính được thể tích của hình hộp chữ nhật.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết cách tính thể tích của hình hộp chữ nhật.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

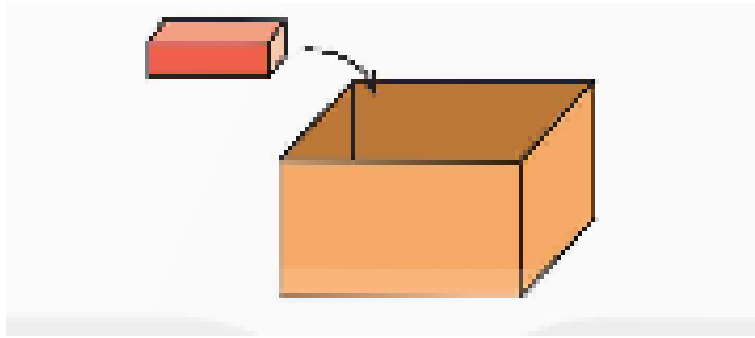
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho học sinh nhắc lại cách tính thể tích hình hộp chữ nhật. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia lắng nghe - HS trả lời: - HS lắng nghe.
2. Luyện tập thực hành: - Mục tiêu: + Tính được thể tích của hình hộp chữ nhật. + Giải quyết được một số vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Bài tập này củng cố cho HS kĩ năng tính thể tích	-HS đọc yêu cầu

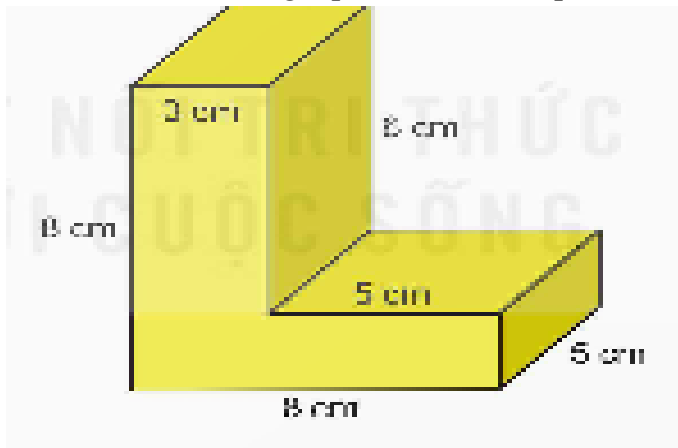
hình hộp chữ nhật và ứng dụng của thể tích.



-GV hướng dẫn để HS nhắc lại quy tắc tính thể tích của hình hộp chữ nhật.

-GV và lớp nhận xét.

Bài 2: Bài tập này củng cố cho HS kỹ năng tính thể tích của hình khối được ghép từ các hình hộp chữ nhật.



-GV hướng dẫn cùng HS cách tính thể tích của một hình thông qua thể tích của các hình nhỏ hơn được tách từ hình ban đầu.

+ Ta chia khối gỗ thành những hình gì?

+Cách tính thể tích các hình nhỏ như thế nào? Cách tính hình lớn ra sao

- Gọi đại diện nhóm trình bày.

- GV và lớp nhận xét tuyên dương.

Bài 3: Bài tập củng cố cho HS kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề gần với thực tiễn.

- Làm bài cá nhân

+ Chọn c vì:

Thể tích của chiếc hộp là: $8 \times 4 \times 4 = 128 \text{ (cm}^3\text{)}$.

Thể tích của 1 khối gỗ là: $4 \times 1 \times 1 = 4 \text{ (cm}^3\text{)}$.

Vậy số khối gỗ nhiều nhất mà Nam có thể xếp được vào hộp là: $128 : 4 = 32 \text{ (khối)}$.

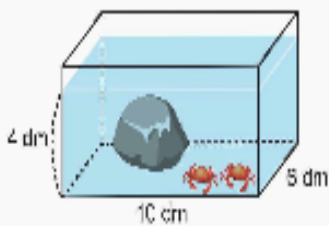
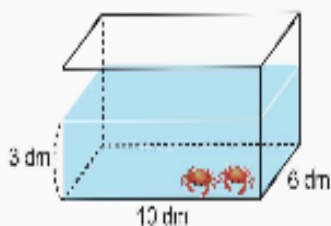
-HS đọc yêu cầu

- Làm bài nhóm đôi.

- HS quan sát tranh và cùng nhau tìm hiểu bài:

(Chia khối gỗ đã cho thành 2 khối hộp chữ nhật, ví dụ: chia theo chiều ngang ta được hình hộp chữ nhật có chiều dài 8 cm, chiều rộng 5 cm, chiều cao 2 cm và hình hộp chữ nhật có chiều dài 6 cm, chiều rộng 5 cm, chiều cao 3 cm.)

(Thể tích của khối gỗ đó là: $8 \times 5 \times 2 + 6 \times 5 \times 3 = 170 \text{ (cm}^3\text{)}$.)



-HS quan sát tranh và cho biết: “Tại sao mực nước trong bể lại có sự chênh lệch giữa hai hình?

-GV có thể cho HS thảo luận và làm bài cá nhân hoặc theo nhóm rồi chia sẻ cách làm của mình.

- Ở bài tập ta có thể tính theo những cách nào:

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

(Vì hình 2 trong bể có thêm tảng đá)

- HS thảo luận và làm bài theo nhóm.

+ Cách 1: Tính thể tích của nước trong bể khi không có tảng đá, tổng thể tích của nước trong bể và tảng đá rồi từ đó tìm ra thể tích của tảng đá.

Thể tích nước trong bể là: $10 \times 6 \times 3 = 180 \text{ (dm}^3\text{)}$.

Tổng thể tích của nước trong bể và tảng đá là: $10 \times 6 \times 4 = 240 \text{ (dm}^3\text{)}$.

Vậy thể tích của tảng đá là: $240 - 180 = 60 \text{ (dm}^3\text{)}$.

+ Cách 2: Dựa vào độ chênh lệch của mực nước trong bể tại hai thời điểm để suy ra thể tích của tảng đá.

Khi đặt tảng đá vào trong bể nước, ta thấy mực nước tăng thêm 1 dm.

Vậy thể tích của tảng đá là: $10 \times 6 \times 1 = 60 \text{ (dm}^3\text{)}$.

-GV và lớp nhận xét.

- GV tổng kết, tuyên dương.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

-GV cho HS thảo luận và làm bài theo cá nhân rồi chia sẻ cách làm của mình theo đề bài sau: tính thể tích hộp đựng khẩu trang.



- + Để tính được thể tích trước tiên chúng ta phải làm gì?
- + Sau khi có độ dài các cạnh, ta áp dụng công thức nào?
- HS làm việc nhóm
- Đại diện nhóm trình bày
- GV kết luận.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

-HS quan sát suy nghĩ theo nhóm

- + Đo độ dài các cạnh.
- + $V = a \times b \times c$

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC
Bài 7: PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số biểu hiện xâm hại.
- Biết vì sao phải phòng tránh xâm hại.
- Biết được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.
- Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác : Biết hợp tác với bạn trong hoạt động nhóm ; tự tin chia sẻ bài trước lớp.

- Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân thông qua việc biết phòng tránh xâm hại cho bản thân.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện qua việc biết quý trọng bản thân, biết phòng, tránh và chống lại các hành vi xâm hại trẻ em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.
- Powerpoint.
- Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: - Giáo viên cho học sinh nghe, hát bài “Tự bảo vệ mình nhé” (sáng tác Nguyễn Văn Chung) - GV cùng trao đổi với HS về nội dung, ý nghĩa bài hát: <i>Bài hát nhắc nhở chúng ta điều gì để bảo vệ bản thân chúng ta cần làm gì?</i> - Giáo viên mời 1-2 học sinh trả lời câu hỏi.	- Học sinh nghe, hát theo bài hát “Tự bảo vệ mình nhé”. - Cùng trao đổi về nội dung và ý nghĩa bài hát. - Bài hát nhắc nhở chúng ta cách bảo vệ bản thân mình để bảo vệ bản thân chúng ta cần nhớ ba bước: nói không nếu lo sợ; bỏ đi ngay; kể lại với cha mẹ. - HS lắng nghe.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- Giáo viên nhận xét kết luận dẫn vào bài mới: <i>Cơ thể của chúng ta thuộc về chính chúng ta. Không ai có quyền làm bất cứ điều gì với cơ thể chúng ta mà khiến ta khó chịu. Bài học này sẽ giúp các em biết cách phòng tránh xâm hại để bảo vệ bản thân mình.</i>	
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện xâm hại trẻ em. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Tìm hiểu một số biểu hiện xâm hại trẻ em. <i>Nhiệm vụ 1: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu (10 phút)</i> - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát 4 bức tranh trong sách giáo khoa. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi: Nêu biểu hiện xâm hại trẻ em trong các bức tranh 1, 2, 3, 4? - Giáo viên mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.  Đau quá! Ồ! Chú làm gì thế? Mình mệt và đói quá! Mình xấu hổ quá! Mẹ cứ mắng mình trước mặt mọi người. - GV nhận xét, tuyên dương - Giáo viên kết luận: 4 bức tranh thể hiện bốn biểu hiện của việc xâm hại: + Tranh 1: xâm hại thể chất + Tranh 2: xâm hại tình dục + Tranh 3: bỏ mặc, xao nhãng + Tranh 4: xâm hại tinh thần <i>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mở rộng (5 phút)</i>	- Học sinh làm việc cá nhân, quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, ghi kết quả vào nháp. - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận + Tranh 1: bạn nam bị người đàn ông đánh gây đau đớn. + Tranh 2: bạn nữ bị người đàn ông chạm vào người khiến bạn khó chịu sợ hãi. + Tranh 3: bạn nam đói mệt mà bố không quan tâm. + Tranh 4: bạn nam bị mẹ mắng ở nơi công cộng khiến bạn xấu hổ. - HS lắng nghe và nhắc lại - Học sinh thảo luận nhóm 4, ghi kết quả vào nháp.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4: Kể thêm các biểu hiện khác của xâm hại trẻ em mà em biết? - GV quan sát hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ. - Giáo viên mời học sinh đại diện nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương	- Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Một số biểu hiện khác của xâm hại trẻ em như: 1. Xâm hại thể chất: Đánh đập, mua bán trẻ em, bóc lột sức lao động... 2. Xâm hại tinh thần: Chửi mắng, chì chiết, cấm ra khỏi nhà, buộc phải chứng kiến cảnh bạo lực,... 3. Bỏ mặc, xao nhãng: Bỏ rơi, bỏ mặc bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân,... 4. Xâm hại tình dục: Dụ dỗ, xúi bẩy, lôi kéo, ép buộc thực hiện một số hành vi mang tính chất kích dục,...
- GV kết luận: Có nhiều biểu hiện khác của xâm hại trẻ em, mỗi học sinh cần nhận diện được các biểu hiện đó để có cách phòng tránh phù hợp.	
3. Hoạt động luyện tập, thực hành - Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về phòng, tránh xâm hại trẻ em thông qua hoạt động bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi. - Cách tiến hành:	
<i>Bài tập 1: Bày tỏ ý kiến (6 phút)</i> - GV yêu cầu HS làm bài tập 1/53 - Yêu cầu HS trao đổi bài làm + Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?	- HS làm việc cá nhân. - HS bày tỏ ý kiến. + Đồng tình với các ý kiến: a. Vì trẻ em cũng như các cá nhân cần được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, do vậy mọi trẻ em đều có quyền được bảo vệ khỏi các hình thức xâm hại. d. Vì thủ phạm xâm hại trẻ em có thể là bất kì ai, ngay cả bạn bè cùng tuổi. e. Vì bất kì ai cũng có thể là nạn nhân của xâm hại tình dục. + Không đồng tình với các ý kiến:

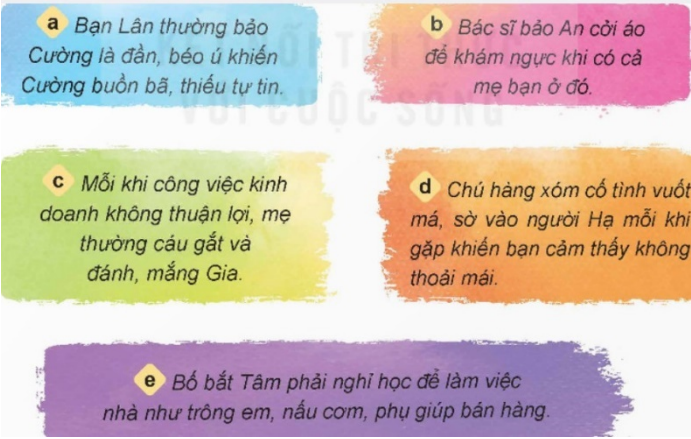
a Mọi trẻ em đều có quyền được bảo vệ khỏi các hình thức xâm hại.

b Thủ phạm xâm hại thường là người mà trẻ em biết rõ (người quen).

c Chỉ người lạ mới xâm hại trẻ em.

d Thủ phạm xâm hại trẻ em cũng có thể là bạn bè cùng lứa tuổi.

e Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể là nạn nhân của xâm hại tình dục.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV gọi HS bày tỏ ý kiến – GV mời một vài HS giải thích vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình. – GV nhận xét, kết luận. <i>Bài tập 2: Nhận diện hành vi (6 phút)</i> – GV yêu cầu HS bài tập 2 trong SGK, thảo luận cặp đôi để nhận diện các biểu hiện của xâm hại. + Những hành vi nào dưới đây là biểu hiện của xâm hại? Vì sao?  a Bạn Lân thường bảo Cường là đần, béo ú khiến Cường buồn bã, thiếu tự tin. b Bác sĩ bảo An cởi áo để khám ngực khi có cả mẹ bạn ở đó. c Mỗi khi công việc kinh doanh không thuận lợi, mẹ thường câu gắt và đánh, mắng Gia. d Chú hàng xóm cố tình vuốt má, sờ vào người Hạ mỗi khi gặp khiến bạn cảm thấy không thoải mái. e Bố bắt Tâm phải nghỉ học để làm việc nhà như trông em, nấu cơm, phụ giúp bán hàng. - GV gọi đại diện trình bày trước lớp. - GV mời một số nhóm khác nhận xét, nêu ý kiến. - GV nhận xét, tuyên dương.	b. Vì thủ phạm xâm hại trẻ em vừa có thể là người mà trẻ quen biết, vừa có thể là những người lạ mà trẻ không quen biết. c. Vì nhiều trẻ em bị xâm hại bởi chính người quen, thân của trẻ. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. – HS đọc bài tập, thảo luận cặp đôi, viết kết quả thảo luận vào nháp. - HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. a. Đây là biểu hiện của việc xâm hại về tinh thần đối với Cường vì khiến bạn trở nên buồn bã, thiếu tự tin. b. Không phải là biểu hiện của xâm hại vì bác sĩ khám ngực cho An khi có cả mẹ bạn ở đó. c. Đây là biểu hiện của xâm hại tinh thần và xâm hại thể chất vì đã làm bạn tổn thương về tâm lí, chịu đau đớn về cơ thể,.... d. Đây là biểu hiện của xâm hại tình dục vì việc vuốt má và sờ vào người Hạ của người hàng xóm làm bạn sợ hãi, không thoải mái. e. Đây là biểu hiện của việc xao nhãng (có cả biểu hiện xâm hại thể chất, tinh thần) vì bố đã đối xử tệ với Tâm, bắt bạn phải nghỉ học để làm các công việc nhà. - HS các nhóm bạn nhận xét, nêu ý kiến
3. củng cố, dặn dò (1 phút). - Dặn HS yêu cầu về nhà: Tìm hiểu Vì sao phải phòng, tránh xâm hại	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

RÈN CHỮ DÁNG HÌNH NGỌN GIÓ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Rèn HS viết đẹp, đúng tốc độ, khoảng cách giữa các con chữ, từ và câu đúng, trình bày đúng đoạn thơ.
- HS ngồi viết đúng tư thế.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực rèn chữ viết, có gắng viết đúng theo mẫu chữ viết trong trường tiểu học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng rèn chữ viết.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ rèn chữ viết.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. *Giáo viên:* Giáo án.

2. *Học sinh:* Vở rèn chữ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. Khởi động: - GV tổ chức cho HS hát - GV giới thiệu bài. 2. Luyện tập: Hoạt động: Viết theo mẫu. - GV hướng dẫn học sinh cách viết, tư thế viết sao cho đúng, đúng cỡ chữ và sạch.	- HS thực hiện. - HS lắng nghe và ghi tên bài. - HS lắng nghe và thực hiện vào vở Dáng hình ngọn gió Bầu trời rộng thênh thang Là căn nhà của gió Chân trời như cửa ngõ Thả sức gió đi về. Nghe lá cây rầm rì Ấy là khi gió hát Mặt biển sóng lao xao Là gió đang dạo nhạc. Những ngày hè oi bức

- Gv quan sát, giúp đỡ, HS gặp khó khăn. - GV nhận xét một số bài. 3. Vận dụng trải nghiệm: - Nhận xét tiết học . - Xem lại bài. Rèn luyện thêm.	Cứ tưởng gió đi đâu Gió nép vào vành nón Quạt dịu trưa ve sầu. Gió còn lượn lên cao Vượt sông dài biển rộng Cống nước làm mưa rào Cho xanh tươi đồng ruộng. Theo Đoàn Thị Lam Luyện - HS rèn chữ. - Hs lắng nghe
--	--

Thứ năm, ngày 6 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

TIẾT 3: VIẾT

VIẾT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG (Bài viết số 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được chương trình hoạt động theo đúng yêu cầu, biết trình bày biểu bảng trong bản chương trình.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV hỏi HS: Nêu Chương trình hoạt động thường được thực hiện như thế nào? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS trả lời Chương trình hoạt động thường được trình bày theo các mục; mục đích, thời gian và địa điểm, chuẩn bị, kế hoạch thực hiện,.. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu:	

+ Viết được chương trình hoạt động theo đúng yêu cầu, biết trình bày biểu bảng trong bản chương trình. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
2.1. Chuẩn bị - GV đưa ra nội dung viết chương trình cho hoạt động: – Phát động phong trào xây dựng tủ sách của lớp. – Lễ kỉ niệm ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (15 tháng 5). – Một hoạt động mà trường em sắp tổ chức. Yêu cầu HS làm theo các bước: – Chọn một hoạt động, xác định mục đích, thời gian, địa điểm. – Liệt kê các hoạt động cụ thể và phân công người phụ trách. – Dự kiến phương tiện, dụng cụ,... cần có. <i>Lưu ý:</i> Ghi chép lại các nội dung đã chuẩn bị. - GV mời các nhóm trình bày kết quả. - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. - GV nhận xét chung. 2. Viết <i>Viết chương trình cho hoạt động: Phát động phong trào xây dựng tủ sách của lớp.</i> <i>- Gv cho hs tham khảo bảng trước khi viết.</i>	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc bài theo nhóm: HS chuẩn bị nội dung để viết chương trình hoạt động cho một trong các hoạt động bài gợi ý, sau đó ghi chép lại các nội dung đã chuẩn bị. - HS lắng nghe.
Chương trình “Phát động phong trào xây dựng tủ sách của lớp” (1) Mục đích – Hưởng ứng thực hiện văn hoá đọc sách, nói lời hay làm việc tốt cho học sinh toàn trường và lớp học; tích cực học hỏi và làm điều hay, lẽ phải. – Hạn chế thời gian theo dõi các thiết bị điện tử, chơi các trò chơi nguy hiểm; có thêm không gian vui chơi và học hỏi lẫn nhau. (2) Thời gian và địa điểm – Thời gian: Từ 14 giờ 40 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 06 tháng 03 năm 2025. – Địa điểm: Phòng học lớp 5.3– Trường Tiểu học Lý Tự Trọng (3) Chuẩn bị	

- Xây dựng kế hoạch và họp bàn, phân công nhiệm vụ cho giáo viên chủ nhiệm, ban cán sự lớp, các tổ trưởng, thành viên trong lớp – kết hợp cùng phụ huynh học sinh.
- Tìm nguồn đóng góp, ủng hộ sách cho tủ sách của lớp.
- Liên hệ đơn vị chịu trách nhiệm thi công, lắp đặt tủ sách cho lớp học chi phí hợp lí với tài chính, không gian lớp học.
- Xây dựng nội quy đọc sách: thời gian được đọc sách, quy tắc xếp và dọn dẹp tủ sách sau khi đọc xong; quy tắc phạt đền khi làm hỏng, rách, thất lạc sách;...

(4) Kế hoạch thực hiện

Thời gian	Nội dung	Người phụ trách
14 giờ 40 – 15 giờ 30	Học sinh di chuyển sang phòng khác, đơn vị thi công lắp đặt tủ sách	GVCN giám sát; đơn vị thi công thực hiện
15 giờ 30 – 16 giờ 20	Học sinh các tổ chia sách thành các loại sách, mục sách chủ đề khác nhau; xếp sách vào ngăn tủ; dán nội quy tủ sách; lau dọn và xếp lại đồ dùng trong lớp vào vị trí phù hợp.	GVCN, ban cán sự và các thành viên trong lớp
16 giờ 20 – 16 giờ 30	Chụp hình kỉ niệm và giới thiệu tủ sách; phổ biến nội quy tủ sách.	GVCN, ban cán sự và các thành viên trong lớp

Người lập chương trình

Kí và ghi rõ họ tên

- Gv cho HS viết 3. Đọc, soát và chỉnh sửa a. Tự nhận xét bản chương trình em viết theo những yêu cầu dưới đây: – Có đủ các mục của chương trình. – Nội dung của từng mục được trình bày rõ ràng. – Hình thức bản chương trình đúng yêu cầu, có bảng biểu. b. Chỉnh sửa lỗi (nếu có). - GV nhận xét, đánh giá	- HS viết - HS trình bày
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu để HS viết thêm các nội dung còn	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

TOÁN

Bài 53: THỂ TÍCH HÌNH LẬP PHƯƠNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- - Tính được thể tích của hình lập phương.
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.
- Thông qua việc quan sát các đồ vật có dạng hình lập phương và kích thước tương ứng, HS phát triển năng lực quan sát, mô hình hoá và phát triển trí tưởng tượng hình học không gian.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tính được thể tích của hình lập phương.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết cách tính thể tích của hình lập phương.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

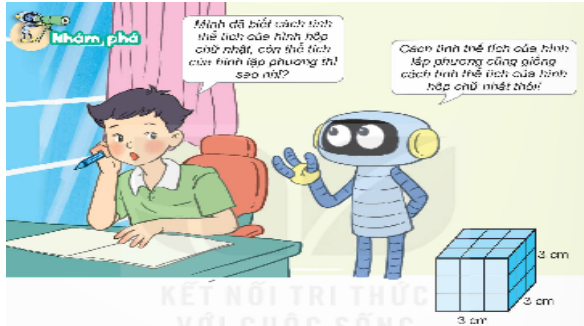
- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC Tiết 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng” - GV đưa ra 4 loại quả: quả bưởi, quả cam, quả dưa hấu, quả mơ. Em hãy cho vào các hình lập phương tương ứng rồi sắp xếp thể tích các hình đó theo thứ tự từ bé đến lớn. - Chia lớp thành 4 nhóm. - Thời gian chơi 1,5 phút. - Nhận xét kết quả. - Tuyên dương nhóm nhanh, đúng. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia lắng nghe - HS tham gia chơi theo nhóm. - HS lắng nghe.
2. Hình thành kiến thức: - Mục tiêu:	

- + HS biết cách thể tích của hình lập phương
- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và phân tích tình huống trong sgk , HS lắng nghe và trả lời câu hỏi:



+ Nam đang phân vân về cách tính thể tích của hình lập phương và Rô-bốt đã gợi ý cho Nam cách tính thể tích như thế nào?

+ Kích thước của hình lập phương như trong SGK là bao nhiêu?

+ Quy tắc tính thể tích của hình hộp chữ nhật là gì?

+ Với hình lập phương ta tính như thế nào?

-GV gợi mở để HS đưa ra quy tắc tính thể tích của hình lập phương

GV kết luận: Muốn thể tích V của hình lập phương ta lấy cạnh nhân cạnh nhân cạnh, được tính theo công thức: $V = a \times a \times a$

3. Hoạt động thực hành

- Mục tiêu:

- + Tính được thể tích của hình lập phương.
- + Giải quyết được một số vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.

- Cách tiến hành:

Bài 1: Bài tập này giúp HS củng cố kĩ năng tính thể tích của hình lập phương.

Độ dài cạnh hình lập phương	10 cm	2,5 dm	0,4 m
Thể tích của hình lập phương	? cm^3	? dm^3	? m^3

(Giống cách tính hình hộp chữ nhật)

(Mỗi cạnh 3cm)

($V = a \times b \times c$)

($V = a \times a \times a$)

(Thể tích V của hình lập phương ta lấy cạnh nhân cạnh nhân cạnh, được tính theo công thức: $V = a \times a \times a$.)

-HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

-HS làm bài cá nhân

+(Thể tích của hình lập phương cạnh 10 cm là:

$$10 \times 10 \times 10 = 1\,000 (\text{cm}^3).$$

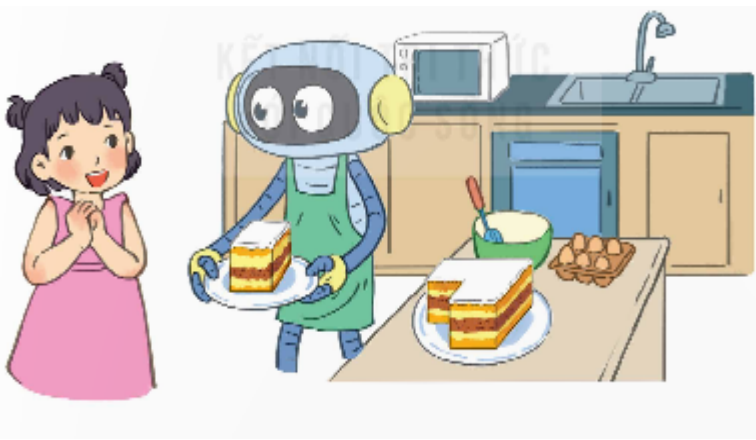
+Thể tích của hình lập phương

-GV có thể yêu cầu một số HS lên bảng làm bài. Các HS còn lại trình bày vào vở và đối chiếu, nhận xét bài làm của các bạn trên bảng.

-GV và lớp nhận xét.

Bài 2: Bài tập này giúp HS củng cố kỹ năng giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.

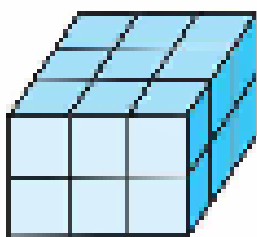
-GV có thể cho HS thảo luận và làm bài theo nhóm.



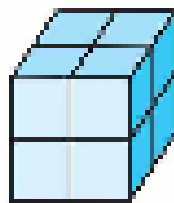
- Gọi đại diện nhóm trình bày.

- GV và lớp nhận xét tuyên dương.

Bài 3: Bài tập này giúp HS củng cố kỹ năng giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.



Hình của Mai



Hình của Rô-bốt

a. Để nhận được hình như của Rô-bốt, Mai cần bỏ đi bao nhiêu hình lập phương nhỏ

b. Nếu mỗi hình lập phương nhỏ có cạnh 2 cm thì thể tích của mỗi hình lập phương nhỏ là bao nhiêu cm^3 , lúc này thể tích hình của Rô-bốt là bao nhiêu?

- Gọi đại diện nhóm trình bày.

- GV và lớp nhận xét tuyên dương.

cạnh 2,5 dm là:

$$2,5 \times 2,5 \times 2,5 = 15,625 (\text{dm}^3).$$

+ Thể tích của hình lập phương cạnh 0,4 m là:

$$0,4 \times 0,4 \times 0,4 = 0,064 (\text{m}^3).$$

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS thảo luận và làm bài theo nhóm.

a) Thể tích của chiếc bánh bông lan đó là:

$$12 \times 12 \times 6 = 864 (\text{cm}^3).$$

b) Thể tích của phần bánh còn lại là:

$$864 - 6 \times 6 \times 6 = 648 (\text{cm}^3).$$

-HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

-HS làm bài cá nhân

Chọn B.

(mỗi hình lập phương nhỏ là 8 cm^3 ,

vậy thể tích hình của Rô-bốt là 64 cm^3

Chọn C.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

GV cho HS thảo luận và trình bày theo cá nhân rồi chia sẻ cách làm của mình khi thực hiện yêu cầu sau: Tính thể tích cái loa bluetooth.



-GV cho HS thảo luận và làm bài theo cá nhân rồi chia sẻ cách làm của mình.

- Loa có dạng hình gì?
- Trước khi tính phải làm gì?
- Tính như thế nào?
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS lắng nghe.

-HS trả lời:

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

KHOA HỌC
Bài 24: NAM VÀ NỮ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực khoa học tự nhiên:
- + Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ.
- + Thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao, liệt kê đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của nam và nữ...
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được những thái độ hành vi việc làm thể hiện sự tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới phù hợp với văn hoá của địa phương.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của các bạn cùng giới và khác giới.
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu quý mọi người

* **Giáo dục quyền con người: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Bảng nhóm, phiếu bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” + GV nêu cách chơi: Bạn đầu tiên sẽ đưa ra 1 đặc điểm và gọi bạn tiếp theo nói cho cả lớp nghe đặc điểm đó thuộc đặc điểm về xã hội hay thuộc đặc điểm sinh học. Nếu bạn ấy nói đúng bạn ấy sẽ c quyền nêu tên 1 đặc điểm khác và được gọi tên 1 bạn bất kì nhận diện đặc điểm mà bạn ấy	- Cả lớp lắng nghe.

vừa nêu. Trường hợp bạn không nhận diện được đặc điểm đó bạn ấy sẽ mất quyền trả lời và loại khỏi cuộc chơi. Thời gian chơi 3 phút.

+ GV tổ chức cho HS tham gia chơi

- GV nhận xét trò chơi và dẫn dắt vào bài mới:

Để thể hiện thái độ và tôn trọng các bạn cùng giới, khác giới chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài hiểu hôm nay.

VD:

HS1: tóc ngắn

HS2: đặc điểm xã hội – râu quai nón

HS3: đặc điểm sinh học – má lúm đồng tiền

HS4: đặc điểm sinh học -

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Học sinh nhận biết thái độ, lời nói,... thể hiện sự tôn trọng các bạn cùng giới, khác giới

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1.

- GV yêu cầu HS quan sát từ hình 2 đến hình 4 thực hiện nhiệm vụ ở SGK



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- HS đọc thông tin và thảo luận theo nhóm:

Hình 2: Một bạn nam trong lớp thể hiện chưa tôn trọng bạn nữ qua lời nói “Việc đấy là của con gái”. Các bạn gái khác có ý thức và thực hiện tổ công việc. Vì trực nhật là công việc chung của học sinh không phân biệt trai hay gái.

Nếu là em thì em sẽ tham gia làm trực nhật cùng các bạn.

Hình 3: Bạn nam qua lời nói đã thể hiện sự tôn trọng những đặc điểm khác biệt, đặc điểm sinh ra đã có của bạn. Vì đây là đặc điểm sinh học không thể thay đổi theo thời gian. Nếu là em thì em sẽ luôn động viên bạn để bạn không tự ti.

Hình 4: Bạn nữ đã thể hiện sự tôn trọng đặc điểm sinh học của bạn mình, đưa ra phương án phù hợp vì

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Chia sẻ trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương. GV yêu cầu HS kể những tình huống em thấy ở trong lớp đã thể hiện thái độ tôn trọng bạn cùng giới, khác giới? GV nhận xét và khen học sinh	lợi ích bảo vệ sức khỏe của bạn. Nếu là em em cũng sẽ thực hiện như bạn ấy. HS trả lời: Thấy bạn gái trực nhật muộn bạn Thắng tới làm phụ; Thấy Hoa bị sốt Mai xin phép cô giao đưa Mai đến phòng y tế,...
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức để kể được ví dụ của bản thân về sự tôn trọng các bạn cùng giới, khác giới. đồng thời nêu được những biểu hiện sự tôn trọng của các thành viên trong gia đình. + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực khoa học tự nhiên. - Cách tiến hành: - GV yêu cầu làm việc cá nhân để liệt kê thái độ, hành vi, của em về sự tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới. - GV lắng nghe ý kiến chia sẻ của HS. - GV nhận xét. - HS quan sát hình 5: và cho biết các thành viên trong gia đình đã thể hiện sự tôn trọng nhau như thế nào? Gọi HS trình bày: GV nhận xét chung tuyên dương HS.	Thái độ: vui vẻ với mọi người. Hành vi: Luôn chia sẻ, giúp đỡ bạn như hướng dẫn các bạn học chậm làm bài tập, bạn chưa có bố đón có thể đưa bạn về, ... - HS quan sát, lắng nghe, chia sẻ ý kiến của mình. Cả nhà đều vui vẻ cùng làm việc nhà, không có sự phân biệt dành cho nam hay nữ, lời nói của bố mẹ thể hiện sự quan tâm sức khỏe của mẹ, lời nói của mẹ thể hiện sự tự nguyện, niềm vui cùng làm việc,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực khoa học tự nhiên. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	

- GV chia lớp thành các nhóm: Mỗi nhóm xây dựng một tình huống thể hiện sự tôn trọng của các bạn cùng giới hoặc khác giới hoặc các thành viên trong gia đình. - Các nhóm trình bày. - GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân. GV tuyên dương những nhóm có tình huống ấn tượng. * Giáo dục quyền con người: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện. - GV nói: Trẻ em có quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện. - Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe. - HS thảo luận nhóm - HS lắng nghe
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

CÔNG NGHỆ
BÀI 7: LẮP MÔ HÌNH XE ĐIỆN CHẠY BẰNG PIN (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù.

- Năng lực công nghệ: Kể tên, nhận biết được các chi tiết của bộ lắp ghép mô hình xe điện chạy bằng pin.

Lắp ráp, vận hành được mô hình xe điện chạy bằng pin.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: HS tự tin khi tìm hiểu về quá trình lắp ráp mô hình; HS chủ động khám phá bài học và tự nhận xét được kết quả học tập của mình, của bạn.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Lắp được một số mô hình xe điện chạy bằng pin ngoài sách giáo khoa.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng giao tiếp, trình bày ý tưởng khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập được giao.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi, mở rộng hiểu biết và vận dụng được kiến thức đã học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ học tập, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

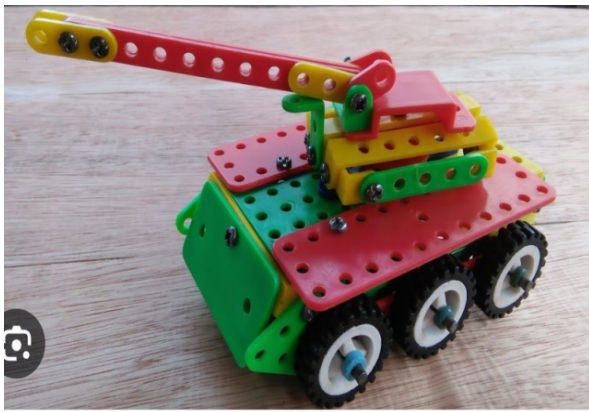
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, máy chiếu, SGK.

- Mô hình mẫu, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động	
- Mục tiêu: + Khơi gợi vốn hiểu biết sẵn có của học sinh và tạo nên không khí lớp học hào hứng, vui tươi.	
- Cách thực hiện:	
- Hát và vận động theo bài hát: <i>Em lái xe ô tô</i> . - GV dẫn dắt vào bài: <i>Giờ học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau thực hành để lắp ráp được mô hình xe điện chạy bằng pin ngoài SGK.</i>	- HS hát và vận động theo.
2. Hoạt động khám phá	
- Mục tiêu: + HS ý tưởng thiết kế sản phẩm lắp ghép mô hình xe điện chạy bằng pin. + HS vẽ phác thảo sản phẩm.	

- Cách thực hiện:	
- GV đưa ra một số hình ảnh về các sản phẩm lắp ghép mô hình xe điện chạy bằng pin. 	- HS quan sát. 
- GV chia lớp thành các nhóm. Tổ chức cho HS vẽ và phác thảo ý tưởng. - GV quan sát, giúp đỡ các nhóm. - Mời các nhóm trưởng báo cáo ý tưởng nhóm mình. - GV tổng kết, khen ngợi các nhóm có ý tưởng tốt.	- HS hoạt động theo nhóm. - Nhóm trưởng báo cáo. - Nhóm khác nhận xét, bình chọn nhóm có ý tưởng tốt nhất.
3. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + HS thực hành lắp ghép mô hình xe điện chạy bằng pin ngoài SGK - Cách thực hiện:	
- Yêu cầu HS chuẩn bị đồ dùng và hoàn thành sản phẩm. - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn - Sau khi hoàn thành yêu cầu HS thu dọn và trưng bày sản phẩm.	- HS chuẩn bị đồ dùng và hoàn thành sản phẩm. - HS cất đồ dùng và trưng bày sản phẩm.
4. Hoạt động vận dụng - Mục tiêu: + HS trưng bày và đánh giá sản phẩm. - Cách thực hiện:	
- GV tổ chức cho HS quan sát sản phẩm của các nhóm mình và nhóm bạn dựa trên các tiêu chí. - Gọi HS đọc tiêu chí	- HS quan sát sản phẩm. - 1HS đọc tiêu chí.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM			
Tiêu chí			
Đúng hình dạng			
Chắc chắn			
Thẩm mĩ			
Chuyển động được			

- Mời HS hoạt động theo nhóm, đi quan sát và đánh giá sản phẩm của các nhóm. - GV khen ngợi các nhóm có sản phẩm đẹp và chuyển động được. - Dặn dò: - GV yêu cầu các nhóm tiếp tục hoàn thiện sản phẩm của mình sao cho phù hợp với các tiêu chí đánh giá. - Nhận xét tiết học. Chuẩn bị bài: Mô hình máy phát điện gió	- HS đi theo nhóm và đánh giá sản phẩm của nhóm bạn - HS nghe và thực hiện
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

STEM XE CHẠY BẰNG “ ĐỘNG CƠ” NƯỚC

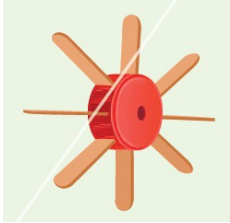
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT (của hoạt động trải nghiệm)

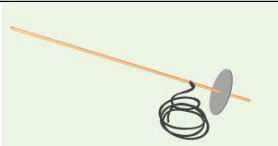
- Nêu được các dạng bánh xe nước và nhận biết được dạng bánh xe nước phù hợp để thiết kế xe chạy bằng năng lượng nước chảy.
- **Thực hiện được** thí nghiệm khảo sát tác động của dòng nước chảy lên bánh xe có số lượng cánh khác nhau.
- **Thiết kế và chế tạo được** xe chạy bằng năng lượng nước chảy.
- **Hợp tác được** với các thành viên trong nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- **Cẩn thận, trung thực** ghi chép các thông tin khi thực hiện thí nghiệm.
- **Tích cực, chủ động** nêu ý kiến cá nhân, lắng nghe, góp ý và đưa ra các kết luận hay điều chỉnh trong quá trình làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Chuẩn bị của GV

- Các phiếu học tập, phiếu đánh giá theo nhóm:
 - + Phiếu học tập số 1. Khảo sát tác động của dòng nước đối với bánh xe có số lượng nắp chai khác nhau
 - + Phiếu học tập số 2. Lên ý tưởng và đề xuất giải pháp.
 - + Phiếu học tập số 3. Chế tạo thử nghiệm
 - + Phiếu học tập số 4. Tự đánh giá hoạt động nhóm
 - + Phiếu học tập số 5. Đánh giá sản phẩm
- Dụng cụ và vật liệu làm thí nghiệm được chuẩn bị cho mỗi nhóm 5 – 6 HS gồm:

TT	Vật liệu / dụng cụ	Số lượng	Hình ảnh minh họa
1	Khung bánh xe	1 cái	
2	Hệ thống khung đỡ và chậu đựng nước	1 bộ	

3	Bình chứa nước có vạch đánh dấu vạch	1 cái	
4	Trục quay và dây cuốn	1 cái	
5	Nắp chai	8 cái	

– Dụng cụ và vật liệu làm sản phẩm được chuẩn bị cho mỗi nhóm 5 – 6 HS gồm:

TT	Vật liệu / dụng cụ	Số lượng	Hình ảnh minh họa
1	Que gỗ tròn dài 20 cm, đường kính 5 mm	8 cây	
2	Que gỗ dẹt dài 14 cm, rộng 1 cm	8 cây	
3	Que tre dài 20 cm	2 cây	
4	Đĩa CD đường kính 20 cm	4 cái	
5	Nắp chai nhựa đã đục sẵn lỗ tròn đường kính 2 mm	6 cái	

6	Khung bánh xe và nắp chai nhựa	1 bộ	
7	Ống hút thẳng đường kính 5 mm (đã qua sử dụng)	1 cái	
8	Chai nhựa 1,5 l (cắt bỏ phần đáy, nắp chai có ống hút xuyên qua tâm)	1 cái	

2. Chuẩn bị của HS

Mỗi nhóm 5 – 6 HS cần chuẩn bị thêm bộ đồ dùng học tập STEM: kéo, súng bắn keo và keo nến.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

1. Hoạt động 1. Mở đầu (Xác định vấn đề) (10 phút)

Mục tiêu

- HS đọc hiểu về vấn đề cần thiết ứng dụng năng lượng nước chảy vào cuộc sống.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ làm xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy với các yêu cầu cụ thể.

Tổ chức hoạt động

a) Khởi động

- GV tổ chức cho HS xem một số hình ảnh/đoạn video giới thiệu về cọn nước ở vùng núi Tây Bắc theo **câu chuyện STEM**.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Nguồn năng lượng nào đã giúp cho cọn nước có thể quay liên tục và đưa nước lên cao? (**Đáp án: năng lượng nước chảy**). HS không cần trả lời chính xác ngay mà có thể nêu ý kiến các em biết.
- GV dẫn dắt để giới thiệu về việc ứng dụng năng lượng nước chảy để chế tạo tạo động cơ cho xe.

b) Giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc to các yêu cầu của sản phẩm *Xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy* trong **Thử thách STEM** và cho biết các tiêu chí cần lưu ý khi làm sản phẩm này.
- GV dẫn dắt HS đến các hoạt động tiếp theo: khám phá bánh xe nước và khảo sát tác

động của dòng nước đối với bánh xe có số lượng cánh khác nhau.

– HS tiến hành chia nhóm (5 – 6 HS/nhóm), đặt tên nhóm, cử nhóm trưởng và thư kí.

2. Hoạt động 2. Trải nghiệm STEM (Liên hệ kiến thức đã học) (25 phút)

Mục tiêu

– HS nêu được các dạng bánh xe nước và nhận biết được dạng bánh xe nước phù hợp để thiết kế xe chạy bằng năng lượng nước chảy.

– HS thực hiện được thí nghiệm khảo sát tác động của dòng nước đối với bánh xe có số lượng nắp chai khác nhau. Trong quá trình làm việc, HS hợp tác được với các bạn, cẩn thận, trung thực ghi chép các thông tin khi thực hiện thí nghiệm.

Tổ chức hoạt động

a) Khám phá bánh xe nước (5 phút)

– HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: làm việc theo nhóm trong 3 phút, quan sát hình 2 SHS và lần lượt trả lời các câu hỏi trong mục 1 (trang 40).

– Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm còn lại nhận xét và trao đổi.

– GV nhận xét câu trả lời và chốt kiến thức:

+ Bánh xe nước gồm một bánh xe (thường làm từ gỗ hoặc kim loại) với nhiều cánh được lắp đặt ở vành ngoài bánh xe tạo thành bề mặt dẫn nước liên tục.

+ Do xe di chuyển trên mặt đất, nên mô hình bánh xe nước với dòng nước chảy từ trên cao xuống (hình 2b) là phù hợp nhất.

b) Khảo sát tác động của dòng nước đối với bánh xe có số lượng nắp chai khác nhau (20 phút)

– HS tiếp nhận các nhiệm vụ:

+ Đọc các bước thực hiện thí nghiệm trong mục 2 SHS (trang 41).

+ Kiểm tra thiết bị và tiến hành thí nghiệm theo các bước (trang 41) trong vòng 15 phút để quan sát hiện tượng xảy ra và hoàn thành Phiếu học tập số 1.

– GV lưu ý HS: Dùng súng bắn keo theo sự hướng dẫn của GV để gắn nắp chai vào que gỗ của bánh xe và chú ý vấn đề an toàn khi sử dụng súng bắn keo.

– Trong quá trình HS làm thí nghiệm, GV quan sát các nhóm để phát hiện các yếu tố có thể làm ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm.

– Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thí nghiệm.

– GV nhận xét kết quả hoạt động nhóm và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm của các nhóm.

– GV đưa ra nhận xét: Số lượng vòng dây cuộn được càng nhiều khi số lượng nắp chai càng nhiều (hay khi số lượng nắp chai càng nhiều thì tốc độ quay của bánh xe càng nhanh).

TIẾT 2 + 3

3. Hoạt động 3. Luyện tập và vận dụng (70 phút)

Mục tiêu

- HS làm được xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy từ các vật liệu được GV cung cấp và tự chuẩn bị.
- HS sử dụng được mô hình để chia sẻ với mọi người về cách hoạt động của xe dựa vào năng lượng nước chảy.
- HS tự đánh giá được các tiêu chí mà sản phẩm *Xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy*

đã đạt được và đánh giá được mức độ hợp tác của các thành viên trong nhóm.

Tổ chức hoạt động

a) Đề xuất và lựa chọn giải pháp (30 phút)

- Lên ý tưởng

– HS đọc lại các yêu cầu của sản phẩm *Xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy* trong **Thử thách STEM**, quan sát hình ảnh các vật liệu, dụng cụ sẽ được cung cấp để hiểu rõ đặc điểm, tính chất của vật liệu.

– GV đưa ra một số câu hỏi định hướng để các nhóm HS thảo luận và trả lời vào Phiếu học tập số 2 trong vòng 5 phút:

- + Một chiếc xe thường gồm những bộ phận nào? (*Bánh xe, thân xe, động cơ, trục xe*)
- + Làm thế nào để xe di chuyển? (*Cần có một động cơ để giúp xe di chuyển; trong xe này, động cơ được sử dụng là động cơ chạy bằng năng lượng nước chảy*)
- + Hệ thống bánh xe nước gắn với bộ phận nào để giúp trục bánh xe quay? (*Hệ thống bánh xe nước được gắn với thân xe thông qua các đoạn ống hút (đã được kết nối với thân xe) để trục bánh xe có thể dễ dàng quay và làm xe di chuyển trong quá trình động cơ nước hoạt động*)
- + Bình chứa nước cần được đặt ở vị trí nào? (*Nên đặt ở cuối thân xe sao cho khi nước chảy ra có thể rơi đúng vào các nắp chai của động cơ nước. Đồng thời nên đặt cách thân xe một đoạn nhất định để khi nước chảy ra, có thể tạo năng lượng nước chảy đủ để làm xe di chuyển*)

– HS đọc phần *Gợi ý cho em* để có thể hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn.

- Lựa chọn vật liệu, dụng cụ và thiết kế chi tiết

– Dựa trên những câu hỏi gợi mở ở trên, HS làm việc theo nhóm trong 5 phút để liệt kê tên các bộ phận của xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy và vật liệu, dụng cụ dự kiến cho từng bộ phận vào bảng trong Phiếu học tập số 2.

– HS làm việc theo nhóm trong 20 phút, phác thảo xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy vào Phiếu học tập số 2.

– Đại diện hai nhóm HS báo cáo ý tưởng thiết kế xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

– GV nhận xét kết quả hoạt động của từng nhóm và góp ý cho ý tưởng thiết kế xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy của các nhóm.

b) Chế tạo sản phẩm, thử nghiệm và đánh giá (5 phút)

- **Chế tạo sản phẩm**

Các nhóm nhận bộ dụng cụ, vật liệu và phân công nhiệm vụ (điền vào bảng 1 – Phiếu học tập số 3) trong thời gian 5 phút và cùng làm xe đồ chơi chạy bằng năng lượng nước chảy trong thời gian một tuần ở nhà.

- **Thử nghiệm, điều chỉnh và hoàn thiện sản phẩm**

- HS thử nghiệm hoạt động theo hướng dẫn của GV như hình 4 SHS.

- HS dùng bảng 2 – Phiếu học tập số 3 để tự đánh giá mô hình của nhóm.

- Các nhóm tự đối chiếu sản phẩm của nhóm mình đạt hoặc chưa đạt yêu cầu nào và tiến hành điều chỉnh, sửa chữa (nếu có).

- Sau khi hoàn thành sản phẩm, HS có thể tự đánh giá về quá trình làm việc nhóm thông qua Phiếu học tập số 4.

Lưu ý: Nếu tổ chức trong thời gian 4 tiết, có thể tận dụng thêm 1 tiết để HS làm sản phẩm tại lớp để GV có nhiều thời gian quan sát và định hướng quá trình HS làm sản phẩm. Bởi đây là một sản phẩm có tính kỹ thuật cao, đòi hỏi ở HS nhiều kỹ năng trong quá trình thực hiện chế tạo sản phẩm.

c) Chia sẻ, thảo luận và điều chỉnh (35 phút)

- GV tổ chức cho các nhóm trưng bày sản phẩm như một buổi triển lãm và chia sẻ, trình bày về cách thực hiện mô hình xe và cách làm xe hoạt động.

- GV tổ chức cuộc đua xe chạy bằng năng lượng nước chảy giữa các nhóm.

- GV tổ chức cho HS căn cứ vào Phiếu đánh giá sản phẩm (Phiếu học tập số 5) để bình chọn nhóm có sản phẩm đáp ứng tốt các yêu cầu đề ra.

- GV lưu ý HS bảo quản sản phẩm để trưng bày trong triển lãm sản phẩm STEM vào cuối học kì của lớp, trường.

- GV có thể gợi mở cho HS về vấn đề lãng phí nước khi xe chạy, vì có một lượng nước rơi xuống đất. Từ đó, GV mở rộng để HS tìm phương án cải tiến xe chạy bằng “động cơ nước” nhằm thu hồi nước chảy qua bánh xe khi xe hoạt động và thay đổi được tốc độ chạy của xe.

- GV giới thiệu một bước đột phá trong việc cải tiến bánh xe nước là nhờ phát minh ra tua-bin nước, thiết bị giúp chuyển đổi năng lượng nước chảy thành năng lượng điện trong **STEM và cuộc sống**.

IV. ĐIỀU CHỈNH BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

Thứ sáu, ngày 7 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT
TIẾT HỌC THƯ VIỆN
TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc được văn bản thông tin về di tích, lễ hội các sản vật độc đáo ở một địa phương, biết viết phiếu sách và chia sẻ thông tin về nội dung đã học.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV cho Hs xem vi deo và yêu cầu HS nêu tên các di tích, lễ hội hoặc sản vật độc đáo có trong video. + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS xem video và trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe.

2. Khám phá.

- Mục tiêu:

+ Đọc được văn bản thông tin về di tích, lễ hội các sản vật đặc đáo ở một địa phương, biết viết phiếu sách và chia sẻ thông tin về nội dung đã học.

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài 1: Đọc 2 – 3 bài ca dao về di tích, lễ hội hoặc sản vật đặc đáo ở một địa phương

- GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.

- GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.

- GV mời HS làm việc theo nhóm

- GV mời các nhóm trình bày kết quả.

- Mời cả lớp nhận xét nhận xét.

- GV nhận xét chung, tuyên dương

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- HS đọc bài theo nhóm:

Ca dao về di tích:

Dấu xưa di tích vẫn còn
Ngã ba Đồng Lộc dấu son một thời
(*Ngã ba Đồng Lộc*)

Chín năm làm một Điện Biên,
Mười năm lịch sử làm nên cầu Ròn.
(*Di tích Điện Biên*)

Ca dao về lễ hội:

Tiếng đồn An Thái, Bình Khê
Nhiều tay võ sĩ có nghề tranh heo
(*Hội tranh heo*)

Ca dao về sản vật địa phương:

- Cam xã Đoài, xoài Bình Định.
- Cỗ làng Tò, trâu bò làng Hề.
- Cua Phụng Pháp, rau muống Hiền Ngang.
- Bưởi Đại Trà, cam Đồng Dụ, gà Văn Cú.

- HS lắng nghe

- Dựa vào các câu chuyện gợi ý em đã đọc, em viết thông tin phù hợp vào phiếu đọc sách theo mẫu.

Bài 2: Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
Ngày đọc: ●	Sự vật, hoạt động được nói đến: ●
Những nét độc đáo của di tích, lễ hội hoặc sản vật: ●	
Suy nghĩ, cảm xúc về ý nghĩa của các bài ca dao: ●	
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

- GV đánh giá, khen HS

Bài 3: Trao đổi với bạn về nội dung của một bài ca dao mà em đã đọc.

- GV cho HS thảo luận nhóm
- GV mời HS trình bày

- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương và chốt.

Em trao đổi với bạn về nội dung một bài ca dao em đã đọc: “*Dù ai đi ngược về xuôi, nhớ ngày Giỗ Tổ mùng mười tháng ba*”. Đây là câu ca dao nhằm gợi nhớ người ta dù làm gì, đi đâu cũng phải khắc nhớ ngày giỗ của vua Hùng Vương. Vua Hùng đã có công dựng nước, xây nên cơ đồ đất nước như ngày nay. Nhớ ngày giỗ vua Hùng là biết uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa với người đi trước. Em thấy bài ca dao này thật ý nghĩa và sâu sắc.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:
Tìm hiểu thêm về các thông tin về Đồng Tháp Mười hoặc quê hương em.
- GV mời HS trình bày

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Tìm hiểu về quê hương em tại Hà Nội: Hà Nội là một vùng nằm ở ven sông Hồng, phía Đông Bắc của miền Bắc nước ta. Đây là nơi có đặc điểm địa lí tốt, tương đối bằng phẳng, gần với sông Hồng thuận lợi canh tác và phát triển. Nơi đây có văn hoá giao lưu từ các khu vực, các nước nhện nhíp. Hà Nội là thủ đô của Việt Nam, còn lưu giữ các kiến trúc nổi tiếng hàng ngàn năm tuổi, di tích và dấu ấn của thời xưa gắn với nhiều truyền thuyết: Hồ Hoàn Kiếm, Lăng Bác, Khu phố cổ Hà Nội,...

- GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
---	----------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN

Bài 53: THỂ TÍCH HÌNH LẬP PHƯƠNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tính được thể tích của hình lập phương.
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích.
- Thông qua việc quan sát các đồ vật có dạng hình lập phương và kích thước tương ứng, HS phát triển năng lực quan sát, mô hình hoá và phát triển trí tưởng tượng hình học không gian.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tính được thể tích của hình lập phương.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết cách tính thể tích của hình lập phương.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

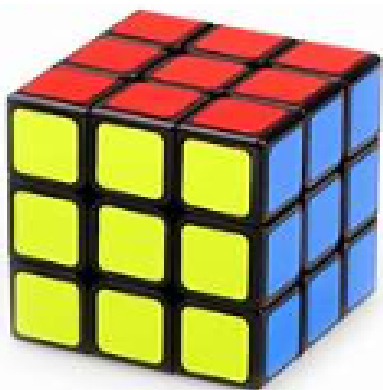
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 2

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho học sinh nhắc lại cách tính thể tích hình lập phương. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia lắng nghe - HS trả lời: - HS lắng nghe.
2. Luyện tập thực hành: - Mục tiêu: + HS củng cố kiến thức đã học về cách tính thể tích của hình lập phương + Giải quyết được một số vấn đề gắn với thực tiễn liên quan đến đo thể tích. - Cách tiến hành:	

Bài 1: Bài tập này củng cố cho HS kỹ năng tính thể tích của đồ vật có dạng hình lập phương.

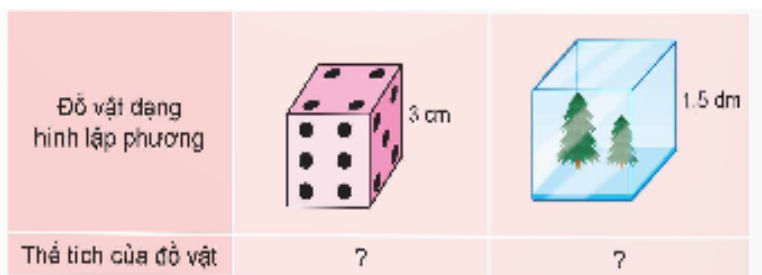
Tính thể tích của khối rubic có cạnh 6 cm



-GV hướng dẫn để HS nhắc lại quy tắc tính thể tích của hình hộp chữ nhật.

-GV và lớp nhận xét.

Bài 2: Bài tập này củng cố cho HS kỹ năng tính thể tích của đồ vật có dạng hình lập phương.



- Gọi đại diện nhóm trình bày.

- GV và lớp nhận xét tuyên dương.

Bài 3: Bài tập củng cố cho HS kỹ năng lắp, ghép hình khối và tính thể tích của hình lập phương.

a) GV cho HS quan sát các hình A, B và c, rồi cho biết 2 khối hình nào ghép được thành hình lập phương (hình A và hình C) và chia sẻ lí do đưa ra câu trả lời như vậy.

-HS đọc yêu cầu

- HS trả lời.

- Làm bài cá nhân

+ Chọn D vì:

Thể tích của khối ru-bích của Việt là: $6 \times 6 \times 6 = 216 \text{ (cm}^3\text{)}$.

-HS đọc yêu cầu

- Làm bài nhóm đôi.

(Thể tích của xúc xắc là: $3 \times 3 \times 3 = 27 \text{ (cm}^3\text{)}$.)

Thể tích của chiếc hộp đựng cây thông là: $1,5 \times 1,5 \times 1,5 = 3,375 \text{ (dm}^3\text{)}$.)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

-Làm bài nhóm.

A B C -GV có thể hỏi thêm: “Nếu ta ghép hình A với hình B thì ta sẽ nhận được hình gì?” (hình hộp chữ nhật). b) Hình lập phương lớn ghép được ở câu a có cạnh là 8 cm, vậy thể tích của hình đó là bao nhiêu? -GV và lớp nhận xét. - GC tổng kết, tuyên dương.	(hình hộp chữ nhật). (thể tích của hình đó là: $8 \times 8 \times 8 = 512 \text{ (cm}^3\text{)}.$
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: Bài 4: Bài tập củng cố cho HS kĩ năng lắp, ghép hình khối và tính thể tích của hình lập phương, hình hộp chữ nhật. -Trước hết HS cần nhận biết được hình dạng của mỗi phần chất lỏng bằng cách trả lời câu hỏi: + Mỗi hình chất lỏng là hình gì? -Do đó, ta có thể tính được thể tích của mỗi phần chất lỏng bằng cách tính thể tích của hình hộp chữ nhật hay hình lập phương. -Tính như thế nào?	-HS quan sát suy nghĩ theo nhóm - HS trả lời - HS thảo luận và làm bài theo nhóm

* GV có thể hướng dẫn một cách khác, HS có thể nhận thấy kích thước mặt đáy của các phần chất lỏng là như nhau (bằng kích thước mặt đáy của tháp chất lỏng) nên chỉ cần so sánh chiều cao của các phần chất lỏng là ta có thể kết luận phần chất lỏng nào có thể tích lớn nhất, rồi tính thể tích của phần chất lỏng đó. GV cho HS chia sẻ cách làm của nhóm -Đại diện nhóm trình bày -GV kết luận. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	+ Thể tích của nước rửa bát là: $15 \times 15 \times 12 = 2\,700 \text{ (cm}^3\text{)}.$ + Thể tích của nước là: $15 \times 15 \times 15 = 3\,375 \text{ cm}^3.$ + Thể tích của dầu thực vật là: $15 \times 15 \times 10 = 2\,250 \text{ (cm}^3\text{)}.$ Vậy phần chất lỏng là nước (màu đỏ) có thể tích lớn nhất và thể tích đó là $3\,375 \text{ cm}^3.$
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
Bài 19: NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào.
- Suu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Lào: Thạt Luồng, Cánh đồng Chum; Cố đô Luông Pha-băng.
- + Năng lực tìm hiểu Lịch sử và Địa lí: khai thác được lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và dân cư Lào; suu tầm được tư liệu, khai thác thông tin để tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Thường xuyên hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ham học hỏi, đọc sách mở rộng hiểu biết.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học.
- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng những giá trị văn hoá của Lào.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, tư liệu về một số công trình tiêu biểu của Lào: Thạt Luồng, Cánh đồng Chum; Cố đô Luông Pha-băng.
- Một số câu chuyện lịch sử, tư liệu liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc, suy nghĩ về bốn câu thơ Bác Hồ đã viết về tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Lào để thực hiện nhiệm vụ: Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về đất nước Lào.	HS đọc và suy nghĩ để trả lời câu hỏi trong SGK bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

“Thương nhau mấy núi cũng trèo Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua Việt – Lào, hai nước chúng ta Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long”. - GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có). - GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp. GV sử dụng những hiểu biết của HS về sự kiện này để dẫn dắt vào bài học.	- HS trả lời.
2. Hoạt động khám phá: (25 phút) - Mục tiêu: + HS kể được tên một số công trình tiêu biểu của Lào và mô tả được một công trình yêu thích. - Cách tiến hành:	
Khám phá 3: Tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu của Lào (15 phút) - GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc nhóm, đọc thông tin và quan sát các hình từ 2 đến 4, thảo luận để thực hiện yêu cầu: Đọc thông tin, quan sát các hình và sưu tầm thêm hình ảnh để mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Lào; Mô tả một công trình mà em ấn tượng. + Nhóm 1: Cánh đồng Chum. + Nhóm 2: Thạt Luồng. + Nhóm 3: Cố đô Luông Pha-băng. GV có thể cho HS chuẩn bị trước ở nhà và thực hiện việc trưng bày các hình trên lớp cùng với thành viên trong nhóm. - GV mời đại diện 2 – 3 cặp đôi mỗi nhóm kể tên các công trình và mô tả một công trình, các bạn khác lắng nghe và bổ sung (nếu có). - GV cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về hoạt động mô tả. Sau đó, GV đánh giá và chốt kiến thức (kết hợp chiếu hình ảnh): <i>Lào là đất nước có nền văn hoá lâu đời với nhiều công trình tiêu biểu còn được bảo tồn đến ngày nay như: Cánh đồng Chum, cố đô</i>	- HS thảo luận theo cặp đôi. + HS làm việc cá nhân kể được tên một số công trình tiêu biểu. + Thảo luận để chọn công trình dự định mô tả. + Đọc thông tin về công trình dự định mô tả, thống nhất nội dung và cử đại diện trình bày (nếu được yêu cầu). + Các nhóm phác hoạ những ý tưởng trưng bày hình ảnh để mô tả một số nét nổi bật của các công trình tiêu biểu ở Lào lên một tờ bìa và dán lên tường xung quanh lớp học như một cuộc triển lãm tranh. - HS tự đánh giá theo tiêu chí đủ các nội dung: + Thời gian xây dựng công trình. + Giới thiệu một số nét tiêu biểu của công trình.

Luông-pha-băng, Thạt Luồng.... Các công trình này thể hiện sự sáng tạo của nhân dân Lào, được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới.

+ Ý nghĩa hoặc giá trị lịch sử của công trình.

3. Luyện tập: (10 phút)

- Mục tiêu:

+ Hệ thống lại kiến thức và luyện tập..

- Cách tiến hành:

3.1. Hệ thống kiến thức và luyện tập nội dung Địa lí.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: Quan sát hình 1, em hãy kể tên và xác định trên lược đồ một số cao nguyên, sông của Lào.

- GV gọi 2 – 3 HS kể tên và xác định một số cao nguyên, sông của Lào trên lược đồ treo tường; các HS sử dụng bảng kiểm để quan sát, tự đánh giá kĩ năng khai thác thông tin bằng lược đồ của bản thân và các bạn trong lớp.

- GV nhận xét và đánh giá hoạt động luyện tập, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau kĩ năng khai thác thông tin trên lược đồ của HS.

3.2. Hệ thống kiến thức và luyện tập nội dung Lịch sử.

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, lập bảng về một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Lào.

+ GV tổ chức cho HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp.

+ GV tổ chức cho HS trao đổi bảng và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau dựa trên các tiêu chí nội dung và hình thức dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BẢNG CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	4
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	3
2	Hình thức	Trình bày sản phẩm sạch sẽ, đẹp, dễ nhìn.	3

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- HS kể tên theo yêu cầu.

- HS khác nhận xét.

- HS lập và hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK vào vở.

- Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

- Hs đánh giá theo tiêu chí.

4. Vận dụng, trải nghiệm: (7 phút)

- Mục tiêu:

+ HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

- Cách tiến hành:

- GV có thể tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú” để kiểm tra kiến thức của HS.

- Sưu tầm tranh ảnh, thông tin,... về một công trình tiêu biểu của Lào và chia sẻ với bạn.

- HS tham gia chơi.

- HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà. (lưu ý cần nêu được tên công trình, thời gian xây dựng, nét nổi bật...)

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHỦ ĐỀ: YÊU THƯƠNG GIA ĐÌNH – TÔN TRỌNG PHỤ NỮ
SHL: Hát về chủ đề gia đình

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Nêu được một số bài hát về chủ đề gia đình
 - Tham gia thi hát về chủ đề gia đình cùng các bạn trong nhóm và tuân thủ đúng luật chơi
- Tiết trải nghiệm góp phần hình thành và phát triển các năng lực:*

1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: thể hiện qua việc chủ động sưu tầm các bài hát về chủ đề gia đình
- Năng lực giao tiếp – hợp tác: trao đổi và hợp tác với các bạn trong việc thi hát về chủ đề gia đình

2. Năng lực đặc thù

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: thể hiện qua việc tham gia tích cực vào hoạt động thi hát của nhóm và tuân thủ đúng luật chơi.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: thể hiện qua tình yêu thương, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Kế hoạch tổ chức hoạt động, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết hoạt động.

2. Học sinh

- Bài hát về chủ đề gia đình

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ hoạt động	
- GV tổ chức cho HS hát và vận động theo nhạc của bài hát “Giữ gìn vệ sinh trường lớp” (Sáng tác: Nguyễn Hồng Tâm) - GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi hát: + <i>Các bạn nhỏ trong bài hát đã làm gì để giữ vệ sinh trường lớp?</i> + <i>Bài hát muốn nói với em điều gì?</i>	- HS hát và vận động theo nhạc. - HS trả lời: + Các bạn nhỏ lau cửa, quét sàn, giữ vệ sinh môi trường + Bài hát muốn nhắc nhở: Giữ gìn trường lớp sạch đẹp giúp chúng ta khỏe mạnh, vui vẻ trong học tập

- GV nhận xét và dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp.	- HS lắng nghe.
2. Hoạt động 1: Tổng kết hoạt động tuần 25 và phương hướng hoạt động tuần 26	
<i>a) Mục tiêu:</i> Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.	
<i>b) Cách tiến hành:</i>	
* Đánh giá kết quả tuần 1 - GV tổ chức cho lớp thực hiện đánh kết quả hoạt động trong tuần vừa qua + GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. + GV quan sát và hỗ trợ cho lớp trưởng (nếu cần) - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần) * Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Lưu ý: Nếu trong tuần có những hoạt động của trường triển khai thì bạn cán bộ lớp được giao phụ trách nội dung đó sẽ triển khai hoạt động.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... Các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng mời các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến khắc phục những hạn chế của lớp trong tuần qua. Các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến theo suy nghĩ của bản thân. - Lớp trưởng mời GV nhận xét - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới.

- GV yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - GV yêu cầu lớp trưởng điều khiển phân thảo luận - GV mời lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận của lớp về kế hoạch tuần tới. - GV nhận xét, góp ý, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Lớp trưởng mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Lớp trưởng tổng hợp lại kết quả thảo luận và báo cáo trước lớp. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề: Hát về chủ đề gia đình	
<i>a) Mục tiêu:</i> - Nêu được một số bài hát về chủ đề gia đình. - Tham gia hát về chủ đề gia đình cùng với nhóm và tuân thủ đúng luật chơi.	
<i>b) Cách tiến hành:</i> – GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, tổng hợp lại những bài hát về chủ đề gia đình mà các thành viên của nhóm đã chuẩn bị – GV tổ chức cho HS thi hát đối theo chủ đề gia đình. + GV phổ biến luật chơi: • Đại diện mỗi nhóm hát 1 câu hát về chủ đề gia đình. Nhóm hát sau không được hát trùng bài với nhóm hát trước • Nhóm nào hát được nhiều bài nhất sẽ thắng cuộc. + GV tổ chức cho HS thi hát đối	– HS tập hợp các bài hát về chủ đề gia đình theo nhóm - HS tham gia chơi theo hướng dẫn
- GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận sau khi chơi	- HS chia sẻ theo cảm nhận cá nhân
- GV nhận xét, tổng kết hoạt động và nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.	HS lắng nghe và tiếp thu.

4. Tổng kết / cam kết hành động – GV động viên và nhắc HS các việc cần chú ý thực hiện để đạt được kế hoạch hoạt động tuần đề ra - GV giới thiệu cho HS những thông tin cơ bản về người phụ nữ tiêu biểu của địa phương. - GV dặn dò HS chuẩn bị những câu hỏi để tham gia giao lưu với người phụ nữ tiêu biểu ở địa phương vào tuần sau.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm - HS lắng nghe - HS chuẩn bị câu hỏi theo yêu cầu của GV
IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG 	

TIẾT ĐỌC THƯ VIỆN
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM
ĐỌC NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG HIẾU THẢO

I/ MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Giúp các em hiểu hơn những hy sinh vất vả của ông bà, ba mẹ, đã dành cho cháu, con cái.
- 2. Kỹ năng:** Giúp HS có ý thức được rằng dù trong cổ tích hay ngoài đời thì tấm lòng của ông bà, ba mẹ dành cho con cái luôn dào dạt ấm áp yêu thương, phải biết hiếu thảo.
- 3. Thái độ:** Giúp HS luôn nghĩ và hướng về gia đình - mái ấm của mình, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.

II/ CHUẨN BỊ:

- * Địa điểm: Thư viện trường
- * Giáo viên và Thủ thư : Một số truyện về:
 - + Tình thương của mẹ
 - + Sự tích hoa mẫu đơn
 - + Sự tích cây vú sữa
 - + **Sự tích hoa cúc trắng**
 - + Người tiểu phụ hóa nai

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1. TRƯỚC KHI ĐỌC: * Hoạt động 1: Trò chơi “ Ai nhanh hơn” - Nêu yêu cầu và giới thiệu đồ dùng học - Phát cho mỗi nhóm một mạng ý nghĩa viết về cha mẹ. - Tuyên bố nhóm thắng cuộc là nhóm nhanh, chính xác, nhiều từ. * Hoạt động 2: Giới thiệu sách - <i>Mục tiêu:</i> HS biết một số truyện nói về chủ đề “Hiếu thảo”. - <i>Cách tiến hành:</i>	HT: Nhóm - Quan sát và lắng nghe. - Nhận việc và nhận đồ dùng - Thảo luận, hoàn thành bảng sau:  - Trình bày, nhận xét. - Tuyên dương bạn

+Giới thiệu một số truyện thuộc chủ đề “Hiếu thảo” có nhân vật là ông bà, cha mẹ, về những người thân trong gia đình.
+ Yêu cầu HS chọn truyện.

2. TRONG KHI ĐỌC: (15’)

* Hoạt động 1: Đọc sách

-Mục tiêu: Nắm được nội dung câu chuyện.

-Cách tiến hành:

+ Đính câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận trả lời sau khi đọc.

- Đến từng nhóm theo dõi tốc độ đọc và trò chuyện với HS về sách của nhóm đang đọc.

- Tổ chức

3. SAU KHI ĐỌC: (5’)

- Yêu cầu HS chia sẻ sách của nhóm mình với nhóm khác.

* Cùng cố- dẫn dò:

- Là con cái, các em phải làm gì để tỏ lòng yêu quý, kính trọng ông bà cha mẹ?.

* GDHS:Dù trong truyện hay ngoài đời thì tấm lòng của ba mẹ dành cho con cái luôn

- Nêu thêm một số truyện thuộc chủ đề “Hiếu thảo”.

- Nhận xét, bổ sung.

- Mỗi nhóm chọn một truyện mà mình thích. Nêu truyện của nhóm chọn.

HT: Nhóm,

- Quan sát và đọc thầm các câu hỏi

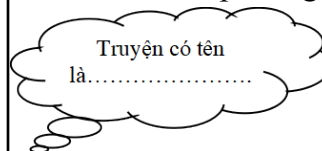
+ Truyện có tên là gì? Của tác giả nào?

+ Trong truyện có những nhân vật nào?

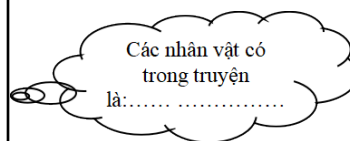
+ Tình cảm của cha mẹ dành cho con cái như thế nào?

+ Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?

- Đọc to nối tiếp trong nhóm



- Thảo luận nhóm ghi câu trả lời vào phiếu câu hỏi.



- Đại diện nhóm trình bày lại kết quả thảo luận.

- HS giới thiệu về sách của nhóm mình vừa đọc cho các nhóm khác xem, nghe

- Tự nêu việc phải làm.

+ Ghi vào thẻ từ hoặc thẻ là bông hoa hay chiếc lá hay hình dáng con vật.

- Nhận việc:

- Tìm đọc thêm một số truyện khác nói về chủ đề “Hiếu thảo”

<i>luôn dào dạt ảm áp yêu thương, các em nên luôn nhớ và hiểu thảo với ông bà, cha mẹ.</i> - Cho HS nêu công việc về nhà sau tiết đọc	- Kể lại chuyện đã đọc cho người thân nghe. - Ghi vào sổ nhật ký đọc. - Lắng nghe.
- Giới thiệu một số truyện học tiết sau chủ điểm “Tới trường”.	

NGƯỜI SOẠN Nguyễn Thị Trúc Như	<i>Ngày 5 tháng 3 năm 2025</i> TỔ TRƯỞNG Nguyễn Thị Hoài Thanh
--	---

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 26

(Từ ngày 10/3 - 14/3)

Thứ/n gày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
Hai (10/3)	1	76	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Giao lưu với những phụ nữ tiêu biểu của địa phương.	
	2	176	Tiếng Việt	Đọc: Xuống ba lá quê tôi	
	3	177	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn viết	
	4	26	Tin học	Bài 13. Cấu trúc rẽ nhánh	
	5	126	Toán	Bài 54: Thực hành tính toán và ước lượng thể tích một số hình khối	
	6	51	LS-ĐL	Bài 20: Vương quốc Cam-pu-chia (Tiết 1)	
	7	51	Thể dục	Bài 1: Động tác dẫn bóng bằng mu trong (má trong) bàn chân (Tiết 2)	
Ba (11/3)	1	178	Tiếng Việt	Viết: Đánh giá, chỉnh sửa chương trình hoạt động	
	2	127	Toán	Bài 55: Luyện tập chung (tiết 1)	
	3	51	Khoa học	Ôn tập giữa HKII	
	4	26	Mĩ thuật	Bài 12: Em yêu cây xanh	
	5		Âm nhạc	Thường thức âm nhạc - Tác giả và tác phẩm: Nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu Vận dụng	
	6	77	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Múa dân vũ bài “Niềm vui của gia đình”. - Xác định những việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.	
	7	2	KN CDS	Thư điện tử (tiết 2)	
Tur (12/3)	1	179	Tiếng Việt	Đọc: Về thăm Đất Mũi (Tiết 1)	
	2	180	Tiếng Việt	Đọc: Về thăm Đất Mũi (Tiết 2)	GDĐĐ
	3	101	Tiếng Anh	Unit 10: What’s the matter?	
	4	128	Toán	Bài 55: Luyện tập chung (tiết 2)	
	5	52	Thể dục	Bài 1: Động tác dẫn bóng bằng mu trong (má trong) bàn chân (Tiết 3)	
	6	26	Đạo đức	Thực hành giữa học kì II	
	7	6	Rèn chữ	Cửa gió Tùng Chinh	
Năm (13/3)	1	181	Tiếng Việt	Viết: Viết chương trình hoạt động (Bài viết số 2)	
	2	129	Toán	Bài 55: Luyện tập chung (tiết 3)	

	3	102	Tiếng Anh	Unit 10: What's the matter?	
	4	103	Tiếng Anh	Unit 10: What's the matter?	
	5	52	Khoa học	Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (Tiết 1)	
	6	26	Công nghệ	Bài 8: Mô hình máy phát điện gió (Tiết 1)	
	7	6	STEM	Xe chạy bằng "động cơ" nước (tiết 2)	
	8	22	KNS	Kĩ năng nhận diện để xóa bỏ định kiến giới (tiết 1)	
Sáu (14/3)	1	182	Tiếng Việt	Nói và nghe: Sản vật địa phương	
	2	130	Toán	Kiểm tra định kì giữa học kì 2	
	3	52	LS-ĐL	Bài 20: Vương quốc Cam-pu-chia (Tiết 2)	
	4	78	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Tham gia diễn đàn “Yêu thương và trách nhiệm trong gia đình”.	
	5	104	Tiếng Anh	Unit 10: What's the matter?	
	6	2	Tiết đọc TV	Đọc những câu chuyện về tinh thần hiếu học	
	7	26	Năng khiếu		

Thứ hai, ngày 10 tháng 3 năm 2025

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Sinh hoạt dưới cờ:

GIAO LƯU VỚI NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ TIÊU BIỂU CỦA ĐỊA PHƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh chia sẻ được về đóng góp của những người phụ nữ tiêu biểu của địa phương
- Học nêu những điều học được sau buổi giao lưu.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp: thể hiện qua việc làm chia sẻ với bạn ý kiến cá nhân trong các nhiệm vụ nhóm; cùng trao đổi với người thân để xây dựng cây giá trị gia đình, thực hiện những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn và tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.
- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện và điều chỉnh những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái

II. ĐỒ DÙNG

4. Giáo viên

- Ghế ngồi cho học sinh khi tham gia sinh hoạt dưới cờ

5. Học sinh

- Câu hỏi dành cho người phụ nữ tiêu biểu của địa phương
- Trang phục chỉnh tề

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
a) Mục tiêu – Học sinh hào hứng, tích cực tham gia các hoạt động giao lưu với người phụ nữ tiêu biểu của địa phương – Học sinh chia sẻ được về những đóng góp của người phụ nữ tiêu biểu của địa phương và những điều học được sau buổi giao lưu	
b) Tiến trình hoạt động	

– GV tập trung HS tham gia buổi giao lưu đúng giờ, ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ. - GV yêu cầu HS lắng nghe và tích cực tham gia các hoạt động tương tác với người tham gia giao lưu - GV hướng dẫn HS tham gia đặt câu hỏi với người phụ nữ tiêu biểu của địa phương theo gợi ý đã được chuẩn bị: + Tên, công việc và những điều người phụ nữ tiêu biểu đóng góp cho địa phương + Quá trình để có được thành công như ngày hôm nay - GV tổ chức cho HS ghi lại những điều em học được sau buổi giao lưu - GV tổ chức cho HS chia sẻ những điều em biết về người phụ nữ tiêu biểu của địa phương và những điều em học được sau buổi giao lưu. - GV nhắc HS tiếp tục thực hiện những việc làm thể hiện sự tôn trọng phụ nữ và rèn luyện theo những điều học được từ người phụ nữ tiêu biểu của địa phương.	- HS tập trung và ổn định trật tự theo hướng dẫn của GV - HS trình bày các tác phẩm tự sáng tác - HS tham gia đặt câu hỏi với người phụ nữ tiêu biểu của địa phương tham gia giao lưu. - HS ghi lại những điều học được vào vở tự học. – HS chia sẻ những điều mình học được với các bạn sau khi tham gia chương trình. - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

TIẾNG VIỆT
Bài 15: ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRẦN ĐẠI NGHĨA (3 tiết)
Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài Xuồng ba lá quê tôi. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng; biết ngắt, nghỉ hơi theo chỉ dẫn của dấu câu

Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh, chi tiết nổi bật, trình tự các sự việc của văn bản. Nắm được ý chính của mỗi đoạn trong bài. Hiểu được nội dung chính của bài đọc Xuồng ba lá quê tôi: giới thiệu một phương tiện đi lại quen thuộc của người dân vùng sông nước Nam Bộ

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước tích cực lao động, yêu những người lao động. Có tình cảm trân trọng những điều bình dị, giản bó, thân thuộc trong đời sống hằng ngày.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
1. Khởi động - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Hộp quà bí mật . Trong hộp quà là các câu hỏi: + Câu 1: Đọc thuộc lòng 2 – 3 khổ trong bài Đường quê Đồng Th áp Mười.	- HS tham gia trò chơi. + Đọc các khổ thơ trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi. + HS trả lời, nêu suy nghĩ cá nhân.

+ Câu 2: Em thích nhất hình ảnh nào về Đồng Tháp Mười trong bài thơ? + Câu 3: Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc? - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung thêm. - GV yêu cầu HS trao đổi những điều các em biết về những phương tiện đi lại của người dân ở vùng sông nước. - GV mời đại diện nhóm chia sẻ - GV nhận xét ý kiến của HS. - GV giới thiệu: Bức tranh minh hoạ chiếc xuồng ba lá, một vật dụng quen thuộc của người dân vùng Nam Bộ. Bài đọc này sẽ giúp các em có thêm những thông tin thú vị về loại xuồng này	+ HS trả lời. VD: Những câu chuyện cổ tích quen thuộc được gợi nhớ qua hình ảnh “trăm đốt tre” – truyện “Cây tre trăm đốt” và hình ảnh ông bọt, ông tiên hiền hậu. - HS lắng nghe - HS làm việc nhóm chia sẻ những hiểu biết của mình - Đại diện nhóm trình bày - Nhận xét - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài Xuồng ba lá quê tôi. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng; biết ngắt, nghỉ hơi theo chỉ dẫn của dấu câu. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc rõ ràng, diễn cảm phù hợp - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài; đọc diễn cảm nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 4 đoạn + Đoạn 1: Từ đầu đến hình xương cá + Đoạn 2: Tiếp theo đến người dân Nam Bộ + Đoạn 3: Tiếp theo đến khu căn cứ kháng chiến. + Đoạn 4: Phần còn lại. - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>chiếc “cong”, bông điên điển, tiềm thức, len sâu, rộn ràng, giăng câu, toả đi, ...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu:	- Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu.

+ <i>Để xuống được vững chắc,/ người ta dùng những chiếc “cong”/ đóng vào bên trong lòng xuống,/ tạo thành bộ khung/ hình xương cá.</i> + <i>Và mỗi sớm mai,/ trên nhánh sông quê,/ những chiếc xuống ba lá/ theo dòng nước toả đi,/ chở đầy ước mơ, khát vọng/ của tình đất, tình người phương Nam.</i> - GV HD đọc đúng ngữ điệu: đọc thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp các nhân vật, đọc đúng ngữ điệu thể hiện tâm trạng của nhân vật - GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương.	- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được hình ảnh, chi tiết nổi bật, trình tự các sự việc của văn bản. Nắm được ý chính của mỗi đoạn trong bài. + Hiểu được nội dung chính của văn bản Xuống ba lá quê tôi: giới thiệu một phương tiện đi lại quen thuộc của người dân vùng sông nước Nam Bộ - Cách tiến hành:	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) + ván be: tấm ván bên thân xuống. + ván đáy: tấm ván ở phía dưới. + cong (xuống): những thanh gỗ ghép lại, làm thành bộ khung để cố định 3 miếng ván xuống; + du kích: những nhóm vũ trang nhỏ, lẻ, đánh giặc ở mọi nơi, mọi lúc bằng các loại vũ khí (thô sơ và hiện đại). + bông (hoa) điên điển: loài hoa có màu vàng, mọc nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long; thường dùng ăn sống, làm dưa chua, nấu canh;	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:

hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Tác giả đã giới thiệu thế nào về xuồng ba lá?

+ Câu 2: Xuồng ba lá gợi nhớ những kỉ niệm nào của tác giả với người thân?

+ Câu 3: Từ xưa, chiếc xuồng đã gắn bó thế nào với người dân vùng sông nước?

Thuở cha ông đi mở cõi

Những năm tháng chiến tranh

+ Câu 4: Hình ảnh xuồng ba lá hiện ra như thế nào trong cuộc sống thanh bình hiện nay?

+ Câu 5: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về cảnh vật và con người phương Nam?

- Đáp án:

+ Tác giả giới thiệu về tên gọi của xuồng ba lá và giải thích vì sao vật dụng này có tên gọi như vậy, gọi là xuồng ba lá vì xuồng được ghép bởi ba tấm ván: hai tấm ván be và một tấm ván đáy, người ta dùng những chiếc “cong” đóng vào bên trong lòng xuồng, tạo thành bộ khung hình xương cá (tên gọi của vật dụng dựa vào cấu tạo của nó)

+ Xuồng ba lá gợi nhớ kỉ niệm của tác giả với bà nội (Tôi vẫn nhớ những sáng nội chèo xuồng mang cho tôi mấy cái bánh lá dừa, giò cua đồng mà nội vừa bắt được), với chị và mẹ (Nhớ những chiều chị tôi chèo xuồng dọc triền sông, bẻ bông điên điển đầy rổ mang về cho má nấu canh chua).

+ Từ thuở cha ông đi mở cõi, xuồng đã là “đôi chân của người dân Nam Bộ”. Cách nói ví von này cho thấy xuồng ba lá là phương tiện đi lại rất thiết thân của người dân nơi đây. Trong những năm tháng chiến tranh, xuồng cùng người dân bám trụ, giữ xóm, giữ làng và có nhiều đóng góp to lớn: chở lương thực tiếp tế cho bộ đội, đưa du kích qua sông,...

+ Đất nước thanh bình, xuồng ba lá tiếp tục gắn bó với sinh hoạt hằng ngày và hoạt động lao động sản xuất của người dân: ngược xuôi miền chợ nổi, lướt nhanh trên cánh đồng rì rào sóng lúa, rộn ràng những đêm giăng câu, thả lưới. Xuồng còn mang giá trị tinh thần của người dân vùng sông nước: theo dòng nước toả đi, chở đầy ước mơ, khát vọng của tình đất, tình người phương Nam.

+ Phương Nam (Nam Bộ) là vùng sông nước, có nhiều kênh rạch, sông ngòi. Xuồng là phương tiện đi lại phổ biến của người dân nơi đây. Xuồng là người bạn thân thiết của người

- GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: <i>Chiếc xuồng là người bạn thân thiết của người dân Nam Bộ. Nó gắn bó với cuộc sống chiến đấu và lao động sản xuất của người dân nơi đây.</i>	dân Nam Bộ. Người dân Nam Bộ sống gắn bó với thiên nhiên, kiên cường trong chiến đấu và chăm chỉ, cần cù trong lao động sản xuất. - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho thi đọc diễn cảm trước lớp (mỗi tổ cử đại diện tham gia) - GV nhận xét tuyên dương. - GV khích lệ HS nêu suy nghĩ của bản thân: Em học tập được gì về cách miêu tả đồ vật qua bài đọc? - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- Một số HS tham gia thi đọc: + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau. - HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. VD: Miêu tả đặc điểm nổi bật của đồ vật kết hợp với công dụng và sự gắn bó của đồ vật với con người, với quê hương, vùng đất,... – HS lắng nghe.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

TIẾNG VIỆT
Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
Bài: LUYỆN TẬP VỀ CÂU GHÉP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố kiến thức và phát triển kỹ năng liên kết các câu trong đoạn văn, qua đó phát triển kỹ năng viết nói chung, kỹ năng tạo lập văn bản nói riêng.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: Chiếc hộp âm nhạc. - GV nêu cách chơi: HS chuyển tay nhau chiếc hộp có chứa các câu hỏi đồng thời nghe bài hát. Khi bài hát dừng chiếc hộp ở tay bạn nào thì bạn ấy trả lời câu hỏi. (Nếu HS nào chưa có câu trả lời thì có thể chuyển hộp nhạc cho bạn ngồi bên cạnh để tiếp tục trả lời câu hỏi.)	- HS tham gia trò chơi. - HS lắng nghe cách chơi và trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.

+ Câu hỏi 1: Có mấy cách liên kết câu trong đoạn văn, là những cách nào? + Câu hỏi 2: Các câu văn sau được liên kết bằng hình thức nào? <i>Quả sim giống hệt một con trâu mộng bé tí hon, béo tròn múp míp, còn nguyên cả lông tơ, chỉ thiếu chiếc khoáy. Cái sừng trâu là cái tai quả, nó chính là đài hoa đã già.</i> (Theo Băng Sơn) - GV nhận xét, tổng kết trò chơi. - GV giới thiệu vào bài mới. - Ghi bảng	+ Đáp án: Có 3 cách liên kết câu: liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ, liên kết câu bằng từ ngữ nối, liên kết câu bằng từ ngữ thay thế. + Đáp án: Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ - - HS lắng nghe - HS ghi tên bài vào vở
2. Luyện tập. - Mục tiêu: + HS nhận biết được các cách liên kết câu trong từng đoạn văn cụ thể (bài tập 1); + Biết chọn đúng từ ngữ đã cho điền vào chỗ trống để liên kết các câu văn cụ thể (bài tập 2); + Thực hành viết đoạn văn theo chủ đề, trong đó có sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu (bài tập 3). + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Các câu trong những đoạn văn dưới đây liên kết với nhau bằng cách nào? a. ⁽¹⁾ Mới hôm qua, tôi chỉ thấy con đường đất đỏ quen thuộc và những đám cỏ xác xơ. ⁽²⁾ Thế mà hôm nay, đột nhiên những bông hoa mua đầu mùa đã bật nở, tím hồng như những ngọn đèn vui thấp thoáng trong làn sương ẩm. (Theo Vũ Tú Nam) b. ⁽¹⁾ Múa sư tử thực chất là một điệu múa võ. ⁽²⁾ Các miếng võ được biểu diễn rõ nhất trong màn sư tử đùa nghịch vờn nhau với đuôi uoi và khỉ. ⁽³⁾ Đuôi uoi và khỉ tìm đủ mọi cách để trêu chọc sư tử. ⁽⁴⁾ Bị trêu chọc, con thú dữ phát khùng nhe răng ra định ngoạm đầu đuôi uoi và khỉ, nhưng những con vật này dùng đủ miếng võ để né tránh một cách tài tình.	

(Theo Trần Quốc Vượng- Lê Văn Hảo- Dương Tất Từ)

c. ⁽¹⁾ Nhà rông là nơi thờ cúng chung, hội họp chung, tiếp khách chung, vui chơi chung của tất cả dân làng. ⁽²⁾ Kiến trúc bên trong nhà rông khá đặc biệt: nhà trống rỗng, chẳng vướng víu một cây cột nào, có nhiều bếp lửa luôn đun khói, có nơi dành để chiêng trống, nông cụ,... ⁽³⁾ Đêm đêm, bên bếp lửa bập bùng, các cụ già kể lại cho con cháu nghe biết bao kỉ niệm vui buồn ngôi nhà rông đã từng chứng kiến. ⁽⁴⁾ Vì vậy, nhà rông đối với tuổi trẻ Tây Nguyên thân thương như cái tổ chim êm ấm.

(Theo Ay Dun và Lê Tấn)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:
- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2 theo phiếu bài tập sau:

Đoạn văn	Cách liên kết câu	Từ ngữ liên kết
a		
b		
c		

- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- + Đoạn văn b: Các câu 1 và 2 liên kết với nhau qua từ sư tử, võ. Các câu 2, 3 và 4 liên kết với nhau qua từ đười ươi, khỉ. Các câu 3 và 4 liên kết với nhau bằng cách thay từ sư tử bằng cụm từ con thú dữ

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.

Đáp án:

Đoạn văn	Cách liên kết câu	Từ ngữ liên kết
a	Liên kết câu bằng từ ngữ nối	Thế mà
b	– Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ – Liên kết câu bằng từ ngữ thay thế	– võ, sư tử, đười ươi, khỉ – con thú dữ thay thế cho sư tử
c	Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ	nhà rông

- Các nhóm trình bày
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để liên kết các câu trong đoạn văn.

(người anh, hai anh em, hai vợ chồng người em, nhưng)

Ngày xưa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em, cha mẹ mất sớm. chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn. từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng người em. thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế, sợ em tranh công, liền bàn với vợ cho hai vợ chồng người em ra ở riêng.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2

- GV mời các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

+ Đoạn văn này đã dùng những cách liên kết câu nào?

+ Từ ngữ nào cho em biết điều đó?

- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 3. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) giới thiệu về một phương tiện đi lại của người dân ở vùng sông nước, trong đó có sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu hay nhất với dàn ý chi tiết giúp học sinh có thêm tài liệu tham khảo để viết văn hay hơn.

- HS đọc yêu cầu bài tập

- HS thực hiện theo nhóm vào phiếu lớn

- Đại diện nhóm trình bày kết quả

+ Ngày xưa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em, cha mẹ mất sớm. **Hai anh em** chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn. **Nhưng** từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng người em. **Hai vợ chồng người em** thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế, **người anh** sợ em tranh công, liền bàn với vợ cho hai vợ chồng người em ra ở riêng.

- HS nhận xét

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

+ Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ và bằng từ ngữ nối

+ Lặp từ ngữ: hai anh em, hai vợ chồng

+ Từ ngữ nối: nhưng

- HS lắng nghe

- YC học sinh làm việc cá nhân đặt câu ghép và xác định về câu ghép. - Yêu cầu HS làm cá nhân vào vở sau đó chia sẻ trước lớp. - GV chụp bài HS và chiếu để lớp nhận xét - GV có thể đưa ra các tiêu chí để HS nhận xét: + Đoạn văn viết đúng chủ đề: phương tiện đi lại của người dân vùng sông nước. + Các câu trong đoạn văn liên kết với nhau bằng từ ngữ nối. + Đủ số lượng: 4 – 5 câu - GV mời một số HS đọc đoạn văn, nêu các từ ngữ nối và các cách liên kết câu khác (nếu có). - GV nhận xét cá nhân HS và lớp, tuyên dương những HS biết cách liên kết câu trong đoạn văn đã viết.	- HS đọc yêu cầu bài - HS làm bài cá nhân. - Chia sẻ bài làm trước lớp. - HS nhận xét bài của mình và của bạn theo các tiêu chí GV đưa ra. + VD đoạn văn tham khảo: Quê em ở vùng ven biển miền Trung. Vì vậy, cô bác ở quê thường đi đánh cá bằng thuyền. Mọi người đều coi thuyền là vật dụng gần gũi, gắn bó. Vào những buổi sớm mai, những chiếc thuyền lớn nhỏ đầy tôm cá cập bờ mang theo niềm vui của người dân miền biển. - Lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng? “ Câu 1. Các câu sau liên kết bằng cách lặp từ ngữ. <i>Lớp Minh có thêm học sinh mới. Đó là một bạn gái có cái tên rất ngộ: Thi Ca.</i> A. Đúng B. Sai Câu 2. Các câu sau liên kết với nhau bằng cách nào? Cô giáo xếp Thi Ca ngồi ngay cạnh Minh. Minh tò mò ngó mái tóc xù lông nhím của	- HS chơi trò chơi. - Đáp Án + Câu 1: B

bạn ấy, định bụng làm quen với “người hàng xóm mới” thật vui vẻ.

- A. Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ
- B. Liên kết câu bằng từ ngữ nối
- C. Liên kết câu bằng từ ngữ thay thế
- D. Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ và thay thế từ ngữ.

- Yêu cầu HS nêu cụ thể cách liên kết câu trong đoạn văn ở bài tập 2.

- Nhận xét tổng kết trò chơi và đánh giá tiết học

- Dặn dò bài về nhà.

+ Câu 2: D

- HS trả lời

- Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

TOÁN

Bài 54: THỰC HÀNH TÍNH TOÁN VÀ ƯỚC LƯỢNG THỂ TÍCH MỘT SỐ HÌNH KHỐI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS tính toán, đo lường và ước lượng được thể tích của một số hình khối trong thực tế liên quan đến các hình lập phương và hình hộp chữ nhật.
- HS vận dụng được cách tính thể tích hình lập phương và hình hộp chữ nhật để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tính toán và ước lượng để giải quyết yêu cầu bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng cách tính thể tích hình lập phương và hình hộp chữ nhật để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

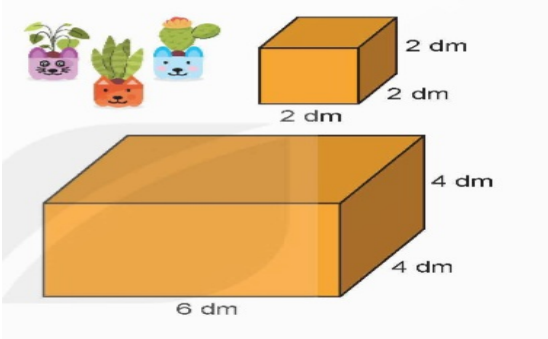
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Nêu cách tính thể tích hình lập phương? + Câu 2: Nêu cách tính thể tích hình hộp chữ nhật? + Câu 3: Tính thể tích hình lập phương có cạnh 3cm? - Câu 4: Tính thể tích hình hộp chữ nhật có kích thước: $a=5$, $b=3$, $c=4$	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: Muốn tính thể tích hình lập phương ta lấy cạnh nhân cạnh nhân cạnh. + Muốn tính thể tích hình hộp chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng rồi nhân với chiều cao (cùng đơn vị đo). + Trả lời: 27 cm^3 + Trả lời: 60 dm^3

- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + HS tính toán, đo lường và ước lượng được thể tích của một số hình khối trong thực tế liên quan đến các hình lập phương và hình hộp chữ nhật. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: - Cho hs đọc yêu cầu. - Yc hs quan sát hình - GV mời HS làm việc cá nhân  - GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- Hs đọc yêu cầu. - Hs quan sát hình và chú thích kích thước trên hình vẽ làm bài - Kết quả: a, Thể tích mẫu hộp đó là: $2 \times 2 \times 2 = 8 \text{ dm}^3$ b, Thể tích của thùng là: $6 \times 4 \times 4 = 96 \text{ dm}^3$ Có thể xếp được số hộp vào hũ là: $96 : 8 = 12 \text{ (hộp)}$
Hoạt động 2: - GV giới thiệu hoạt động và hướng dẫn cách làm: - HD hs cách ước lượng chiều dài, rộng cao của phòng học. VD : a = 6 m, b = 4 m, c=3 m thì xếp được bao nhiêu hình lập phương 1m^3 ? - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS quan sát, lắng nghe GV hướng dẫn cách làm. - Hs ước lượng - Đại diện các nhóm trả lời. - HS trả lời Vd: Thể tích của căn phòng : $6 \times 4 \times 3 = 72 \text{ m}^3$ Có thể xếp được số thùng 1 m^3 vào phòng $72 : 1 = 72 \text{ (thùng)}$ - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Cùng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho hs chơi trò chơi : Đường đua	

- GV yc hs mang các hộp dạng hình hộp chữ nhật và hình lập phương đã chuẩn bị để xung quanh lớp.

- GV mời 1 HS đọc luật chơi.

- GV nhắc lại luật chơi:

Cô đọc một số đo thể tích, các nhóm quan sát ước lượng và lựa chọn một hộp có số đo thể tích bằng hoặc gần bằng số đo thể tích cô vừa đọc. Nhóm tìm được hộp có số đo thể tích bằng hoặc gần bằng nhất với số đo thể tích của cô giáo đọc thì được cộng một điểm. Trò chơi được chơi 5 lượt chơi, đội nào giành được nhiều điểm nhất thì thắng cuộc.

- GV tc cho hs chơi

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn dò bài về nhà.

- Hs đọc luật chơi

- Hs lắng nghe

- 1 HS chơi trò chơi



IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Bài 20: VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được vị trí địa lí của cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước cam-pu-chia.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ trong thực hiện các hoạt động học tập, tự hoàn thành các yêu cầu trong học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học và giải quyết các vấn đề học tập hiệu quả, sáng tạo (liên quan thực tế).

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hoạt động học tập, trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết tôn trọng giá trị văn hóa của Cam-pu-chia.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: - GV yêu cầu học sinh quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi: <i>Công trình kiến trúc nào được thể hiện trên Quốc kì Vương quốc Cam-pu-chia?</i>	- HS quan sát tranh, suy nghĩ và trao đổi với bạn.
 - GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.	- 2-3 HS trả lời câu hỏi - HS nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe

- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới:
Ăng - co Vát là quần thể đền đài tại cam-pu-chia, thu hút du khách hàng đầu nước này. Công trình là đỉnh cao của phong cách kiến trúc khơ-me, trở thành biểu tượng của đất nước và xuất hiện trên Quốc kì Cam-pu-chia.

2. Khám phá:

- Mục tiêu:

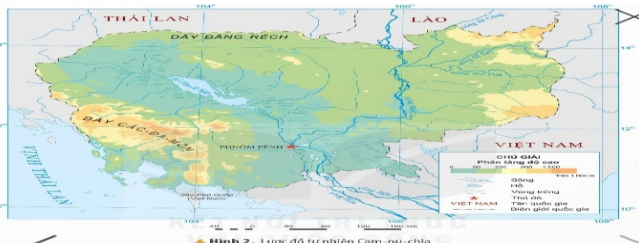
+ Xác định được vị trí địa lí, một số đặc điểm tự nhiên của Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.

+ Rèn luyện kĩ năng Sử dụng được bản đồ, lược đồ để xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia và một số đối tượng địa lí.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí của nước Cam-pu-chia.

- Tổ chức học sinh hoạt động nhóm đôi thực hiện các yêu cầu: Đọc thông tin và quan sát hình 2, xác định vị trí của Cam-pu-chia trên lược đồ.



- Giáo viên theo dõi kiểm tra.

- Gọi học sinh xác định vị trí của Cam-pu-chia trên lược đồ.

- GV đặt một số câu hỏi khai thác nội dung kiến thức về Cam-pu-chia.

+ Cam-pu-chia là đất nước thuộc khu vực nào của châu Á?

+ Kể tên các quốc gia tiếp giáp với Cam-pu-chia.

- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.

- GV nhận xét, kết luận: *Cam-pu-chia tiếp giáp với Lào và Thái Lan ở phía bắc, Việt Nam ở phía đông, vịnh Thái Lan ở phía tây nam.*

Hoạt động 2. Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên và dân cư Cam-pu-chia

- Hoạt động nhóm đôi và thực hiện yêu cầu.

- Học sinh xác định vị trí của Cam-pu-chia trên lược đồ.

- Học sinh lắng nghe và trả lời câu hỏi.

+ Cam-pu-chia thuộc khu vực Đông Nam Á của châu Á.

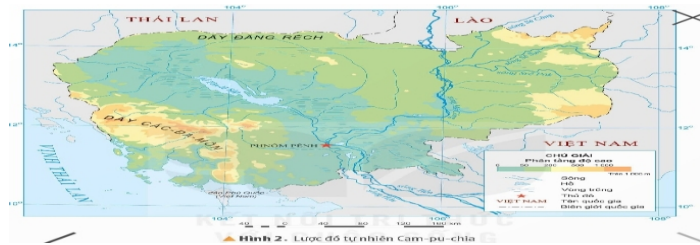
+ Cam-pu-chia tiếp giáp các quốc gia: Lào và Thái Lan ở phía bắc, Việt Nam ở phía đông, vịnh Thái Lan ở phía tây nam.

- Học sinh lắng nghe.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

2.1. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của Cam-pu-chia:

- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 và quan sát hình 2.



- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành bảng dưới đây:

Thành phần	Đặc điểm
Địa hình	
Khí hậu	
Sông, hồ	

- GV gọi 1-2 cặp trình bày kết quả.

- GV gọi các cặp khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, kết luận.
- Giáo viên tổ chức cho học sinh đọc mục em có biết trang 86 về hồ Tôn-lê Sáp và quan sát một số hình ảnh hoặc video về thiên nhiên của Cam-pu-chia để có cái nhìn trực quan hơn.

3. Luyện tập

- Mục tiêu:

+ Biết xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên lược đồ, bản đồ.

- HS đọc thông tin và quan sát.

- HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành bảng

- 1-2 cặp trình bày kết quả.

Thành phần	Đặc điểm
Địa hình	Chủ yếu là đồng bằng
Khí hậu	Cận xích đạo, với một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt.
Sông, hồ	- Sông Mê Kông là sông lớn nhất, cung cấp lượng nước dồi dào cho đất nước này. - Hồ Tôn-lê Sáp của Cam-pu-chia là hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á.

- Các cặp khác nhận xét, bổ sung.

- HS chú ý, lắng nghe.

- HS đọc mục em có biết? Quan sát các hình ảnh, video.

+ Rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 3: Thực hành xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên lược đồ, bản đồ.

- Giáo viên sử dụng lược đồ, bản đồ (có thể sử dụng lược đồ Hình 2), nêu yêu cầu của hoạt động (*xác định trên lược đồ vị trí của Cam-pu-chia kết hợp nêu tên các quốc gia tiếp giáp với Cam-pu-chia, một số dãy núi, sông và hồ lớn ở Cam-pu-chia.*)

- Tổ chức học sinh thực hành.

- Tổ chức học sinh nhận xét, góp ý.

- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.

- Lắng nghe giáo viên hướng dẫn.

- Thực hiện cá nhân.

- HS nhận xét, góp ý.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu học sinh:

+ Chia sẻ những điều em đã học được với người thân.

+ Tìm và xác định vị trí của Cam-pu-chia trên một số lược đồ, bản đồ khác.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh lắng nghe.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Thứ ba, ngày 11 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

Bài: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết đánh giá, chỉnh sửa chương trình hoạt động dựa trên gợi ý của SHS và GV.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS nêu hoạt động mình đã viết chương trình ở tiết trước, tự nhận xét về bài làm của mình. - GV nêu kết quả chung về bài viết của HS ở tiết trước, nêu những ưu điểm của các em. - GV nhận xét, tuyên dương những HS có bài viết tốt trình bày đẹp.	- 2 HS nêu. - HS lắng nghe

- GV dẫn dắt vào bài mới.	
2. Luyện tập - Mục tiêu: + Biết đánh giá, chỉnh sửa chương trình hoạt động dựa trên gợi ý của SHS và GV. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Nghe thầy cô nhận xét - GV mời HS đọc lại đề bài và nêu yêu cầu của đề bài. GV nêu số HS viết chương trình cho mỗi hoạt động. - GV nhận xét về ưu điểm, hạn chế theo từng mục của bản chương trình hoạt động: + Mục đích chương trình đặt ra đã đúng chưa? + Địa điểm và thời gian thực hiện chương trình đã phù hợp chưa? + Việc chuẩn bị để thực hiện chương trình đã đầy đủ chưa? + Việc xác định các nội dung cụ thể và phân bổ thời gian đã hợp lí chưa? - GV nêu ưu điểm và hạn chế về mặt hình thức: lỗi chính tả, lỗi sử dụng dấu câu, lỗi sử dụng từ ngữ, lỗi diễn đạt,..	- HS đọc 2 đề bài. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Xem lại bài viết của mình khi nghe GV nhận xét, có thể đánh dấu vào những chỗ có lỗi mà thầy cô đã nêu. - HS lắng nghe, tiếp thu.
Bài 2: Đánh giá bản chương trình hoạt động: - Mời 1 HS nêu hoạt động đã chọn để viết chương trình và yêu cầu. - Hướng dẫn HS đọc phần gợi ý trong SGK, dựa vào những nhận xét của thầy cô, tự đánh giá bản chương trình của mình theo các mục đã nêu trong phần gợi ý. <i>Tham khảo phần đánh giá chương trình phát động phong trào xây dựng tủ sách của lớp.</i> + Mục đích: Đã xác định và viết đúng. + Địa điểm và thời gian thực hiện: Phù hợp với hoạt động. + Công tác chuẩn bị: Cần mời thêm thầy cô phụ trách thư viện cùng tham gia chương trình phát động. + Nội dung các việc cụ thể và phân bổ thời gian: Điều chỉnh thời gian cho một số nội dung, cụ	- HS đọc thầm lại bản chương trình. - Đánh giá bản chương trình hoạt động dựa vào nhận xét của GV, các ghi chép ở tiết trước và theo từng mục trong phần gợi ý. - HS tham khảo

thể: giảm bớt thời gian ở nội dung Tổng nhất kế hoạch và triển khai thực hiện, thêm thời gian cho nội dung Các tổ trao đổi kế hoạch thực hiện																
Bài 3: Chỉnh sửa bản chương trình hoạt động - GV hướng dẫn HS dựa vào nhận xét của thầy cô giáo, kết quả đánh giá ở mục 2 và những lỗi đã ghi chép trong hoạt động đã viết ở Bài 14 để: + Chỉnh sửa nội dung (hoạt động cụ thể, thời gian, phân công,...)lỗi hoặc bổ sung các ý còn thiếu (nếu có) vào bản chương trình. + Sửa hình thức trình bày. - GV chiếu cho HS tham khảo về kế hoạch hoạt động “<i>Chương trình phát động phong trào xây dựng tủ sách của lớp</i>” Thời gian: tiết sinh hoạt lớp <table><tr><th>Thời gian</th><th>Nội dung</th><th>Người phụ trách</th></tr><tr><td>5 – 7 phút</td><td>Phát biểu về mục đích, yêu cầu của việc xây dựng tủ sách của lớp; thời gian thực hiện.</td><td>Lớp trưởng</td></tr><tr><td>10 phút</td><td>Kế hoạch thực hiện và kết quả mong đợi.</td><td>Chi đội trưởng</td></tr><tr><td>20 phút</td><td>Các tổ trao đổi về kế hoạch thực hiện của tổ và dự kiến một số kết quả cụ thể.</td><td>Các tổ trưởng</td></tr><tr><td>10 phút</td><td>Tổng nhất kế hoạch và triển khai thực hiện</td><td>Lớp trưởng</td></tr></table>	Thời gian	Nội dung	Người phụ trách	5 – 7 phút	Phát biểu về mục đích, yêu cầu của việc xây dựng tủ sách của lớp; thời gian thực hiện.	Lớp trưởng	10 phút	Kế hoạch thực hiện và kết quả mong đợi.	Chi đội trưởng	20 phút	Các tổ trao đổi về kế hoạch thực hiện của tổ và dự kiến một số kết quả cụ thể.	Các tổ trưởng	10 phút	Tổng nhất kế hoạch và triển khai thực hiện	Lớp trưởng	- HS làm việc cá nhân: - Đọc lại bản chương trình, lưu ý những chỗ đã đánh dấu hoặc ghi lại. + Chỉnh sửa chương trình theo nội dung đánh giá ở hoạt động 3 và những lỗi đã đánh dấu và ghi lại trong quá trình thầy cô nhận xét và rà soát ở tiết trước. + Lưu ý sửa lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. - HS tham khảo, rút kinh nghiệm
Thời gian	Nội dung	Người phụ trách														
5 – 7 phút	Phát biểu về mục đích, yêu cầu của việc xây dựng tủ sách của lớp; thời gian thực hiện.	Lớp trưởng														
10 phút	Kế hoạch thực hiện và kết quả mong đợi.	Chi đội trưởng														
20 phút	Các tổ trao đổi về kế hoạch thực hiện của tổ và dự kiến một số kết quả cụ thể.	Các tổ trưởng														
10 phút	Tổng nhất kế hoạch và triển khai thực hiện	Lớp trưởng														
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:																
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Chia sẻ với người thân về những hoạt động được thể hiện trong bản chương trình mà em đã viết. - GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 15 thú vị, dễ nhớ. - GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. - Dặn HS đọc trước Bài 16	- HS lắng nghe, thực hiện - HS nêu theo ý kiến cá nhân - HS lắng nghe															

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

TOÁN

BÀI 55: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được hình khai triển của hình hộp chữ nhật và hình trụ.
- HS tính được diện tích xung quanh diện tích toàn phần thể tích của hình hộp chữ nhật hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm biết được hình khai triển của hình lập phương hình hộp chữ nhật và hình trụ.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng tính được diện tích xung quanh diện tích toàn phần thể tích của hình hộp chữ nhật hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

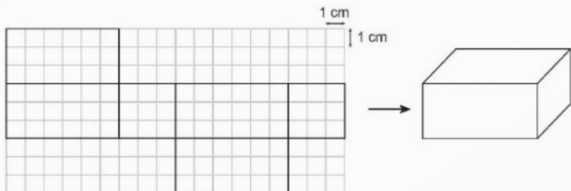
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phần khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Quan sát các hình và cho biết:  + Câu 1: Hình lập phương là? Hình hộp chữ nhật là? + Câu 2: Hình trụ là? + Câu 3: Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật?	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: A: Hình LP và C: Hình HCN + Trả lời Hình B + Trả lời: A. Chu vi đáy nhân với chiều cao

Câu 4: Diện tích toàn phần của hình lập phương? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	+ Trả lời: C. Diện tích 1 mặt nhân với 6 - HS lắng nghe.																								
2. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + HS nhận biết được hình khai triển của hình lập phương hình hộp chữ nhật và hình trụ. + HS tính được diện tích xung quanh diện tích toàn phần thể tích của hình hộp chữ nhật hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế. - Cách tiến hành:																									
Bài 1. Chọn câu trả lời đúng - GV mời hs đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm việc cá nhân chọn đáp án đúng. - GV Nhận xét tuyên dương.	- Hs đọc yêu cầu bài. - Hs làm việc các nhân giờ kq bằng hoa đáp án. + Đáp án: B																								
Bài 2. Hoàn thành bản sau: - YC hs đọc đề bài, HD hs phân tích đề - YC hs hđ nhóm bàn <table><tr><td>Hình lập phương</td><td>Hộp thứ nhất</td><td>Hộp thứ 2</td></tr><tr><td>Độ dài cạnh</td><td>8 dm</td><td>0,5 m</td></tr><tr><td>S xung quanh</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>S toàn phần</td><td>?</td><td>?</td></tr></table> - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	Hình lập phương	Hộp thứ nhất	Hộp thứ 2	Độ dài cạnh	8 dm	0,5 m	S xung quanh	?	?	S toàn phần	?	?	- Hs đọc, phân tích đề theo HD của GV - HS làm việc nhóm bàn <table><tr><td>Hình lập phương</td><td>Hộp thứ nhất</td><td>Hộp thứ 2</td></tr><tr><td>Độ dài cạnh</td><td>8 dm</td><td>0,5 m</td></tr><tr><td>S xung quanh</td><td>256 dm²</td><td>1 m²</td></tr><tr><td>S toàn phần</td><td>384 dm²</td><td>1,5 m²</td></tr></table> - Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).	Hình lập phương	Hộp thứ nhất	Hộp thứ 2	Độ dài cạnh	8 dm	0,5 m	S xung quanh	256 dm ²	1 m ²	S toàn phần	384 dm ²	1,5 m ²
Hình lập phương	Hộp thứ nhất	Hộp thứ 2																							
Độ dài cạnh	8 dm	0,5 m																							
S xung quanh	?	?																							
S toàn phần	?	?																							
Hình lập phương	Hộp thứ nhất	Hộp thứ 2																							
Độ dài cạnh	8 dm	0,5 m																							
S xung quanh	256 dm ²	1 m ²																							
S toàn phần	384 dm ²	1,5 m ²																							
Bài 3. 3 Nam làm một chiếc hộp từ hình khai triển dưới đây.  Tính thể tích của chiếc hộp đó. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời lớp làm việc nhóm , thực hiện theo yêu cầu. - GV mời đại diện các nhóm trả lời.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - HS lắng nghe cách làm và hđ nhóm. - Đại diện các nhóm trình bày. + Hình hộp chữ nhật.																								

- + Hộp dạng hình gì?
- + Kích thước dài ,rộng,cao của hình?
- + Cách tính thể tích hình hộp chữ nhật?
- + Thể tích chiếc hộp Nam làm là bao nhiêu?
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- + chiều dài 6 cm, chiều rộng 3 cm, chiều cao 3cm.
- + Dài nhân rộng nhân cao
- + Thể tích chiếc hộp Nam làm là:

$$6 \times 3 \times 3 = 54 \text{ cm}^3$$
- Nhận xét bổ sung cho nhóm bạn

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 4. Viết có một chiếc hộp gỗ (có nắp) dạng hình hộp chữ nhật, có chiều dài 25cm, chiều rộng 20 cm, chiều cao 10cm. Viết sơn màu nâu lên các mặt xung quanh và màu vàng lên hay mặt đáy của chiếc hộp đó. Tính diện tích toàn phần được sơn màu nâu.



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời.
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân.
- HS trả lời:
- + Diện tích xung quanh chính là diện tích sơn màu nâu của hộp. Vậy diện tích sơn màu nâu là:

$$(25 + 20) \times 2 \times 10 = 900 \text{ cm}^2$$

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

KHOA HỌC
Ôn tập giữa HKII

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn tập lại các chủ đề đã học, nắm vững các kiến thức cơ bản về chủ đề Vi khuẩn và chủ đề Con người và sức khỏe.
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực ôn tập những kiến thức đã học trong chủ đề Vi khuẩn và chủ đề Con người và sức khỏe..
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Vận dụng và trao đổi với bạn về những nội dung đã học trong chủ đề Vi khuẩn và chủ đề Con người và sức khỏe..

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết về kiến thức và kỹ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- Một số học liệu phụ vụ tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV mở bài nhảy điệu dân vũ, mời cả lớp cùng nhảy dân vũ để khởi động không khí vui vẻ trước khi vào tiết ôn tập. - GV dẫn dắt vào tiết ôn tập giữa học kì II.	- Cả lớp cùng nhảy điệu dân vũ để khởi động. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động ôn tập. - Mục tiêu: + Học sinh ôn tập lại kiến thức đã học về chủ đề chất . - Cách tiến hành:	
1. Ôn tập về chủ đề Vi khuẩn. - GV mời HS làm việc nhóm 2, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi sau: 1. Vi khuẩn có kích thước như thế nào?	- HS thảo luận nhóm 2 và trả lời câu hỏi: 1. Vi khuẩn có kích thước rất nhỏ.

2. Đề quan sát về vi khuẩn ta cần dùng dụng cụ nào? 3. Nêu những nơi vi khuẩn có thể sống? - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	2. Đề quan sát về vi khuẩn cần sử dụng kính hiển vi có độ phóng đại lớn. 3. Một số nơi vi khuẩn sống như nước từ vòi, trong không khí, đất, tay nắm cửa, thực phẩm chưa nấu chín (gà, rau,...), ở trong nhà vệ sinh, trên da tay và trong ruột (hệ tiêu hoá) - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, ghi nhớ.
2. Ôn tập về chủ đề Con người và sức khỏe. - GV mời HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi và ghi vào vở rồi trình bày trước lớp: 1. Trong mỗi gia đình, sự sinh sản có ý nghĩa gì? 2. Em có biết mẹ mang thai bao lâu, em bé ra đời? 3. Sự phát triển của con người được chia làm mấy giai đoạn? 4. Các em đang trong giai đoạn phát triển nào? Vì sao em biết điều đó. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi và ghi vào vở rồi trình bày trước lớp: 1. Nhờ có sự sinh sản mà có sự tiếp nối của các thế hệ trong mỗi gia đình, dòng họ. 2. Em bé được sinh ra sau khoảng 9 tháng ở trong bụng mẹ. 3. Sự phát triển của con người được chia làm 4 giai đoạn chính: Tuổi ấu thơ, tuổi vị thành niên, tuổi trưởng thành, tuổi già. 4. Giai đoạn tuổi vị thành niên, vì dựa vào tuổi. (11 tuổi) - Các HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, ghi nhớ.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS về nhà tiếp tục ôn tập các nội dung kiến thức đã học trong chủ đề Vi khuẩn và chủ đề Con người và sức khỏe. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe về thực hiện. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động giáo dục theo chủ đề:

- Múa dân vũ bài “Niềm vui của gia đình”.
- Xác định những việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

HS thực hiện:

- Chia sẻ được về bầu không khí gia đình của bản thân
- Nêu được những việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ được với các bạn về ý kiến cá nhân trong các nhiệm vụ nhóm và hợp tác với các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ hoạt động.

- Tự chủ và tự học: chủ động quan sát, chia sẻ về bầu không khí gia đình của bản thân.

2. Năng lực đặc thù:

– Thiết kế và tổ chức hoạt động: lập danh sách những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: suy nghĩ về tình cảm của những người thân trong gia đình với nhau và thực hiện những việc làm thể hiện tình yêu thương, tạo bầu không khí đầm ấm trong gia đình với người thân.

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Kế hoạch tổ chức hoạt động, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- Những việc đã làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Nhận diện – Khám phá	
1. Hoạt động 7: Múa dân vũ bài “Niềm vui gia đình” <i>a) Mục tiêu</i> – Tạo hứng thú cho HS và kết nối với tiết hoạt động - HS xác định được biểu hiện của bầu không khí vui vẻ, ấm áp trong gia đình.	
<i>b) Cách tiến hành</i> - GV tổ chức cho HS tham gia múa dân vũ bài “Niềm vui gia đình” (Nhạc và lời Hoàng Vân) + GV cho học sinh quan sát các động tác của bài múa dân vũ “Niềm vui gia đình”. + Giáo viên tổ chức cho học sinh múa dân vũ	HS quan sát và múa dân vũ theo nhạc

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Nhận diện – Khám phá	
theo bài hát để tạo không khí vui tươi cho lớp học	
- GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi múa dân vũ: + Niềm vui trong gia đình bạn nhỏ được thể hiện như thế nào? + Bạn nhỏ mong ước điều gì?	HS trả lời theo suy nghĩ
- GV tổ chức cho HS chơi chuyền hoa, chia sẻ về những điều mình sẽ làm để gia đình luôn tràn đầy niềm vui	HS tham gia chơi và chia sẻ theo hướng dẫn của GV
– GV tổng kết và kết nối vào chủ đề: <i>Việc làm của mỗi thành viên sẽ góp phần tạo dựng bầu không khí vui vẻ, ấm áp trong gia đình. Vậy cần làm như thế nào để gia đình luôn đầm ấm, yêu vui, chúng ta cùng tìm hiểu ở hoạt động sau nhé!</i>	
Tìm hiểu – Mở rộng	
2. Hoạt động 8 : Xác định những việc sẽ làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình	
<i>a) Mục tiêu</i> - HS chia sẻ được về bầu không khí gia đình của bản thân - HS nêu được những việc là để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình	
<i>b) Cách tiến hành</i> – GV yêu cầu HS đọc thầm nhiệm vụ 1 của hoạt động 8 ở trang 70, SHS HĐTN5 và đồng thời phát phiếu thông tin cho HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn: + Hồi tưởng để nhớ lại những hình ảnh, cảm xúc của các em về bầu không khí trong gia đình + Hoàn thiện phiếu thông tin	– HS đọc nhiệm vụ và nội dung phiếu thông tin - HS nhớ lại những hình ảnh, cảm xúc về bầu không khí trong gia đình
- GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm đôi về phiếu thông tin của bản thân	HS chia sẻ phiếu thông tin theo nhóm đôi
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, liệt kê những việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình + GV gợi ý cho HS dựa vào những thông tin đã tìm hiểu về suy nghĩ, tình cảm của em với người thân và giữa những người thân trong gia đình để	- HS viết những việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình dựa vào những nội dung trong phiếu thông tin.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Nhận diện – Khám phá	
đưa ra những việc làm tạo không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình Ví dụ: điều em thích nhất trong gia đình là mọi người luôn quan tâm thì em cần làm gì để thể hiện sự quan tâm với mọi người... + GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết	
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4-6 em, phát phiếu thảo luận và yêu cầu HS chia sẻ về những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình + GV sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn, yêu cầu mỗi cá nhân suy nghĩ và viết danh sách việc sẽ làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình vào phần giấy riêng trên phiếu. + GV yêu cầu cả nhóm trao đổi, thống nhất và ghi những âm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình vào phần giấy ở giữa. (Chú ý: những việc làm trùng nhau thì chỉ ghi 1 lần)	- HS làm việc nhóm theo hướng dẫn
- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và các nhóm khác bổ sung ý kiến, nêu thêm câu hỏi thắc mắc (nếu có).	- HS báo cáo kết quả thảo luận - HS bổ sung ý kiến hoặc nêu thêm câu hỏi về liên quan đến việc tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Vòng quay kì diệu” để tham gia chia sẻ về những việc đã làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình + GV chiếu slide vòng quay có ghi tên HS trong lớp + GV cho vòng quay chọn ngẫu nhiên, mũi tên của vòng quay dừng ở tên HS nào thì HS đó lên chia sẻ	- HS tham gia trò chơi và chia sẻ về những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. - HS hỏi thêm về cách thực hiện những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.
- GV nhận xét và nhắc HS về nhà thực hiện những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.	- HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu của GV
4. Tổng kết tiết trải nghiệm	
– GV tổ chức cho HS chia sẻ về những điều học được qua tiết hoạt động - GV nhận xét và hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết sinh hoạt lớp: + Bầu chọn người dẫn chương trình	- HS chia sẻ theo suy nghĩ của bản thân - HS về nhà thực hiện

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Nhận diện – Khám phá	
+ Các tiết mục văn nghệ liên quan đến chủ đề gia đình + Dự kiến khách mời (phụ huynh HS hoặc GV tổng phụ trách...) + Suy nghĩ và chuẩn bị ý kiến để tham gia diễn đàn “Yêu thương và trách nhiệm trong gia đình” theo gợi ý: • Tình yêu thương, trách nhiệm được thể hiện như thế nào? • Yêu thương và trách nhiệm có mối liên hệ với nhau như thế nào? • Đưa ra tình huống hoặc câu chuyện mà em biết hoặc của bản thân để minh họa	
IV. IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG 	

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1: PHIẾU THÔNG TIN

PHIẾU THÔNG TIN

Họ và tên

Viết 3 từ để diễn tả bầu không khí gia đình em:

.....
.....

Em tự đánh giá về mối quan hệ giữa những người thân trong gia đình (theo thang điểm 10):

① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩

Điều em thích nhất trong mối quan hệ với những thành viên trong gia đình:

.....
.....

Khi ở bên người thân, em cảm thấy:

.....
.....



KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ

Thư điện tử (Tiết 2)

Đã soạn ở tuần 25

Thứ tư, ngày 12 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Bài 16: VỀ THĂM ĐẤT MŨI (4 tiết)

Tiết 1+2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ Về thăm Đất Mũi. Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng điệu phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ nêu vẻ đẹp của Đất Mũi.

Đọc hiểu: Thơ và đặc trưng của văn bản thơ (ngôn ngữ giàu hình ảnh, khổ thơ, vần nhịp trong thơ, thể thơ). Nhận biết được vẻ đẹp của Đất Mũi thông qua các hình ảnh so sánh, nhân hoá.

Hiểu được: điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên (cây cối, đất, trời, rừng, biển...) của Đất Mũi, một vùng đất ở cực Nam của đất nước

- Nói và nghe: Giới thiệu được một sản vật độc đáo của địa phương và biết bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc đối với những thông tin từ lời giới thiệu của bạn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những bài thơ, bài ca dao về quê hương đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

*** Giáo dục đạo đức: Yêu quê hương, đất nước.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu: Từ tên gọi Đất Mũi và tranh minh hoạ, nêu cảm nhận của em về vùng đất này. - GV giao nhiệm vụ:	- HS quan sát, lắng nghe

+ Làm việc nhóm. GV khích lệ HS nói được suy nghĩ, ý kiến riêng của mình. + Làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng, chia sẻ suy nghĩ, nêu ý kiến riêng của mình. + Chia sẻ trước lớp cảm nhận của bản thân khi quan sát tranh minh họa và nghe tên gọi Đất Mũi - GV nhận xét, góp ý. - GV dẫn dắt vào bài mới. Vừa rồi các em đã có cảm nhận ban đầu về Đất Mũi. Tuy nhiên, mảnh đất cực Nam của đất nước chúng ta còn rất nhiều điều thú vị. Bài thơ Về thăm Đất Mũi sẽ giúp các em khám phá thêm những điều thú vị đó.	+ HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng. + HS (2 – 3 em) chia sẻ trước lớp cảm nhận của bản thân khi quan sát tranh minh họa và nghe tên gọi Đất Mũi. Ví dụ: Mũi Cà Mau là mảnh đất nhô ra ở điểm tận cùng phía Nam của Tổ quốc Việt Nam, thuộc địa phận xóm Mũi, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; Mũi Cà Mau có rất nhiều cây mắm và cây đước; Mũi Cà Mau vừa có rừng vừa có biển...
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ Về thăm Đất Mũi. Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng điệu phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ nêu vẻ đẹp của Đất Mũi. - Cách tiến hành:	
2.1. Luyện đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: GV đọc diễn cảm bài thơ, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài thơ, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu cảm xúc, gợi tả, gợi cảm - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: bài thơ có 6 khổ thơ - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>sinh, dòng sữa, vươn xa,...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc các câu thơ dài: <i>Về đây/ nghe đất thở;</i> <i>Về đây/ trông đước chạy;</i> <i>Rễ mắm/ thì ăn lên;</i> <i>Rễ đước/ thì cắm xuống;.....</i> - GV HD đọc đúng ngữ điệu: Đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những hình ảnh thơ thể hiện vẻ đẹp của đất Mũi - GV mời 6 HS đọc nối tiếp khổ thơ. - GV nhận xét tuyên dương.	- HS nghe đọc, nhìn vào sách và đọc theo để có cảm nhận về những thông tin, chi tiết thấy thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với bản thân. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 2 HS đọc toàn bài mỗi học sinh đọc 3 khổ thơ - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - HS quan sát và đánh dấu các khổ thơ. - 6 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ - Lắng nghe
2.2. Luyện đọc diễn cảm.	- HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm.

- GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc . - GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm: + Đọc diễn cảm một số câu + Hướng dẫn HS đọc nhấn giọng những hình ảnh thơ thể hiện vẻ đẹp của Đất Mũi: <i>Về đây nghe đất thở, Phập phồng trước bình minh, Về đây trông đước chạy, Những bước chân ngập sinh, Gập ngọn gió châu thổ, Đang mở hội trên đồng, Ca bài ca mở cõi, Của bao đời cha ông;...</i> - GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi một số câu - GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai).	- HS nghe GV hướng dẫn cách đọc. + Đọc thầm + Đọc nhấn giọng những hình ảnh thơ thể hiện vẻ đẹp của Đất Mũi: <i>Về đây nghe đất thở, Phập phồng trước bình minh, Về đây trông đước chạy, Những bước chân ngập sinh, Gập ngọn gió châu thổ, Đang mở hội trên đồng, Ca bài ca mở cõi, Của bao đời cha ông;...</i> - HS luyện đọc nhóm đôi:
2.3. Luyện đọc toàn bài. - GV gọi 6 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV mời HS luyện đọc theo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV nhận xét chung.	- 6 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
TIẾT 2	
3. Tìm hiểu bài. - Mục tiêu: + Hiểu được Thơ và đặc trưng của văn bản thơ (ngôn ngữ giàu hình ảnh, khổ thơ, vần nhịp trong thơ, thể thơ). Nhận biết được vẻ đẹp của Đất Mũi thông qua các hình ảnh so sánh, nhân hoá. + Hiểu được: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên (cây cối, đất, trời, rừng, biển...) của Đất Mũi, một vùng đất ở cực Nam của đất nước - Cách tiến hành:	

3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) + Đước: cây cao mọc ở rừng nước mặn, hoa vàng, hạt nảy mầm ngay trên cây. + Mắm: cây mọc ở vùng đầm lầy ven biển, rễ trôi lên khỏi mặt bùn; thường được trồng để bảo vệ đê ngăn nước mặn. + Năm Căn: một huyện thuộc tỉnh Cà Mau.	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Tìm những hình ảnh cho thấy vẻ đẹp độc đáo của cây cối ở Đất Mũi. + Cây cối ở Đất Mũi có điểm gì đặc biệt?" + Câu 2: Những hình ảnh thiên nhiên ở Đất Mũi (gió, biển, đất trời,...) được miêu tả như thế nào? + Câu 3: Hai dòng thơ “Nơi địa đầu Tổ quốc/ Rạng ngời ánh bình minh” gợi cho em suy nghĩ gì về Đất Mũi? + Câu 4: Theo em, vì sao “lần đầu về Đất Mũi”, tác giả lại có cảm giác “như về với nhà mình”?	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: - Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. + Tìm những hình ảnh cho thấy vẻ đẹp độc đáo của cây cối ở Đất Mũi. + Cây cối được miêu tả là những cây cối mang đặc trưng ở Đất Mũi: cây mắm, cây đước mọc thành rừng, rễ mắm thì ăn lên, rễ đước thì cắm xuống, rễ đước ngập trong sinh...; cây cối được miêu tả rất sinh động mang đặc trưng của Đất Mũi sinh lầy + Thiên nhiên ở Đất Mũi rất độc đáo: gió châu thổ mở hội trên đồng; biển gập rùng; bãi bồi vươn xa; đất thở, đất và trời gần lại;... + Hai dòng thơ ca ngợi vẻ đẹp của Đất Mũi, nơi địa đầu Tổ quốc./ Hai dòng thơ nói về sự phát triển của Đất Mũi trong tương lai./ Hai dòng thơ thể hiện niềm tin của nhà thơ vào sự phát triển tốt đẹp của mảnh đất nơi địa đầu của Tổ quốc./...). + “Lần đầu về Đất Mũi”, tác giả có cảm giác “như về với nhà mình” vì tác giả thấy Đất Mũi vô cùng thân thương, gắn bó; vì tác giả rất yêu cảnh vật thiên nhiên nơi đây; vì tác giả thấy bóng dáng quê hương mình ở Đất Mũi.

- GV hướng dẫn cách thực hiện: + HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại yêu cầu của bài tập, đọc thầm lại đoạn thơ; dự kiến câu trả lời. + HS làm việc nhóm. HS ghi câu trả lời vào phiếu học tập, vở hoặc giấy nháp. - Mời đại diện nhóm báo cáo kết quả - GV nhận xét và thống nhất đáp án - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập, ghi kết quả vào phiếu học tập. - 1 – 2 nhóm báo cáo kết quả trước lớp. + Khổ đầu của bài thơ Về thăm Đất Mũi sử dụng biện pháp nhân hoá (đất thổ, được chạy). + Tác dụng của những biện pháp nhân hoá: làm cho sự vật sinh động, có hồn hơn, gây ấn tượng với người đọc - HS nhận xét, góp ý.
Bài 2. Tìm từ đồng nghĩa với các từ in đậm trong khổ thơ và đặt câu với từ tìm được Lần đầu về Đất Mũi Như về với nhà mình Nơi địa đầu Tổ Quốc Rạng ngời ánh bình minh! - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Xác định từ in đậm - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: GV phát thẻ từ cho các đội (mỗi đội 2 thẻ từ tương ứng với 2 từ ngữ cần tìm từ đồng nghĩa). Các thành viên trong đội sẽ lần lượt lên dán kết quả lên bảng. - GV nhận xét và thống nhất câu trả lời. - Yêu cầu HS đặt câu với các từ đồng nghĩa vừa tìm được – GV biểu dương một số HS đặt được nhiều câu hay	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm. - HS nêu: Tổ quốc, Rạng ngời - Tổ chức thành 4 đội chơi. - Các đội trình bày kết quả Từ đồng nghĩa với các từ in đậm: + Tổ quốc: đất nước, quốc gia, giang sơn,... + rạng ngời: rạng rỡ, ngời sáng,... - HS đặt câu theo suy nghĩ của bản thân Ví dụ: + Việt Nam là đất nước có nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng. + Mỗi quốc gia đều có phong tục, tập quán khác nhau. + Cô ấy trông thật rạng rỡ. - HS nhận xét
5. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Sau tiết Đọc giúp HS có cơ hội chia sẻ cảm nhận riêng của mình về bài thơ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	

- GV mời HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS chia sẻ các ý kiến khác nhau. - VD: + Đọc bài thơ Về thăm Đất Mũi, em thấy được vẻ đẹp đặc trưng của thiên nhiên, cây cối ở miền đất cực Nam của Tổ quốc. + Em thấy được tương lai phát triển của Đất Mũi Cà Mau. + Em thấy được tình yêu của tác giả dành cho vùng đất cực Nam của Tổ quốc.... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

TOÁN

BÀI 55: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được hình khai triển của hình hộp chữ nhật.
- HS tính được diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật, thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích nhận biết được hình khai triển của hình hộp chữ nhật. Tính được diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật, thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng cách tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, thể tích hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

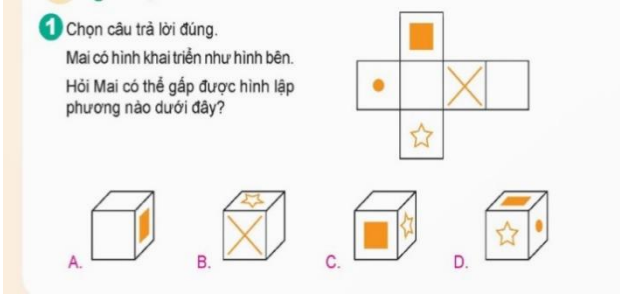
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

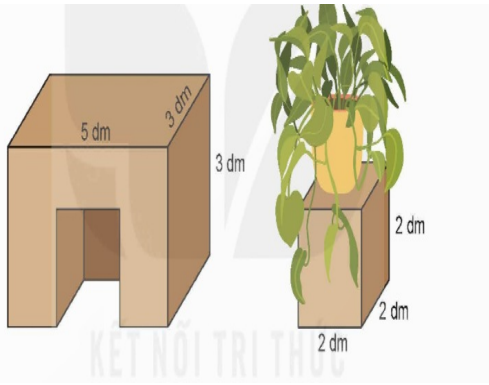
- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Điền số thích hợp vào dấu chấm: Hình hộp chữ nhật có ...mặt? + Câu 2: S xung quanh củ hình hộp chữ nhật có kích thước: $a = 5\text{ cm}$, $b = 3\text{ cm}$, $c = 2\text{ cm}$ + Câu 3: Thể tích hình hộp chữ nhật có kích thước: $a = 5\text{ cm}$, $b = 3\text{ cm}$, $c = 2\text{ cm}$ + Câu 4: Thể tích hình lập phương có cạnh 6 cm ? - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: A. 6 mặt + Trả lời: C. 32 cm^2 + Trả lời: B. 16 cm^3 + Trả lời: A. 216 cm^3 - HS lắng nghe.

- GV dẫn dắt vào bài mới	
2. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + HS nhận biết được hình khai triển của hình hộp chữ nhật. + HS tính được diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật, thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế. - Cách tiến hành:	
Bài 1. Chọn câu trả lời đúng.  1 Chọn câu trả lời đúng. Mai có hình khai triển như hình bên. Hỏi Mai có thể gấp được hình lập phương nào dưới đây? A. B. C. D. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời lớp làm việc chung: Quan sát hình Chọn đáp án và giải thích vì sao. - GV mời HS trả lời. - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc chung: Quan sát hình chọn đáp án B. Vì mặt đáy có hình ngôi sao và hình vuông, mặt bên có hình X và chấm tròn. - Nhận xét
Bài 2. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. + Diện tích nhựa cứng cần dùng là diện tích gì của chiếc hộp? - GV mời HS lên bảng làm - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. + Là diện tích toàn phần của chiếc hộp hình lập phương. - HS lên bảng làm. Diện tích phần nhựa cứng mà chú Nhân cần dùng là: $2,5 \times 2,5 \times 6 = 37,5 \text{ (dm}^2\text{)}$ Đ/S: 37,5 (dm²)
Bài 3. Bác thợ mộc có một khối gỗ dạng hình hộp chữ nhật với kích thước như hình vẽ dưới đây, bác cắt đi một phần gỗ dạng hình lập phương cạnh 2 đề xi mét để làm đế đỡ chậu cây và phần còn lại dùng làm ghế tính thể tích. Phần gỗ dùng làm ghế. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV HD HS phân tích đề, tìm cách làm - Gọi 1 hs nêu cách làm	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Hs lắng nghe. - 1 Hs nêu cách làm của mình

- Mời 1 hs lên bảng làm bài



- GV nhận xét, tuyên dương.

+ Diện tích phần được lát gạch chính là diện tích xung quanh và diện tích đáy dưới của bể bơi.

- 1 hs lên bảng trình bày

Diện tích xung quanh của bể bơi là:

$$(25 + 8) \times 2 \times 1,4 = 92,4 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích đáy bể là:

$$25 \times 8 = 200 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích phần lát gạch là:

$$92,4 + 200 = 292,4 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đ/S : } 292,4 \text{ (m}^2\text{)}$$

- Nhận xét, bổ sung.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

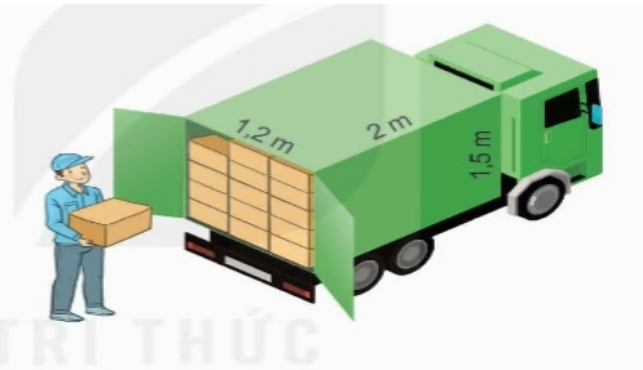
+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4. Chú Tư xếp các hộp đựng loa lên xe tải có kích thước thùng xe như trong hình vẽ, biết các hộp đều có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 0,5m, chiều rộng 0,4m và chiều cao 0,3m. Hỏi chú Tư có thể xếp được 64 hộp như vậy lên thùng xe hay không?



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời hs hoạt động nhóm bàn.

- GV mời HS trả lời.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc nhóm bàn.

- HS trả lời:

+ Thể tích thùng xe là:

$$2 \times 1,2 \times 1,5 = 3,6 \text{ m}^3$$

+ Thể tích của 1 hộp đựng loa là:

$$0,5 \times 0,4 \times 0,3 = 0,06 \text{ m}^3$$

+ Thể tích của 64 hộp đựng loa là:

$$0,06 \times 64 = 3,84 \text{ m}^3$$

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	Vậy chú Tư không thể xếp được 64 hộp đựng loa lên thùng xe. - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

ĐẠO ĐỨC

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố lại những kiến thức đã học về các nội dung: Bảo vệ môi trường sống (tiết 3, 4); Lập kế hoạch cá nhân; Phòng tránh xâm hại (T1, 2).
- Có kỹ năng lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp chuẩn mực trong các tình huống đơn giản trong thực tế cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, tự điều chỉnh hành vi, thái độ lời nói và biết thiết lập, duy trì mối quan hệ bạn bè.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tìm hiểu và tham gia những hoạt động thể hiện sự quý trọng bạn bè.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Yêu mến, đoàn kết, chia sẻ với bạn bè
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: - GV tổ chức múa hát bài “Tự bảo vệ mình nhé!” để khởi động bài học. https://youtu.be/D7NjgIDsklk?si=dO3Zs05KU7gFpdLI + GV Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	 - Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp đều bài hát. - HS chia sẻ về những điều cần làm để bảo vệ bản thân. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập, thực hành □ - Mục tiêu: + Củng cố lại những kiến thức đã học về các nội dung: Bảo vệ môi trường sống (tiết 3, 4); Lập kế hoạch cá nhân; Phòng tránh xâm hại (T1, 2). - Cách tiến hành:	

- Tổ chức cho HS tham gia chơi <i>Ai nhanh ai đúng.</i> + GV phổ biến luật chơi, cho chơi thử. + GV chiếu trên màn hình những câu hỏi dạng nhiều đáp án củng cố nội dung các bài đã học, các tình huống đạo đức có liên quan, yêu cầu HS đọc câu hỏi rồi ghi đáp án ra bảng con. Hết thời gian quy định, ai nhanh và trả lời đúng sẽ là người thắng cuộc. *Câu hỏi tham khảo xoay quanh các ý: - Nêu một số biểu hiện của việc bảo vệ môi trường sống. - Việc ô nhiễm môi trường gây tác hại gì đối với sức khỏe con người? - Vì sao cần bảo vệ môi trường? - Vì sao cần lập kế hoạch cá nhân? - Vì sao phải phòng tránh xâm hại?.... + Tổ chức cho HS chơi. *Giáo viên nhận xét, kết luận, công bố người thắng cuộc	- 1 HS đọc yêu cầu bài. - HS làm việc chung cả lớp: theo dõi và chọn đáp án đúng - HS trả lời câu hỏi theo hiểu biết của mình + Trồng cây xanh, không khạc nhổ bừa bãi, không dẫm lên cỏ, không đốt rác bừa bãi + Việc ô nhiễm môi trường gây nên rất nhiều tác hại nguy hiểm đối với sức khỏe con người, gây ra các bệnh về suy hô hấp, hay ngộ độc... + Cần phải bảo vệ môi trường vì môi trường là nơi cung cấp đầy đủ mọi nhu cầu cần thiết của con người, bảo vệ môi trường cũng chính là bảo vệ cuộc sống và chính bản thân mỗi chúng ta. + lập kế hoạch cá nhân để có thể quản lý thời gian và công việc một cách hợp lí. + Phải phòng tránh xâm hại vì ai cũng có thể trở thành nạn nhân của việc xâm hại dù là người lớn hay trẻ nhỏ, hậu quả của việc bị xâm hại sẽ để lại trong lòng nạn nhân một bóng đen vô hình và khiến họ trở nên nhút nhát, sợ sệt trong cuộc sống. - <i>Cả lớp nhận xét, bổ sung.</i> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
* Xử lý tình huống - GV chiếu yêu cầu đầu bài. - Gọi HS đọc tình huống của bài.	

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 đưa ra cách xử lý tình huống và phân công đóng vai trong nhóm. a. <i>Lớp của Dung và Hiền đi dã ngoại. Cuối buổi chiều, sau khi ăn nhẹ, Hiền vứt luôn vỏ kẹo xuống đất và đổ nước ngọt còn thừa xuống hồ. Thấy vậy, Dung nhắc nhở: “Bạn làm thế là gây ô nhiễm môi trường đấy!” Hiền liền bảo: “Một chút nước ngọt thì làm sao mà ô nhiễm hồ nước, còn vỏ kẹo thì sẽ có cô lao công thu dọn, tớ thấy nhiều người vẫn làm thế”.</i> <i>Em có nhận xét gì về ý kiến của Hiền? Nếu là Dung, em sẽ nói gì với Hiền?</i> b. <i>Loan viết chữ đẹp nhưng tốc độ viết chậm so với các bạn. Bạn dự định từ giờ đến cuối năm lớp 5 sẽ luyện viết nhanh hơn nhưng chưa biết phải làm thế nào.</i> <i>Nếu là Loan, em sẽ lập kế hoạch rèn luyện như thế nào?</i> - GV yêu cầu các nhóm lên đóng vai theo tình huống. - GV nhận xét, tuyên dương, khen ngợi các nhóm có cách xử lý và đóng vai hay. Kết luận: Môi trường là của chúng ta. Giữ gìn, bảo vệ mới là văn minh. Khi chúng ta chưa thành công ở một lĩnh vực nào đó cần lập kế hoạch rõ ràng và quyết tâm thực hiện sẽ góp phần chúng ta thành công hơn. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe HS trả lời theo ý hiểu của mình. - HS phát biểu: a. Em không tình với việc làm của Hiền. Nếu là Dung em sẽ nói với Hiền rằng việc vứt rác xuống đất và đổ nước ngọt xuống sông sẽ gây ô nhiễm đất và ô nhiễm nguồn nước, và sẽ khiến các cô chú lao công vất vả hơn khi dọn dẹp chúng. b. Nếu em là Loan em sẽ lập ra kế hoạch cụ thể như sau: - Thời gian thực hiện mục tiêu: trong khoảng thời gian còn lại của năm học - Biện pháp: Mỗi ngày dành ra 1 tiếng để luyện viết, và luyện nhiều kiểu chữ viết khác nhau. - Đại diện một số nhóm lên đóng vai trước lớp, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: - Yêu cầu HS hát, đọc thơ hoặc kể chuyện về nội dung ca ngợi về bảo vệ môi trường, các việc đã thực hiện thành công nhờ việc lập kế hoạch, - Kể về bảo vệ môi trường ở lớp mà em ấn tượng nhất.	- HS thực hiện theo yêu cầu, trình bày trước lớp. - Lớp nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.

*Giáo viên nhận xét, tuyên dương những HS xuất sắc nhất.

- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Cửa gió Tùng Chinh

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. Khởi động: - GV tổ chức cho HS hát - GV giới thiệu bài. 2. Luyện tập: Hoạt động: Viết theo mẫu. - GV hướng dẫn học sinh cách viết, tư thế viết sao cho đúng, đúng cỡ chữ và sạch.	- HS thực hiện. - HS lắng nghe và ghi tên bài.
- Gv quan sát, giúp đỡ, HS gặp khó khăn. - GV nhận xét một số bài. 3. Vận dụng trải nghiệm: - Nhận xét tiết học . - Xem lại bài. Rèn luyện thêm.	- HS lắng nghe và thực hiện vào vở Cửa gió Tùng Chinh Đường tuần tra lên chớp Hai ngàn Gió vù vù quạt ngang cành búa Trông xa xa nhập nhòa ánh lửa Vật vờ đầu núi sương sa. Cửa gió này người xưa gọi Ngã ba Cất con suối hai chiều dâng lũ Nơi gió Tùng Chinh, Pù mo, Pù xai hội tụ Chấn lồi mồn lên đỉnh Tùng Chinh. Theo Đào Nguyên Bảo - HS rèn chữ. - Hs lắng nghe

Thứ năm, ngày 13 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

Bài: VIẾT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG (Bài viết số 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được chương trình hoạt động theo đúng yêu cầu.
- Chỉnh sửa được một số lỗi thuộc về hình thức và nội dung chương trình hoạt động.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức, từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng trình bày, sử dụng từ ngữ để bài viết trở nên phong phú đa dạng hơn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong đóng vai nhân vật.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết trân trọng từng chặng đường lịch sử hào hùng của dân tộc và ghi nhớ công ơn của cha ông đã chịu bao gian khổ, hi sinh để có cuộc sống hòa bình hôm nay.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Nhớ lại đặc điểm của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc hiện tượng. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS nhắc lại các mục trong một bản chương trình hoạt động để chuẩn bị cho bài viết số 2. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới	- 2 HS nhắc lại + Tên chương trình 1. Mục đích 2. Thời gian và địa điểm 3. Chuẩn bị 4. Kế hoạch thực hiện: + Thời gian + Nội dung + Người phụ trách,.... - HS lắng nghe.

2. Luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học, chuẩn bị nội dung để viết chương trình cho hoạt động đã chọn.

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Viết chương trình cho 1 trong 2 hoạt động dưới đây:

- Quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt

- Tham gia hội diễn văn nghệ chào mừng ngày
Nhà giáo Việt Nam (20 tháng 11)

Bài 1: Chuẩn bị

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tự thực hiện yêu cầu theo những gợi ý, hướng dẫn trong SGK.

+ Đọc và chọn một hoạt động phù hợp để viết chương trình.

+ Nhớ lại hoặc xem lại phần hướng dẫn trong hoạt động Viết ở Bài 13.

+ Dự kiến những công việc cụ thể và lập nhập
bảng kế hoạch thực hiện.

- Lập bảng kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ.

+ Đọc lướt hướng dẫn về những nội dung để viết chương trình hoạt động trong SHS.

- GV lưu ý HS :

+ Đây là bài viết số 2, chú ý phát huy những ưu điểm đã có để không mắc những lỗi như ở bài viết số 1.

+ Cách trình bày bảng kế hoạch thực hiện.

Bài 2: Viết chương trình hoạt động

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp lắng nghe và xác định yêu cầu.

-Thực hiện yêu cầu theo gợi ý, hướng dẫn trong SGK:

+ Đọc và chọn một trong hai chương trình phù hợp.

+ Nhớ lại hoặc xem lại phần hướng dẫn trong hoạt động Viết ở Bài 13.

+ Dự kiến những công việc cụ thể và lập nhập
bảng kế hoạch thực hiện.

+ Hoạt động quyên góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt có thể gồm những việc như: quyên góp sách vở, đồ dùng, quần áo; phân loại, đóng gói;...

+ Hoạt động tham gia hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20 tháng 11) có thể gồm những việc như: phân công các bạn tập luyện những tiết mục dự kiến biểu diễn, chuẩn bị trang phục biểu diễn,...

+ Đọc lướt hướng dẫn về viết chương trình trong SGK

- Xem lại những ghi chép và bảng kế hoạch thực hiện đã chuẩn bị.

- Mời 1 HS nêu hoạt động đã chọn để viết chương trình và yêu cầu. - Lưu ý HS cách trình bày phần Kế hoạch thực hiện (kẻ bảng cân đối). - Lập bảng biểu - GV theo dõi, hỗ trợ những HS viết chậm, nhắc các em chưa biết cách kẻ bảng, nắm bắt ưu điểm và những lỗi có thể nhiều HS mắc phải	- Viết chương trình hoạt động theo từng mục. Chương trình “Quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt” (1) Mục đích – Phát huy tinh thần lá lành đùm lá rách, đoàn kết san sẻ trong lúc hoạn nạn khó khăn, giúp đỡ lẫn nhau của đồng bào Việt Nam. – Khắc phục trước mắt những hậu quả để lại của đồng bào vùng lũ lụt do thiên tai gây ra, ổn định tạm thời các nhu yếu phẩm cơ bản, cấp thiết. (2) Thời gian và địa điểm – Thời gian: Từ 07 giờ 40 phút đến 12 giờ 10 phút ngày 14 tháng 05 năm 2025. – Địa điểm: Phòng Hội đồng – Trường Tiểu học (3) Chuẩn bị – Thông báo cho giáo viên, học sinh các lớp mang sách vở cũ, quần áo cũ,... rồi phân loại, đóng gói theo tập thể lớp. Bên ngoài các kiện hàng ủng hộ có đánh dấu tên lớp để thuận tiện kiểm kê, báo cáo. – Giáo viên chủ nhiệm phụ trách tập hợp đầu mối các nguồn quyên góp của lớp mình, gửi về phòng Hội đồng trường trong thời gian quy định. – Phân công giáo viên Tổng phụ trách liên hệ với UBND địa phương nơi có lũ lụt để thông tin việc quyên góp và gửi quyên góp địa chỉ theo đường bưu điện. – Hoàn tất báo cáo về việc quyên góp và công bố tới các lớp, toàn trường. (4) Kế hoạch thực hiện
---	---

	<table><tr><th>Thời gian</th><th>Nội dung</th><th>Người phụ trách</th></tr><tr><td>7 giờ 40 – 9 giờ</td><td>Giáo viên cho học sinh phân loại đồ dùng quyền góp đã chuẩn bị trước mang tới lớp, đóng hàng theo lớp và ghi nhãn kiện tên lớp.</td><td>GVCN</td></tr><tr><td>9 giờ – 11 giờ</td><td>Giáo viên chủ nhiệm phụ trách tập hợp đầu mối các nguồn quyền góp của lớp mình, gửi về phòng Hội đồng trường</td><td>GVCN, Tổng phụ trách, Ban giám hiệu</td></tr><tr><td>11 giờ – 12 giờ</td><td>Liên hệ với UBND địa phương nơi vùng lũ lụt, xác nhận chuyển gửi và báo cáo số lượng chuyển gửi; báo cáo các lớp và toàn trường.</td><td>GVCN Tổng phụ trách, Ban giám hiệu</td></tr></table>	Thời gian	Nội dung	Người phụ trách	7 giờ 40 – 9 giờ	Giáo viên cho học sinh phân loại đồ dùng quyền góp đã chuẩn bị trước mang tới lớp, đóng hàng theo lớp và ghi nhãn kiện tên lớp.	GVCN	9 giờ – 11 giờ	Giáo viên chủ nhiệm phụ trách tập hợp đầu mối các nguồn quyền góp của lớp mình, gửi về phòng Hội đồng trường	GVCN, Tổng phụ trách, Ban giám hiệu	11 giờ – 12 giờ	Liên hệ với UBND địa phương nơi vùng lũ lụt, xác nhận chuyển gửi và báo cáo số lượng chuyển gửi; báo cáo các lớp và toàn trường.	GVCN Tổng phụ trách, Ban giám hiệu
Thời gian	Nội dung	Người phụ trách											
7 giờ 40 – 9 giờ	Giáo viên cho học sinh phân loại đồ dùng quyền góp đã chuẩn bị trước mang tới lớp, đóng hàng theo lớp và ghi nhãn kiện tên lớp.	GVCN											
9 giờ – 11 giờ	Giáo viên chủ nhiệm phụ trách tập hợp đầu mối các nguồn quyền góp của lớp mình, gửi về phòng Hội đồng trường	GVCN, Tổng phụ trách, Ban giám hiệu											
11 giờ – 12 giờ	Liên hệ với UBND địa phương nơi vùng lũ lụt, xác nhận chuyển gửi và báo cáo số lượng chuyển gửi; báo cáo các lớp và toàn trường.	GVCN Tổng phụ trách, Ban giám hiệu											
Bài 3: Đọc soát và chỉnh sửa lỗi (nếu có). - Hướng dẫn HS đọc lại bản chương trình đã viết, rà soát theo yêu cầu, tự phát hiện các lỗi và dự kiến cách sửa. - Sau đó, hướng dẫn các em làm việc theo cặp, trao đổi vở để đọc và và góp ý cho nhau. - GV mời HS đọc bản chương trình - GV, HS nhận xét.	- Đọc lại bản chương trình, rà soát theo những yêu cầu sau theo cá nhân: + Có đủ các mục của chương trình. + Nội dung của từng mục được trình bày rõ ràng. + Hình thức bản chương trình đúng yêu cầu, có bảng biểu. - Trao đổi vở với bạn bên cạnh, đọc bản chương trình và góp ý cho nhau (theo yêu cầu, các lỗi khác). - 1 HS đọc - Nhận xét												
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung, giúp HS có cơ hội luyện tập về cách thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:													
- GV hướng dẫn HS về nhà đọc cho người thân nghe bản chương trình cụ thể - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe thực hiện - HS lắng nghe.												

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

TOÁN
BÀI 55: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được hình khai triển của lập phương.
- HS tính được diện tích toàn phần hình lập phương, tính được thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích nhận biết được hình khai triển của lập phương, tính được diện tích toàn phần hình lập phương, tính được thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng cách tính diện tích toàn phần hình lập phương, tính được thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

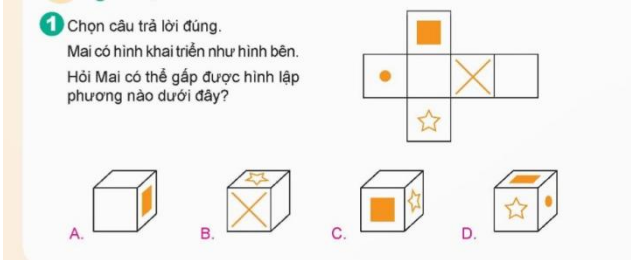
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

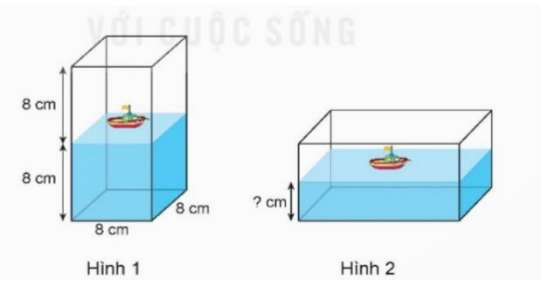
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Điền chữ thích hợp vào chỗ chấm: Hình lập phương có 6 mặt..... + Câu 2: S toàn phần của hình lập phương có cạnh : $a = 5\text{ cm}$ + Câu 3: Thể tích hình hộp chữ nhật có kích thước: $a = 5\text{ cm}$, $b = 5\text{ cm}$, $c = 2\text{ cm}$ + Câu 4: Thể tích hình lập phương có cạnh 3 cm ? - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: A. Bằng nhau + Trả lời: C. 125 cm^2 + Trả lời: B. 150 cm^3 + Trả lời: A. 27 cm^3 - HS lắng nghe.

- GV dẫn dắt vào bài mới	
2. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + HS nhận biết được hình khai triển của lập phương. + HS tính được diện tích toàn phần hình lập phương, tính được thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế. - Cách tiến hành:	
Bài 1. Chọn câu trả lời đúng.  1 Chọn câu trả lời đúng. Mai có hình khai triển như hình bên. Hỏi Mai có thể gấp được hình lập phương nào dưới đây? A.  B.  C.  D.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời lớp làm việc chung: Quan sát hình Chọn đáp án và giải thích vì sao. - GV mời HS trả lời. - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc chung: Quan sát hình chọn đáp án B. Vì mặt đáy của hình LP là ngôi sao và hình vuông đối diện . Mặt bên có hình X và chấm tròn đối diện
Bài 2. Chú Nhân vừa hoàn thiện mô hình có bóng bằng miếng gỗ. Chú muốn làm một chiếc hộp lập phương bằng nhựa cứng cạnh 2,5dm để đảm bảo quần bóng. Tính diện tích nhựa cứng mà chú cần dùng để làm chiếc hộp đó. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. + Diện tích phần nhựa cứng cần dùng là diện tích gì của chiếc hộp? - GV mời 1 HS lên bảng làm - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. + Là diện tích toàn phần của chiếc hộp. - 1 HS lên bảng làm. Bài giải Diện tích nhựa cứng cần dùng là: $2,5 \times 2,5 \times 6 = 37,5 \text{ (dm}^2\text{)}$ Đ/S: 37,5 (dm²) - Nhận xét
Bài 3. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV HD HS phân tích đề + Khối gỗ ban đầu hình gì? Có kích thước như thế nào?	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Hs phân tích đề + Khối gỗ ban đầu hình hộp chữ nhật. Có kích thước: 5dm,3dm,3dm

+ Để đỡ chậu dạng hình gì? có kích thước như thế nào? + Để tìm được thể tích khối gỗ dùng làm ghế sau khi cắt đi phần để đỡ chậu thì làm thế nào? - Mời 1 hs lên bảng làm bài - GV nhận xét, tuyên dương.	+ Để đỡ chậu dạng hình lập phương? có cạnh 2dm. + Để tìm được thể tích phần gỗ dùng làm ghế sau khi cắt đi phần để đỡ chậu ta lấy thể tích khối gỗ ban đầu trừ đi thể tích để đỡ chậu. - 1 hs lên bảng trình bày Bài giải Thể tích khối gỗ ban đầu là: $5 \times 3 \times 3 = 45 \text{ (dm}^3\text{)}$ Thể tích phần gỗ cắt làm để đỡ chậu là: $2 \times 2 \times 2 = 8 \text{ (dm}^3\text{)}$ Thể tích phần gỗ dùng làm ghế là: $45 - 8 = 37 \text{ (dm}^3\text{)}$ Đ/S : 37(dm³) - Nhận xét, bổ sung.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
Bài 4. Số ?  Hình 1 Hình 2 Khi đặt hộp đứng như hình một phần nước có chiều cao là 8cm, vậy xoay hộp đó như hình 2 thì phần nước có chiều cao là... cm? - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời hs hoạt động nhóm bàn. - GV mời HS trả lời.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc nhóm bàn. - HS trả lời: + Ở hình 1 chiều cao bằng một nửa của chiếc hộp. Ở hình 2 ta thấy thấy mực nước cũng có chiều cao bằng một nửa chiếc hộp, vậy chiều cao của nước là:

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	8: 2 = 4 cm - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

KHOA HỌC
Bài 25: CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TUỔI DẬY THÌ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.

+ Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.

+ Có ý thức và kỹ năng thực hiện vệ sinh cơ thể. Đặc biệt là vệ sinh quanh cơ quan sinh dục ngoài.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực hoàn thành nhiệm vụ được tìm hiểu và theo dõi và nhận xét việc thực hiện chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thể chất, tinh thần tuổi dậy thì.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của các bạn cùng giới và khác giới.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu quý mọi người

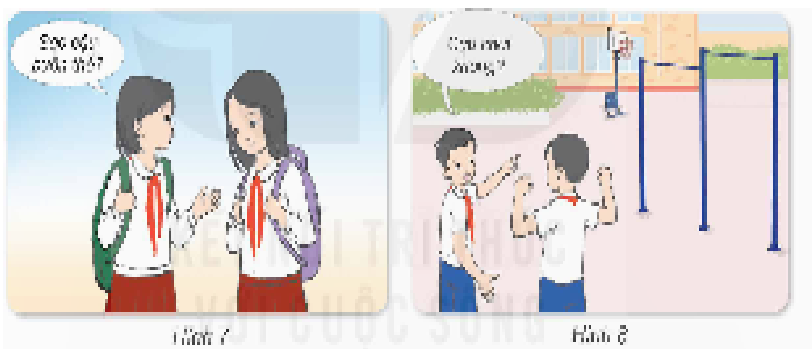
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Bảng nhóm, phiếu bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ: Kể những việc em đã làm thường ngày để chăm sóc và bảo vệ bản thân + Cá nhân HS chia sẻ +GV khuyến khích nhiều HS chia sẻ.	- Cả lớp lắng nghe. - Tắm rửa, gội đầu hàng ngày. - Cắt ngắn móng tay, móng chân. - Thường xuyên thay quần áo, giặt quần áo,..... - Dọn dẹp nhà cửa, phòng ngủ, bàn học, gọn gàng.

- GV kết luận: Ở bài học trước các em đã biết tuổi dậy thì có sự thay đổi đặc biệt một số bộ phận cơ thể. Ngoài những việc các em vừa kể các em cần thực hiện đến việc làm nào nữa để chăm sóc bảo vệ sức khỏe? Chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài học hôm nay.	- Tham gia các hoạt động thể dục thể thao, ... - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Xác định những việc cần làm để chăm sóc bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần của tuổi dậy thì. - Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1: Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe tuổi dậy thì. -Tổ chức theo nhóm đôi, yêu cầu học sinh quan sát hình và thực hiện theo yêu cầu của Sách giáo khoa. -Quan sát từ hình 1 đến hình 8 nêu những việc các bạn cần làm để chăm sóc bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần tuổi dậy thì. Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4 Hình 5 Hình 6	- HS đọc thông tin và thảo luận theo nhóm: Hình 1: ăn uống đủ lượng đủ chất. Hình 2: tắm và vệ sinh cơ thể hằng ngày đặc biệt sau khi vận động cơ thể. Hình 3: thay băng vệ sinh khi có kinh nguyệt Hình 4: Chia sẻ với người lớn về những thay đổi của cơ thể. Hình 5: không thức khuya Hình 6: không tò mò đọc truyện về tình cảm nam nữ



Hình 7: chia sẻ động viên khi bạn buồn

Hình 8: Tham gia các hoạt động thể thao vận động cơ thể.

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét, tuyên dương.

GV nhận xét và khen học sinh

Hoạt động khám phá 2: Kể những việc cần làm, khác với việc đã nêu ở hoạt động 1 để chăm sóc bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần tuổi dậy thì phù hợp học sinh.

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, khuyến khích các học sinh liệt kê càng nhiều càng tốt.

- Giáo viên nhận xét nhấn mạnh những việc làm hoạt động thường thực hiện ở trường ở nhà nhằm chăm sóc bảo vệ sức khỏe.

Một số việc có thể nêu: như tập thể dục, vận động giữa giờ, làm việc nhà, quét nhà, lau dọn nhà cửa, tưới cây, ăn hết suất ăn theo quy định, uống đủ nước, vệ sinh cơ quan sinh dục hằng ngày, khám sức khỏe đầu năm, khám răng định kỳ, ngủ trưa đầy đủ, tham gia hoạt động giải trí lành mạnh.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Vận dụng kiến thức về các chất dinh dưỡng, đặc điểm quan trọng của giai đoạn dậy thì để lựa chọn ý kiến phù hợp và giải thích được vì sao ?

+ Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực khoa học tự nhiên.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu làm việc cá nhân hoàn thành phiếu số 1.

-HS lắng nghe và hoàn thành phiếu:

Phiếu số 1

Nên làm

Không nên làm

- GV lắng nghe ý kiến chia sẻ của HS.

- GV nhận xét.

GV đưa ra câu hỏi để HS trả lời lí do vì sao nên hay không nên làm những việc đã nêu? GV nhận xét và kết luận: Cơ thể tuổi dậy thì đòi hỏi dinh dưỡng và năng lượng. Ăn uống hợp lý sẽ đảm bảo sức khỏe phòng 1 số bệnh về dinh dưỡng. Sử dụng thực phẩm giàu canxi và tăng cường vận động giúp hệ vận động được cung cấp đầy đủ khoáng chất. Phát triển tối đa chiều cao nếu không thường xuyên vận động và ăn uống ít cơ thể thiếu chất dinh dưỡng sẽ mệt mỏi, tâm lý dễ bị ồm, điều này gây ảnh hưởng và làm chậm quá trình phát triển của trẻ em trong giai đoạn dậy thì.	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="778 141 1193 622"> -Chơi cầu lông, đá cầu, tưới cây, quét lớp,... -Giữ tâm trạng vui vẻ, chơi với bạn cùng lứa tuổi... -Ăn đủ chất, đa dạng các loại thức ăn,.... -Rửa mặt ít nhất 2 lần/ngày.... </td><td data-bbox="1193 141 1503 622"> -Chạy nhảy cầu thang, leo trèo, hay ngồi một chỗ. -Thức khuya, dùng điện thoại nhiều, -Ăn kiêng, cân nặng mất kiểm soát,... </td></tr> </table> -Cơ thể dậy thì sẽ tăng nhanh về chiều cao. -Chất dinh dưỡng giúp xương chắc khỏe và tăng chiều cao của cơ thể, vitamin và canxi là 1 trong những khoáng chất quan trọng. - Chơi các môn thể thao, vận động nhiều giúp phát triển hệ xương và cơ thể săn chắc. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.	-Chơi cầu lông, đá cầu, tưới cây, quét lớp,... -Giữ tâm trạng vui vẻ, chơi với bạn cùng lứa tuổi... -Ăn đủ chất, đa dạng các loại thức ăn,.... -Rửa mặt ít nhất 2 lần/ngày....	-Chạy nhảy cầu thang, leo trèo, hay ngồi một chỗ. -Thức khuya, dùng điện thoại nhiều, -Ăn kiêng, cân nặng mất kiểm soát,...
-Chơi cầu lông, đá cầu, tưới cây, quét lớp,... -Giữ tâm trạng vui vẻ, chơi với bạn cùng lứa tuổi... -Ăn đủ chất, đa dạng các loại thức ăn,.... -Rửa mặt ít nhất 2 lần/ngày....	-Chạy nhảy cầu thang, leo trèo, hay ngồi một chỗ. -Thức khuya, dùng điện thoại nhiều, -Ăn kiêng, cân nặng mất kiểm soát,...		

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực khoa học tự nhiên.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Hỏi nhanh đáp nhanh” Chia lớp thành các nhóm: Mỗi nhóm xây dựng một số việc nên hoặc không nên làm trong vận động đối với trẻ em tuổi dậy thì? - Các nhóm trình bày. - GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân. GV tuyên dương những nhóm có tình huống ấn tượng. - Dẫn dò về nhà.	- HS lắng nghe. - HS thảo luận nhóm. VD: HS1: Chơi cầu lông HS2: Nên HS3: Trèo cây HS4: Không nên
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

CÔNG NGHỆ
Bài 8: MÔ HÌNH MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Mô tả được cách tạo ra công nghệ gió.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về mô hình máy phát điện gió.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số sản phẩm mô hình máy phát điện gió và vai trò của nó ngoài sách giáo khoa.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về vai trò của máy phát điện gió trong đời sống. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về vai trò của mô hình máy phát điện gió vào trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích các sản phẩm công nghệ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

-GV: Bài soạn, SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

-HS: SGK, vở, mô hình, tranh ảnh về sản phẩm máy phát điện gió

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK (trang 35). Hoặc tranh ảnh sưu tầm được-hay video về mô hình năng lượng điện gió + GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động đóng vai theo nhóm đôi hỏi đáp về mô hình máy phát điện gió trong đời sống mà em biết. - GV mời một số nhóm trình bày	- Cả lớp quan sát tranh hay theo dõi video. - HS1: Bạn có biết gió có thể tạo ra điện không? - HS2: Gió có thể tạo ra điện bằng cách nào? - HS trả lời: + Gió có thể tạo được ra điện, và giúp mình làm được



nhiều việc khác trong đời sống nữa đó.

+ Chúng ta tạo máy phát điện gió. Khi gió thổi tác động tạo nên cánh quạt quay làm tua bin quay tạo thành năng lượng điện.

- HS lắng nghe.

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:

Để biết các bạn tìm hiểu và trao đổi đúng không. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Mô hình máy phát điện gió”.

2. Hoạt động khám phá:

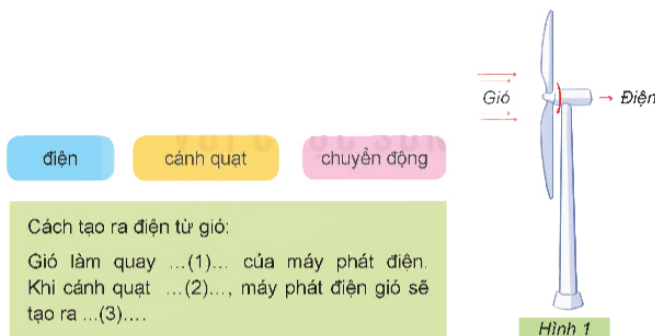
- Mục tiêu:

+ Học sinh trình bày được cấu tạo các bộ phận của máy phát điện gió.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá .

- GV yêu cầu HS quan sát tranh trong hình 1- trang 36 và cho biết các bộ phận và vai trò của máy phát điện gió



- HS quan sát tranh và điền phiếu hay gắn thẻ các từ chọn điền vào đoạn văn phù hợp:

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận:

1. cánh quạt
2. chuyển động
3. điện

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, thống nhất đáp án, tuyên dương.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức về chức năng của máy phát điện gió.

+ Vận dụng nhận biết chức năng khác nhau của quạt điện và máy phát điện gió.

- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi: “Ai nhanh và đúng hơn”

- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm theo pp khăn trải bàn (mỗi học sinh sẽ ghi theo nhận biết của mình trả lời vào ô phiếu), mỗi nhóm chuẩn bị phiếu quan sát hình trang 35 và quạt điện rồi trả lời câu hỏi sau vào phiếu:

+ So sánh sự khác nhau về chức năng hoạt động của máy phát điện gió và quạt điện?

- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện.

- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: <i>Các con rất giỏi đã trả lời rất đúng : Không giống như quạt điện cần có điện làm cho cánh quạt quay để tạo ra gió, thì máy phát điện gió được dùng để biến đổi năng lượng gió thành năng lượng điện.</i>	- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu mỗi học sinh trong nhóm ghi ý kiến trả lời của mình vào phiếu, - Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, vận dụng sử dụng năng lượng xanh sạch để bảo vệ môi trường + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV cho học sinh quan sát hình 2 trang 37 đọc mục vận dụng sáng tạo SGK GV mời HS chia sẻ về một số ứng dụng vận dụng gió đem lại lợi ích cho cuộc sống từ xưa đến nay mà em biết. - Liên hệ thử tưởng tượng mô hình tạo máy phát điện gió từ vật liệu như giấy, que kem... <i>*/Tìm hiểu học hỏi và vận dụng sử dụng nhiều từ nguồn năng lượng gió để bảo vệ môi trường</i> - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dẫn dò về nhà chuẩn bị tiết 2 Các bộ phận, các chi tiết lắp ghép tạo mô hình máy phát điện gió.	- Học sinh tham gia chia sẻ về một số vận dụng gió vào đời sống của gia đình em ở nhà, hoặc em biết, giải thích lợi ích của việc làm đó trước lớp. + Vận dụng sức gió để chạy thuyền buồm, rê lúa, phơi khô đồ vật, thả diều , chạy chong chóng.... làm đỡ tốn sức người, tiết kiệm được tiền của lại bảo vệ không làm ô nhiễm môi trường - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

STEM
XE CHẠY BẰNG “ ĐỘNG CƠ” NƯỚC
(Đã soạn tuần 25)

Thứ sáu, ngày 14 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Tiết 4: NÓI VÀ NGHE

SẢN VẬT ĐỊA PHƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nói và nghe : Giới thiệu được một sản vật độc đáo của địa phương và biết bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc đối với những thông tin từ lời giới thiệu của bạn
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực đọc sách, đọc các câu chuyện mở rộng để rèn luyện thói quen đọc sách và đưa ra suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong đọc các câu chuyện một cách nghiêm túc và có định hướng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm khi tự đọc sách, suy nghĩ và thể hiện đúng quan điểm về câu chuyện đã đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra ý thức tự đọc của học sinh qua thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc. - Cách tiến hành:	
- GV chiếu cho HS xem đoạn video giới thiệu về một số món ăn theo vùng miền trên đất nước ta để khởi động bài học. + Đoạn video giới thiệu một số món ăn ở những vùng miền nào? + Em thích món ăn nào nhất? Vì sao? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới: Món ăn là một trong những sản vật của địa phương. Mỗi địa phương có những sản vật riêng mang đặc điểm, đặc trưng của địa phương	- HS xem đoạn video. - HS trả lời câu hỏi: + Đoạn video giới thiệu một số món ăn ở 3 miền: Bắc, Trung, Nam trên đất nước ta. + HS trả lời theo ý mình. - HS lắng nghe.

2. Khám phá. - Mục tiêu: Biết nói trước nhóm, trước lớp về những hình ảnh đặc điểm tiêu biểu của sản vật địa phương + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Chuẩn bị - GV yêu cầu HS đọc lại yêu cầu trong SGK. - Bước chuẩn bị này GV đã hướng dẫn HS thực hiện khoảng 1 tuần trước khi có tiết thực hành nói và nghe. GV nhắc HS đọc kỹ các nội dung cần chuẩn bị được hướng dẫn trong SGK. Trước tiên, các em phải trả lời câu hỏi “Em muốn giới thiệu sản vật gì, ở địa phương nào?” để xác định đề tài cho bài giới thiệu. - GV giới thiệu một số hình ảnh gợi ý trong SGK và những hình ảnh khác về các sản vật của địa phương để HS tham khảo: + Món ăn của một địa phương (phở Hà Nội, bún bò Huế, mì Quảng, cơm tấm Sài Gòn, lẩu mắm U Minh,...). + Nhạc cụ, trang phục truyền thống ở các vùng miền. + Sản phẩm của các làng nghề truyền thống. - GV lưu ý HS: Tùy thuộc vào thực tế của địa phương và trải nghiệm của bản thân, HS có thể sưu tầm tranh ảnh, video,... phù hợp để sử dụng khi giới thiệu. - Yêu cầu HS làm bài ghi chép lại trên phiếu học tập.	- HS đọc yêu cầu. - HS làm việc cá nhân (làm phiếu học tập): lấy bài ghi chép đã chuẩn bị từ tuần trước - HS quan sát, lắng nghe - HS lắng nghe - HS làm bài cá nhân trong phiếu học tập (có thể dùng sơ đồ tư duy). VD: + Tên gọi của sản vật: Đồ gốm sứ Bát Tràng + Sản vật đó có ở địa phương nào? Làng Bát Tràng cổ, huyện Gia Lâm, Hà Nội. + Sản vật đó có đặc điểm gì độc đáo? • Được chế tác từ đất sét trắng, có độ bền với nhiệt độ và va đập cao, màu sắc tươi sáng và họa tiết đa dạng.

PHIẾU HỌC TẬP

Ghi lại những thông tin về sản vật độc đáo của một địa phương mà em muốn giới thiệu.

+ Tên của sản vật:.....

+ Sản vật đó có ở địa phương nào?

+ Sản vật đó có đặc điểm gì độc đáo?

+ Sản vật đó được sử dụng như thế nào?

• Làm sản phẩm gốm sứ Bát Tràng phải trải qua nhiều công đoạn rất tỉ mỉ, sáng tạo, tinh xảo mang bản sắc văn hoá của người Bát Tràng.

+ Sản vật đó được sử dụng như thế nào? Làm bát đĩa, đồ thờ, đồ trang trí,...

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Biết nói trước nhóm, trước lớp về những hình ảnh đặc điểm tiêu biểu của sản vật địa phương.

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

2. Trình bày

– GV tổ chức cho HS thực hành giới thiệu một sản vật địa phương theo các gợi ý cụ thể trong SGK theo 2 bước:

+ Bước 1: HS trình bày theo cặp/ nhóm.

+ Bước 2: Đại diện cho nhóm giới thiệu trước lớp.

- GV lưu ý HS ghi lại những thông tin thú vị khi nghe bạn giới thiệu và những ý kiến chuẩn bị cho phần trao đổi, góp ý

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

- HS trình bày theo cặp/ nhóm (nói theo phần ghi chép đã chuẩn bị ở trên) - Một số HS trình bày trước lớp.

VD: Làng gốm Bát Tràng nằm ở tả ngạn sông Hồng thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đây là làng nghề truyền thống nổi tiếng về các sản phẩm gốm sứ.

Đồ gốm sứ Bát Tràng được chế tác từ đất sét trắng, có độ bền cao, màu sắc tươi sáng và hoạ tiết đa dạng nên rất được khách hàng trong và ngoài nước yêu thích. Làm sản phẩm gốm sứ Bát Tràng phải trải qua nhiều công đoạn rất tỉ mỉ. Mỗi sản phẩm đều có sự sáng tạo riêng của nghệ nhân rất tinh xảo mang bản sắc văn hoá của người Bát Tràng.

3. Trao đổi, góp ý - GV hướng dẫn HS trao đổi theo nhóm về bài nói của theo các gợi ý SGK. - GV tổ chức cho HS hỏi – đáp để có thêm thông tin về sản vật ở địa phương được giới thiệu. - GV, HS nhận xét và phản hồi nhận xét về nội dung và cách trình bày bài giới thiệu. - GV chú ý cách mà HS hỏi – đáp, thảo luận (nhất là cách người nói trả lời câu hỏi và phản hồi nhận xét của người nghe về bài giới thiệu) để có những hỗ trợ phù hợp, giúp HS phát triển kỹ năng tương tác và thái độ tôn trọng người đối thoại. - GV tổng kết, khen ngợi những HS có bài giới thiệu tốt và tích cực tham gia trao đổi - Hướng dẫn HS ghi phiếu học tập.	Đồ gốm sứ Bát Tràng được sử dụng rộng rãi trong và ngoài nước rất phong phú như: bát đĩa, đồ thờ, đồ trang trí,... Làng gốm Bát Tràng là điểm dừng chân của nhiều khách du lịch đến tham quan thủ đô và muốn chọn cho mình những đồ lưu niệm độc đáo và sinh động nhất. - HS trao đổi, góp ý cho nhau. - HS hỏi – đáp thêm về sản vật ở địa phương được giới thiệu. - HS nhận xét và phản hồi nhận xét về nội dung và cách trình bày bài giới thiệu. - HS ghi phiếu học tập để sửa chữa, rút kinh nghiệm theo bài làm của mình. - HS ghi vào phiếu học tập
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng cuộc thi “Ai là người hóm hỉnh.” + GV tổ chức cho lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận và chọn một bạn đại diện lên trước lớp giới thiệu về một món ăn ở địa phương, thời gian không quá 1 phút. + Mời các nhóm trình bày. + GV nhận xét chung, trao thưởng. - GV nhận xét tiết dạy - GV dặn HS về nhà: sưu tầm tranh ảnh, bài viết về đồ dùng hoặc đồ thủ công mỹ nghệ của một dân tộc thiểu số trên đất nước Việt Nam.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham vận dụng. - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét bạn nào giới thiệu hay, hóm hỉnh sẽ được trao giải nhất, nhì, ba,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN
Kiểm tra định kì giữa học kì 2

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Bài 20: VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Mô tả được một trong những đặc điểm dân cư, một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia.
- Rèn luyện kỹ năng quan sát lược đồ, tranh ảnh qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.
- Hình thành năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học, hình thành năng lực nhận thức khoa học Địa lí.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ trong thực hiện các hoạt động học tập, tự hoàn thành các yêu cầu trong học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học và giải quyết các vấn đề học tập hiệu quả, sáng tạo (liên quan thực tế).
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tham gia các hoạt động học tập, trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết tôn trọng giá trị văn hóa của Cam-pu-chia.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với các nhiệm vụ, vai trò được giao trong bài học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động ôn tập lại những nội dung bài học ở tiết trước. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu xác định vị trí của Cam-pu-chia trên lược đồ. - Nêu tên các quốc gia tiếp giáp với Cam-pu-chia. - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài học.	- Học sinh thực hiện cá nhân. - Học sinh nêu. - Học sinh lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: + Mô tả được một trong những đặc điểm dân cư, một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia. + Rèn luyện kỹ năng quan sát lược đồ, tranh ảnh. - Cách tiến hành:	

Hoạt động 1: Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia:

*Tìm hiểu về đặc điểm dân cư của Cam-pu-chia:

- GV yêu cầu HS khai thác thông tin mục 2 và thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Cam-pu-chia.*
- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ ở trên.
- GV gọi HS nhanh tay, mỗi HS sẽ đưa ra 1 đặc điểm dân cư không được trùng nhau.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, kết luận.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5.
- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thực hiện yêu cầu: *Kể tên một số công trình của Cam-pu-chia. Mô tả một số công trình em ấn tượng.*
- GV gọi đại diện 2-3 nhóm lên trình bày.
- GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, kết luận.



Hình 5. Tượng đài hữu nghị Việt Nam — Cam-pu-chia tại Phnôm Pênh



Hình 4. Mặt chính đền Bay-on

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe.

- Các HS nối tiếp nhau nêu kết quả.

+ *Cam-pu-chia có dân số khoảng 16,5 triệu người (năm 2021).*

+ *Dân tộc chủ yếu ở Cam-pu-chia là người Khơ-me.*

+ *Phần lớn dân cư sống ở nông thôn.*

- HS nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

- HS đọc thông tin và quan sát hình.

- HS tiến hành thảo luận nhóm.

- Đại diện các nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

3. Luyện tập

- Mục tiêu:
- + Mô tả được một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia.
- + Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học, kỹ năng hợp tác.
- Cách tiến hành:

Hoạt động 3: Giới thiệu một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Cam-pu-chia

- GV hướng dẫn học sinh có thể chọn một công trình kiến trúc tiêu biểu của Cam-pu-chia để thực hiện.
- Tổ chức học sinh thực hiện cá nhân.
- Tổ chức học sinh trình bày, nhận xét, góp ý (Theo một số tiêu chí)
- + Tên công trình.
- + Địa điểm.
- + Đặc điểm nổi bật của công trình.

- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.

- Lắng nghe giáo viên hướng dẫn.

- Thực hiện theo cá nhân.

- HS trình bày. Ví dụ:

Tên công trình	Thời gian	Nét đặc sắc
Ăng-co Vát	Đầu thế kỉ XII	– Khu đền chính gồm ba tầng với những ngọn tháp lớn, kết nối với nhau bởi những dãy hành lang dài, xung quanh là hào nước. – Trung tâm ngôi đền là tổ hợp năm ngọn tháp, tháp ở giữa cao tới 65 m và bốn tháp ở bốn góc. Toàn bộ công trình được xây bằng đá. Những khối đá được đục gọt vuông vức và xếp chồng khít lên nhau mà không cần bất cứ chất kết dính nào. Ăng-co Vát trở thành biểu tượng của đất nước Cam-pu-chia.
Ăng-co Thom	Từ thế kỉ XII	- Là kinh đô cuối cùng của đế quốc Khơ-me (Khmer), thuộc thành phố Xiêm Riệp ngày nay. - Khu thành có hình vuông với diện tích gần 9 km², được bao quanh bởi bốn bức tường đá ong cao tới 9 m và năm cửa ra vào. Dọc hai bên đường dẫn vào thành là các tượng thần bằng đá.
Tượng đài hữu nghị Việt Nam – Cam-pu-chia	Năm 1970	Điểm nổi bật nhất của tượng đài là khối đá tạc hình hai người chiến sĩ Cam-pu-chia và Việt Nam đứng bảo vệ một người phụ nữ bé con nhỏ trên tay. Phần chóp của tượng đài được mạ đồng màu vàng nổi bật giữa bầu trời.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. Ghi nhớ kiến thức.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu học sinh:
- + Chia sẻ những điều em đã học được với người thân.
- + Về nhà *Sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu viết về một số công trình tiêu biểu khác của Cam-pu-chia và chia sẻ với bạn.*
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh lắng nghe.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

SHL: Tham gia diễn đàn “Yêu thương và trách nhiệm trong gia đình”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Nêu được ý kiến về mối quan hệ giữa yêu thương và trách nhiệm trong gia đình
- Trình bày được ý nghĩa của việc làm thể hiện tình yêu thương và trách nhiệm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: thể hiện qua việc chủ động tìm hiểu và nêu được ý nghĩa của việc làm thể hiện tình yêu thương và trách nhiệm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.
- Năng lực giao tiếp – hợp tác: trao đổi và hợp tác với các bạn khi tham gia diễn đàn

2. Năng lực đặc thù

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: thể hiện qua việc xây dựng chương trình, tham gia diễn đàn “Yêu thương và trách nhiệm trong gia đình”

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: thể hiện qua tình yêu thương, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình
- Phẩm chất trách nhiệm: xác định được mối quan hệ giữa yêu thương và trách nhiệm; chủ động thực hiện những việc làm thể hiện trách nhiệm với các thành viên trong gia đình

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Kế hoạch tổ chức hoạt động, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết hoạt động.

2. Học sinh

- Các tiết mục văn nghệ
- Các ý kiến cá nhân về mối quan hệ giữa yêu thương và trách nhiệm trong gia đình

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ hoạt động	
- GV tổ chức cho HS hát và vận động theo nhạc của bài hát “Em yêu trường em” (Sáng tác: Hoàng Vân) - GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi hát: + <i>Vì sao bạn nhỏ trong bài lại thấy yêu ngôi trường của mình?</i> + <i>Em cần làm gì để thể hiện tình yêu với trường lớp?</i>	- HS hát và vận động theo nhạc. - HS trả theo suy nghĩ

- GV nhận xét và dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp.	- HS lắng nghe.
2. Hoạt động 1: Tổng kết hoạt động tuần 26 và phương hướng hoạt động tuần 27	
<i>a) Mục tiêu:</i> Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.	
<i>b) Cách tiến hành:</i>	
* Đánh giá kết quả tuần 1 - GV tổ chức cho lớp thực hiện đánh kết quả hoạt động trong tuần vừa qua + GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. + GV quan sát và hỗ trợ cho lớp trưởng (nếu cần) - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần) * Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Lưu ý: Nếu trong tuần có những hoạt động của trường triển khai thì bạn cán bộ lớp được giao phụ trách nội dung đó sẽ triển khai hoạt động. - GV yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... Các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng mời các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến khắc phục những hạn chế của lớp trong tuần qua. Các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến theo suy nghĩ của bản thân. - Lớp trưởng mời GV nhận xét - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.

+ Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - GV yêu cầu lớp trưởng điều khiển phần thảo luận - GV mời lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận của lớp về kế hoạch tuần tới. - GV nhận xét, góp ý, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- Lớp trưởng mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Lớp trưởng tổng hợp lại kết quả thảo luận và báo cáo trước lớp. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề: Tham gia diễn đàn “Yêu thương và trách nhiệm trong gia đình”	
<i>a) Mục tiêu:</i> - Nêu được ý kiến về mối quan hệ giữa yêu thương và trách nhiệm trong gia đình - Trình bày được ý nghĩa của việc làm thể hiện tình yêu thương và trách nhiệm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.	
<i>b) Cách tiến hành:</i>	
- GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS và tiếp đón khách mời (nếu có) - GV GV tổ chức cho học sinh kê dọn, trang trí lớp học tạo không gian cho diễn đàn (có thể kê chữ U)	- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV
- GV tổ chức cho HS thực hiện chương trình “Diễn đàn: Yêu thương và trách nhiệm trong gia đình”	- Người dẫn chương trình (MC) giới thiệu chương trình, mục đích của diễn đàn, giới thiệu khách mời - MC giới thiệu các tiết mục văn nghệ đã được chuẩn bị - MC nêu ra những vấn đề trao đổi trong diễn đàn, mời một số HS chia sẻ quan điểm của mình về các vấn đề về vấn đề “Yêu thương và trách nhiệm trong gia đình” đối với người thân trong gia đình đồng thời nêu ra các câu hỏi cho khách mời. - MC dẫn dắt, mời khách trả lời các câu hỏi và kết nối với các HS khác để các bạn trong lớp cùng tương tác trao đổi. + HS tham gia diễn đàn nêu ý nghĩa và cam kết thực hiện những việc làm cụ thể thể hiện tình yêu thương và trách nhiệm để tạo

- GV phát biểu ý kiến về các vấn đề trong diễn đàn	dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. + HS tham gia diễn đàn nêu thêm câu hỏi cho khách mời và chia sẻ các câu chuyện làm rõ thêm ý nghĩa của việc thực hiện những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình - MC mời GV lên phát biểu ý kiến - MC cảm ơn khách mời, kết thúc diễn đàn
- GV nhận xét, tổng kết hoạt động và yêu cầu HS cam kết thực hiện những việc làm cụ thể thể hiện tình yêu thương, trách nhiệm, tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình	HS lắng nghe và tiếp thu.
4. Tổng kết / cam kết hành động	
– GV động viên và nhắc HS các việc cần chú ý thực hiện để đạt được kế hoạch hoạt động tuần đề ra - GV nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. - GV dặn dò HS chuẩn bị tham gia sân khấu tương tác vào tiết sinh hoạt dưới cờ tuần sau.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm - HS lắng nghe
IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG 	

TIẾT ĐỌC THƯ VIỆN
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM
ĐỌC NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ TINH THẦN HIẾU HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Khơi dậy niềm đam mê về khoa học, phát triển trí thông minh cho các em.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng khai thác sách vở thông tin trong thư viện

3. Thái độ

- Giúp HS ham đọc sách, có thói quen đọc sách.

- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến, quan điểm riêng của mình khi tham gia tranh luận với bạn.

II. CHUẨN BỊ:

* Địa điểm: Thư viện nhà trường.

* Nhân viên thư viện chuẩn bị:

- Phòng đọc: Sắp xếp ngăn nắp, sạch sẽ, thoáng mát.

- Danh mục sách, truyện: Về chủ đề tiết học.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu

* Học sinh chuẩn bị: Giấy bút cho tiết học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

Hoạt động của nhân viên thư viện	Hoạt động của học sinh
I TRƯỚC KHI ĐỌC * Hoạt động 1: - Hướng dẫn học sinh ngồi theo nhóm. - Kiểm tra đồ dùng của học sinh. - Ổn định trật tự. * Hoạt động 2: Giới thiệu bài - Chiếu những hình ảnh về những nhà bác học nổi tiếng như: Niu ton, Edison,.. + Con có biết những người vừa rồi không? - Những nhà bác học đó đều thành công từ những phát hiện rất nhỏ.	- Làm theo yêu cầu của cô giáo. - Chú ý theo dõi. + Học sinh trả lời. - Lắng nghe.
II- TRONG KHI ĐỌC * Hoạt động 1: Hướng dẫn chọn sách - Các con đã được đọc những cuốn sách gì nói về tấm gương giàu nghị lực? - Nhận xét - Giới thiệu điểm 3 câu chuyện: Quả bóng, Chiếc kim khâu của thím dê (Cô cầm sách lên khi giới thiệu và đi đến gần học sinh để	- 2, 3 học sinh trả lời - Chú ý lắng nghe và quan sát.

<i>các con nhìn được cả tranh và chữ trong sách).</i> - Ngoài những câu chuyện cô vừa giới thiệu, thư viện còn rất nhiều cuốn sách khác rất hay về phát triển trí thông minh các con hãy đến tủ sách thiếu nhi để chọn cho mình nhé. *Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc sách. - Hướng dẫn học sinh ngồi đọc đúng cách. - Hướng dẫn học sinh sau khi đọc xong một câu chuyện cần trả lời được các câu hỏi: + Truyện có tên là gì? Nội dung được nói đến trong truyện là gì ?	- Lắng nghe. * Hoạt động nhóm. -Mỗi nhóm cử 1 thành viên giới thiệu hay lên giới thiệu trước lớp. - Lắng nghe và làm theo yêu cầu.
II- SAU KHI ĐỌC * Hoạt động 1: Chia sẻ cảm nhận - Hướng dẫn các em chia sẻ nội dung sách báo mà các em đọc - Nhận xét- tuyên dương. * Hoạt động 2:Tổng kết- Dặn dò - Đánh giá tiết học - Liên hệ tấm gương của những bạn khuyết tật mà vẫn đến trường, học giỏi giáo dục các em rèn luyện nghị lực của mình. Mượn sách theo chủ đề đọc, trao đổi cùng bạn, viết chia sẻ cảm nhận .	- Lắng nghe. - Mượn sách thư viện đọc.

NGƯỜI SOẠN Nguyễn Thị Trúc Như	<i>Ngày 5 tháng 3 năm 2025</i> TỔ TRƯỞNG Nguyễn Thị Hoài Thanh
--	---

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 27

(Từ ngày 17/3 - 21/3)

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
Hai (17/3)	1	79	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia sân khấu tương tác về chủ đề gia đình	
	2	183	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 1)	
	3	184	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 2)	
	4	27	Tin học	Bài 13. Cấu trúc rẽ nhánh	
	5	131	Toán	Bài 56: Các đơn vị đo thời gian	
	6	53	LS-ĐL	Bài 21: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Tiết 1)	
	7	53	Thể dục	Bài 1: Động tác dẫn bóng bằng mu trong (má trong) bàn chân (Tiết 4)	
Ba (18/3)	1	185	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 3+4)	
	2	132	Toán	Bài 57: Cộng, trừ số đo thời gian (tiết 1)	
	3	53	Khoa học	Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (Tiết 2)	
	4	27	Mĩ thuật	Bài 13: Khu vui chơi	
	5	27	Âm nhạc	Hát: Mưa rơi	
	6	80	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Tạo dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. - Xây dựng “Cây giá trị gia đình”.	
	7	3	KN CDS	Gửi và mở tệp đính kèm thư điện tử (tiết 1)	
Thứ (19/3)	1	186	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 5)	
	2	187	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 5)	
	3	105	Tiếng Anh	Unit 10: What's the matter? (cont)	
	4	133	Toán	Bài 57: Cộng, trừ số đo thời gian (tiết 2)	
	5	54	Thể dục	Bài 2: Động tác dừng bóng bằng lòng bàn chân (tiết 1)	
	6	27	Đạo đức	Bài 7: Phòng tránh xâm hại: (Tiết 2)	GDKN CDS
	7	7	Rèn chữ	Cái áo của ba	
Thứ (20/3)	1	188	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 6)	
	2	134	Toán	Bài 58: Nhân, chia số đo thời gian với một số (tiết 1)	
	3	106	Tiếng Anh	Unit 10: What's the matter? (cont)	
	4	107	Tiếng Anh	Unit 10: What's the matter? (cont)	
	5	54	Khoa học	Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (Tiết 3)	QCN
	6	27	Công nghệ	Bài 8: Mô hình máy phát điện gió (Tiết 2)	
	7	7	STEM	Xe chạy bằng "động cơ" nước (tiết 3)	

	8	23	KNS	Kĩ năng nhận diện để xóa bỏ định kiến giới (tiết 2)	
Sáu (21/3)	1	189	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 7)	
	2	135	Toán	Bài 58: Nhân, chia số đo thời gian với một số (tiết 2)	
	3	54	LS-ĐL	Bài 21: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Tiết 2)	
	4	81	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Trò chơi “Xúc xắc yêu thương”	
	5	108	Tiếng Anh	Unit 10: What’s the matter? (cont)	
	6	3	Tiết đọc TV	Đọc những câu chuyện về lòng nhân hậu	
	7	27	Năng khiếu		

Thứ hai, ngày 17 tháng 3 năm 2025

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Sinh hoạt dưới cờ:

THAM GIA SÂN KHẤU TƯƠNG TÁC VỀ CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh nêu được cách giải quyết tình huống về chủ đề gia đình
- Học sinh chia sẻ được về hoạt động tương tác em yêu thích

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện và điều chỉnh những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái
- Phẩm chất trách nhiệm: tự giác thực hiện việc làm giúp đỡ gia đình, tích cực tham gia các hoạt động chung và tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Ghế ngồi cho học sinh khi tham gia sinh hoạt dưới cờ

2. Học sinh

- Trang phục chỉnh tề

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
a) Mục tiêu – Học sinh hào hứng, tích cực tham gia các hoạt động, đưa ra được cách giải quyết vấn đề khi tham gia sân khấu tương tác về chủ đề gia đình – Học sinh chia sẻ được về những hoạt động tương tác mà em yêu thích	
b) Tiến trình hoạt động	

– GV yêu cầu HS tham gia buổi sinh hoạt dưới cờ đúng giờ, trang phục gọn gàng, sạch sẽ. - GV tổ chức cho HS tham gia sân khấu tương tác về chủ đề gia đình + Giáo viên khuyến khích học sinh suy nghĩ về cách giải quyết vấn đề khi tham gia sân khấu tương tác về chủ đề gia đình + Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tham gia sân khấu tương tác và phát biểu cách giải quyết vấn đề của mình với tình huống đưa ra - GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn, cổ vũ HS tham gia hoạt động - GV tổ chức cho HS chia sẻ về những hoạt động tương tác mà em yêu thích và điều em học được sau hoạt động sinh hoạt dưới cờ - GV nhắc HS tiếp tục thực hiện những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.	- HS tập trung và ổn định trật tự theo hướng dẫn của GV - HS tham gia sân khấu tương tác theo hướng dẫn của GV - HS chủ động, tích cực tham gia hoạt động tương tác. – HS chia sẻ về hoạt động tương tác mình yêu thích và những điều mình học được với các bạn sau khi tham gia chương trình. - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2
Tiết 1+ 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- HS có năng lực Tiếng Việt: đọc và nhớ các chi tiết của văn bản. Nhận biết nội dung chính và chủ đề của văn bản đã học, tóm tắt được các ý chính trong bài.
- HS ôn tập về câu đơn, câu ghép, cách nối các vế câu ghép.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng đọc đúng, đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Từ nhận biết được nội dung bài, HS tóm tắt được các ý chính trong bài.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở đồng quê.
- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “ Một vòng Việt Nam” Sáng tác: Đông Thiên Đức để khởi động bài học. - GV cùng trao đổi với HS về ND bài hát: + Lời bài hát nói lên những điều gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - Vậy ở học kì 2, chúng ta đã được học những chủ điểm nào?	- HS lắng nghe bài hát. - HS trao đổi về ND bài hát với GV. + Ca ngợi đất nước, con người Việt Nam tươi đẹp, lam lũ, kiên cường đấu tranh, xây dựng đất nước và niềm tự hào dân tộc. - Vẻ đẹp cuộc sống, Hương sắc trăm miền.

=> Những chủ điểm em vừa nhắc tới cũng chính là nội dung phần ôn tập trong tiết học hôm nay của chúng ta.	- HS lắng nghe.
---	-----------------

2. Ôn tập: - Mục tiêu: + Giúp HS đọc và nhớ các chi tiết của văn bản. Nhận biết nội dung chính và chủ đề của văn bản đã học, tóm tắt được các ý chính trong bài. Xác định đúng câu đơn, câu ghép và các vế của chúng. - Cách tiến hành:	
---	--

Bài 1/77: Dựa vào lời giới thiệu của mỗi nhân vật dưới đây cho biết nhân vật đó là ai xuất hiện trong câu chuyện nào đã học. - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài: - Thảo luận nhóm đôi, nêu tên nhân vật và tên câu chuyện đã học.



- HS đọc và quan sát tranh, suy nghĩ trả lời. - Thảo luận nhóm. - HS chia sẻ: 1 em hỏi – 1 em trả lời.
--

Lời giới thiệu	Nhân vật	Câu chuyện
(1) Tôi đã thay mắt cả lớp cảm ơn cô giáo và tặng cô hộp quà chứa ba mươi lăm lá thư của cả lớp.	Nhân vật Quang	Hộp quà màu thiên thanh
(2) Tôi chọn thật nhiều hoa màu vàng, loại hoa bạn tôi yêu thích, để làm một giỏ hoa tặng bạn.	Nhân vật cô bé Xu-di (xưng "tôi" trong câu chuyện).	Giỏ hoa tháng Năm
(3) Khi tôi cất giọng hát, tiếng hát vang khắp núi rừng, khiến muôn thú quên cả phá lúa và nhảy múa theo tiếng hát của tôi.	Nhân vật Nai Ngọc	Tiếng hát của người dã
(4) Tôi quyết tâm khôi phục lại trang trại sau khi bị cháy và tôi đã làm được.	Nhân vật Mát	Khu rừng của Mát
(5) Tôi ước mơ trở thành một kỹ sư nông nghiệp để phát triển cây chè ở quê hương Tà Xùa của tôi.	Nhân vật Thảo A Sùng	Những búp chè trên cây cổ thụ

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng: => Như vậy qua bài 1, các em đã nhớ lại được tên các nhân vật và câu chuyện đã được học trong 2 chủ đề. Bây giờ chúng ta cùng ôn lại nội dung của các câu chuyện đó ở bài tập 2. Bài 2/77 Nêu nội dung chính của một trong những câu chuyện được nhắc tới ở bài 1. - Nhắc lại tên các câu chuyện ở bài 1. - Gv yêu cầu học sinh làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm 4 theo yêu cầu bài rồi ghi kết quả vào bảng nhóm.

- Hs nêu yêu cầu bài. - HS nêu. - HS tự chọn 1 câu chuyện rồi ghi lại nội dung vào vở nháp. - HS thảo luận nhóm chọn tên 1 câu chuyện rồi thống nhất nội dung bài ghi vào bảng nhóm.

- GV yêu cầu học sinh chia sẻ kết quả thảo luận

- Những câu chuyện trên đều là những câu chuyện hay nói về tình cảm giữa con người với con người và con người với thiên nhiên qua đó rút ra cho em nhiều bài học quý từ cuộc sống.

Bài 3/ 78:Trong đoạn văn dưới đây, câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép? Xác định các vế của những câu ghép vừa tìm được:

- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ rồi làm vở hoặc phiếu bài tập.
- GV soi bài chữa , chốt kết quả.

- HS chia sẻ bằng cách dán bảng nhóm trên bảng lớp. Mỗi nhóm cử 1 bạn chia sẻ, các bạn khác theo dõi , nhận xét.(chỉ dán những nhóm có nội dung khác nhau

- *Hộp quà Màu Thiên Thanh* là câu chuyện kể với các bạn nhỏ trong một lớp học đã cùng nhau chuẩn bị một món quà vô cùng đặc biệt và ý nghĩa để tặng cô giáo. Đó là một chiếc hộp chứa những bức thư kể về kỉ niệm của các bạn nhỏ với cô.

- Giỏ hoa tháng 5 câu chuyện kể về một cô bé cảm thấy rất buồn vì người bạn thân của cô bé có thêm bạn mới, nhưng sau khi nghe lời khuyên của mẹ, cô bé đã tặng bạn thân một giỏ hoa vì nhận ra ai cũng cần có nhiều bạn bè.

- Khu rừng của Mát: truyện kể về chàng thanh niên tên Mát đã vượt qua nỗi đau đớn mất mát vì trang trại của gia đình bị sét đánh cháy rụi. Để trồng lại cây cối bù lại xanh màu xanh cho trang trại.

- Tiếng hát của người đá câu chuyện cổ tích kể về tiếng hát của một người đá đã giúp đuổi muôn thú phá lúa khuyến nhủ đọc ngừng tay kiếm trở về sống bên gia đình để dân làm được sống yên vui.

- Những búp bê trên cây cổ thụ câu chuyện kể về cậu bé Thào A sùng với tình yêu niềm tự hào ước mơ mãnh liệt mà cậu đã dành cho sản vật quê hương mình những búp bê trên cây cổ thụ ở bản Tà Xùa.

(¹) Mùa đông, mùa ngại rét. (²) Gió cứ thổi vù vù. (³) Mùa đợi đến mùa xuân. (⁴) Mùa xuân nhiều hoa, nhưng mùa xuân vẫn là đứa em của mùa đông. (⁵) Mùa phùng vãn cứ lai rai và gió bắc vẫn thút thít ở các khe núi. (⁶) Mùa lại đợi đến hè. (⁷) Mùa hè tạnh ráo. (⁸) Cây cối có nhiều quả chín thơm tho. (⁹) Nhưng cái nóng cứ hầm hập. (¹⁰) Cả ngày, bụi cuốn mịt mù. (¹¹) Hễ cơn dông đến thì đất đá lại như sôi lên, nước lũ đổ ào ào.

(Theo Võ Quảng)

- HS làm bài.
- Học sinh nhận xét bài làm của bạn và sửa lỗi nếu có.

- **Câu đơn: 1,2,3,6,7,8,9,10**

- **Câu ghép: 4,5,11**

- Theo em, thế nào là câu đơn, thế nào là câu ghép?

- Em hãy nêu cách xác định các vế câu ghép trong bài ?

- Vậy các vế của câu ghép thường nối với nhau bằng gì?

=> Qua bài 3, chúng ta đã ôn lại cách nhận biết câu đơn, câu ghép và cách nối giữa các vế câu. Bây giờ chúng ta tiếp tục ôn tập về câu ghép ở bài tập 4.

Bài 4/ 78 :Chọn một vế câu ở A và một vế câu ở B, thêm kết từ hoặc cặp từ hô ứng để tạo câu ghép.

- HS đọc yêu cầu bài, suy nghĩ rồi làm việc cá nhân.

- Thảo luận nhóm 4 theo yêu cầu trên rồi ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm.

- GV chốt đáp án đúng.

- **Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ.**

- **Câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ – vị ngữ ghép lại. Mỗi cụm chủ ngữ - vị ngữ trong câu ghép được gọi là một vế câu. Các vế trong câu ghép có sự kết nối chặt chẽ với nhau.**

- **Câu 4: 2 vế nối với nhau bằng từ nhưng và dấu phẩy.**

- **Câu 5: 2 vế nối với nhau bằng từ và.**

- **Câu 11: 2 vế nối với nhau bằng từ thì, dấu phẩy.**

- **Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ (và, rồi, hoặc, còn, hay, nhưng, mà, song,...).**

- **Các vế của câu ghép có thể nối trực tiếp với nhau: giữa các vế không có kết từ mà chỉ có dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy,...).**

A	B
Mặt trời lên cao	khung cảnh xung quanh mờ mịt, không còn nhìn rõ mặt người.
Sương xuống dày đặc	những bông lan vẫn e ấp giữ nụ chum chím.
Trong vườn, những bông hồng đã nở rộ, tỏa hương ngào ngạt	chiếc bóng ngán lại.

- HS thảo luận, đại diện nhóm chia sẻ, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. (HS có thể viết nhiều cách khác nhau)

+ Mặt trời càng lên cao, chiếc bóng càng ngán lại.

+ Khi mặt trời lên cao thì chiếc bóng ngán lại.

+ Vì sương xuống dày đặc nên khung cảnh xung quanh mờ mịt không còn nhìn rõ mặt người.

+ Khi sương xuống dày đặc thì khung cảnh xung quanh mờ mịt không còn nhìn rõ mặt người.

+ Mặc dù (Dù, Tuy, Dầu) trong vườn có những bông hồng đã nở rộ tỏa hương ngào ngạt nhưng những bông lan vẫn e ấp giữ nụ chum chím.

- Em hãy cho cô biết thế nào là kết từ? thế nào là cặp từ hô ngữ. Lấy ví dụ về cặp từ hô ngữ. Bài 5/78 : Thêm kết từ và vế câu thay cho bông hoa để tạo câu ghép. - GV mời học sinh đọc y/c bài, suy nghĩ và làm vào vở. - GV soi bài , chữa bài trong vở. - GV chốt đáp án đúng. - Khi viết thêm vế câu và kết từ em cần lưu ý gì? => Cách sử dụng kết từ, các cặp từ hô ngữ trong câu ghép làm cho câu văn thêm phong phú, sinh động, dễ hiểu. Em hãy vận dụng những điều vừa được ôn tập vào viết văn nhé!	- Kết từ từ là từ thường được dùng để nối các từ ngữ hoặc các câu nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các câu với nhau. - Cặp từ hô ứng là các cặp từ đi đôi với nhau thường được dùng để nối các vế của câu ghép. VD: + vừa...đã...;chưa...đã...;mới....đã...;vừa...vừa...; càng...càng... + đâu...đấy; nào... ấy; sao... vậy; bao nhiêu ... bấy nhiêu a. Nếu em chọn một sản vật quê hương để giới thiệu với bạn bè 🌟. b. 🌟 nên tôi luôn háo hức mong đến giờ ông kể chuyện. c. Tuy những hạt gạo bé nhỏ, giản dị 🌟. - HS đọc yêu cầu bài. - HS chia sẻ bài làm, các bạn khác nhận xét, bổ sung. + Nếu em chọn một sản vật của quê hương để giới thiệu với bạn bè thì em sẽ chọn món cơm dẻo thơm, ngọt lành. + Nếu em chọn một sản vật của quê hương để giới thiệu với bạn bè, em sẽ chọn chiếc bánh đậu xanh ngọt ngào, thơm dịu. + Vì ông tôi có giọng nói trầm ấm nên tôi luôn háo hức mong đến giờ ông kể chuyện. + Bởi những câu chuyện ông tôi kể rất hấp dẫn người nghe nên tôi luôn háo hức mong đến giờ ông kể chuyện. + Tuy những hạt gạo bé nhỏ, giản dị mà lại chứa đựng biết bao mồ hôi, công sức của người nông dân. + Tuy những hạt gạo bé nhỏ, giản dị nhưng nó lại có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của người dân Việt Nam. ... - Cần đọc kĩ nội dung câu đã cho để tạo thành câu ghép có ý nghĩa, nội dung phù hợp.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- Trong tiết học hôm nay, em đã được ôn tập những nội dung gì? - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ, trả lời. - VD: Em được ôn tập về câu đơn, câu ghép, cách nối các vế câu ghép...
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

TOÁN

BÀI 56: CÁC ĐƠN VỊ ĐO THỜI GIAN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS biết khái niệm đơn vị đo thời gian, mối quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian đã học. củng cố kiến thức về năm nhuận, thế kỉ.
- HS vận dụng được việc chuyển đổi các số đo thời gian để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về các đơn vị đo thời gian, mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được việc chuyển đổi các số đo thời gian để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi Xì điện-Thời gia 3 phút + Mỗi hs được nêu 1 đơn vị đo thời gian mà em biết nêu đúng sẽ được xì chỉ định bạn khác. Không nêu được hoặc nêu không đúng thua cuộc. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: + Hs biết khái niệm đơn vị đo thời gian, mối quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian đã học. củng cố kiến thức về năm nhuận, thế kỉ. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống mỗi quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian.



a) Các đơn vị đo thời gian

- Yc hs hoạt động nhóm đôi hoàn thành thông tin trong 2 khung màu hồng

1 thế kỉ = ? năm	1 tuần lễ = ? ngày
1 năm = ? tháng	1 ngày = ? giờ
1 năm = ? ngày	1 giờ = ? phút
1 năm nhuận = ? ngày	1 phút = ? giây

- Nhận xét, thống nhất kết quả.

b) Tháng – năm

- Yc hs hoạt động nhóm đôi hoàn thành thông tin trong phiếu dưới:

- Cứ ? năm lại có 1 năm nhuận.
- Tháng Một, tháng Ba, tháng Năm, tháng Bảy, tháng Tám, tháng Mười, tháng Mười hai có ? ngày.
- Tháng Tư, tháng Sáu, tháng Chín, tháng Mười một có ? ngày.
- Tháng Hai có ? ngày (vào năm nhuận có ? ngày).

- Nhận xét chốt kết quả.

- Hs hoạt động nhóm đôi

- Hs chia sẻ kết quả

1 thế kỉ = 100 năm	1 tuần lễ = 7 ngày
1 năm = 12 tháng	1 ngày = 24 giờ
1 năm = 365 ngày	1 giờ = 60 phút
1 năm nhuận = 366 ngày	1 phút = 60 giây

- Nhận xét

- Hs hoạt động nhóm

- Hs chia sẻ kết quả :

+ Cứ 4 năm lại có 1 năm nhuận

+ Tháng một, tháng ba, tháng năm tháng bảy, tháng tám, tháng mười, tháng mười hai có 31 ngày.

+ Tháng tư, tháng sáu, tháng chín. tháng mười một có 30 ngày.

+ Tháng hai có 28 ngày vào năm nhuận có 29 ngày.

- Nhận xét.

- 2-3 HS nhắc lại cả 2 phần a,b

2. Hoạt động

- Mục tiêu:

+ HS vận dụng được việc chuyển đổi các số đo thời gian. Xác định khoảng thời gian thuộc thế kỉ.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Dưới đây là năm(khoảng thời gian) xảy ra các sự kiện trong lịch sử Việt Nam. Em hãy cho biết những sự kiện xảy ra vào thế kỉ nào.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện yêu cầu của bài tập.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS làm việc nhóm đôi.

- Các nhóm báo cáo kết quả:

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	+ Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa năm 40- thuộc thế kỷ I. +Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế năm 968 - thuộc thế kỷ XX. +Vua Lý Công Uẩn dời đô....- Thuộc TK XI. + Hội nghị Diên Hồng năm 1248 – TK XX + Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954- TK XX + Giải phóng miền Nam ... thuộc TK XX. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)												
Bài 2. Số? - GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV HD HS làm mẫu 72 phút = $\frac{72}{60}$ giờ = 1,2 giờ a) 90 phút = ? giờ b) 1 giờ 15 phút = ? giờ 42 giây = ? phút 2 phút 27 giây = ? phút - GV mời HS đổi chéo vở nhận xét cho nhau. - Nhận xét, chốt kết quả.	- Hs đọc yêu cầu bài. - Hs làm mẫu theo hướng dẫn của GV - 2 hs lên bảng làm a) 90 phút = 1,5 b) 1 giờ 15 phút = 1,25 giờ giờ 42 giây = 0,7 phút 2 phút 27 giây = ?2,45phút - Nhận xét - Đổi chéo vở - Chia sẻ mỗi qua hệ giữa giờ,phút, giây hơn kém nhau 60 lần. Giải: Cả hai vòi chảy được số phần của bể nước là: $\frac{1}{2} + \frac{2}{5} = \frac{5}{10} + \frac{4}{10} = \frac{9}{10} \text{ (bể)}$ Đáp số $\frac{9}{10}$ bể - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm												
Bài 1 (Luyện tập) Số? - GV mời hs đọc và xác định yêu cầu bài - Yc hs hoạt động nhóm bàn <table border="1" data-bbox="108 1675 762 1937"> <tbody> <tr> <td>a) $\frac{1}{2}$ giờ = ? phút</td><td>$\frac{2}{5}$ phút = ? giây</td></tr> <tr> <td>b) 3 phút 36 giây = ? phút</td><td>3,6 phút = ? phút ? giây?</td></tr> <tr> <td>1 giờ 24 phút = ? giờ</td><td>1,4 giờ = ? giờ = ? phút</td></tr> </tbody> </table> - Nhận xét chốt đáp án	a) $\frac{1}{2}$ giờ = ? phút	$\frac{2}{5}$ phút = ? giây	b) 3 phút 36 giây = ? phút	3,6 phút = ? phút ? giây?	1 giờ 24 phút = ? giờ	1,4 giờ = ? giờ = ? phút	- Hs đọc đề bài - Hs hoạt động nhóm - Nhóm trình bày kết quả: <table border="1" data-bbox="810 1720 1503 1982"> <tbody> <tr> <td>a) $\frac{1}{2}$ giờ = 30 phút</td><td>$\frac{2}{5}$ phút = 24 giây</td></tr> <tr> <td>b) 3 phút 36 giây = 3,6 phút</td><td>3,6 phút = 3 phút 36 giây</td></tr> <tr> <td>1 giờ 24 phút = 1,4 giờ</td><td>1,4 giờ = 1 giờ = 24 phút</td></tr> </tbody> </table> - Hs chia sẻ cách chuyển đổi	a) $\frac{1}{2}$ giờ = 30 phút	$\frac{2}{5}$ phút = 24 giây	b) 3 phút 36 giây = 3,6 phút	3,6 phút = 3 phút 36 giây	1 giờ 24 phút = 1,4 giờ	1,4 giờ = 1 giờ = 24 phút
a) $\frac{1}{2}$ giờ = ? phút	$\frac{2}{5}$ phút = ? giây												
b) 3 phút 36 giây = ? phút	3,6 phút = ? phút ? giây?												
1 giờ 24 phút = ? giờ	1,4 giờ = ? giờ = ? phút												
a) $\frac{1}{2}$ giờ = 30 phút	$\frac{2}{5}$ phút = 24 giây												
b) 3 phút 36 giây = 3,6 phút	3,6 phút = 3 phút 36 giây												
1 giờ 24 phút = 1,4 giờ	1,4 giờ = 1 giờ = 24 phút												
Bài 2(Luyện tập)													

Thời gian con quay của mỗi bệnh viện nam và robot quay trên mặt đất được cho như bảng dưới:

Bạn	Thời gian
Việt	3 phút 20 giây
Nam	$\frac{1}{20}$ giờ
Rô-bốt	0,1 giờ

Con quay của bạn nào quay lâu nhất?

- GV mời hs nêu yêu cầu
- + Để tìm ra con quay nào quay lâu nhất cần làm gì?
- Gv mời hs thảo luận nhóm

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS nêu yêu cầu.
 - + Cần đổi sang cùng đơn vị đo thời gian rồi so sánh.
 - Hs thảo luận nhóm:
- Đ/a:
- $$\frac{1}{20} \text{ giờ} \times 60 \text{ phút} = 3 \text{ phút}$$
- $$0,1 \text{ giờ} \times 60 \text{ phút} = 6 \text{ phút}$$
- Vậy con quay của Rô- bốt quay lâu nhất.

Bài 1. Số

a. 1

— giờ = phút.

2

2

— phút = giây

5

$\frac{2}{5}$ phút = giây

b. 3 phút 36 giây = phút

1 giờ 24 phút = giờ

3,6 phút = phút.... giây

1,4 giờ = giờ phút

-GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập a và b.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- HS thảo luận nhóm đôi

- Đại diện các nhóm trả lời.

a. 1

— giờ = 30 phút.

2

2

— phút = 24 giây.

5

b. 3 phút 36 giây = 3,6 phút

? Vì sao e lại đổi được 3 phút 36 giây = 3,6 phút. - GV nhận xét, tuyên dương.	3,6 phút = 3 phút 36 giây - 3,6 phút = 3,6 X 60 giây = 216 giây = 3 phút 36 giây. 1 giờ 24 phút = 1,4 giờ 1,4 giờ = 1 giờ 24 phút - Các nhóm khác nhận xét								
Bài 2. Thời gian con quay của mỗi bạn Việt, Nam và Rô- bốt quay trên mặt đất được cho như bảng trên <table border="1" data-bbox="228 609 699 891"> <tr> <th>Bạn</th><th>Thời gian</th></tr> <tr> <td>Việt</td><td>3 phút 20 giây</td></tr> <tr> <td>Nam</td><td>1 — giờ 20</td></tr> <tr> <td>Rô- bốt</td><td>0,1 giờ</td></tr> </table> - Con quay của bạn nào quay lâu nhất? - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. ? Để biết được con quay của bạn nào quay lâu nhất em làm thế nào? ? Nếu để các số đo thời gian như đề' bài cho thì có so sánh được với nhau không? Vì sao? ? Vậy làm sao để so sánh được các số đo thời gian này? -GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 tìm cách làm - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	Bạn	Thời gian	Việt	3 phút 20 giây	Nam	1 — giờ 20	Rô- bốt	0,1 giờ	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. -Em so sánh số đo thời gian của các bạn đó -Không vì có số đo dạng phức, có số đo dạng phân số, có số đo dạng số thập phân và đơn vị chưa đồng nhất.) -Đưa các số đo thời gian này về cùng một dạng. -HS thảo luận - Đại diện các nhóm trả lời. 1 —giờ = 3 phút. 20 0,1 giờ = 6 phút. Vậy con quay của Rô-bốt quay lâu nhất. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
Bạn	Thời gian								
Việt	3 phút 20 giây								
Nam	1 — giờ 20								
Rô- bốt	0,1 giờ								
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.									

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
Bài 21: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Khai thác lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về khu vực Đông Nam Á.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khai thác sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Trân trọng giá trị văn hóa truyền thống cội nguồn dân tộc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK (trang 90) thảo luận theo nhóm bàn và trả lời các câu hỏi sau: Dựa vào kiến thức của bản thân và quan sát hình 1, em hãy: + Cho biết các quốc gia ở khu vực nào tham gia sự kiện này? + Chia sẻ hiểu biết của em về sự kiện này. - GV mời một số nhóm trình bày	- Cả lớp quan sát tranh. - HS thảo luận, trao đổi với bạn cùng bàn và ghi kết quả thảo luận ra nháp. - Đại diện một số nhóm trình bày. + Các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á tham gia vào sự kiện này. + Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 được tổ chức tại Việt Nam, linh vật là Sao La,...



▲ **Hình 1.** Biểu trưng và linh vật của Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games) lần thứ 31 tại Việt Nam

- HS trả lời: Bơi, chạy, đấu kiếm, võ,...
- HS quan sát.

- HS lắng nghe.

- Theo em ở Đại hội thể thao này gồm những môn thể thao nào?

- GV tổ chức cho HS xem một đoạn video giới thiệu về một số môn thể thao ở SEA game 31.

<https://youtu.be/3cg3UZ0Ez7o?si=XMIZd9M5UScGPSDD>

- GV dẫn dắt vào bài mới:

SEA game 31 là một sự kiện văn hóa – thể thao lớn của khu vực Đông Nam Á, tổ chức thường niên 2 năm một lần. Những hình ảnh chúng ta vừa tìm hiểu là sự kiện được tổ chức tại Việt Nam vào năm 2021 và có sự tham gia của 11 nước Đông Nam Á. Vậy Đông Nam Á ở đâu và gồm những nước nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 2. Lược đồ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi và trả lời các câu hỏi sau:

+ Xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.

+ Kể tên các nước trong khu vực Đông Nam Á

- HS đọc thông tin và quan sát tranh, thảo luận theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi.



▲ Hình 2. Lược đồ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

+ **Khu vực Đông Nam Á ở phía đông nam châu Á.**

+ **Tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.**

+ **Đông Nam Á gồm có 11 nước: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Ti-mo Lét-xtê, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây; gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.**

- GV tổ chức cho HS xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trên lược đồ.

- GV gọi HS lên xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.

- GV gọi HS lên xác định vị trí các nước trong bộ phận Đông Nam Á lục địa và vị trí các nước trong phần Đông Nam Á hải đảo.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

+ Khu vực Đông Nam Á ở phía đông nam của châu Á, tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

+ Đông Nam Á gồm có 11 nước: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Ti-mo Lét-xtê, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây; gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

- HS lắng nghe.

- HS quan sát lược đồ trên bảng lớp và xác định vị trí khu vực và các nước Đông Nam Á.

- 2 HS lên xác định trên lược đồ.

+ Đông Nam Á lục địa: Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ một số hiểu biết của mình về các nước Đông Nam Á (ngoài Lào và Cam – pu – chia đã học) - GV nhận xét tuyên dương. - GV cho HS xem một số hình ảnh kiến trúc, văn hóa và con người ở các nước Đông Nam Á. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dẫn dò về nhà học sinh sưu tầm về hình ảnh quốc kì của một số quốc gia ở Đông Nam Á.	- 4 – 5 HS chia sẻ trước lớp. - HS lắng nghe - HS quan sát tranh, ảnh. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Thứ ba, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2
Tiết 3+ 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhớ lại tên các bài thơ, các hình ảnh chi tiết thú vị gợi cảm xúc trong bài thơ.
- HS đọc hiểu được văn bản.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng linh hoạt các kết từ, từ hô ngữ để nối các vế trong câu ghép; sử dụng linh hoạt các biện pháp nối và từ nối để liên kết câu.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết quan tâm, giúp đỡ, đoàn kết với bạn bè trong các hoạt động nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: - GV giới thiệu trò chơi “ Ô cửa bí mật” GV phổ biến luật chơi: Cô giáo có 6 ô cửa bí mật , mỗi ô cửa có chứa 1 câu thơ. Ai nêu được tên bài thơ sẽ mở được ô cửa bí mật và được tặng phần thưởng.	
a. Em vui em hát Hạt vàng làng ta... b. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng. c. Con đã lớn khôn, đọc được cả những điều Chưa được viết trong thư người lính biển. d. Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then, đêm sập cửa. e. Ông đứng như bụt hiện Chờ cháu cuối đường quê.	. - HS chơi trò chơi và nêu tên bài thơ tương ứng với mỗi cánh cửa bí mật. a. Hạt Gạo Làng Ta - Trần Đăng Khoa

- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. - GV khen thưởng những học sinh có đáp án đúng. - Trò chơi vừa rồi cũng là nội dung một phần trong bài tập 1 phần ôn tập hôm nay.	b, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm c. Thư của bố - Thụy Anh d, Đoàn Thuyền Đánh Cá - Huy Cận e, Đường Quê Đồng Tháp Mười - Trần Quốc Toàn.
2. Ôn tập: - Mục tiêu: HS nhớ lại tên các bài thơ, các hình ảnh chi tiết thú vị gợi cảm xúc trong bài thơ, đọc hiểu được văn bản, đặt được câu ghép và biết cách sử dụng kết từ, cặp từ hô ngữ phù hợp để đặt câu. + HS luyện tập các biện pháp và các từ ngữ nối để liên kết câu. Biết liên kết câu bằng các biện pháp nối, từ nối. - Cách tiến hành:	
Bài 1/ 78: Nêu tên bài thơ có chứa các dòng thơ trên. Trong mỗi bài thơ, em thích hình ảnh nào nhất? Vì sao? Đọc thuộc lòng 2-3 khổ thơ mà em thích. - Thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu trên. - GV quan sát các nhóm làm việc và ghi điểm khen ngợi những nhóm làm việc tốt và khen ngợi những cá nhân phát biểu tốt trước lớp.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm việc theo nhóm, đọc cho nhau nghe và nêu cảm nhận. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét. - HS lắng nghe.
Bài 2/79 Đọc và trả lời câu hỏi: - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 - GV mời HS đọc đoạn văn, cả lớp đọc thầm. - HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi cuối bài - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt:	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - HS đọc. Câu 1: hiếc quạt mo được miêu tả như thế nào trong bài đọc: - Nguyên liệu: Mo Cau khu rừng - Cách làm: cắt mo cau thành hình quạt giống tai voi, rất vừa tay cầm. - Màu sắc: nâu sẫm. - Đặc điểm khác: nhiều nếp nhăn

Câu 2: Chiếc quạt mo gợi nhớ những kỷ niệm gì về bà trong tuổi thơ của người cháu ?

- Những kỉ niệm như cháu quạt cho bà khi bà đi chợ xa về; Bà ôm cháu vào lòng nói: “ Cháu bà thương bà nhất”; Hai bà cháu nằm võng, bà quạt cho cháu ngủ.

- Kể lại giấc mơ của người cháu về chiếc quạt mo? Theo em giấc mơ đó có gì thú vị ?

- Người cháu đã mơ thấy mình cầm quạt mo và gặp phú ông. Sau đó, người cháu mơ thấy mình cười trâu của Phú ông đi ngang qua một ao cá người cháu rất hoảng hốt. Vì thấy mình đã đủ chiếc quạt mo lấy trâu của cụ ông.

- Nêu biện pháp liên kết câu trong mỗi đoạn?

- Giấc mơ đó có gì thú vị ?

- Giấc mơ đó thú vị vì tái hiện lại bài đồng dao về chiếc quạt mo, cậu bé nghĩ mình giống như thằng Bờm có điều Thằng Bờm không đòi quạt, còn cậu bé với sự hồn nhiên và vô tư của một đứa trẻ đã tỏ chức quạt lấy chú trâu mập mạp của Phú ông. Đó, có lẽ cũng là cách suy nghĩ phổ biến của nhiều bạn nhỏ.

- Chi tiết người cháu khi lớn vẫn giữ một chiếc quạt mo làm kỷ niệm gợi cho em suy nghĩ : cháu rất gắn bó với bà nhớ bà và luôn luôn muốn giữ kỷ niệm bên mình, người cháu là người rất tình cảm .

Bài 3/ 80: Chơi trò chơi” Đi tìm kho báu”

- HS đọc yêu cầu bài tập.

- GV nêu luật chơi: mỗi nhóm 3- 4 học sinh. Mỗi nhóm chuẩn bị một Xúc Xắc và số quân cờ tương ứng số lượng thành viên trong nhóm. Mỗi nhóm xác định thứ tự chơi của các thành viên học sinh lần lượt tung xúc xắc để xác định số mình được đi. Đến ô nào học sinh phải nói được câu ghép chứa kết từ hoặc cặp từ hô ngữ

có trong ô Nếu nói được câu đúng yêu cầu học sinh sẽ được đứng ở ô đó và lượt chơi tiếp tục dành cho người sau nếu không nói được hoặc nói không đúng học sinh sẽ phải quay trở lại ô mình đã xuất phát.

- Trong quá trình chơi học sinh góp ý cho nhau để đạt được những câu ghép đúng hay – GV quan sát các nhóm làm việc ghi lại những câu hay của học sinh, đề nghị học sinh đọc trước lớp.

- GV tổng kết trò chơi khen ngợi các nhóm chơi nhanh nhiều lượt và gặp được nhiều.

3. Chơi trò chơi: *Tim kho báu.*

Tung xúc xắc để biết được đi mấy ô.

Đến ô nào, phải nói được một câu ghép chứa từ hoặc cặp từ nối các vế được viết trong ô đó.

Người nào đến ô có kho báu trước, người đó chiến thắng.

Ví dụ: Đi vào ô chứa cặp từ *vi ... nên ...*
→ *Vi giờ học nào cũng dấy áp tiếng cười nên chúng tôi luôn thích đi học.*



- HS chơi trò chơi-

Bài 4/81: Tìm từ ngữ có tác dụng liên kết câu trong mỗi đoạn văn dưới đây và cho biết biện pháp liên kết được sử dụng trong mỗi đoạn.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4

- GV mời cả lớp làm việc nhóm.

- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.

- Em hãy nêu các biện pháp dùng để liên kết câu.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 5/81: Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu:

a. Tìm từ ngữ nối có tác dụng liên kết câu trong đoạn văn.

b. Tìm thêm những từ ngữ nối có thể thay thế cho các từ ngữ đã tìm được ở bài tập a.

- Thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu trên và ghi vào nháp phần thảo luận.

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.

- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:

+ Đoạn a: Biện pháp lặp từ ngữ. Từ ngữ được lặp là người.

+ Đoạn b: Biện pháp thay thế. Từ ngữ thay thế là cậu thay cho Thảo A Sùng.

Các câu trong một đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng cách lặp từ ngữ: câu sau lặp lại từ ngữ ở câu trước.

Các câu trong một đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng một kết từ hoặc từ ngữ có tác dụng nối (gọi chung là từ ngữ nối) như: *roì, nhưng, vì thế, thứ nhất, thứ hai, trái lại, ngoài ra, bên cạnh đó, đầu tiên, sau đó, tiếp theo, cuối cùng,...* Từ ngữ nối thường đứng ở đầu câu.

Các câu trong đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng cách dùng đại từ, danh từ,... ở câu sau thay thế cho từ ngữ đã dùng ở câu trước. Ngoài tác dụng liên kết, việc dùng từ ngữ thay thế còn tránh được sự trùng lặp từ ngữ trong đoạn văn.

Tôi và lũ bạn đã đi tìm tu hú dọc những bờ dứa dại. Nhưng chúng tôi không làm sao trông thấy chúng. Chúng tôi đi rón rén đến nơi phát ra tiếng một con tu hú kêu, bỗng nó im bặt. Ở nơi cách chúng tôi không xa, một con tu hú khác cất tiếng gọi như trên tức con người. Và ngay cả nơi chúng tôi vừa rời khỏi, tu hú lại kêu. Vì thế, tôi chưa bao giờ trông thấy chim tu hú.

(Theo Nguyễn Trọng Tạo)



a. Tìm những từ ngữ nối có tác dụng liên kết câu trong đoạn văn.

b. Tìm thêm những từ ngữ nối có thể thay thế cho các từ ngữ đã tìm được ở bài tập a.

- HS thảo luận nhóm

- Gv nhận xét, chốt kết quả đúng.
- Mời HS nêu lại các biện pháp dùng để liên kết câu.

Bài 6/81: Chọn từ ngữ thay cho mỗi bông hoa để liên kết các câu trong đoạn văn dưới đây:

- Mời HS đọc yêu cầu bài 6 và đoạn văn, cả lớp đọc thầm.

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.
- Thảo luận nhóm.

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.

Tôi định ngủ một giấc. **Nhưng** những mảng màu rực rỡ ngoài ô cửa đã kéo tôi ra khỏi giấc ngủ. **Ban đầu**, tôi chỉ thấy màu xanh. Nhìn từ trên máy bay, Ấn Độ Dương trắng như viên đá lam ngọc lấp lánh, còn đảo Ma-đa-ga-xca thì như viên ngọc lục bảo dính trên viên đá này. **Sau đó**, tôi mới thấy giữa dải màu xanh tuyệt đẹp, thỉnh thoảng lộ ra khoảng màu nâu đỏ. Đó chính là những nơi rừng bị chặt phá. Nhìn từ trên cao, chúng như những vết thương của rừng già vậy. **Thế là** dù chưa đặt chân lên Ma-đa-ga-xca, tôi đã cảm thấy xót xa như chính mình bị thương tổn...

- Những từ ngữ thay vào mỗi bông hoa có tác dụng gì?
- Tác giả đã sử dụng cách liên kết câu bằng cách nào?
- Em có thể sử dụng những từ nào khác để thay thế các từ đã cho?

- Đại diện nhóm chia sẻ, nhận xét, bổ sung.

a. Từ ngữ nối: nhưng, và, vì thế.

b. Từ ngữ có thể thay thế:

+ Nhưng thay bằng tuy nhiên, tuy vậy, dù vậy...

Và thay bằng ngoài ra, bên cạnh đó...

+ Vì thế thay bằng: bởi vậy, vì vậy...

- HS nêu 3 cách: lặp từ, từ nối, từ thay thế.

Sau đó

Nhưng

Thế là

Ban đầu

Tôi định ngủ một giấc. **Nhưng** những mảng màu rực rỡ ngoài ô cửa đã kéo tôi ra khỏi giấc ngủ. **Ban đầu**, tôi chỉ thấy màu xanh. Nhìn từ trên máy bay, Ấn Độ Dương trắng như viên đá lam ngọc lấp lánh, còn đảo Ma-đa-ga-xca thì như viên ngọc lục bảo dính trên viên đá này. **Sau đó**, tôi mới thấy giữa dải màu xanh tuyệt đẹp, thỉnh thoảng lộ ra khoảng màu nâu đỏ. Đó chính là những nơi rừng bị chặt phá. Nhìn từ trên cao, chúng như những vết thương của rừng già vậy. **Thế là** dù chưa đặt chân lên Ma-đa-ga-xca, tôi đã cảm thấy xót xa như chính mình bị thương tổn...

(Theo An Nguyệt Vi Tiểu, Hương Giang dịch)

- HS làm bài vào phiếu bài tập.
- Thảo luận nhóm, thống nhất cách làm.
- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm bổ sung.

- Các từ có tác dụng liên kết các câu trong đoạn văn.

- Liên kết bằng cách sử dụng từ nối.

- Học sinh trả lời tùy theo nội dung từng câu.

=> Các từ ngữ này không chỉ có tác dụng liên kết các câu với nhau giúp nội dung thêm chặt chẽ mà còn tránh được việc lặp các từ ngữ khi viết văn.	
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: + Viết một đoạn văn ngắn khoảng 4-5 câu trong đó có sử dụng các cách liên kết câu đã học để kể về một hoạt động mà em đã làm cùng người thân. - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kỹ năng vận dụng vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN

BÀI 57 : CỘNG , TRỪ SỐ ĐO THỜI GIAN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS thực hiện được phép cộng số đo thời gian.
- HS vận dụng được việc cộng số đo thời gian để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và thực hiện được phép cộng số đo thời gian.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép cộng số đo thời gian giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Điền số : 1 giờ = phút + Câu 2: 1 phút = giây + Câu 3: 12 tháng = năm + Câu 4: 1 năm = ngày + Câu 5: 10 giờ + 15 giờ = giờ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 1 giờ = 60 phút + Trả lời: 1 phút = 60 giây + Trả lời: 12 tháng = 1 năm + Trả lời: 1 năm = 365 ngày + Trả lời: 10 giờ + 15 giờ = 25 giờ - HS lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: + củng cố phép cộng số đo thời gian. + Hiểu được cách tính cộng số đo thời gian. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:



- + Một bộ phim bắt đầu khởi chiếu lúc mấy giờ?
- + Thời lượng của bộ phim là mấy giờ?
- + Vậy muốn biết bộ phim kết thúc lúc mấy giờ?
- GV chốt: Muốn biết bộ phim kết thúc lúc mấy giờ ta lấy
- 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút
- ? Em có nhận xét gì về phép cộng?
- ? 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút = ?

- GV nhận xét
- GV hướng dẫn HS cách đặt tính

$$\begin{array}{r}
 19 \text{ giờ } 15 \text{ phút} \\
 + \\
 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} \\
 \hline
 \end{array}$$

- GV gọi HS nêu cách tính
- ? Muốn cộng số đo thời gian em làm thế nào?

$$\begin{array}{r}
 19 \text{ giờ } 15 \\
 + \text{ phút} \\
 1 \text{ giờ } 20 \\
 \text{phút} \\
 \hline
 20 \text{ giờ } 35
 \end{array}$$

- GV nhận xét kết luận :
- + Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau
- + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng.

- + Một bộ phim bắt đầu khởi chiếu lúc 19 giờ 15 phút
- + Thời lượng của bộ phim là 1 giờ 30 phút
- + 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút
- HS lắng nghe

- Phép cộng có số đo thời gian
- 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút = 20 giờ 45 phút
- HS nhận xét

-HS chú ý

- HS nêu
- HS nêu: + Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau
- + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng.

-HS lắng nghe

2. Hoạt động

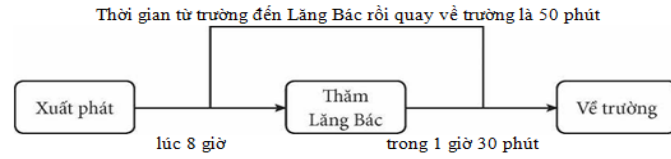
- Mục tiêu:
- + HS thực hiện được cộng các số đo thời gian.
- Cách tiến hành:

Bài 1. Tính. a, 14 giờ 20 phút + 2 giờ 10 phút 10 phút 20 giây + 5 phút 30 giây - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm vào vở ý a. -GV nhận xét, tuyên dương b. Chọn câu trả lời đúng Một chiếc đồng hồ chạy chậm 25 phút so với thời gian đúng. Hỏi thời điểm đồng hồ đó chỉ 14giờ 30 phút thì thời gian đúng là mấy giờ ? A 14 giờ 5 phút B 14 giờ 30 phút C 14giờ 55 phút - GV yêu cầu HS đọc đề bài. ? Vì đồng hồ chạy chậm muốn tính được thời gian đúng em làm thế nào? - GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện để tính ra ý b - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm vào vở thực hiện cộng các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả -HS báo cáo kết quả. a, 14 giờ 20 phút + 2 giờ 10 phút = 16 giờ 30 phút 10 phút 20 giây + 5 phút 30 giây = 15 phút 50 giây - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. -Em lấy thời gian đồng hồ đó chỉ cộng với thời gian chạy chậm. - HS làm việc nhóm đôi - Các nhóm báo cáo kết quả. 14 giờ 30 phút + 25 phút = 14 giờ 55 phút. Chọn C. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Bài 2. Tính (theo mẫu) Mẫu: 1 giờ 30 phút + 2 giờ 50 phút = ? $\begin{array}{r} 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} \\ + 2 \text{ giờ } 50 \text{ phút} \\ \hline 3 \text{ giờ } 80 \text{ phút} \quad (80 \text{ phút} = 1 \text{ giờ } 20 \text{ phút}) \end{array}$ Vậy: 1 giờ 30 phút + 2 giờ 50 phút = 4 giờ 20 phút. a.10 giờ 25 phút + 2 giờ 50 phút b.2 phút 40 giây + 1 phút 20 giây - GV mời HS đọc yêu cầu bài. -GV hướng dẫn HS cộng ở phép tính mẫu	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi -HS chú ý -Có số đo thời gian phút là 80 phút - Đổi đơn vị

? Theo em phép cộng số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép cộng số đo thời gian bài 1? ? Thực hiện phép cộng được số đo thời gian là 80 phút (lớn hơn 1giờ) thì ta có thể làm gì? -GV nhận xét, kết luận: Nếu số đo thời gian ở đơn vị bé có thể chuyển đổi sang đơn vị lớn thì ta thực hiện chuyển đổi sang đơn vị lớn hơn. -GV gọi HS lên bảng - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	-HS lắng nghe -2 HS lên bảng – lớp BC $ \begin{array}{r} 10 \text{ giờ } 25 \text{ phút} \\ + \quad 2 \text{ giờ } 50 \text{ phút} \quad (75 \text{ phút} = 1 \text{ giờ } 15 \text{ phút}) \\ \hline 12 \text{ giờ } 75 \text{ phút} \\ \text{giờ } 50 \text{ phút} \end{array} $ $ \begin{array}{r} 2 \text{ phút } 40 \text{ giây} \\ + \quad 1 \text{ phút } 20 \text{ giây} \\ \hline 3 \text{ phút } 60 \text{ giây} \\ \text{phút} \end{array} $ 2 giờ 40 phút + 1 phút 20 giây = 4 phút - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
Bài 3. Một ô tô đến trường học đưa học sinh đi thăm Lăng Bác lúc 8 giờ . Tổng thời gian ô tô đi từ trường đến Lăng Bác rồi quay về trường là 50 phút. Hỏi học sinh về đến trường lúc mấy giờ, biết thời gian thăm Lăng Bác là 1 giờ 30 phút? A. 10 giờ 10 phút B. 10 giờ 15 phút C. 9 giờ 30 phút D. 10 giờ 20 phút ? Thời gian xe xuất phát lúc mấy giờ? ? Tổng thời gian từ khi HS đi cho đến khi quay về trường? ? Để tìm được HS về đến trường lúc mấy giờ ta làm thế nào?	-Thời gian xe xuất phát là 8 giờ. -50 phút -Tổng thời gian di chuyển trên đường + thời gian thăm Lăng Bác + thời gian bắt đầu đi

- GV đưa ra sơ đồ

- Mô hình:



-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện

-GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

-HS quan sát

-Các nhóm thảo luận

-Đại diện các nhóm trình bày

Tổng thời gian di chuyển trên đường và thời gian thăm Lăng Bác là:

$50 \text{ phút} + 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 2 \text{ giờ } 20 \text{ phút}.$

HS về' đến trường lúc: $8 \text{ giờ} + 2 \text{ giờ } 20 \text{ phút} = 10 \text{ giờ } 20 \text{ phút}.$ Chọn D.

-Nhóm khác nhận xét, bổ sung

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

KHOA HỌC
Bài 25: CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TUỔI DẬY THÌ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.

+ Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.

+ Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể. Đặc biệt là vệ sinh quanh cơ quan sinh dục ngoài.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực hoàn thành nhiệm vụ được tìm hiểu và theo dõi và nhận xét việc thực hiện chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thể chất, tinh thần tuổi dậy thì.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng đặc điểm sinh học, đặc điểm xã hội của các bạn cùng giới và khác giới.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu quý mọi người

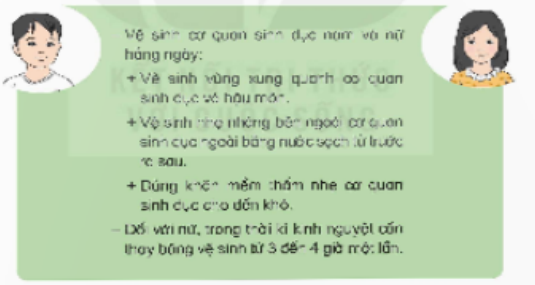
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Bảng nhóm, phiếu bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- Giáo viên tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi “Ô chữ may mắn” - Cách chơi theo đội: đội đầu tiên sẽ chọn một ô số giáo viên lệch câu hỏi chứa trong ô số, học sinh trả lời đúng hình ảnh sẽ hiện ra, trả lời sai sẽ mất lượt và câu trả lời thuộc về khán giả. - GV khuyến khích nhiều HS chơi.	- Cả lớp lắng nghe. - Học sinh chơi theo đội chọn vô số trả lời câu hỏi bằng cách nêu việc cần làm phù hợp với bạn trong hình cả lớp đánh giá có thể đưa ra đáp án hỏi đồ chơi trả lời sai

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: các em đã thực hiện nhiều việc làm để giữ vệ sinh cơ thể vậy vì sao cần thực hiện những việc làm đó chúng ta tìm hiểu tiết 2 của bài	- HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Nhìn ra sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể từ việc phân tích một số tình huống. - Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1: Sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì. -Tổ chức theo nhóm, yêu cầu học sinh quan sát hình và thực hiện theo yêu cầu của Sách giáo khoa. -Quan sát từ hình 9 đến hình 11 và cho biết các bạn trong hình đang gặp vấn đề gì các bạn cần làm gì ý nghĩa của việc làm đó? The illustrations show various skin and hygiene issues: Hình 9 shows a person scratching their back with a speech bubble saying 'Tôi thấy da mình ngứa, ngứa quá rồi'; Hình 10 shows a person with a pimple with a speech bubble saying 'Da mặt mình nổi mụn đỏ, ngứa quá'; Hình 11 shows a person with a speech bubble saying 'Tôi thấy mình có mùi cơ thể, khó chịu lắm'; Hình 12 shows a person with a speech bubble saying 'Tôi thấy da mình bị kích ứng, ngứa quá'. - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Chia sẻ trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương. GV nhận xét và khen học sinh Hoạt động khám phá 2: Nêu được tác hại của việc không thường xuyên giữ vệ sinh cơ thể: - GV yêu cầu học sinh dựa vào vốn hiểu biết để trả lời câu hỏi: - Gọi nhiều HS chia sẻ. - Giáo viên nhận xét và kết luận.	- HS đọc thông tin và thảo luận theo nhóm: -Hình 9: vấn đề ngứa da do không tắm. + Việc cần làm tắm rửa thường xuyên bằng nước ấm, nơi kín gió. +Ý nghĩa da (cơ thể) sạch sẽ da thông thoáng không bị ngứa. -Hình 10: Da mặt dính nổi mụn đỏ, vệ sinh da mặt chưa phù hợp. + Việc cần làm rửa mặt với nước sạch sẽ thường xuyên, ít nhất 2 lần/ngày. + Ý nghĩa sạch chất nhờn trên da không gây tắc lỗ chân lông. -Hình 11: vấn đề ngứa xuất hiện mùi khác lạ do bị viêm cơ quan sinh dục. + Việc cần làm tắm rửa bằng nguồn nước sạch, vệ sinh cơ quan sinh dục, thay quần áo lót hàng ngày, cơ quan sinh dục luôn khô thoáng, phòng tránh viêm nhiễm, hạn chế vi khuẩn. -HS lắng nghe. -Nếu không thường xuyên giữ vệ sinh cơ thể sẽ có những tác hại rất lớn đối với cơ thể. Đó là: Làm cho cơ thể khó chịu gây cho chúng ta cảm giác mệt mỏi, có mùi khó chịu, dễ mắc các bệnh viêm nhiễm, lâu ngày sẽ mắc các bệnh mãn tính.
3. Hoạt động luyện tập.	

- Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức để thực hiện vệ sinh cơ thể tuổi dậy thì. + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực khoa học tự nhiên. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu làm việc cá nhân: Quan sát hình 12, 13 và cho biết các bạn làm chưa đúng điều gì, cách làm nào giữ đúng vệ sinh cơ thể?  Hình 12  Hình 13 - GV lắng nghe ý kiến chia sẻ của HS. - GV nhận xét và kết luận.	- HS lắng nghe và hoàn thành Hình 12: + Việc làm chưa đúng: sau khi tắm xong mặc quần áo mà vẫn còn xà phòng trên người. + Cách làm đúng: xả kỹ cho sạch xà phòng trên người, lau người khô trước khi mặc quần áo. Hình 13: + Việc làm chưa đúng: có ý định mặc quần áo lót còn ẩm + Cách làm đúng: không dùng quần áo khi còn ẩm, đặc biệt là đồ lót. Cần hong (sấy) khô quần áo trước khi mặc. Mang quần áo ra ngoài chỗ có ánh sáng phơi để diệt khuẩn và nhanh khô.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực khoa học tự nhiên. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- Đọc thông tin và nêu cách giữ vệ sinh của nam và nữ. - HS nêu cá nhân.  - GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân. - GV tuyên dương những cá nhân nêu đầy đủ.	- HS lắng nghe. HS nêu cụ thể.

- Dặn dò về nhà.	
------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động giáo dục theo chủ đề:

- Tạo dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.
- Xây dựng “Cây giá trị gia đình”.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

HS thực hiện:

- Biết tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình
- Đưa ra được các giá trị mong muốn gia đình cùng xây dựng và làm được “Cây giá trị gia đình”

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ được với các bạn về ý kiến cá nhân trong các nhiệm vụ nhóm và hợp tác với các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ hoạt động.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: đưa ra cách xử lý tình huống và ý tưởng để làm “Cây giá trị gia đình”

2. Năng lực đặc thù:

- Thiết kế và tổ chức hoạt động: thể hiện qua việc thực hiện những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình và cùng người thân xây dựng và thực hiện các giá trị gia đình hàng ngày

3. Phẩm chất

- Phẩm chất trách nhiệm: chủ động suy nghĩ về những giá trị để cùng người thân thực hiện, tạo ra sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Kế hoạch tổ chức hoạt động, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- Giấy bìa, giấy màu, bút màu, kéo, keo dán...

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>a) Mục tiêu</i> – Tạo hứng thú cho HS và kết nối vào tiết hoạt động	
<i>b) Cách tiến hành</i> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhìn hành động đoán việc làm”	
+ GV phổ biến luật chơi cho HS • HS lên chơi dùng hành động biểu hiện việc đã làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình	HS lắng nghe và chơi thử theo hướng dẫn của GV

Những HS khác nhìn vào hành động đoán tên việc làm. Bạn nào đoán đúng sẽ được quyền mời bạn khác lên chơi. + GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi	HS tham gia chơi trò chơi
- GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi chơi: + Qua trò chơi, em đã học thêm được những việc làm nào để xây dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình?	HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân
GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Chúng ta đã biết rất nhiều việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. Vậy, chúng ta cần thực hiện những việc đó như thế nào cho hiệu quả trong từng hoàn cảnh cụ thể? Cùng tìm hiểu trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Thực hành – Vận dụng	
2. Hoạt động 9: Tạo dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình a) Mục tiêu – Thực hiện những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình	
b) Cách tiến hành - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4-6 em + GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 1 trong hoạt động 9 trang 71, SHS HĐTN5 và yêu cầu mỗi nhóm chọn 1 trường hợp để xây dựng tình huống về việc tạo dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình + GV hướng dẫn cho các nhóm trao đổi và đưa ra một số tình huống cụ thể với từng trường hợp + GV yêu cầu HS chọn tình huống, thảo luận và sắm vai xử lý tình huống theo gợi ý: Tình huống nào trong cuộc sống liên quan đến trường hợp em chọn?	- HS trao đổi và đưa ra ý kiến về các tình huống cụ thể theo suy nghĩ: + Thực hiện những hoạt động thường ngày của gia đình: cùng nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, cùng chuẩn bị đồ đi du lịch... + Tổ chức hoạt động kỉ niệm tạo bất ngờ cho người thân: kỉ niệm ngày sinh nhật, kỉ niệm ngày lễ, kỉ niệm ngày liên quan đến nghề nghiệp của người thân (ví dụ: nếu bố là bác sĩ thì có thể chúc mừng ngày Thầy thuốc Việt Nam...) + Kiểm soát cảm xúc trong ứng xử, giao tiếp với người thân: người thân hiểu lầm em; em bé nghịch làm hỏng đồ dùng của em... - HS thảo luận và tập sắm vai xử lý tình huống theo hướng dẫn

Những HS khác nhìn vào hành động đoán tên việc làm. Bạn nào đoán đúng sẽ được quyền mời bạn khác lên chơi. + GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi	HS tham gia chơi trò chơi
- GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi chơi: + Qua trò chơi, em đã học thêm được những việc làm nào để xây dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình?	HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân
GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Chúng ta đã biết rất nhiều việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. Vậy, chúng ta cần thực hiện những việc đó như thế nào cho hiệu quả trong từng hoàn cảnh cụ thể? Cùng tìm hiểu trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Thực hành – Vận dụng	
- Trong tình huống đó em sẽ làm gì? - Khi sắm vai cần chú ý: Phân vai gì, cho ai? Cần dụng cụ, đồ dùng gì?	
- GV tổ chức cho các nhóm nêu tình huống và trình diễn phân xử lý tình huống của nhóm mình	- HS trình bày phần sắm vai xử lý tình huống theo nhóm
- GV mời các nhóm khác nêu ý kiến trao đổi về phần sắm vai xử lý tình huống của nhóm bạn và đưa ra các câu hỏi làm rõ thêm nếu có	- HS đưa ra ý kiến trao đổi hoặc sắm vai thể hiện cách giải quyết của mình - HS có thể đặt thêm câu hỏi yêu cầu nhóm bạn giải thích về cách xử lý tình huống
- GV tổ chức cho HS chia sẻ về những điều các em học được sau khi tham gia hoạt động (Gợi ý: cách ứng xử, lời nói, thái độ...)	HS chia sẻ theo suy nghĩ
- GV tổng kết hoạt động, lưu ý HS khi xử lý các tình huống cụ thể thì nên chú ý đến cử chỉ, lời nói cho phù hợp với người mình giao tiếp	HS lắng nghe và rút kinh nghiệm
- GV nhắc nhở HS về nhà thực hiện những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình và chuyển tiếp sang hoạt động sau: <i>Mỗi gia đình có một thói quen, nề nếp sinh hoạt khác nhau, do đó cũng có những giá trị hướng tới khác nhau. Mời các con tham gia hoạt động tiếp theo để cùng suy ngẫm và xây dựng “Cây giá trị gia đình” của mình nhé!</i>	HS lắng nghe và suy nghĩ

Những HS khác nhìn vào hành động đoán tên việc làm. Bạn nào đoán đúng sẽ được quyền mời bạn khác lên chơi. + GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi	HS tham gia chơi trò chơi
- GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi chơi: + Qua trò chơi, em đã học thêm được những việc làm nào để xây dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình?	HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân
GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Chúng ta đã biết rất nhiều việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. Vậy, chúng ta cần thực hiện những việc đó như thế nào cho hiệu quả trong từng hoàn cảnh cụ thể? Cùng tìm hiểu trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Thực hành – Vận dụng	
3. Hoạt động 10 : Xây dựng “Cây giá trị gia đình”	
<i>a) Mục tiêu</i> - HS đưa ra được các giá trị mong muốn gia đình cùng xây dựng - HS làm được “Cây giá trị gia đình”	
<i>b) Cách tiến hành</i> – GV yêu cầu HS đọc thông tin ở phần giải thích thuật ngữ và trả lời câu hỏi: <i>Em hiểu thế nào là giá trị? Giá trị gia đình?</i>	– HS đọc thông tin ở phần giải thích thuật ngữ và trả lời
- GV tổ chức cho HS nhóm 4-6 em, quan sát và thảo luận về “Cây giá trị gia đình” theo gợi ý: - Cây gồm có những phần nào? - Mỗi phần có những thông tin gì?	HS trả lời theo quan sát: - Tán lá viết các viết làm xây dựng giá trị; - Rễ cây: viết các giá trị
GV tổ chức cho HS chia sẻ về các giá trị của gia đình và những giá trị mà mình muốn cả gia đình cùng xây dựng	- HS chia sẻ trong nhóm
- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, hoàn thành “Cây giá trị gia đình” theo hướng dẫn: - Vẽ cái cây theo sở thích - Phân tán lá: viết các việc làm để xây dựng giá trị - Phân rễ: ghi các giá trị gia đình	- HS hoàn thiện “Cây giá trị gia đình” theo hướng dẫn

Những HS khác nhìn vào hành động đoán tên việc làm. Bạn nào đoán đúng sẽ được quyền mời bạn khác lên chơi.	
+ GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi	HS tham gia chơi trò chơi
- GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi chơi: + Qua trò chơi, em đã học thêm được những việc làm nào để xây dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình?	HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân
GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Chúng ta đã biết rất nhiều việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. Vậy, chúng ta cần thực hiện những việc đó như thế nào cho hiệu quả trong từng hoàn cảnh cụ thể? Cùng tìm hiểu trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Thực hành – Vận dụng	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ theo cặp về “Cây giá trị gia đình” của mình	- HS chia sẻ theo cặp
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Cuộc đua kì thú” để chia sẻ trước lớp về “Cây giá trị gia đình” + GV chiếu slide có hình ảnh và tên của HS trong lớp + GV cho click chuột để bắt đầu cuộc đua, tên của HS nào dẫn đầu vòng đua thì HS đó sẽ lên chia sẻ	- HS tham gia trò chơi và chia sẻ về “Cây giá trị gia đình” của bản thân.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận sau khi nghe phần trình bày của các bạn và nêu những điều mình học được	HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân
- GV tổng kết hoạt động và nhắc HS về nhà trao đổi, thống nhất xây dựng “Cây giá trị gia đình” với người thân; cùng người thân thực hiện những việc làm xây dựng các giá trị gia đình hàng ngày.	- HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu của GV
Đánh giá – phát triển	
4. Đánh giá kết quả hoạt động	
– GV tổ chức cho HS trao đổi và nêu những điều mình học được qua chủ đề. Gợi ý: + Cách thực hiện những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình, sự tôn trọng phụ nữ + Xác định và thực hiện được những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình	- HS chia sẻ theo suy nghĩ của bản thân

Những HS khác nhìn vào hành động đoán tên việc làm. Bạn nào đoán đúng sẽ được quyền mời bạn khác lên chơi.	
+ GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi	HS tham gia chơi trò chơi
- GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi chơi: + Qua trò chơi, em đã học thêm được những việc làm nào để xây dựng bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình?	HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân
GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Chúng ta đã biết rất nhiều việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. Vậy, chúng ta cần thực hiện những việc đó như thế nào cho hiệu quả trong từng hoàn cảnh cụ thể? Cùng tìm hiểu trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Thực hành – Vận dụng	
+....	
- GV phát phiếu đánh giá và yêu cầu HS làm việc cá nhân, tự đánh giá và tô màu số ngôi sao tương ứng với việc đã làm.	HS làm phiếu đánh giá cá nhân
- GV tổ chức cho HS chuyển phiếu đánh giá theo cặp đôi để xin ý kiến của bạn về những hoạt động mình đã tham gia trong chủ đề	HS đổi phiếu đánh giá với bạn và thực hiện việc đánh giá với những điều bạn thực hiện trong chủ đề
- GV tổ chức cho HS trao đổi về những điều mình sẽ thay đổi để có thể thực hiện những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với người thân và tạo bầu không khí đầm ấm trong gia đình tốt hơn.	HS chia sẻ theo suy nghĩ
GV nhận xét và yêu cầu HS về nhà xin ý kiến người thân và ghi vào phiếu đánh giá; nộp lại cho GV vào tiết hoạt động tiếp theo	
- GV dặn dò HS chuẩn bị giấy màu, kéo, keo dán để chuẩn bị cho hoạt động của tiết sinh hoạt lớp	
IV. IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	

PHỤ LỤC PHIẾU ĐÁNH GIÁ

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Họ và tên.....Lớp.....Trường.....

1. Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng

Tô màu vào hình ngôi sao với mỗi nội dung đánh giá theo gợi ý:

Hoàn thành Tốt: 

Hoàn thành: 

Chưa hoàn thành: 

STT	Nội dung	Em đánh giá	Bạn đánh giá em
1	Nêu những việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình		
2	Thực hiện việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình		
3	Báo cáo kết quả thực hiện việc làm thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình		
4	Xác định những việc làm để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình		
5	Thực hiện những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.		
6	Làm được “Cây giá trị gia đình”		

2. Ý kiến của người thân về những việc em đã thực hiện:

.....

.....

.....

3. Ý kiến của thầy, cô về những việc em đã thực hiện:

.....

.....

.....

.....

.....

KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ

Bài 2. Gửi và mở tệp đính kèm thư điện tử

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết sử dụng được dịch vụ thư điện tử để gửi và mở tệp đính kèm thư.
- Thực hiện được thao tác xoá thư trong hộp thư.
- Có ý thức cẩn thận khi mở tệp đính kèm và khi xóa thư.

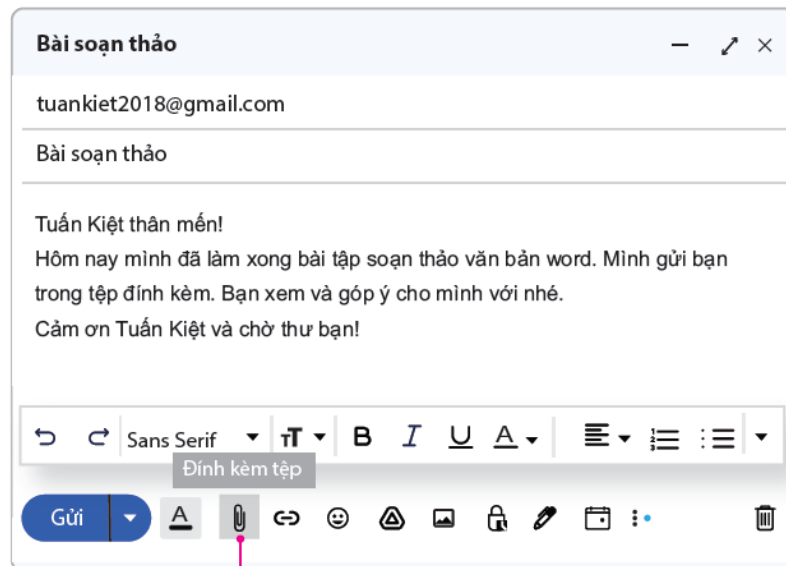
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, máy chiếu và tệp trình chiếu *Chủ đề 1. Bài 2. Gửi và mở tệp đính kèm thư điện tử.*

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

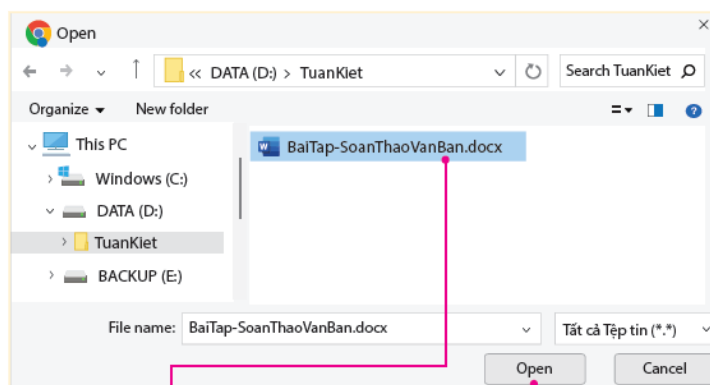
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
TIẾT 1	
A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG <i>1. Mục tiêu</i> - HS nhắc lại và thực hiện được các thao tác truy cập hộp thư, soạn thư và gửi thư điện tử. - HS hứng thú vào bài học mới. <i>2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm</i> - GV tổ chức trò chơi “Thỏ con nhanh nhẹn”. - GV phổ biến luật chơi, cách chơi: + Trong thời gian 8 phút, các nhóm sẽ soạn một bức thư gửi tới địa chỉ email của giáo viên với nội dung sau: Em chào cô ạ! Em là học sinh lớp 5. Em rất yêu thích môn Tin học. + Nhóm nào gửi nhanh và đúng nội dung tới email của GV nhóm đó sẽ dành chiến thắng. - GV tuyên dương nhóm chiến thắng, dẫn dắt vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi theo nhóm. - HS thực hiện gửi thư điện tử tới địa chỉ email của giáo viên trên máy tính cá nhân.
Sản phẩm: - HS soạn và gửi được thư điện tử tới địa chỉ email của giáo viên.	
B. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ HOẠT ĐỘNG 1. GỬI TỆP ĐÍNH KÈM THƯ <i>1. Mục tiêu</i> - HS thực hiện được thao tác gửi thư có tệp đính kèm. <i>2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm</i> - GV trình chiếu lần lượt hình 1, 2, 3.	- HS theo dõi GV phân tích các bước

- GV phân tích các bước gửi tệp đính kèm thư. - GV yêu cầu HS thực hiện các bước theo hướng dẫn trên máy tính cá nhân. - GV chọn một số nhóm thao tác tốt lên trình bày cách làm. - GV nhận xét, trình chiếu đáp án, ví dụ. - GV lưu ý HS: Em có thể đính kèm nhiều tệp trong một thư.	gửi tệp đính kèm thư. - HS làm việc nhóm, đăng nhập hộp thư, thực hiện các bước theo hướng dẫn. - HS báo cáo kết quả.
--	---



1 Nháy chuột vào nút . Cửa sổ **Open** xuất hiện như Hình 2.

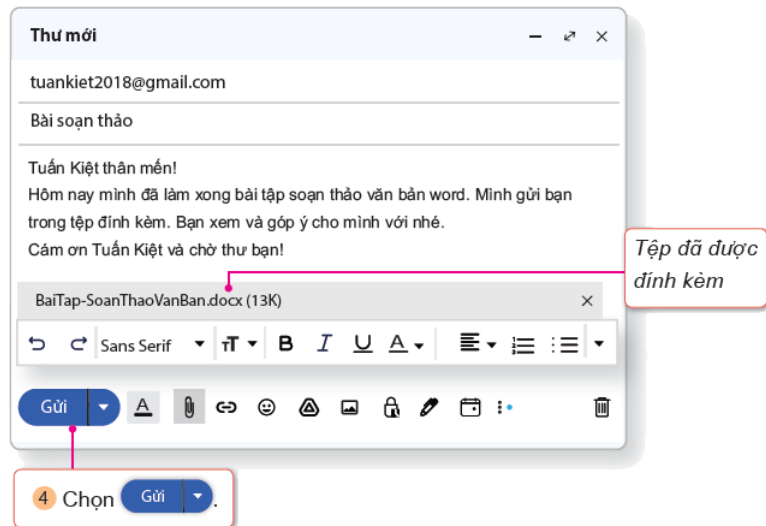
Hình 1



2 Mở thư mục chứa tệp rồi chọn tệp.

3 Nháy chuột vào nút .

Hình 2



Hình 3

Sản phẩm:

- HS soạn được nội dung thư, gửi đính kèm tệp văn bản tới một địa chỉ email của bạn cùng lớp.

HOẠT ĐỘNG 2. MỞ TỆP ĐÍNH KÈM THƯ

1. Mục tiêu

- HS biết cách mở và xem nội dung của tệp đính kèm thư.

2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm

Mở và đọc thư.

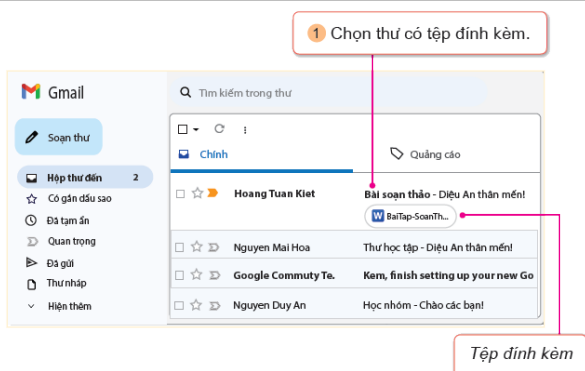
- GV yêu cầu HS tìm hiểu các bước mở tệp đính kèm thư ở trang 13, sách học sinh.
- GV yêu cầu HS thực hiện mở và đọc nội dung tệp đính kèm của bạn trong lớp vừa gửi cho em.
- GV mời một số HS báo cáo kết quả, trình bày cách thực hiện.
- GV nhận xét, trình chiếu hình 4, 5, 6.

- HS làm việc cá nhân, tìm hiểu các bước trong sách.

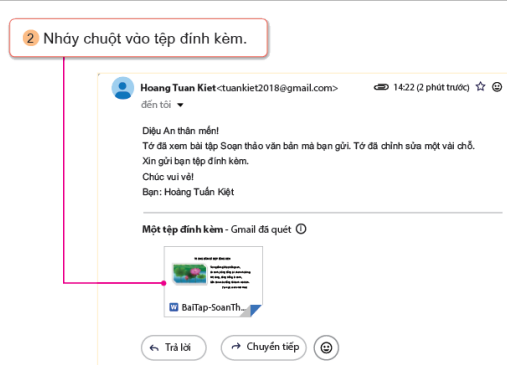
- HS thực hiện theo nhóm, mở và đọc nội dung tệp đính kèm trên máy tính.

- HS trình bày các bước thực hiện.

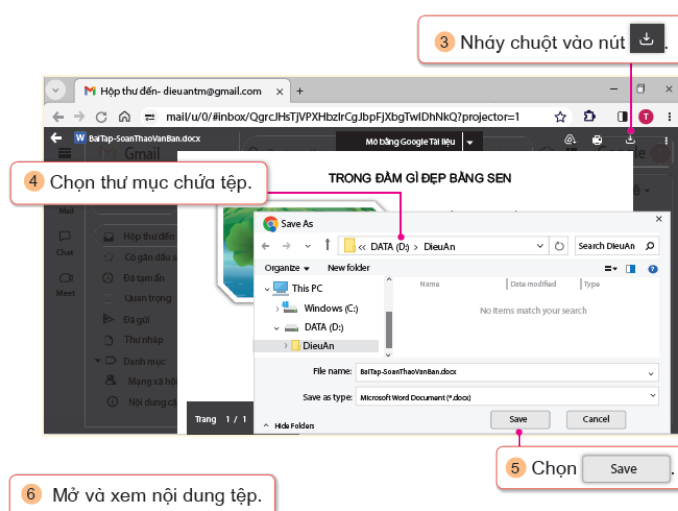
- HS quan sát đáp án trên màn chiếu.



Hình 4



Hình 5



Hình 6

Sản phẩm:

- HS thực hiện được thao tác mở và đọc thư, xem được nội dung tệp đính kèm.

HOẠT ĐỘNG 3. XOÁ THƯ

1. Mục tiêu

- Thực hiện được thao tác xoá thư trong hộp thư.

- Thận trọng khi xoá thư, tải tệp tin đính kèm, đọc, làm theo yêu cầu của người lạ.

2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm

- GV yêu cầu HS tìm hiểu các bước xoá thư ở mục 3, trang 14, sách học sinh

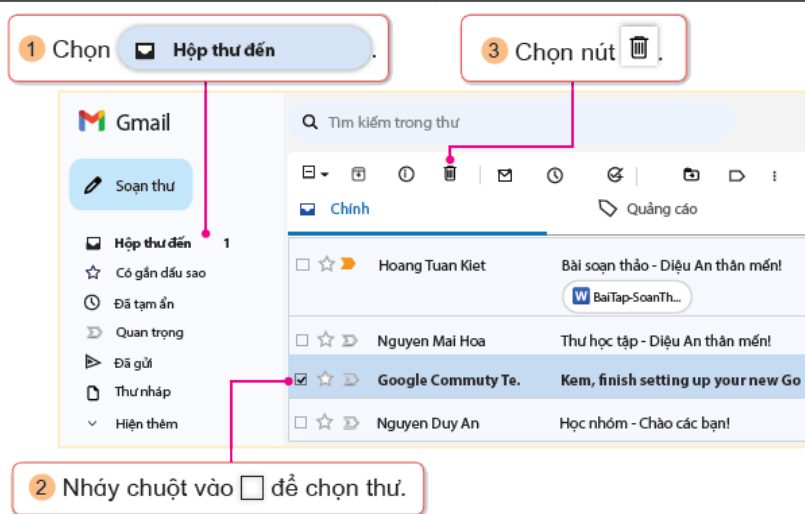
- GV mời HS trình bày cách làm.

- GV nhận xét, trình chiếu hình 7.

- HS làm việc nhóm, thực hiện các bước xoá thư trên máy tính.

- HS trình bày các bước thực hiện.

- HS theo dõi đáp án trên màn chiếu.



Hình 7

- GV trình chiếu hình 8, lưu ý với HS các an toàn khi nhận thư và tệp tin đính kèm, xoá

- HS quan sát những lưu ý trên màn chiếu.

thư.	
Hình 8	
Sản phẩm: - HS thực hiện được thao tác xóa thư. - HS biết được cần thận trọng khi nhận thư có tệp đính kèm và khi xóa thư.	
TIẾT 2	
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP <i>1. Mục tiêu</i> - HS được luyện tập các thao tác: đăng nhập hộp thư điện tử, gửi thư có tệp đính kèm, đăng xuất hộp thư. - HS có ý thức cần thận trọng khi mở tệp đính kèm và khi xóa thư. 2. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm. - GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trên phần mềm Powerpoint hoặc một số phần mềm trực tuyến Quizziz, Liveworksheets,... để hoàn thành các bài tập 1, 2, 3, 4 trong phần Luyện tập, trang 15, 16 sách học sinh. - GV nhận xét, tuyên dương những nhóm thực hiện tốt.	HS làm việc nhóm, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV yêu cầu HS thực hiện trên máy tính bài 5 phần Luyện tập, trang 16, sách học sinh. - GV mời một số HS thực hiện tốt trình bày các bước thực hiện. - GV nhận xét thao tác của HS.	- HS thực hành theo nhóm trên máy tính cá nhân. - HS trình bày kết quả làm bài trước lớp.
Sản phẩm: HS thực hiện được thao tác: - Đăng nhập hộp thư điện tử. - Gửi thư có tệp đính kèm.	

- Xem nội dung tệp đính kèm gửi đến hộp thư điện tử. - Đăng xuất hộp thư.	
E. HOẠT ĐỘNG EM ĐÃ HỌC <i>1. Mục tiêu</i> Tóm tắt kiến thức trọng tâm của bài học 4. Nhiệm vụ của GV, HS và sản phẩm - GV gợi ý để HS nêu: - Tác dụng của thư điện tử. - Các bước thực hiện xoá thư điện tử.	- HS làm việc cá nhân. - HS trình bày theo gợi ý của GV.
Sản phẩm: HS nêu được: - Có thể sử dụng thư điện tử để trao đổi tệp. - Có thể xoá một thư bằng cách: + Chọn thư điện tử cần xoá. + Chọn nút .	

V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

Thứ tư, ngày 19 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2
Tiết 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- HS huy động được ý tưởng, huy động kiến thức để thể hiện ý tưởng cho bài viết nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.
- HS nhớ lại cấu tạo của bài văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.
- HS viết được bài văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng vận dụng kiến thức đã học để lên ý tưởng cho bài văn nêu tình cảm, cảm xúc.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Viết được câu văn hay, giàu hình ảnh và cảm xúc.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đoàn kết với bạn bè.
- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “ Gọi tên cảm xúc” - GV hướng dẫn cách chơi: Mỗi bạn sẽ ghi cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực vào một tờ giấy rồi cô giáo thu lại. GV gọi 1 em lên bốc thăm và thể hiện cảm xúc qua cử chỉ, gương mặt. HS bên dưới đoán và gọi tên cảm xúc. Ai nói đúng sẽ được lên bốc thăm tiếp.	- HS lắng nghe GV giới thiệu cách chơi. - HS tham gia chơi: + HS ghi cảm xúc vào giấy.

GV nhận xét, tuyên dương HS. + Em rút ra được điều gì qua trò chơi? GV kết luận, giới thiệu bài: Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em đưa những tình cảm, cảm xúc của mình vào để viết một đoạn văn về một sự việc mà em yêu thích.	+ Bốc thăm + Thể hiện cảm xúc.
2 Ôn tập: - Mục tiêu: + HS đưa ra ý tưởng cho bài viết nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng. + HS nhớ lại cấu tạo của bài văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng. + HS viết được bài văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: Bài 1/82: Thực hiện 1 trong 2 yêu cầu sau: a. Trao đổi với bạn về các sự việc được thể hiện trong một tranh dưới đây và cảm xúc của những người trong tranh đó. M: Tưởng tượng thêm về các sự việc đã diễn ra. b. Kể với bạn một sự việc đáng nhớ mà em đã trải qua và chia sẻ cảm xúc của em khi đó. - Thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu bài. – GV nhận xét, góp ý. - GV khen ngợi những HS trình bày tốt. => Qua bài tập 1, các em đã lên được ý tưởng cho bài viết. Bây giờ chúng ta cùng	
	- HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - HS chọn 1 trong 2 yêu cầu rồi suy nghĩ và thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe. - HS kể hoặc trao đổi trong nhóm hoặc cặp. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý để HS hoàn thiện phần trình bày. - Gợi ý: a. Sự việc được thể hiện trong một bức tranh: Hai bạn nam cùng đá bóng gần cửa lớp học, vô tình đá trúng vào cửa làm vỡ kính của lớp. Hai bạn nam lúng túng và không biết phải xử trí ra sao. b. Sự việc đáng nhớ em đã trải qua: Một lần em tham gia cuộc thi của trường tổ chức, em vinh dự thắng cuộc và dành được giải cao nhất trong cuộc thi ấy. Sau sự việc xảy ra, em cảm thấy thật bất ngờ và vỡ òa trong hạnh phúc, em nghĩ mình không đạt được thành tích tốt như vậy.

ôn lại các bước viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc và thực hành viết đoạn văn trong nội dung bài 2.

Bài 2/82: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc ở bài 1



- Hs đọc yêu cầu bài.
- Hs nhắc lại cấu trúc đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc.
- HS nhớ lại nội dung đã nói ở bài 1 và viết vào vở.

Bài 3/82 :Trao đổi với bạn đoạn văn em vừa viết để góp ý cho nhau và chỉnh sửa bài viết.

- HS trao đổi bài trong Làm việc theo cặp
- HS trao đổi bài viết cho nhau.
- HS đọc và nhận xét bài của bạn.
- + Nêu những ưu điểm mình có thể học tập trong bài của bạn.
- + Góp ý sửa lỗi trong bài.
- + Góp ý để bạn viết câu/ đoạn hay hơn.
- + Chép vào sổ tay những điều mình học được từ bạn.

- GV đọc một số bài của HS trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS. (Nếu không đủ thời gian, GV nhắc HS về nhà hoàn thành yêu cầu của bài tập 2.)
- Khen ngợi những HS viết tốt.
- Nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.

5. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS ghi lại những tình cảm, cảm xúc về tiết học hôm nay và chia sẻ cùng các bạn.
- Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà.

- Hs viết ra giấy và chia sẻ cho các bạn .

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

TOÁN

BÀI 57: CỘNG , TRỪ SỐ ĐO THỜI GIAN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS thực hiện được phép trừ số đo thời gian.
- HS vận dụng được việc trừ số đo thời gian để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và thực hiện được phép trừ số đo thời gian.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép trừ số đo thời gian giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. - HS chơi chuyền bóng theo nhạc khi bóng dừng ở HS nào thì HS đó trả lời câu hỏi về cộng số đo thời gian do một bạn chỉ huy đưa ra. + Câu 1: 15 giờ 35 phút + 3 giờ 20 phút = + Câu 2: 25 phút 35 giây + 20 phút 15 giây = + Câu 3: 24 giờ 46 phút + 15 giờ 35 phút = + Câu 4: 15 phút 35 giây + 9 phút 50 giây = - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 18 giờ 55 phút + Trả lời: 45 phút 50 giây + Trả lời: 39 giờ 81 phút = 40 giờ 21 phút + Trả lời: 24 phút 85 giây = 25 phút 25 giây - HS lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: + củng cố phép trừ số đo thời gian. + Hiểu được cách tính trừ số đo thời gian.	

- Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:
+ Có thể quan sát thấy nhật thực lúc mấy giờ? +Bây giờ mới là mấy giờ? + Vậy muốn biết bao lâu nữa mới có thể quan sát được nhật thực em làm thế nào? - GV chốt: Muốn biết bộ phim kết thúc lúc mấy giờ ta lấy 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút ? Em có nhận xét gì về phép trừ? ? Theo em 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút -GV nhận xét - GV hướng dẫn HS cách đặt tính $\begin{array}{r} 10 \text{ giờ } 30\text{phút} \\ - \\ \underline{9 \text{ giờ } 20\text{phút}} \end{array}$ -GV gọi HS nêu cách tính ? Muốn cộng số đo thời gian em làm thế nào? $\begin{array}{r} 10 \text{ giờ } 30\text{phút} \\ - \\ \underline{9 \text{ giờ } 20\text{phút}} \\ 1 \text{ giờ } 10\text{phút} \end{array}$ -GV nhận xét kết luận : + Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng.	+ Có thể quan sát thấy nhật thực lúc 10 giờ 30 phút + bây giờ mới là 9 giờ 20 phút + 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút -HS lắng nghe - Phép trừ có số đo thời gian -10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút = 1 giờ 10 phút -HS nhận xét -HS chú ý -HS nêu -HS nêu:+ Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng. -HS lắng nghe
2. Hoạt động - Mục tiêu: + HS thực hiện được trừ các số đo thời gian. - Cách tiến hành:	

Bài 1. Tính.

a, 20 phút 25 giây - 12 phút 10 giây

16 giờ 30 phút - 12 giờ 30 phút

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV mời HS làm vào vở ý a.

-GV nhận xét, tuyên dương

b. Chọn câu trả lời đúng

Một ô tô đi từ Thanh Hóa lúc 14 giờ 5 phút và đến Nghệ an lúc 17 giờ 20 phút cùng ngày. Hỏi ô tô đó đi từ Thanh Hóa đến Nghệ an hết bao lâu?

A. 3 giờ 5 phút B. 3 giờ 15 phút

C. 3 giờ 25 phút

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

? Vậy để biết ô tô đó đi từ Thanh Hóa đến Nghệ an hết bao lâu em làm thế nào?

- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện để tính ra ý b

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

Bài 2. Tính (theo mẫu)

Mẫu: 4 phút 10 giây - 2 phút 30 giây = ?

Đổi: 4 phút 10 giây = 3 phút 70 giây

$$\begin{array}{r} 3 \text{ phút } 70 \text{ giây} \\ - 2 \text{ phút } 30 \text{ giây} \\ \hline \end{array}$$

1 phút 40 giây

Vậy: 4 phút 10 giây - 2 phút 30 giây = 1 phút 40 giây

a. 1 giờ 30 phút - 50 phút

b. 8 phút 20 giây - 5 phút 40 giây

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.

-GV hướng dẫn HS trừ ở phép tính mẫu

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS làm vào vở thực hiện cộng các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả

-HS báo cáo kết quả.

a, , 20 phút 25 giây - 12 phút 10 giây

= 8 phút 15 giây

16 giờ 30 phút - 12 giờ 30 phút

= 4 giờ

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.

- Em lấy 17 giờ 20 phút - 14 giờ 5 phút

- HS làm việc nhóm đôi

- Các nhóm báo cáo kết quả.

17 giờ 20 phút - 14 giờ 5 phút = 3 giờ 15 phút.

Chọn B.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi

-HS chú ý

? Theo em phép trừ số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép trừ số đo thời gian bài 1?

? Số đo thời gian theo đơn vị giây ở số bị trừ bé hơn ở số trừ thì ta làm thế nào?

-GV nhân xét, kết luận:

Nếu số đo theo đơn vị nào đó ở số bị trừ bé hơn, số đo tương ứng ở số trừ thì ta chuyển đổi một đơn vị hàng lớn hơn liền kề sang đơn vị nhỏ hơn rồi thực hiện phép trừ như bình thường.

-GV gọi HS lên bảng làm ý a

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

b.Chọn câu trả lời đúng

Một máy bay có giờ khởi hành dự kiến là 6 giờ 30 phút. Tuy nhiên, do tình hình thời tiết xấu, giờ khởi hành bị lùi lại đến 7 giờ 20 phút cùng ngày. Hỏi giờ khởi hành bị lùi lại bao lâu?

A 1 giờ 10 phút. B 1 giờ C.50 phút.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.

-GV yêu cầu cả lớp thảo luận nhóm 4

-GV yêu cầu HS nêu cách làm và chọn đáp án.

-GV khác nhận xét, bổ sung

-Số đo thời gian theo đơn vị giây ở số bị trừ bé hơn ở số .

- Mượn đơn vị ở Số bị trừ sau đó đổi đơn vị

-HS lắng nghe

-2 HS lên bảng – lớp BC

Đôi 1 giờ 30 phút = 90 phút

90 phút

—

50 phút

40 phút giây = 7 phút 80 giây

7 phút 80 giây

—

5 phút 40 giây

2 phút 40 phút

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi

-HS thảo luận

- Em lấy 7 giờ 20 phút – 6 giờ 30 phút
= 50 phút. Chọn đáp án C

-Nhóm khác nhận xét, bổ sung

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 3.

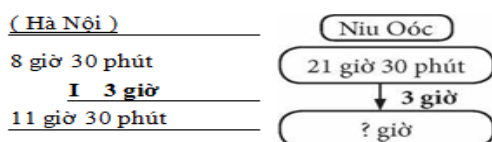
Thời gian (viết theo hệ 24 giờ) tại cùng một thời điểm ở các thành phố: Hà Nội; Xin-ga-po (Singapore); Pa-ri (Paris) và Niu Oóc (New York) như bảng dưới đây:

Tên thành phố	Thời gian
Hà Nội	8 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6
Xin-ga-po	9 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6
Pa-ri	3 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6
Niu Oóc	21 giờ 30 phút ngày 31 tháng 5

a. Ở Hà Nội là 8 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6 thì ở Niu Oóc là mấy giờ?

-GV hướng dẫn HS giờ của hai thời điểm là khác nhau.

-GV đưa sơ đồ



? Thời điểm 11 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6 cách thời điểm 8 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6 mấy giờ?

? Hai thời điểm tương ứng ở Niu Oóc cũng cách nhau mấy giờ?

-Vậy khi đó ở Niu Oóc là mấy giờ?

-GV nhận xét, tuyên dương

b. Tương tự ý

-GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

-21 giờ 30 phút ngày 31 tháng 5

-HS chú ý

-11 giờ 30 phút - 8 giờ 30 phút = 3 giờ.

-3 giờ

- 21 giờ 30 phút + 3 giờ = 24 giờ 30 phút hay 0 giờ 30 phút ngày hôm sau. Chọn C.

-HS nhận xét

Xin – ga - po : 13giờ

Pa – ri: 7giờ

Niu-Ooc : 1 giờ

-HS nêu từng nước qua 1 số tranh, chia sẻ 1 số thời gian chênh lệch

-HS khác nhận xét, bổ sung

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

ĐẠO ĐỨC
Bài 7: PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số biểu hiện xâm hại.
- Biết vì sao phải phòng tránh xâm hại.
- Biết được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.
- Thực hiện được một số kỹ năng để phòng, tránh xâm hại.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác : Biết hợp tác với bạn trong hoạt động nhóm ; tự tin chia sẻ bài trước lớp.
- Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân thông qua việc biết phòng tránh xâm hại cho bản thân.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện qua việc biết quý trọng bản thân, biết phòng, tránh và chống lại các hành vi xâm hại trẻ em.

*** Giáo dục kỹ năng công dân số:**

- + Nêu được một số biểu hiện xâm hại.
- + Biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại.
- + Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.
- + Thực hiện được một số kỹ năng để phòng, tránh xâm hại.

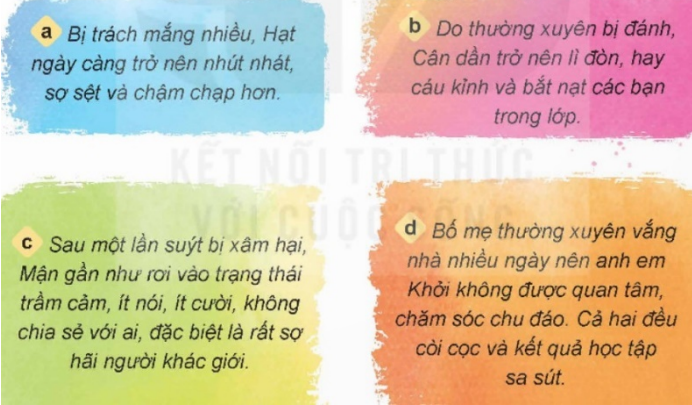
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.
- Powerpoint.
- Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới kết nối tiết 1 với tiết 2. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS tham gia chơi trò chơi “<i>Tiếp sức</i>”: <i>Kể tên các hành vi xâm hại trẻ em.</i> + GV chọn 2 đội chơi (trên tinh thần xung phong), mỗi đội 3 HS. + GV chia bảng làm 2 cột, phổ biến luật chơi: Lần lượt từng thành viên trong mỗi đội ghi 1 hành vi xâm hại trẻ em. Trong thời gian 3 phút, đội nào có nhiều đáp án đúng hơn sẽ thắng.	- HS tham gia chơi. - Các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nhận xét, tuyên dương.	
2. Hoạt động khám phá:	
- Mục tiêu: HS nêu được ý nghĩa của việc phòng tránh xâm hại. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 2: Tìm hiểu vì sao phải phòng tránh xâm hại. * Giáo dục kỹ năng công dân số: + GV hướng dẫn HS biết vì sao phải phòng, tránh xâm hại. <i>Nhiệm vụ 1: Dự đoán hậu quả (6 phút)</i> - Bằng kỹ thuật Tia chớp, GV hướng dẫn HS quan sát tranh ở Hoạt động 1 để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy dự đoán điều gì có thể ra đời với các bạn trong tranh.</i> - GV lần lượt chiếu từng tranh, mời HS trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, tuyên dương. <i>Nhiệm vụ 2: Đọc các trường hợp a, b, c, d và trả lời câu hỏi (6 phút)</i> - GV hướng dẫn HS đọc 4 trường hợp ở mục 2 Hoạt động Khám phá, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu hậu quả mà các bạn Hạt, Cân, Mận, Khởi phải gánh chịu ?</i>	- HS lắng nghe - HS quan sát tranh, suy nghĩ, xung phong trả lời nhanh. + Tranh 1: bạn nam bị người đàn ông đánh gây đau đớn. Bạn có thể phải chịu những vết sẹo, những đi chứng trên cơ thể suốt đời, có thể gây chậm phát triển khả năng vận động, ngôn ngữ, nhận thức, giao tiếp xã hội..... + Tranh 2: bạn nữ bị người đàn ông sờ vào người gây khó chịu, sợ hãi. Nếu sự việc này lặp lại nhiều lần, bạn có thể bị hoảng loạn tinh thần, không tin tưởng vào người khác; buồn rầu, chán nản và tự đổ lỗi, không còn yêu thương quý trọng bản thân.. + Tranh 3: bạn nam đói, mệt mà bố không quan tâm. Bạn có thể bị gầy yếu, suy dinh dưỡng, lo âu, trầm cảm, thậm chí rối loạn căng thẳng... + Tranh 4: bạn nam bị mẹ mắng ở nơi công cộng khiến bạn xấu hổ. Bạn có thể trở nên tự ti, mặc cảm với bản thân và nghĩ rằng mẹ không yêu thương mình, từ đó bạn dần xa lánh bố mẹ, bạn bè,... - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. - HS đọc 4 trường hợp, thảo luận nhóm đôi, viết tóm tắt câu trả lời ra nháp. - HS đại diện nhóm, xung phong trả lời câu hỏi.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
 a Bị trách mắng nhiều, Hạt ngày càng trở nên nhút nhát, sợ sệt và chậm chạp hơn. b Do thường xuyên bị đánh, Cân dần trở nên lì đòn, hay cáu kỉnh và bắt nạt các bạn trong lớp. c Sau một lần suýt bị xâm hại, Mận gần như rơi vào trạng thái trầm cảm, ít nói, ít cười, không chia sẻ với ai, đặc biệt là rất sợ hãi người khác giới. d Bố mẹ thường xuyên vắng nhà nhiều ngày nên anh em Khởi không được quan tâm, chăm sóc chu đáo. Cả hai đều còi cọc và kết quả học tập sa sút. - Giáo viên mời đại diện nhóm trả lời câu hỏi lần lượt mỗi nhóm trả lời một trường hợp. - GV nhận xét, tuyên dương. <i>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu lí do phải phòng, tránh xâm (6 phút)</i> - GV áp dụng kĩ thuật khăn trải bàn, hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi: <i>Theo em, vì sao phải phòng, tránh xâm hại?</i> - GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. - GV nhận xét và kết luận: Xâm hại trẻ em gây ra những tổn thương nghiêm trọng và lâu dài cả về thể chất và tâm lý đối với người bị xâm hại. Do vậy, việc phòng, tránh xâm hại trẻ em là việc làm	+ Trường hợp a: Bạn Hạt ngày càng trở nên nhút nhát, sợ sệt và chậm chạp hơn do bị trách mắng nhiều. + Trường hợp b: Bạn Cân trở nên lì đòn, hay cáu kỉnh và bắt nạt các bạn trong lớp do bạn thường xuyên bị đánh. + Trường hợp c: Bạn Mận gần như rơi vào trạng thái trầm cảm ít nói ít cười không chia sẻ với ai đặc biệt là rất sợ hãi người khác giới vì bạn từng suýt bị xâm hại. + Trường hợp d: Anh em bạn Khởi không được quan tâm, chăm sóc chu đáo do bố mẹ bạn thường xuyên vắng nhà nhiều ngày, khiến cho hai anh em còi cọc và có kết quả học tập không tốt. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ viết vào khăn trải bàn. - Các nhóm đính kết quả thảo luận lên bảng, đại diện nhóm trình bày kết quả. + Về thể chất: chậm phát triển khả năng vận động, nhận thức, ngôn ngữ,... + Về hành vi: lệ thuộc, thụ động, hoàn toàn phục tùng người khác hoặc trở nên tiêu cực, hiếu chiến, phá phách không yêu thương bản thân, có thể tự làm đau mình; + Về tâm lí: Bị hoảng loạn tinh thần, không tin tưởng vào người khác và môi trường xung quanh; buồn rầu, chán nản và tự đổ lỗi; khả năng tập trung kém; không còn yêu thương quý trọng bản thân, tự ti, tự hạ thấp giá trị bản thân,... - Các học sinh khác lắng nghe nhận xét

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
hết sức cần thiết để trẻ em được lớn lên trong tình yêu thương, được chăm sóc và phát triển toàn diện.	
Hoạt động 3: Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em (10 phút) - Mục tiêu: HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em. - Cách tiến hành: * Giáo dục kỹ năng công dân số: + GV hướng dẫn HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em. - GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK trang 49, mục 3 của hoạt động Khám phá. - GV gọi 1 HS đọc to trước lớp. - GV mời một vài HS trả lời câu hỏi. + <i>Pháp luật quy định thế nào là xâm hại trẻ em?</i> + <i>Người có hành vi xâm hại trẻ em sẽ phải chịu những hình phạt như thế nào ?</i> + <i>Ai có trách nhiệm phòng tránh xâm hại trẻ em ?</i> + <i>Số tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em là gì?</i> - GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả làm việc của HS và kết luận: Trẻ em cần được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự. Phòng, tránh xâm hại trẻ em không chỉ là trách nhiệm của cá nhân, gia đình mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội.	
3. củng cố, dặn dò (1 phút). - Dặn HS: Tìm hiểu một số cách phòng, tránh xâm hại	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

RÈN CHỮ

Cái áo của ba

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Rèn HS viết đẹp, đúng tốc độ, khoảng cách giữa các con chữ, từ và câu đúng, trình bày đúng đoạn văn.
- HS ngồi viết đúng tư thế.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực rèn chữ viết, có gắng viết đúng theo mẫu chữ viết trong trường tiểu học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng rèn chữ viết.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ rèn chữ viết.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. *Giáo viên*: Giáo án.

2. *Học sinh*: Vở rèn chữ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. Khởi động: - GV tổ chức cho HS hát - GV giới thiệu bài. 2. Luyện tập: Hoạt động: Viết theo mẫu. - GV hướng dẫn học sinh cách viết, tư thế viết sao cho đúng, đúng cỡ chữ và sạch.	- HS thực hiện. - HS lắng nghe và ghi tên bài. - HS lắng nghe và thực hiện vào vở Chiếc áo sòn vai của ba dưới bàn tay vén khéo của mẹ đã trở thành cái áo xinh xinh, trông rất oách của tôi. Những đường khâu đều đặn như khâu máy, thoáng nhìn qua khó mà biết được đây chỉ là một cái áo may tay. Hàng khuy thẳng tắp như hàng quân trong đội duyệt binh. Cái cổ áo như hai lá non trông thật dễ thương. Mẹ còn may cả cái cầu vai y hệt như chiếc áo quân phục thật sự. Cái măng sét ôm khít lấy cổ tay tôi. Mặc áo vào, tôi có cảm giác như vòng tay ba mạnh mẽ và yêu thương đang ôm lấy tôi Theo Phạm Hải Lê Châu
- Gv quan sát, giúp đỡ, HS gặp khó khăn. - GV nhận xét một số bài.	- HS rèn chữ.

3. Vận dụng trải nghiệm:

- Nhận xét tiết học .
- Xem lại bài. Rèn luyện thêm.

- Hs lắng nghe

Thứ năm, ngày 20 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2
Tiết 6

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- HS có kĩ năng đọc đúng và diễn cảm, biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc,... tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút.
- HS có kĩ năng đọc và hiểu đúng nội dung văn bản, trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu cuối bài.
- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực đọc sách, đọc các câu chuyện mở rộng để rèn luyện thói quen đọc sách và đưa ra suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác đọc sách nghiêm túc và có định hướng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm khi đọc sách, suy nghĩ và thể hiện đúng quan điểm về câu chuyện đã đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra ý thức tự đọc của học sinh qua thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “ Con mưa hè” - Nội dung bài hát nói về chủ đề gì? - Trong bài hát, bạn nhỏ mong chờ cơn mưa như thế nào?	- HS Lắng nghe bài hát và cùng trao đổi về nội dung bài hát. - Nội dung bài hát về cơn mưa mùa hè mang đến những cho các bạn nhỏ nhiều ước mơ, khát vọng về một mùa hè được mong chờ. Con mưa hè về cùng những nhớ mong Con mưa hè đợi chờ trong thiết tha Mưa trở lại cùng niềm vui đã xa Con mưa về gọi em ngân vang khúc nhạc

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: <i>Qua bài hát cho chúng ta thấy cơn mưa hè hiện lên thật đẹp và trong tiết ôn tập hôm nay, chúng ta cũng có bài đọc liên quan đến Mưa.</i>	- HS lắng nghe.								
2. Ôn tập: - Mục tiêu: + Đánh giá kĩ năng đọc to, trả lời câu hỏi, đọc hiểu và viết đoạn văn. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:									
Phần A: I- Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: - Học sinh đọc thầm, đọc nhóm đôi cho nhau nghe. - GV gọi HS đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi. + Chú ý đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai: nờ, nằng, đuôi, buổi, lúa, lửa, già, quả đỏ, lấp ló,...). + Đọc diễn cảm cả bài. - GV mời 1 – 2 HS xung phong đọc cả bài. – Trả lời câu hỏi + Câu 1: Bài thơ nhắc đến những cơn mưa vào thời gian nào? Khi đó, mọi người làm gì? - GV nhận xét, thống nhất đáp án. + Câu 2: Em hiểu “cơn mưa của con” trong bài thơ nói về điều gì? -Thảo luận nhóm 4 theo câu hỏi 2 “Cơn mưa của con” là nước tưới cây, con là người mang cơn mưa đến cho cây cối, giúp cho cây cối tươi tốt. - Câu thơ nào cho em biết ? - Khen ngợi HS thực hiện tốt.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc thầm bài thơ để TLCH <table border="1" data-bbox="850 1205 1476 1317"> <thead> <tr> <th>Mưa vào thời gian</th><th>Hoạt động của mọi người</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Mưa như rây bột vào mùa xuân</td><td></td></tr> <tr> <td>Mưa rào vào tháng Năm</td><td>Chị ra đồng hai buổi</td></tr> <tr> <td>Mưa dài vào tháng Mười</td><td>Bà cười, già ngó</td></tr> </tbody> </table> - HS đọc thầm . - Thảo luận nhóm, chia sẻ. Đây cơn mưa của con/ Từ đôi bàn tay son/ Từ búp sen thùng tưới/ Mưa xoè đầy lá non.	Mưa vào thời gian	Hoạt động của mọi người	Mưa như rây bột vào mùa xuân		Mưa rào vào tháng Năm	Chị ra đồng hai buổi	Mưa dài vào tháng Mười	Bà cười, già ngó
Mưa vào thời gian	Hoạt động của mọi người								
Mưa như rây bột vào mùa xuân									
Mưa rào vào tháng Năm	Chị ra đồng hai buổi								
Mưa dài vào tháng Mười	Bà cười, già ngó								
II- Đọc hiểu: - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài “Mùa mật mới”. - HS đọc thầm rồi trả lời câu hỏi. Câu 1. Để lấy mật, bà đã chuẩn bị những gì? – nôi, chõ, chậu sành, gùi lá mật, bếp. Câu 2. Sắp xếp các hoạt động theo trình tự của việc lấy mật. e. Khều trứng ong và ong non ra khỏi lá mật.									

- d. Bắc nồi cho lên bếp.
- b. Đặt chậu sành lên miệng chỗ.
- a. Gác những lá mật trong góc chậu sành.
- c. Canh lá mật cho sập bịt các lỗ mật chảy ra.
- g. Để mật nguội.
- h. Gạt sập ra và chắt mật vào vò.

Câu 3. Mật sau khi thu được có hương vị ra sao?

– hương thơm ngọt ngào, vị ngấm ngấm đắng hoặc ngọt đậm.

Câu 4. Niềm vui “được mùa mật” của các nhân vật trong câu chuyện được thể hiện như thế nào?

– Bà sung sướng nói chưa năm nào được mùa mật như năm nay, ba bà cháu vui vẻ bàn bạc mua đồ.

Câu 5. Theo em, những tình cảm nào được thể hiện trong câu chuyện? Những chi tiết nào cho em biết điều đó.

- Qua câu chuyện, có thể cảm nhận được tình cảm gia đình, bà cháu, và tình cảm cộng đồng, làng xóm.
- Tình cảm gia đình, bà cháu, thể hiện qua các chi tiết:
- Cảnh ba bà cháu khuấy quần canh mật, làm bánh, trò chuyện;
- Bà chỉ nghĩ đến việc mua đồ cho cả nhà, không nghĩ đến bản thân mình;
- Cháu nhận ra điều đó, nghĩ đến việc mua thuốc cho bà đỡ đau xương,...
- Tình cảm cộng đồng, làng xóm, thể hiện qua việc bà mời gia đình bác thợ gỗ sang ăn bánh mừng mùa mật.

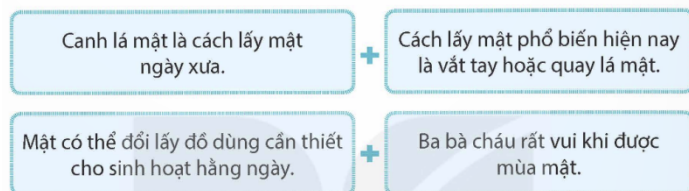
Câu 6. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về người bà trong câu chuyện.

- Hs viết vở.
- GV chấm, chữa bài.

Câu 7. Tìm câu đơn và câu ghép trong các câu văn.

- Câu đơn: Mật lẫn sập rõ đều đều xuống chậu; Chậu mật trên bếp đầy dần; Mùi mật nóng hổi, thơm ngọt ngào bay ra ngoài.
- Câu ghép: Trên miệng chỗ, bà đặt cái chậu sành, bên trong góc chậu, bà gác những lá mật; Hơi nóng bốc nghi ngút, sập bịt các lỗ mật chảy ra.

Câu 8. Dùng kết từ (hoặc cặp kết từ) để nối các câu đơn dưới đây thành câu ghép.



VD: Canh lá mật là cách lấy mật ngày xưa, còn cách lấy mật phổ biến hiện nay là vắt tay hoặc quay lá mật; Mật có thể đổi lấy đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày nên ba bà cháu rất vui khi được mùa mật...

Câu 9. Trong đoạn dưới đây, từ ngữ thay thế nào có tác dụng liên kết câu?

Khi bánh đã vớt ra đầy mâm, bà ghé đầu ra cửa gọi gia đình bác thợ gỗ bên hàng xóm. Bà mời họ sang nếm mật mới và ăn bánh, mừng mùa mật.

Khi bánh đã vớt ra đầy mâm, bà ghé đầu ra cửa gọi gia đình bác thợ gỗ bên hàng xóm. Bà mời họ sang nếm mật mới và ăn bánh, mừng mùa mật.

Từ ngữ thay thế

họ, thay cho gia đình bác thợ gỗ
bên hàng xóm

Câu 10. Viết một đoạn văn dựa vào các ý dưới đây, trong đó có sử dụng các từ ngữ | đầu tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng.

VD: Đầu tiên, bà chuẩn bị nồi, chõ, chậu sành, gùi lá mật. Tiếp theo, bà khều trứng ong và ong non. Sau đó, bà canh lá mật. Cuối cùng, bà gặt sấp, chắt mật.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV giao việc cho HS về nhà:

+ Đọc lại cho người thân nghe đoạn văn viết ở lớp

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS lắng nghe nhiệm vụ về nhà.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

TOÁN

BÀI 58: NHÂN, CHIA SỐ ĐO THỜI GIAN VỚI MỘT SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS thực hiện được phép nhân số đo thời gian.
- HS vận dụng được việc nhân số đo thời gian để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và thực hiện được phép nhân số đo thời gian.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép nhân số đo thời gian giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: $23 \times 5 = \dots$ + Câu 2: $36 \times 7 = \dots$ + Câu 3: $15 \text{ giây} \times 4 = \dots \text{ giây} = \dots \text{ phút}$ + Câu 4: $47 \text{ phút} \times 5 = \dots \text{ giờ} = \dots \text{ phút}$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: $23 \times 5 = 115$ + Trả lời: $36 \times 7 = 252$ + Trả lời: $15 \text{ giây} \times 4 = 60 \text{ giây} = 1 \text{ phút}$ + Trả lời: $47 \text{ phút} \times 5 = 3 \text{ giờ} = 55 \text{ phút}$ - HS lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: + củng cố phép nhân số đo thời gian. + Hiểu được cách tính nhân số đo thời gian. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:



- + Mỗi lượt đu quay quay bao nhiêu vòng?
- + Quay một vòng hết bao lâu?
- + Vậy mỗi lượt đu quay quay trong bao lâu?
- GV chốt: Vậy mỗi lượt đu quay quay trong bao lâu ta lấy: 2 phút 10 giây x 4
- ? Em có nhận xét gì về phép nhân?

- 2 phút 10 giây x 4=
- GV nhận xét
- GV hướng dẫn HS cách đặt tính

$$\begin{array}{r} 2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \\ \times \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

- GV gọi HS nêu cách tính
- ? Muốn cộng số đo thời gian em làm thế nào?

$$\begin{array}{r} 2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \\ \times \end{array}$$

- GV nhận xét

$$\begin{array}{r} 4 \\ \hline 8 \text{ phút } 40 \text{ giây} \end{array}$$

- +Đặt tính thẳng hàng và thực hiện tương tự tính như đối với phép nhân các số tự nhiên.
- + Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng.

- 4 vòng
- 2 phút 10 giây.
- 2 phút 10 giây x 4
- HS lắng nghe

- Nhân có số đo thời gian với số tự nhiên
- 2 phút 10 giây x 4 = 8 phút 40 giây
- HS nhận xét

- HS chú ý

- HS nêu
- +Đặt tính thẳng hàng và thực hiện tương tự tính như đối với phép nhân các số tự nhiên. Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng.

- HS lắng nghe

2. Hoạt động

- Mục tiêu:
- + HS thực hiện được nhân các số đo thời gian.
- Cách tiến hành:

Bài 1. Tính.

a. 2 giờ 20 phút x 2

b. 3 phút 10 giây x 3

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1.
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

Bài 2. Tính (theo mẫu)

Mẫu: $1 \text{ giờ } 25 \text{ phút} \times 3 = ?$
$$\begin{array}{r} 1 \text{ giờ } 25 \text{ phút} \\ \times \quad 3 \\ \hline 3 \text{ giờ } 75 \text{ phút} \text{ (75 phút = 1 giờ 15 phút)} \end{array}$$

Vậy: $1 \text{ giờ } 25 \text{ phút} \times 3 = 4 \text{ giờ } 15 \text{ phút}$

a. 2 phút 30 giây x 3

b. 3 giờ 30 phút x 2

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.

- GV hướng dẫn HS cộng ở phép tính mẫu

? Theo em phép cộng số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép cộng số đo thời gian bài 1?

? Thực hiện phép cộng được số đo thời gian là 75 phút (lớn hơn 1 giờ) thì ta có thể làm gì?

- GV nhận xét, kết luận:

Nếu số đo thời gian ở đơn vị, bé có thể chuyển đổi sang đơn vị lớn thì ta thực hiện chuyển đổi sang đơn vị lớn hơn.

- GV mời HS làm vào vở ý a.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1:

- Các nhóm báo cáo kết quả.

a. $2 \text{ giờ } 20 \text{ phút} \times 2 = 4 \text{ giờ } 40 \text{ phút}$

b. $3 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 3 = 9 \text{ phút } 30 \text{ giây}$

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi

-HS chú ý

-Có số đo thời gian phút là 75 phút

- Đổi đơn vị

-HS lắng nghe

- HS làm vào vở thực hiện cộng các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả

-HS báo cáo kết quả.

$$\begin{array}{r} 2 \text{ phút } 30 \text{ giây} \\ \times \quad 3 \\ \hline 6 \text{ phút } 90 \text{ giây} \end{array}$$

(90 phút = 1 giờ 30 phút)

Vậy $2 \text{ phút } 30 \text{ giây} \times 3 = 7 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$

$$\begin{array}{r} 3 \text{ giờ } 30 \text{ phút} \\ \times \quad 2 \\ \hline 6 \text{ giờ } 60 \text{ phút} \end{array}$$

-GV nhận xét, tuyên dương. -HS chia sẻ thời gian mình học ở nhà, chơi trò chơi trong bao lâu. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	Mai đã xem video trong bao lâu là: 4 phút 15 x 5 = 21 phút15 giây -Nhóm khác nhận xét, bổ sung -HS chia sẻ
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

KHOA HỌC
Bài 25: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TUỔI DẬY THÌ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực khoa học tự nhiên:

- Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì.
- Nhận xét được việc thực hiện một số việc đã làm để chăm sóc vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì.
- Nêu được việc cần thay đổi của bản thân để chăm sóc vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì.
- Có ý thức và kỹ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được tìm hiểu và theo dõi, nhận xét việc thực hiện chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần tuổi dậy thì.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số việc làm hằng ngày ngoài sách giáo khoa để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần tuổi dậy thì.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người khi tham gia nhiệm vụ nhóm, trò chơi, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe tuổi dậy thì vào trong cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Có ý thức tự chăm sóc bản thân.

*** Giáo dục quyền con người: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: - GV tổ chức cho học sinh vận động theo nhạc bài hát: Cùng bé vệ sinh. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: <i>Ở các tiết học trước, các em đã biết cách làm đúng để giữ vệ sinh cơ thể và đã có thời gian để thực hành ở nhà. Vậy vì sao cần phải giữ vệ sinh</i>	- Cả lớp tham gia - HS lắng nghe

cơ thể? Cảm nhận như thế nào sau khi thực hiện vệ sinh cơ thể đúng cách? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay: Bài 25: Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì” tiết 3.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì.

+ Nhận xét được việc thực hiện một số việc đã làm để chăm sóc vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá. Sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (2p) để hòa thành phiếu bài tập. Nêu những việc cần làm để chăm sóc và vệ sinh cơ thể? Lợi ích của chúng?

Việc cần thường xuyên thực hiện	Lợi ích

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: “ ***Hiểu ý đồng đội***”

- GV phổ biến luật chơi.

- Lớp được chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội xếp thành 1 hàng cùng nhau tiếp sức hoàn thành yêu cầu trên bảng. 1 bạn sẽ nêu việc cần thường xuyên làm để giữ vệ sinh cơ thể, 1 bạn sẽ nêu lợi ích của việc làm đó. Trong thời gian 7 phút đội nào ghi được nhiều đáp án nhất là đội thắng cuộc.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- Vậy theo các em, tại sao chúng ta cần phải giữ vệ sinh cơ thể?

Sử dụng nước sạch khi vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì giúp phòng tránh bị viêm da, viêm lỗ chân lông. Đây là nguyên nhân chính gây mụn trứng cá ở mặt, cánh tay đặc biệt còn giúp phòng các bệnh viêm nhiễm khuẩn cơ quan sinh dục ngoài.

- HS thảo luận và hoàn thành phiếu bài tập.

- 2 đội tham gia thi.

- Rửa mặt ít nhất 2 lần 1 ngày bằng nước sạch.

- Tắm, gội đầu thường xuyên bằng nước sạch.

- Không mặc quần lót khi còn ẩm ướt.

- Tập thể dục buổi sáng

- Vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài bằng nước sạch.

- Chúng ta cần phải giữ vệ sinh cơ thể để cơ thể luôn khỏe mạnh

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Liệt kê được những việc cần làm để chăm sóc, vệ sinh cơ thể.

+ Nêu được việc cần thay đổi của bản thân để chăm sóc vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu học sinh liệt kê những việc đã làm trong tuần qua để chăm sóc, vệ sinh cơ thể bằng cách hoàn thành phiếu bài tập cá nhân.

Việc làm	Số lần đã thực hiện	Tự đánh giá	Điều chỉnh

- GV cho các bạn trình bày, các bạn khác bổ sung, phản biện.

Vd: Tập thể dục 3 lần 1 tuần là chưa phù hợp.

HS phản biện: Theo bạn tập thể dục mấy lần là phù hợp?

- GV yêu cầu HS tự điều chỉnh những việc làm em thấy chưa phù hợp.

- GV nhận xét, kết luận

Để có một cơ thể khỏe mạnh chúng ta cần chăm sóc và vệ sinh cơ thể thật tốt. Ngoài ra chúng ta cần ăn uống đủ chất, ngủ đủ giấc và tích cực vận động cơ thể để cơ xương phát triển tốt, giúp tăng chiều cao, vui chơi giải trí lành mạnh.

Qua phần chia sẻ các bạn đã biết cách chăm sóc cơ thể đúng cách, biết tự đánh giá việc thực hiện của mình. Những bạn tuần vừa qua chưa thực hiện được về nhà hãy tự điều chỉnh để cơ thể luôn khỏe mạnh các em nhé!

- HS trả lời

Việc làm	Số lần đã thực hiện	Tự đánh giá	Điều chỉnh
Rửa mặt 2 lần 1 ngày	x x x x x x x	Phù hợp	
Thay quần lót và vệ sinh cơ quan sinh dục hàng ngày	x x x x	Chưa phù hợp	
Tập thể dục	x x x	Chưa phù hợp	

- HS lắng nghe

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn vệ sinh cơ thể tuổi dậy thì.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

GV tổ chức trò chơi “ Truyền điện ”. <i>Kể tên những việc làm tốt cho sức khỏe tuổi dậy thì.</i> - 1 bạn làm quản trò yêu cầu các bạn trả lời. Bạn trả lời đúng tiếp tục truyền điện yêu cầu bạn khác trả lời. - GV nhận xét tuyên dương. * Giáo dục quyền con người: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện. - GV nói: Trẻ em có quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

CÔNG NGHỆ

Bài 8: MÔ HÌNH MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Mô tả được các bộ phận của máy phát điện gió.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về các bộ phận và vai trò của nó trong mô hình máy phát điện gió.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số bộ phận của mô hình máy phát điện gió và vai trò của nó ngoài sách giáo khoa.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về vai trò của máy phát điện gió trong đời sống. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về vai trò của mô hình máy phát điện gió vào trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích các sản phẩm ứng dụng công nghệ máy phát điện gió.

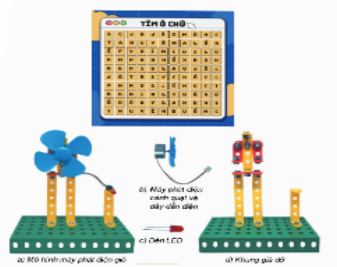
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

-GV: Bài soạn, SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

-HS: SGK, vở, mô hình, tranh ảnh về sản phẩm máy phát điện gió

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh hình 3 trong SGK (trang 39), bảng chi tiết số liệu trang 40. Hoặc tranh ảnh sưu tầm được-hay video về mô hình năng lượng điện gió + GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi Tìm ô chữ hỏi đáp về mô hình máy phát điện gió tìm các chi tiết từng bộ phận trong hình và hoàn thành phiếu bài tập - GV mời một số nhóm trình bày	- Cả lớp quan sát tranh hình 3 hay theo dõi video.Đọc bảng số liệu trang 40, nêu được 3 từ khoá ghép thành tên đồ vật và điểm chung của 3 từ khoá đó - HS1: Thuyền buồm - HS2: Chong chóng. - HS3: Cối xay gió - HS trả lời:



- + Điểm chung chúng đều là đồ dùng sử dụng sức gió
- HS lắng nghe.

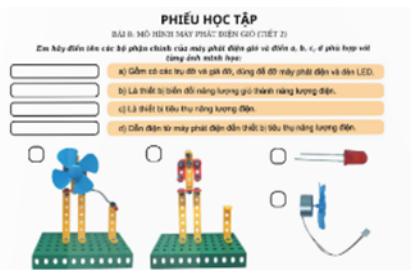
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:
Để biết các bạn tìm hiểu và trao đổi các bộ phận để vận dụng sức gió tạo năng lượng điện như thế nào. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Mô hình máy phát điện gió- tiết 2- Chúng ta tìm hiểu các bộ phận của máy phát điện gió và vai trò của nó”.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:
- + Học sinh mô tả được cách tạo ra điện gió.
- + Học sinh mô tả được các bộ phận của mô hình tạo ra điện gió
- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1 .

- GV yêu cầu HS quan sát tranh hoặc mô hình máy phát điện gió trong hình 3- trang 39 cho biết các bộ phận và vai trò của máy phát điện gió và hoàn thiện phiếu thực hành



- HS quan sát tranh và chỉ ra các bộ phận của mô hình máy phát điện gió
- HS quan sát thảo luận và chỉ đọc tên từng bộ phận theo nhóm bàn.
- Đại diện các nhóm nối tiếp báo cáo kết quả thảo luận:
- 1. Máy phát điện ,cánh quạt, dây điện
- 2. Khung giá đỡ
- 3. Bóng đèn, hay thiết bị sử dụng điện
- HS hoàn thiện phiếu, nối tiếp nêu lại kết quả phiếu.

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, thống nhất đáp án, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2 .

- GV yêu cầu HS quan sát bảng chi tiết các dụng cụ tạo máy phát điện gió - trang 40 cho biết số lượng thiết bị cần có để lắp ráp tạo mô hình máy phát điện gió và hoàn thiện phiếu thực hành

- HS quan sát đọc bảng số liệu dụng cụ, nêu tên từng chi tiết dụng cụ, hoàn thiện phiếu, lên bảng gắn thẻ các dụng cụ cần chuẩn bị.
- Đại diện các nhóm thi đua lên gắn thẻ và đọc tên các dụng cụ cần có để tạo máy phát điện gió

Quan sát bảng gọi ý và lựa chọn các chỉ tiêu, vật liệu và dụng cụ để gắn vào ô trống thích hợp:

- Học sinh lắng nghe

- Học sinh tham gia chia sẻ về một số vận dụng gió vào đời sống của gia đình em ở nhà, hoặc em biết, giải thích lợi ích của việc làm đó trước lớp để thắp sáng bóng đèn, chạy quạt và các thiết bị điện

- Liên hệ thử tưởng tượng mô hình tạo máy phát điện gió từ vật liệu có trong bộ lắp ghép kỹ thuật */Tìm hiểu học hỏi và vận dụng sử dụng nhiều từ nguồn năng lượng gió để bảo vệ môi trường - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà chuẩn bị tiết 3 lắp ghép tạo mô hình máy phát điện gió	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

STEM
XE CHẠY BẰNG “ ĐỘNG CƠ” NƯỚC
Đã soạn ở tuần 25

Thứ sáu, ngày 21 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2
Tiết 7

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- HS có kĩ năng đọc đúng và diễn cảm, biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc,... tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút.
- HS có kĩ năng đọc và hiểu đúng nội dung văn bản, trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu cuối bài.
- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực đọc sách, đọc các câu chuyện mở rộng để rèn luyện thói quen đọc sách và đưa ra suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác đọc sách nghiêm túc và có định hướng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm khi đọc sách, suy nghĩ và thể hiện đúng quan điểm về câu chuyện đã đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra ý thức tự đọc của học sinh qua thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc. - Cách tiến hành: - GV giới thiệu bài hát “ Con mưa hè” - Nội dung bài hát nói về chủ đề gì? - Trong bài hát, bạn nhỏ mong chờ cơn mưa như thế nào? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: <i>Qua bài hát cho chúng ta thấy cơn mưa hè hiện lên thật đẹp và trong tiết ôn tập hôm nay, chúng ta cũng có bài đọc liên quan đến Mưa.</i>	
	- HS Lắng nghe bài hát và cùng trao đổi về nội dung bài hát. - Nội dung bài hát về cơn mưa mùa hè mang đến những cho các bạn nhỏ nhiều ước mơ, khát vọng về một mùa hè được mong chờ. - Cơn mưa hè về cùng những nhớ mong - Cơn mưa hè đợi chờ trong thiết tha - Mưa trở lại cùng niềm vui đã xa - Cơn mưa về gọi em ngân vang khúc nhạc - HS lắng nghe.
2. Thực hành: - Mục tiêu:	

+ Đánh giá kĩ năng đọc to, trả lời câu hỏi, đọc hiểu và viết đoạn văn. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
B. Viết: - GV Hướng dẫn HS + Đọc thầm cả 2 đề và gợi ý của mỗi đề. + Lựa chọn 1 đề phù hợp với năng lực của bản thân. + Thực hành viết bài. + Rà soát bài sau khi viết xong (bố cục, nội dung, từ ngữ,...). - GV chấm, chữa nhanh 1 – 2 bài viết. – Khen ngợi những HS viết tốt. - GV tổng kết tiết học.	
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV giao việc cho HS về nhà: + Đọc lại cho người thân nghe đoạn văn viết ở lớp - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe nhiệm vụ về nhà. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN

BÀI 58 : NHÂN, CHIA SỐ ĐO THỜI GIAN VỚI MỘT SỐ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS thực hiện được phép chia số đo thời gian.
- HS vận dụng được việc chia số đo thời gian để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và thực hiện được phép chia số đo thời gian.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép chia số đo thời gian giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: 12 phút 35 giây + 5 phút 15 giây =.... + Câu 2: 36 giờ 45 phút – 15 giờ 20 phút = + Câu 3: 20 giờ 15 phút x 3= + Câu 4: 15 phút 20 giây x 2 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 17 phút 50 giây + Trả lời: 21 giờ 25 phút + Trả lời: 60 giờ 45 phút + Trả lời: 30 phút 40 giây - HS lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: + củng cố phép chia số đo thời gian. + Hiểu được cách chia các số đo thời gian. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:



- + Mỗi đội có mấy bạn?
- + 4 bạn chạy hết bao lâu?
- + Vậy mỗi bạn chạy hết bao lâu em làm thế nào?
- GV chốt: Vậy mỗi bạn chạy hết bao lâu ta lấy 4 phút 12 giây : 4

? Em có nhận xét gì về phép chia?

4 phút 12 giây : 4

-GV nhận xét

- GV hướng dẫn HS cách đặt tính

$$\begin{array}{r} 4 \text{ phút } 12 \text{ giây} \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ \hline \end{array}$$

-GV gọi HS nêu cách tính

$$\begin{array}{r} 4 \text{ phút } 12 \text{ giây} \\ 0 \quad \quad 12 \text{ giây} \\ 0 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4 \\ \hline 1 \text{ phút } 3 \text{ giây} \end{array}$$

? Muốn chia số đo thời gian em làm thế nào?

-GV nhận xét kết luận :

+Đặt tính chia số đo thời gian tương tự như chia số tự nhiên.

+Thực hiện phép chia từng số đo thời gian ở số bị chia cho số chia theo thứ tự từ trái sang phải.

+ Sau mỗi lượt chia ta ghi số đo thời gian tương ứng vào bên cạnh kết quả.

-4 bạn

-4 phút 12 giây.

-4phút 12 giây : 4

- Chia số đo thời gian cho một số

4 phút 12 giây : 4 = 1 phút 3 giây

-HS nhận xét

-HS chú ý

-HS nêu

-Đặt tính chia số đo thời gian tương tự như chia số tự nhiên. Thực hiện phép chia từng số đo thời gian ở số bị chia cho số chia theo thứ tự từ trái sang phải. Sau mỗi lượt chia ta ghi số đo thời gian tương ứng vào bên cạnh kết quả.

-HS lắng nghe, lắng nghe

2. Hoạt động

- Mục tiêu:

+ HS thực hiện được chia các số đo thời gian.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Tính.

a. 4 giờ 10 phút : 2

b. 20 phút 30 giây : 5

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện chia các số đo thời gian trong bài tập 1.
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

Bài 2. Tính (theo mẫu)

au j.

Mẫu: 6 giờ 30 phút : 5
$$\begin{array}{r|l} 6 \text{ giờ} & 30 \text{ phút} \\ 1 \text{ giờ} = 60 \text{ phút} & 1 \text{ giờ} 18 \text{ phút} \\ \hline 90 & \\ 40 & \\ 0 & \end{array}$$

Vậy: 6 giờ 30 phút : 5 = 1 giờ 18 phút.

a. 10 phút 40 giây : 8

5 giờ 20 phút : 4

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV hướng dẫn HS chia ở phép tính mẫu
- ? Theo em phép chia số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép chia số đo thời gian bài 1?
- ? Sau mỗi lượt chia thứ nhất số dư 1 (khác 0) thì em làm thế nào?

-GV nhận xét, kết luận:

Sau mỗi lượt chia, nếu số dư khác 0, ta chuyển đổi sang đơn vị hàng nhỏ hơn liền kề rồi tiếp tục chia.

- GV mời HS làm vào vở ý a.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện chia các số đo thời gian trong bài tập 1:

- Các nhóm báo cáo kết quả.

a. 4 giờ 10 phút : 2 = 2 giờ 5 phút

b. 20 phút 30 giây : 5 = 4 phút 6 giây

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi

-HS chú ý

-Sau lượt chia thứ nhất số dư khác 0

- Sau mỗi lượt chia, nếu số dư khác 0, ta chuyển đổi sang đơn vị hàng nhỏ hơn liền kề rồi tiếp tục chia.

-HS lắng nghe

- HS làm vào vở thực hiện chia các số đo thời gian- đối vở kiểm tra kết quả

-HS báo cáo kết quả.

10 phút	40 giây	8
<u>2 phút = 120 giây</u>		1 phút 20 giây
160 giây		
0		

Vậy 10 phút 40 giây = 1 phút 20 giây

5 giờ	20 phút	4
<u>1 giờ = 60 phút</u>		1 giờ 20 phút
80		
phút		
0		

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) b.Chọn câu trả lời đúng Một vệ tinh nhân tạo quay xung quanh Trái Đất 5 vòng hết 10 giờ 30 phút. Hỏi trung bình vệ tinh đó quay xung quanh Trái Đất một vòng hết bao lâu? A. 2 giờ 6 phút. B. 2 giờ 30 phút C. 2 giờ. - GV mời HS đọc yêu cầu bài. ? Muốn biết trung bình vệ tinh đó quay xung quanh Trái Đất một vòng hết bao lâu em làm thế nào? -GV yêu cầu cả lớp thảo luận nhóm 4 -GV yêu cầu HS nêu cách làm và chọn đáp án. -GV nhận xét, bổ sung	Vậy 5 giờ 20 phút = 1 giờ 20 phút - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. - Em lấy: 10 giờ 30 phút : 5 - HS làm việc nhóm - Các nhóm báo cáo kết quả. 10 giờ 30 phút : 5 = 2 giờ 6 phút Chọn A. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
Bài 3. Rô-bốt nướng 3 mẻ bánh hết 46,5 phút. Hỏi trung bình mỗi mẻ bánh Rô-bốt nướng hết bao lâu? -GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  - Rô-bốt nướng bao nhiêu mẻ bánh? -3 mẻ bánh hết bao nhiêu lâu? - Vậy muốn tìm trung bình mỗi mẻ bánh Rô-bốt nướng hết bao lâu em làm thế nào?	-HS quan sát - 3 mẻ -46,5 phút. -46,5 phút : 5

? Em có nhận xét gì về số 46,5 phút? -GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 -GV nhận xét, tuyên dương. -HS chia sẻ tình huống thực tế liên quan đến chia số đo thời gian. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	-Số thập phân -Các nhóm thảo luận -Đại diện các nhóm trình bày Trung bình mỗi mẻ bánh Rô-bốt nướng hết số thời gian là: $46,5 \text{ phút} : 5 = 15,5 \text{ phút}$ -Nhóm khác nhận xét, bổ sung -HS chia sẻ
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Bài 21: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khai thác sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Trân trọng giá trị văn hóa truyền thống cội nguồn dân tộc.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Nhìn hình đoán tên”. GV sẽ cho HS bắt cặp để thi đấu, HS sẽ cùng quan sát một số tranh ảnh về phong cảnh, di tích lịch sử, cảnh đẹp nổi tiếng,... đặt trưng của các quốc gia Đông Nam Á. Sau khi quan sát, học sinh nhanh tay oẳn tù tì để giành quyền trả lời.	
 a.  b.	- Cả lớp quan sát tranh. - HS bắt cặp tham gia trò chơi. a. Lào b. Cam-pu-chia c. Thái Lan d. Ma-lai-xi-a



c. d.

- GV nhận xét, tuyên dương.
- Giáo viên tổng kết lại và dẫn dắt học sinh vào nội dung bài.

- HS lắng nghe.
- HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:
 - + Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
 - + Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Sự ra đời của ASEAN

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 2.a) Sự ra đời của ASEAN.
- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi và trả lời các câu hỏi sau:
 - + Nêu sự ra đời của ASEAN.
 - + Kể tên các quốc gia gia nhập ASEAN từ năm 1967 cho đến nay.
- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- HS đọc thông tin và quan sát tranh,
- HS thảo luận theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:
 - + *Ngày 8-8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), 5 nước: Thái Lan, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a đã kí tuyên bố thành lập “Hiệp hội các nước Đông Nam Á”, viết tắt là ASEAN.*

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
 - + Ngày 8-8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), 5 nước: Thái Lan, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a đã kí tuyên bố thành lập Hiệp hội các nước Đông Nam Á, viết tắt là ASEAN.
 - + Các quốc gia gia nhập ASEAN từ năm 1967 cho đến nay là: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây
- HS lắng nghe.

+ **Mục tiêu chung của ASEAN là đoàn kết và hợp tác để giữ hòa bình, an ninh, ổn định khu vực và cùng nhau phát triển kinh tế xã hội.**

+ **Sau năm 1967, ASEAN lần lượt kết nạp thêm các quốc gia: Bru-nây, Việt Nam Lào, Mi-an-ma, Cam-pu-chia.**

+ **Tính đến năm 2022, đã có 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á là thành viên của ASEAN.**

- GV tổ chức cho HS quan sát hình 3. Cờ của ASEAN và đọc thông tin về lá cờ ở mục Em có biết?

+ Ti-mo Lét-xtê đã là thành viên của ASEAN chưa?

- GV mở rộng: Tháng 11-2022, tại hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 40,41 ở Cam-pu-chia, tuyên bố về việc Ti-mo Lét-xtê xin gia nhập ASEAN được thông qua. Theo đó, ASEAN nhất trí về nguyên tắc việc kết nạp Ti-mo Lét-xtê là thành viên thứ 11; trao quy chế quan sát viên và cho phép nước này tham gia tất cả các hội nghị của ASEAN.

Hoạt động 2: Việt Nam trong ASEAN

- Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào? Và là thành viên thứ bao nhiêu của Hiệp hội này?

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc thông tin và quan sát hình 4 để thực hiện nhiệm vụ sau: Hãy nêu ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN.



▲ **Hình 4.** Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội năm 1998

- GV cho HS thảo luận và làm vào bảng nhóm, nhóm nào hoàn thành nhanh nhất sẽ dán bảng lớp và trình bày. Các nhóm khác bổ sung.

- GV gọi đại diện nhóm lên trình bày.

- HS quan sát và đọc thông tin.

- Ti-mo Lét-xtê chưa là thành viên của ASEAN.

- HS lắng nghe.

- Ngày 28-7-1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN và là thành viên thứ 7 của Hiệp hội này.

- HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.

- HS thảo luận theo nhóm tổ.

- Đại diện nhóm trình bày.

+ Tạo ra nhiều cơ hội để phát triển kinh tế.

- GV gọi đại diện các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét và chốt nội dung: + Là sự kiện đánh dấu quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam và tiến trình hợp tác, liên kết của cả khu vực. + Tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển kinh tế nhờ mở rộng thị trường tiêu thụ và thu hút vốn đầu tư nước ngoài; mở rộng giao lưu văn hóa. Tạo cơ hội việc làm và nâng cao năng lực của người lao động. + Nâng cao vị thế trong ASEAN và trên thế giới. - GV tổ chức cho HS khai thác thông tin từ mục Em có biết? + Dựa vào bảng thông tin, em hãy cho biết từ khi gia nhập đến nay, Việt Nam đã đảm nhận nhiều vai trò và đăng cai những gì?	+ Tạo cơ hội việc làm và nâng cao năng lực của người lao động. + Nâng cao vị thế trong ASEAN và trên thế giới. - HS nhận xét và bổ sung. - HS lắng nghe. - HS đọc bảng thông tin. - Chủ nhà hội nghị cấp cao ASEAN 6, chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (2000-2001), Chủ tịch ASEAN (2010, 2020),...
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) + Rèn luyện kỹ năng sử dụng lược đồ. - Cách tiến hành: - Qua các hoạt động đã làm, GV tổ chức cho HS chơi trò chơi củng cố kiến thức: Câu 1: Khi mới thành lập ASEAN gồm bao nhiêu nước? A. 4 nước B. 5 nước C. 6 nước D. 7 nước Câu 2: Đây là tên viết tắt của Hiệp hội các nước Đông Nam Á? A. ASEM B. WHO C. ASEAN D. APCE Câu 3: Việt Nam gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á vào: A. 8 – 11 – 1967 B. 8 – 8 – 1967 C. 8 – 7 – 1995 D. 28 – 7 – 1995 Câu 4: ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN.	

A. Là sự kiện đánh dấu quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam và tiến trình hợp tác, liên kết của cả khu vực. B. Tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển kinh tế C. Nâng cao vị thế trong ASEAN và trên thế giới. D. Cả A, B, C - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.	
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện việc tìm hiểu và mở rộng kiến thức. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh về việc sưu tầm hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN. - GV cho HS thảo luận theo nhóm tổ và dán hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN vào trong bảng nhóm. Sau đó các bạn sẽ lần lượt giới thiệu về tên quốc gia tương ứng với quốc kì mà mình đã sưu tầm. - GV gọi đại diện các nhóm lên giới thiệu, chia sẻ hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN mà nhóm mình đã sưu tầm. - Các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS chuẩn bị tranh ảnh mà mình đã sưu tầm. - HS lắng nghe và thực hiện. HS trao đổi chia sẻ với các bạn trong nhóm. - Đại diện các nhóm dán bảng và giới thiệu về các quốc kì mà mình đã sưu tầm. - HS nhận xét bạn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
SHL: Chơi trò chơi “Xúc xắc yêu thương”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Trình bày được những điều đã làm hàng ngày để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình

- Chia sẻ những điều đã học được để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: thể hiện qua việc chủ động thực hiện và điều chỉnh những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình

- Năng lực giao tiếp – hợp tác: trao đổi và hợp tác với các bạn khi thực hiện nhiệm vụ của nhóm.

2. Năng lực cốt lõi:

- Thẩm mỹ: thể hiện qua việc làm sản phẩm “Xúc xắc yêu thương”

3. Năng lực đặc thù

- Năng lực thích ứng: thể hiện qua việc chia sẻ được những việc đã làm hàng ngày và những điều học được để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: thể hiện qua tình yêu thương, lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình

- Phẩm chất trách nhiệm: chủ động thực hiện và điều chỉnh thường xuyên những việc làm tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Kế hoạch tổ chức hoạt động, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết hoạt động.

2. Học sinh

- Giấy bìa, bút màu, kéo, keo dán...

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ hoạt động	
- GV tổ chức cho HS hát và vận động theo nhạc của bài hát “Ở trường cô dạy em thế” (Nhạc Nga; Lời: Phạm Tuyên) - GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi hát: + <i>Ở trường bạn nhỏ học được những điều gì?</i> + <i>Bài hát muốn nói với em điều gì?</i> - GV nhận xét và dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp.	- HS hát và vận động theo nhạc. - HS trả lời theo suy nghĩ

	- HS lắng nghe.
2. Hoạt động 1: Tổng kết hoạt động tuần 27 và phương hướng hoạt động tuần 28	
<i>a) Mục tiêu:</i> Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.	
<i>b) Cách tiến hành:</i>	
* Đánh giá kết quả tuần 1 - GV tổ chức cho lớp thực hiện đánh kết quả hoạt động trong tuần vừa qua + GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. + GV quan sát và hỗ trợ cho lớp trưởng (nếu cần) - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần) * Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Lưu ý: Nếu trong tuần có những hoạt động của trường triển khai thì bạn cán bộ lớp được giao phụ trách nội dung đó sẽ triển khai hoạt động. - GV yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nề nếp trong tuần.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nề nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng mời các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến khắc phục những hạn chế của lớp trong tuần qua. Các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến theo suy nghĩ của bản thân. - Lớp trưởng mời GV nhận xét - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.

+ Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - GV yêu cầu lớp trưởng điều khiển phần thảo luận - GV mời lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận của lớp về kế hoạch tuần tới. - GV nhận xét, góp ý, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- Lớp trưởng mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Lớp trưởng tổng hợp lại kết quả thảo luận và báo cáo trước lớp. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề: Chơi trò chơi “Xúc xắc yêu thương”	
<i>a) Mục tiêu:</i> - Trình bày được những điều đã làm hàng ngày để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình - Chia sẻ những điều đã học được để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình	
<i>b) Cách tiến hành:</i>	
- GV kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng dụng cụ của HS	- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV
- GV yêu cầu HS quan sát hình xúc xắc ở trang 73 trong SHS HDTN 5 và nêu nhận xét: + Xúc xắc có mấy mặt? + Thông tin ghi trên các mặt như thế nào?	- HS trả lời theo quan sát
- GV tổ chức cho HS trao đổi về cách làm xúc xắc	- HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân - Ví dụ: + Vẽ và cắt theo hình + Viết các thông tin sau đó mới dán để tạo hình xúc xắc
- GV tổng hợp và đưa ra gợi ý, hướng dẫn HS cách làm xúc xắc: + Vẽ khuôn giấy gấp xúc xắc • Vẽ hình chữ nhật có kích thước: 5cm x 20cm, sau đó chia hình chữ nhật thành 4 ô vuông có kích thước 5cmx5cm. • Ở hình vuông thứ 2, bên phải, vẽ thêm 1 hình vuông nữa. Ở hình vuông thứ 3, bên trái cũng vẽ thêm 1 hình vuông. Vậy là đã có được 6 mặt của viên xúc xắc	

• Vẽ thêm 7 tai giấy có chiều rộng là 1,5cm, 2 đầu góc được cắt vạt đi để tạo thành hình thang cân. + Cắt khuôn giấy. Chú ý chỉ cắt theo đường viền xung quanh, không cắt rời các ô. + Viết thông tin lên các mặt của xúc xắc. Chú ý, lật úp khuôn giấy rồi viết ra mặt ngoài. + Gấp khuôn xúc xắc • Đầu tiên là gấp tai giấy vào bên trong • Tiếp theo gấp các đường cạnh • Cuối cùng gấp các đường ở 4 hình vuông giữa Khi gấp cần lưu ý, các nếp gấp phải cùng hướng về một hướng. Sau đó thì miết nhẹ lại các đường gấp để khi hoàn thiện viên xúc xắc trông đẹp và vuông vắn hơn. + Dán các tai giấy. Chú ý để các mặt ghi thông tin quay ra bên ngoài.	
- GV hướng dẫn HS sử dụng xúc xắc để chơi với bạn theo nhóm đôi: + Một bạn đổ xúc xắc và đọc yêu cầu ở mặt xúc xắc đó + Bạn còn lại thực hiện yêu cầu + Đổi lượt đổ xúc xắc và tiếp tục chơi	
- GV mời một số bạn lên trình bày trước lớp về những điều đã làm và những điều em học được để tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình.	
- GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dặn dò HS về nhà sử dụng xúc xắc để cùng chơi với những người thân trong gia đình	HS lắng nghe và tiếp thu.
4. Tổng kết / cam kết hành động	
– GV động viên và nhắc HS các việc cần chú ý thực hiện để đạt được kế hoạch hoạt động tuần đề ra - GV giới thiệu cho HS thông tin về chuyên đề “Em và môi trường xanh” vào tiết sinh hoạt dưới cờ tuần sau. - GV dặn dò HS chuẩn bị câu hỏi để trao đổi với chuyên gia về nội dung chủ đề.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm - HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu của GV

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

.....

TIẾT ĐỌC THƯ VIỆN
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM
ĐỌC NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG NHÂN HẬU

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- HS biết chọn sách nói về lòng nhân hậu

2. Kỹ năng.

- Rèn kỹ năng khai thác sách vở thông tin trong thư viện.

3. Thái độ

- Giúp học sinh ham đọc sách, có thói quen đọc sách.

II. Chuẩn bị:

* Địa điểm: Thư viện nhà trường.

* Nhân viên thư viện chuẩn bị:

- Phòng đọc: Sắp xếp ngăn nắp, sạch sẽ, thoáng mát.

- Danh mục sách, truyện: Về chủ đề tiết học.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu

* Học sinh chuẩn bị: Giấy bút cho tiết học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

Hoạt động của nhân viên thư viện	Hoạt động của học sinh
I- TRƯỚC KHI ĐỌC - Hướng dẫn học sinh ngồi theo nhóm. - Kiểm tra đồ dùng của học sinh. - Ổn định trật tự. II- TRONG KHI ĐỌC *Hoạt động 1: Đọc truyện - GV đọc và dừng ở những phần sắp chuyển sang sự kiện quan trọng khác (dừng ở các từ “ Hôm sau, Thế rồi, Đột nhiên...) => đặt câu hỏi cho HS đoán sự kiện sẽ xảy ra như thế nào. (Theo em điều gì sẽ xảy ra) - GV đọc tiếp và đối chiếu với phỏng đoán của học sinh => cho nhận xét khuyến khích -GV hỏi: + Trong truyện có những nhân vật nào? + Nhân vật nào em yêu thích nhất? Vì sao? + Em học được gì từ câu truyện ? * Hoạt động 2: Đọc truyện theo chủ đề lòng nhân hậu. - Giới thiệu tên một số sách truyện có trong thư viện để HS đọc kế tiếp - Theo dõi giúp đỡ học sinh	- Thực hiện theo yêu cầu của cô giáo. * Cả lớp nghe đọc - Tham gia trả lời câu hỏi - Đoán sự kiện sẽ xảy ra * HĐ nhóm đôi - Thảo luận nhóm đôi. Ghi ra giấy. - Trả lời - Các nhóm khác bổ sung

-Tuyên dương nhóm, Hs đọc nhanh để khuyến khích học sinh III- SAU KHI ĐỌC * Hoạt động 1:Hướng dẫn học sinh chia sẻ nội dung câu chuyện . - Chọn đại diện (1-2) nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Nhận xét cách trình bày * Hoạt động 2: Tổng kết- Dặn dò - Nhận xét tiết học (Em thấy tiết học hôm nay thế nào? Những điều em thích và những điều chưa thích?) -Ngoài câu chuyện này, các em còn biết những câu chuyện nào nói về lòng dũng cảm? Chốt lại, giới thiệu danh mục sách về lòng dũng cảm.	* HĐ nhóm - Trưởng nhóm đọc cho bạn nghe, dùng câu hỏi phỏng đoán cho bạn trả lời. - Thảo theo các luận câu hỏi, ghi vào giấy. - Báo cáo kết quả - Học sinh trình bày. - Các bạn góp ý. - Đại diện HS nhận xét tiết học. - HS sẽ tìm đọc ở TV và có thể mượn về nhà đọc.
--	--

NGƯỜI SOẠN Nguyễn Thị Trúc Như	<i>Ngày 5 tháng 3 năm 2025</i> TỔ TRƯỞNG Nguyễn Thị Hoài Thanh
--	---

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 28
(Từ ngày 24/3 - 28/3)

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
Hai (24/3)	1	82	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Lan toả thông điệp “Môi trường xanh – Cuộc sống xanh”	
	2	190	Tiếng Việt	Độc: Nghìn năm văn hiến	QCN, GDĐĐ
	3	191	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Luyện tập về đại từ và kết từ	
	4	28	Tin học	Bài 14. Sử dụng biến trong chương trình	
	5	136	Toán	Bài 58: Nhân, chia số đo thời gian với một số (tiết 3)	
	6	55	LS-ĐL	Bài 22: Các châu lục và đại dương trên thế giới (Tiết 1)	
	7	55	Thể dục	Bài 2: Động tác dừng bóng bằng lòng bàn chân (tiết 2)	
Ba (25/3)	1	192	Tiếng Việt	Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng	
	2	137	Toán	Bài 59: Vận tốc của một chuyển động đều (tiết 1)	
	3	55	Khoa học	Phòng tránh bị xâm hại (Tiết 1)	QCN
	4	28	Mĩ thuật	Bài 13: Khu vui chơi	
	5	28	Âm nhạc	Ôn tập bài hát: Mưa rơi Độc nhạc: Bài đọc nhạc số 4	
	6	83	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Bày tỏ niềm tự hào và cảm xúc của em về cảnh quan thiên nhiên của địa phương và đất nước. - Lập dự án “Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.	
	7	4	KN CDS	Gửi và mở tệp đính kèm thư điện tử (tiết 2)	
Tư (26/3)	1	193	Tiếng Việt	Độc: Người thầy của muôn đời (Tiết 1)	QCN
	2	194	Tiếng Việt	Độc: Người thầy của muôn đời (Tiết 2)	GDĐĐ
	3	109	Tiếng Anh	Unit 11: Will it really happen?	
	4	138	Toán	Bài 59: Vận tốc của một chuyển động đều (tiết 2)	
	5	56	Thể dục	Bài 2: Động tác dừng bóng bằng lòng bàn chân (tiết 3)	
	6	28	Đạo đức	Bài 7: Phòng tránh xâm hại: (Tiết 3)	

	7	8	Rèn chữ	Tác giả bài Quốc tế ca	
Năm (27/3)	1	195	Tiếng Việt	Viết: Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng	
	2	139	Toán	Bài 60: Quãng đường, thời gian của một chuyển động đều (tiết 1)	
	3	110	Tiếng Anh	Unit 11: Will it really happen?	
	4	111	Tiếng Anh	Unit 11: Will it really happen?	
	5	56	Khoa học	Phòng tránh bị xâm hại (Tiết 2)	
	6	28	Công nghệ	Bài 8: Mô hình máy phát điện gió (Tiết 3)	
	7	8	STEM	Hộp đựng bút đa năng (tiết 1)	
	8	24	KNS	Kĩ năng giao tiếp và tương tác xã hội (tiết 1)	
Sáu (28/3)	1	196	Tiếng Việt	Đọc mở rộng	
	2	140	Toán	Bài 60: Quãng đường, thời gian của một chuyển động đều (tiết 2)	
	3	56	LS-ĐL	Bài 22: Các châu lục và đại dương trên thế giới (Tiết 2)	
	4	84	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Chuẩn bị tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên.	
	5	112	Tiếng Anh	Unit 11: Will it really happen?	
	6	4	Tiết đọc TV	Đọc những câu truyện về lòng trung thực	
	7	28	Năng khiếu		

Thứ hai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Sinh hoạt dưới cờ:

LAN TỎA THÔNG điệp “MÔI TRƯỜNG XANH – CUỘC SỐNG XANH”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh nhận biết được những vấn đề của môi trường sống
 - Học sinh chia sẻ được những điều đã học được sau buổi nói chuyện chuyên đề
- Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:*

1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp: : thể hiện qua việc làm chia sẻ với bạn ý kiến cá nhân trong các nhiệm vụ nhóm; trong việc xây dựng và thực hiện dự án; cùng trao đổi với người thân để tham gia lao động công ích, giữ gìn vệ sinh khu dân cư nơi em sống.
- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện và điều chỉnh những việc làm bảo vệ môi trường.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất yêu nước: Thể hiện tình yêu thiên nhiên, lòng tự hào và ý thức bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức và thực hiện những việc làm phù hợp với lứa tuổi để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và giữ gìn vệ sinh môi trường khu dân cư

II. ĐỒ DÙNG

6. Giáo viên

- Ghế ngồi cho học sinh khi tham gia sinh hoạt dưới cờ

7. Học sinh

- Câu hỏi dành cho chuyên gia
- Trang phục chỉnh tề

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
a) Mục tiêu – Học sinh hào hứng, tích cực tham gia đặt câu hỏi cho chuyên gia của chương trình – Học sinh chia sẻ được cảm xúc, những điều ấn tượng và những điều học được sau buổi nói chuyện chuyên đề	
b) Tiến trình hoạt động	

– GV yêu cầu HS tham gia buổi nói chuyện chuyên đề đúng giờ, trang phục gọn gàng, sạch sẽ. - GV yêu cầu HS lắng nghe những nội dung chuyên gia chia sẻ - GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi cho chuyên gia về vấn đề liên quan đến chủ đề “Em và môi trường xanh” Gợi ý: + Những vấn đề ảnh hưởng đến môi trường + Những biện pháp để bảo vệ môi trường sống ... - GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn, cổ vũ HS tham gia hoạt động - GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm xúc và những điều em ấn tượng, những điều em học được sau buổi nói chuyện chuyên đề - GV nhắc HS ghi lại những điều học được sau buổi nói chuyện chuyên đề	- HS tập trung và ổn định trật tự theo hướng dẫn của GV - HS tham gia đặt câu hỏi cho chuyên gia theo hướng dẫn của GV - HS chủ động, tích cực tham gia hoạt động tương tác. – HS chia sẻ cảm xúc, những điều ấn tượng và những điều mình học được với các bạn sau khi tham gia buổi nói chuyện chuyên đề. - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT
Bài 17: NGHÌN NĂM VĂN HIẾN (3 tiết)
Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng văn bản thông tin “Nghìn năm văn hiến có bằng biểu.

Đọc hiểu: Nhận biết được thông tin trong bài. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Văn Miếu – Quốc Tử Giám như một chứng tích cho hàng nghìn năm văn hiến của nước ta được hình thành: ghi chép lại, thống kê lại qua các triều đại, năm tháng, số lượng. Khoa cử của Việt Nam có truyền thống là nền khoa cử trọng hiền tài, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu cần phải chú trọng. Hiểu được Nước ta có truyền thống hiếu học và nền văn hiến lâu đời. Hiếu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở đồng quê.
- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

* Giáo dục quyền con người: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc.

* Giáo dục đạo đức: Ca ngợi truyền thống hiếu học và nền văn hiến lâu đời trên nước ta.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
1. Giới thiệu về chủ điểm. - GV giới thiệu bức tranh chủ điểm và nêu câu hỏi: + Bức tranh vẽ những gì? - GV nhận xét và chốt:	HS quan sát bức tranh chủ điểm, làm việc chung cả lớp.

Ở chủ điểm <i>Tiếp bước cha ông</i>, các bài đọc nói về những truyền thống tốt đẹp được thế hệ trước truyền cho thế hệ sau, thế hệ sau tiếp bước thế hệ cha ông đi trước. Đó là truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bảo vệ chủ quyền của dân tộc. Chủ điểm giúp các em cảm nhận đất nước Việt Nam ngày một đổi thay, phát triển,...	- HS lắng nghe.
2. Khởi động - GV cho Chia sẻ những điều em biết về di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở Thủ đô Hà Nội.  - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	- HS chia sẻ. Di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở Thủ đô Hà Nội là quần thể di tích đa dạng, phong phú gắn với kinh thành Thăng Long xưa. Trong đó Văn Miếu gồm: hồ Văn, khu Văn Miếu – Quốc Tử Giám và vườn Giám. Tại đây là nơi thờ Khổng Tử và là trường đại học đầu tiên của Việt Nam. Văn Miếu được xây dựng tường gạch bao quanh, chia thành nhiều lớp không gian. Từ ngoài vào trong có lần lượt các cổng: cổng Văn Miếu, Đại Trung, Khuê Văn Các, Đại Thành và cổng Thái Học. Hiện nay Văn Miếu – Quốc Tử Giám là nơi tham quan, cầu may, nơi khen tặng và tổ chức hoạt động trường học cho học sinh xuất sắc, tổ chức hội thơ hàng năm vào rằm tháng giêng. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng toàn bộ văn bản “Nghìn năm văn hiến” thể hiện tình cảm trân trọng, tự hào. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu lần 1: GV đọc toàn bài, giọng đọc thể hiện tình cảm trân trọng, tự hào; đọc rõ ràng, rành mạch - GV HD đọc: giọng đọc thể hiện tình cảm trân trọng, tự hào; đọc rõ ràng, rành mạch. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. • Đọc các tiếng dễ phát âm sai, VD: <i>ngôi trường, Thiên Quang, hàng muôm già,...</i>	- Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài.

• Đọc bảng thống kê theo trình tự cột ngang, như sau: <i>Triều đại/ Lý/ Số khoa thi/ 6/ Số tiến sĩ/ 11/ Số trạng nguyên/ 0/</i> <i>Triều đại/ Trần/ Số khoa thi/ 14/ Số tiến sĩ/ 51/ Số trạng nguyên/ 9/</i> ... <i>Tổng cộng/ Số khoa thi/ 185/ Số tiến sĩ/ 2896/ Số trạng nguyên/ 47/</i> + HS luyện đọc trong nhóm, đọc nối tiếp 3 đoạn. • Đoạn 1: Từ đầu đến <i>cũng được học ở đây</i>. • Đoạn 2: Bảng thống kê. • Đoạn 3: Phần còn lại. + HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. GV lưu ý cho nhiều HS được đọc bảng thống kê. + HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt. + 1 – 2 HS đọc cả bài trước lớp. – GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.	- HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: - Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Văn Miếu – Quốc Tử Giám như một chứng tích cho hàng nghìn năm văn hiến của nước ta được hình thành: ghi chép lại, thống kê lại qua các triều đại, năm tháng, số lượng. Khoa cử của Việt Nam có truyền thống là nền khoa cử trọng hiền tài, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu cần phải chú trọng. - Hiểu được Nước ta có truyền thống hiếu học và nền văn hiến lâu đời. Hiếu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương. - Cách tiến hành:	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có). + Văn hiến: truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp. + Văn Miếu: nơi thờ Khổng tử và những người có công mở mang giáo dục thời xưa. - Quốc Tử Giám: trường Nho học cao cấp thời xưa, đặt ở khu vực Văn Miếu. - Tiến sĩ: ở đây chỉ người đỗ trong kì thi quốc gia về Nho học ngày xưa. + Chứng tích: vết tích hoặc hiện vật còn lưu lại làm chứng cho một sự việc đã qua.	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ

- Gv có thể giải thích thêm: Văn Miếu Thăng Long nay là Văn Miếu – Quốc Tử Giám là quần thể di tích lịch sử- văn hóa ở Thủ đô Hà Nội.	
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: <i>Vị vua nào đã cho xây dựng Văn Miếu Thăng Long? Công trình đó được xây dựng vào năm nào?</i>  + Câu 2: <i>Ở Văn Miếu Thăng Long, vua còn cho xây Quốc Tử Giám để làm gì?+</i> + Câu 3: <i>Bảng thống kê cho biết những thông tin gì về các khoa thi từ năm 1075 đến năm 1919? Triều đại nào tổ chức nhiều khoa thi nhất và có nhiều tiến sĩ nhất?</i> . + Câu 4: <i>Tìm những chi tiết trong bài cho biết ông cha ta luôn coi trọng việc đào tạo nhân tài.</i>	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Vua Lý Th ánh Tông là người đã cho xây dựng Văn Miếu Th ăng Long. + Công trình đó được xây dựng vào năm 1070. + Vua còn cho xây Quốc Tử Giám để làm nơi dạy học cho các hoàng tử và con em quý tộc. Về sau học trò giỏi là con em dân thường cũng được học ở đây. + Bảng thống kê cho biết các thông tin: những triều đại có tổ chức khoa thi; số khoa thi, số tiến sĩ, số trạng nguyên của mỗi triều đại. + Triều đại Lê tổ chức nhiều khoa thi nhất với 104 khoa thi và có nhiều tiến sĩ nhất với 1 780 tiến sĩ. + Sau khi xây Văn Miếu, vua cho xây Quốc Tử Giám làm chỗ dạy học cho các hoàng tử và con em quý tộc, về sau học trò giỏi là con em dân thường cũng được học ở đây.

Câu 5: Bài đọc giúp em hiểu điều gì về truyền thống khoa cử của Việt Nam?

- GV nhận xét, tuyên dương
- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.
- GV nhận xét và chốt:

Văn Miếu – Quốc Tử Giám như một chứng tích cho hàng nghìn năm văn hiến của nước ta được hình thành: ghi chép lại, thống kê lại qua các triều đại, năm tháng, số lượng. Khoa cử của Việt Nam có truyền thống là nền khoa cử trọng hiền tài, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu cần phải chú trọng.

+ Từ năm 1075 đã mở khoa thi tiến sĩ, ngót 10 thế kỉ đã tổ chức được 185 khoa thi, lấy đỗ gần 3 000 tiến sĩ.

+ Cho dựng bia tiến sĩ để khắc tên tuổi của
1 306 vị tiến sĩ.

+ Việc lựa chọn người tài được tổ chức thông qua thi cử.

+ Các khoa thi tiến sĩ đã được tổ chức từ rất sớm, 82 tấm bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám là chứng tích cho truyền thống này.

+ Dựa vào chi tiết học trò giỏi là con em dân thường cũng được vào học ở Quốc Tử Giám (Văn Miếu Th ăng Long), ta thấy con em dân thường cũng được tham gia thi cử (có thể nêu những vị trạng nguyên có xuất thân từ gia đình bình thường, thậm chí còn là con em của những gia đình nghèo như Trạng nguyên Nguyễn Hiền, Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi,...).

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc lại bài và nêu suy nghĩ cá nhân của mình sau khi học xong bài “ Văn Miếu Quốc Tử Giám”

* Giáo dục quyền con người: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc.

- GV nói: Chúng ta có quyền giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc

- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.

- HS lắng nghe

* Giáo dục đạo đức: Ca ngợi truyền thống hiếu học và nền văn hiến lâu đời trên nước ta. - GV yêu cầu HS nêu một vài tấm gương hiếu học hoặc nền văn hiến lâu đời trên nước ta. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS thực hiện - HS lắng nghe
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

TIẾNG VIỆT
Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
Bài: LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ VÀ KẾT TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn tập về Đại từ và kết từ.,.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu Hs nhắc lại thế nào là Đại từ và kết từ. - GV dẫn dắt vào bài mới.	+ HS trả lời theo suy nghĩ - HS lắng nghe.
2. Luyện tập. - Mục tiêu: - Ôn tập về Đại từ và kết từ. - Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	

Bài 1: Tìm đại từ nghi vấn trong các câu đố dưới đây và giải câu đố. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2 - GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương. GV liên hệ và mở rộng - Nói thêm về anh hùng Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng. - Nói thêm về Lang Liêu, sự tích bánh chưng, bánh giầy. - Cùng cố thêm về chủ điểm <i>Tiếp bước cha ông</i> khi nhắc về truyền thống dựng xây và bảo vệ Tổ quốc của các Vua Hùng và Lang Liêu Chỉ ra cho HS thấy đại từ nghi vấn “ai” dùng để hỏi cho người (Ngô Quyền) và đại từ nghi vấn “gì” dùng để hỏi cho vật, sự vật (bánh chưng). Bài 2. Chọn từ (<i>đây, kia, này</i>) thay thế cho từ ngữ được in đậm trong đoạn văn. - HS xác định yêu cầu của bài tập. - GV cho HS nhắc lại về đại từ thay thế: dùng để thay thế (<i>thế, vậy, đó, này....</i>) - GV phát phiếu bài tập để HS điền đại từ thay thế. Cầu Long Biên bắc qua sông Hồng nối quận Ba Đình và quận Hoàn Kiếm với quận Long Biên của Hà Nội. Nhìn từ xa, cây cầu Long Biên trông như một con rồng sắt khổng lồ. Cầu Long Biên là cây cầu duy nhất của Thủ đô có các phương tiện di chuyển theo hướng tay trái. - Đại diện một số HS trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án. + cây cầu Long Biên trông như ... → cây cầu này trông như ...	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu. - Các nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Câu a: đại từ nghi vấn là “ai”. Giải đố: là Ngô Quyền. Câu b: đại từ nghi vấn là “gì”. Giải đố: là bánh chưng - 1 HS đọc đoạn 1 của bài “Thanh âm của gió”. Cả lớp lắng nghe. - HS chơi theo nhóm. Thực hiện các vòng thi theo hướng dẫn của giáo viên. -Xác định được yêu cầu của bài tập. - Nhắc lại được kiến thức về đại từ thay thế. - Làm việc cá nhân trên phiếu bài tập. - Tìm được đại từ thay thế. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. -Xác định được yêu cầu của bài tập. -Lắng nghe, tham gia trò chơi.
--	---

+ **Câu Long Biên** là cây cầu ... → **Đây** là cây cầu ... – GV hỏi về tác dụng của đại từ thay thế trong đoạn văn HS vừa hoàn thiện.

GV liên hệ

Tác dụng của việc thay thế từ ngữ trong đoạn văn trên: làm cho đoạn văn mạch lạc hơn, hay hơn, tránh lặp từ ngữ).

Bài tập 3. Chọn kết từ (*mà, cho, như, tuy ... nhưng ...*) thay cho bông hoa.

- HS xác định yêu cầu của bài tập.
- GV cho HS nhắc lại kiến thức về kết từ.
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức.
- + GV chia làm 2 đội chơi (mỗi đội 4 HS).
- + GV chuẩn bị thẻ từ là các kết từ (*mà, cho, như, tuy ... nhưng ...*) chia cho 2 đội chơi.
- + Th ời gian: 3 phút cả 2 đội thực hiện tìm kết từ ở các thẻ từ được phát thay cho các bông hoa trên bảng phụ mà GV dán trên bảng.
- + GV làm mẫu 1 VD.
- + HS tham gia chơi và thực hiện bài tập.

Đội 1	Đội 2
a. Con người có tổ, có tông cây có cội,  sông  có nguồn.	a. Con người có tổ, có tông cây có cội,  sông  có nguồn.
b. Bầu ơi thương  lấy bí cùng rằng khác giống chung một giàn.	b. Bầu ơi thương  lấy bí cùng rằng khác giống chung một giàn.
c. Lời nói chẳng mất tiền mua Lựa lời nói vừa lòng nhau.	c. Lời nói chẳng  mất tiền mua Lựa lời nói vừa lòng nhau.
d. Công cha núi ngất trời Nghĩa mẹ nước non ngàn Biển Đông Núi cao biển rộng mênh mông Cù lao chín chữ, ghi lòng con ơi!	d. Công cha  núi ngất trời Nghĩa mẹ nước non ngàn Biển Đông Núi cao biển rộng mênh mông Cù lao chín chữ, ghi lòng con ơi!

+ Hết thời gian đại diện hai nhóm trình bày, GV và HS nhận xét và thống nhất đáp án.

a, Con người có tổ, có tông Như cây có cội, như sông có nguồn. b, Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn. c, Lời nói chẳng mất tiền mua Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau. d, Công cha như núi ngất trời Nghĩa mẹ như nước ngào ngào Biển Đông Bài tập 4: <i>Viết đoạn văn (3 – 5 câu) giới thiệu về một vị anh hùng dân tộc, trong đó có sử dụng đại từ và kết từ.</i> - HS xác định yêu cầu của bài tập. - GV cho HS lựa chọn một vị anh hùng dân tộc để giới thiệu, chú ý nhắc HS nhớ về một số vị anh hùng dân tộc đã được học trong chương trình. - GV làm mẫu (một đoạn văn, 3 – 5 câu) giới thiệu về một vị anh hùng dân tộc và có sử dụng đại từ, kết từ. - HS làm việc cá nhân trong thời gian quy định. - 3, 4 hs trình bày. - GV nhận xét khen những HS có những câu văn sử dụng tốt và đúng kết từ và đại từ	- Xác định được yêu cầu - Theo dõi, lắng nghe - Hs viết - Hs trình bày - Lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: - Chia sẻ với bạn những điều em ấn tượng về vị anh hùng dân tộc đã viết trong bài giới thiệu và nói lên cảm nghĩ của em. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

TOÁN
Bài 58: NHÂN CHIA SỐ ĐO THỜI GIAN VỚI MỘT SỐ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh thực hiện được phép nhân, phép chia số đo thời gian.
- Học sinh vận dụng được việc nhân chia số đo thời gian để giải quyết 1 số vấn đề thực tế.
- Học sinh có cơ hội phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và biết cách nhân, chia số đo thời gian.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được cách nhân chia số đo thời gian để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Hà giải một bài toán hết 7 phút. Hỏi Hà làm 4 bài toán thì cần bao nhiêu thời gian. Biết rằng thời gian giải các bài toán là như nhau. + Câu 2: Cô Lan may một bộ quần áo hết 2 giờ 10 phút. Hỏi cô mất bao lâu để may xong 5 bộ quần áo? Thời gian may các bộ quần áo như nhau. + Câu 3: Các bạn trong lớp tham gia trồng cây. Trung bình cứ 30 phút các bạn trồng được một cây. Hỏi muốn trồng được 4 cây cần bao nhiêu thời gian - Câu 4: Nga làm 3 cái bánh hết 45 phút. Hỏi mỗi cái bánh Nga làm hết bao lâu?	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: $7 \text{ phút} \times 4 = 28 \text{ phút}$ + Trả lời $2 \text{ giờ } 10 \text{ phút} \times 5 = 10 \text{ giờ } 50 \text{ phút}$ + Trả lời: $30 \text{ phút} \times 4 = 120 \text{ phút} = 2 \text{ giờ}$

- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	+ Trả lời: $45 \text{ phút} : 3 = 15 \text{ phút}$ - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + Học sinh thực hiện được phép nhân, phép chia số đo thời gian. + Học sinh vận dụng được việc nhân chia số đo thời gian để giải quyết 1 số vấn đề thực tế. - Cách tiến hành:	
Bài 1. Tính - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1 - Gv yêu cầu hs làm cá nhân vào bảng con. Mỗi phép tính 1 HS lên bảng làm. a. $2 \text{ giờ } 10 \text{ phút} \times 5$ $15 \text{ phút } 20 \text{ giây} \times 3$ b. $8 \text{ giờ } 20 \text{ phút} : 4$ $51 \text{ giờ } 30 \text{ phút} : 10$ - GV mời HS nhận xét bài trên bảng - Đối chiếu bài đã sửa kiểm tra bài làm của mình và giờ bảng. - GV Nhận xét tuyên	- HS đọc yêu cầu, lấy bảng con làm - HS lên bản làm - HS chia sẻ, nhận xét - HS đối chiếu nhận xét
Bài 2. Chọn câu trả lời đúng. - GV gọi 1 hs đọc đề và nêu yêu cầu của bài. 2 Chọn câu trả lời đúng. Một con kiến bò theo tất cả các cạnh của hình ngôi sao, mỗi cạnh một lần và quay về vị trí xuất phát hết 11 phút 10 giây. Hỏi trung bình con kiến bò theo mỗi cạnh hết bao lâu?  A. 1 phút 1 giây B. 1 phút 6 giây C. 1 phút 7 giây - GV mời HS làm việc nhóm đôi. - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS thảo luận nhóm chọn đáp án đúng - Đại diện các nhóm trả lời. Đáp án C: 1 phút 7 giây - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
Bài 3. Ngày cuối tuần, robot làm hộp đựng bút từ vỏ chai nhựa. Buổi sáng từ 8 giờ 10 phút đến 10 giờ 20 phút robot làm được 2 hộp bút. Buổi chiều từ 14 giờ đến 15 giờ 5 phút, robot làm được 1 hộp bút. Hỏi trung bình robot làm 1 hộp bút hết bao lâu. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.



- GV gợi ý.
- + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán hỏi gì?
- Gọi HS nêu cách làm. Nếu hs không biết cách làm GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi.
- + Muốn biết thời gian làm 1 hộp bút ta phải biết những dữ kiện gì?
- + Thời gian robot làm hộp bút trong buổi sáng là bao lâu?
- + Thời gian robot làm hộp bút trong buổi chiều là bao lâu?
- + Có tính được thời gian trong cả ngày robot làm hộp bút không?
- Biết thời gian làm hộp bút, biết số hộp bút làm được, bạn nào có thể cho cô biết cách tính thời gian trung bình để robot làm xong một hộp bút?
- GV yêu cầu hs làm bài vào vở và chấm chéo.
- GV chấm 1 số vở và nhận xét. (nếu có máy soi thì dùng bài làm của hs trong vở để nhận xét, nếu không, cho hs làm bảng phụ nhận xét)
- GV mời nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS lắng nghe suy nghĩ cách làm.
- HS nêu cách làm
- Ta phải biết tổng thời gian robot làm hộp bút và số hộp bút mà robot định làm.
- $10\text{giờ } 20 - 8\text{ giờ } 10 = 2\text{ giờ } 10\text{ phút}$
- $15\text{ giờ } 5\text{ phút} - 14\text{ giờ} = 1\text{ giờ } 5\text{ phút}$
- $2\text{ giờ } 10\text{ phút} + 1\text{ giờ } 5\text{ phút} = 3\text{ giờ } 15\text{ phút}$
- $3\text{ giờ } 15\text{ phút} : 3 = 1\text{ giờ } 5\text{ phút}$
- HS làm bài

Bài giải

Thời gian robot làm hộp bút vào buổi sáng là:

$$10\text{giờ } 20 - 8\text{ giờ } 10 = 2\text{ giờ } 10\text{ phút}$$

Thời gian robot làm hộp bút vào buổi sáng là:

$$15\text{ giờ } 5\text{ phút} - 14\text{ giờ} = 1\text{ giờ } 5\text{ phút}$$

Thời gian trung bình robot làm 1 cái hộp bút là:

$$(2\text{ giờ } 10\text{ phút} + 1\text{ giờ } 5\text{ phút}) : (2 + 1) = 1\text{ giờ } 5\text{ phút}$$

Đáp số: 1 giờ 5 phút

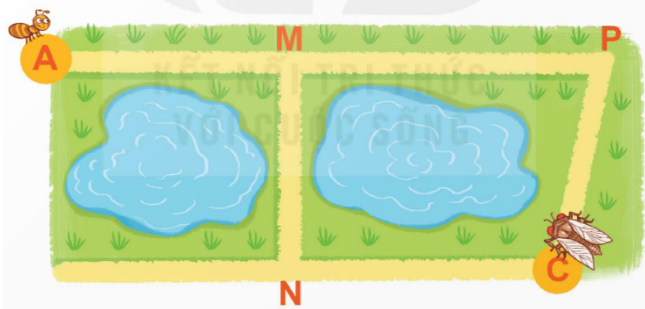
4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 4. Nhà của Kiến ở vị trí A nhà của ve sầu ở vị trí C và kiến chỉ đến được nhà ve sầu bằng cách đi qua các đoạn đường như hình dưới đây. Biết rằng các đoạn AM, MN, NC dài bằng nhau.

a, Tìm đường đi ngắn nhất để kiến đến nhà ve sầu và quay về vị trí ban đầu.

b, Kiến mất 1,5 phút để đi từ A đến M và những đoạn đường dài bằng nhau kiến đi hết thời gian như nhau. Nếu kiến ở lại nhà ve sầu 5 phút và không nghỉ giữa đường thì hết bao lâu để kiến hoàn thành đường đi ở câu a



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời. Nếu hs không trả lời được GV gợi ý
- + Có những đường nào có thể đến nhà ve sầu.
- + So sánh độ dài các đoạn đường.
- + Xác định đường đi ngắn nhất để kiến đến nhà ve sầu.
- + Xác định đoạn đường ngắn nhất để kiến từ nhà ve sầu quay về.
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân.

- HS trả lời:

Đường 1: AM- MP- PC

Đường 2: AM – MN- NC

Đường 2 ngắn nhất

- kiến đi đoạn AM – MN- NC và quay về cũng đường này.
- HS giải thích cách chọn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Bài 22: CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: Xác định được vị trí địa lí của các châu lục và của các đại dương, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới; nêu được một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục.

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: Khai thác lược đồ, quả Địa Cầu để tìm hiểu về các châu lục và đại dương trên thế giới; sử dụng được bảng số liệu và lược đồ để so sánh một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục và so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về các châu lục để xác định được châu lục mà HS yêu thích và muốn khám phá nhất.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động về Lịch sử, Địa lí.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

- Phẩm chất yêu nước, yêu thiên nhiên: Có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát bản đồ thời giới và trả lời câu hỏi: + Thế giới có nhiều châu lục và đại dương. Hãy kể tên một số châu lục và đại dương mà em biết? - GV gọi HS nêu.	- HS quan sát bản đồ. + HS suy nghĩ và thảo luận nhóm đôi nêu câu trả lời.

- GV nhận xét, tuyên dương, giới thiệu và dẫn dắt vào bài mới.

+ HS lần lượt nêu theo sự hiểu biết của bản thân.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Kể tên và xác định vị trí địa lí của các châu lục trên bản đồ.

+ So sánh diện tích của các châu lục trên thế giới.

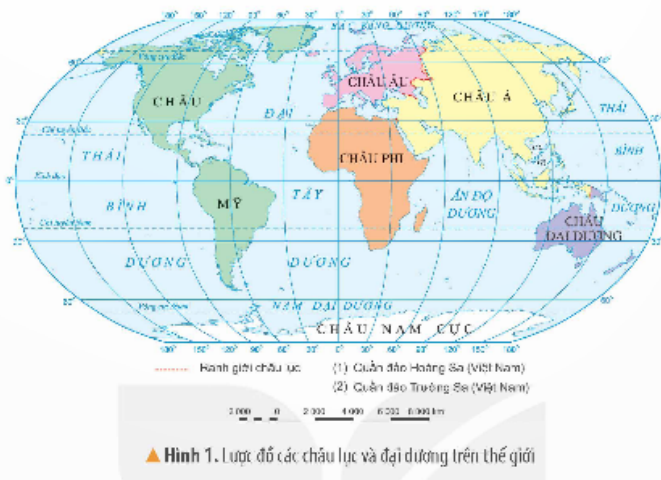
- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1.

1. Các châu lục trên thế giới

a) Khái quát chung

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và đưa ra câu hỏi:



+ Kể tên và xác định vị trí địa lí của các châu lục trên bản đồ.

- GV gọi HS kể tên các châu lục.

- GV gọi HS lên bảng xác định vị trí địa lí của các châu lục trên bản đồ.

- GV gọi HS nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương, nêu lại vị trí địa lí các châu lục trên bản đồ.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi đọc thông tin, quan sát bảng 1 và đưa ra câu hỏi:

BẢNG 1. DIỆN TÍCH CỦA CÁC CHÂU LỤC TRÊN THẾ GIỚI

Châu lục	Châu Á	Châu Âu	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương	Châu Nam Cực
Diện tích (triệu km ²)	44,4	10,3	30,3	42	8,5	14

- HS thực hiện theo yêu cầu.

+ HS suy nghĩ nêu câu trả lời

- HS kể tên các châu lục là châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

- 3 - 4 HS lên bảng xác định vị trí địa lí của các châu lục trên bản đồ.

- HS nhận xét.

- Lắng nghe, quan sát.

- HS thực hiện theo yêu cầu. Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.

+ Các châu lục trên thế giới có diện tích không giống nhau.

+ Em quan sát bảng 1 và cho biết diện tích các châu lục trên thế giới có giống nhau không? + Em hãy so sánh diện tích của các châu lục trên thế giới. - GV nhận xét tuyên dương.	+ Các châu lục có diện tích khác biệt, trong đó châu Á có diện tích lớn nhất, tiếp sau đó là châu Mỹ, châu Phi, châu Nam Cực, châu Âu, châu Đại Dương. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: Hệ thống lại kiến thức và luyện tập. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau: + Châu lục, đại dương nào có diện tích lớn nhất thế giới? + Châu lục, đại dương nào có diện tích nhỏ nhất thế giới? - Em hãy sắp xếp các châu lục từ nhỏ đến lớn theo diện tích biểu thị ở bảng 1. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS thực hiện cá nhân suy nghĩ nêu câu trả lời: + Châu Á có diện tích lớn nhất có 44,4 triệu km². + Châu Đại Dương có diện tích nhỏ nhất có 8 triệu km². - Châu Đại Dương, châu Âu, châu Nam Cực, châu Phi. Châu Mỹ, châu Á. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV đưa quả địa cầu, mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng” + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia theo lần lượt. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ tìm trên bản đồ các châu lục và nêu được diện tích của mỗi châu lục. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất là thắng cuộc. + GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả. + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe luật trò chơi. + Các tổ lần lượt tham gia chơi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ ba, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

Bài: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu được cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa trong cuộc sống và nội dung của từng phần trong đoạn văn.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “Em yêu trường em”, sáng tác Hoàng Vân để khởi động bài học. + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe bài hát “Em yêu trường em” - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu:	

+ - Nắm được cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa trong cuộc sống và nội dung của từng phần trong đoạn văn.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

- Cách tiến hành:

Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.

Tìm câu trả lời cho câu hỏi 1 theo yêu cầu sau:

+ Bước 1: Đọc thầm đoạn văn.

+ Bước 2: Dựa vào đoạn văn vừa đọc, lần lượt trả lời 4 câu hỏi. HS suy nghĩ, tìm câu trả lời lần lượt cho 4 câu hỏi.

- GV mời các nhóm trình bày kết quả.

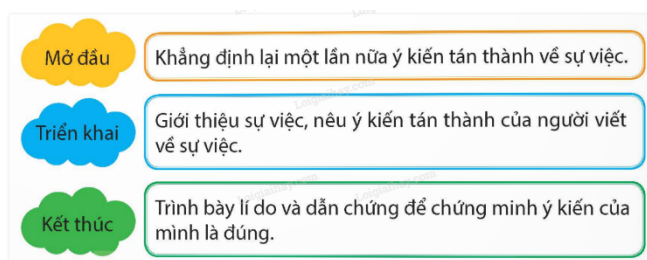
Câu a. Đoạn văn trên nói về sự việc gì?

Người viết có ý kiến thế nào về sự việc đó?

Câu b. Xác định các phần (mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn)

Câu c. Chọn nội dung tương ứng với mỗi phần của đoạn văn.

c. Chọn nội dung tương ứng với mỗi phần của đoạn văn.



Câu d. Trong phần triển khai, người viết đã đưa ra lí do và những dẫn chứng nào để chứng minh ý kiến của mình là đúng?

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- HS thảo luận nhóm

-

Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

a. Đoạn văn nói về việc cần bảo vệ di sản của cha ông để lại. Người viết tán thành ý kiến đó.

Mở đầu: Từ đầu đến rất tán thành ý kiến này.

Triển khai: tiếp theo đến nói kết quả khứ với hiện tại.

Kết thúc: Câu cuối cùng của đoạn văn.

+ Mở đầu: Giới thiệu sự việc, nêu ý kiến tán thành của người viết về sự việc.

+ Triển khai: Trình bày lí do và dẫn chứng để chứng minh ý kiến của mình là đúng.

+ Kết thúc: Khẳng định lại một lần nữa ý kiến tán thành về sự việc.

– Lí do: Di sản là tài sản quý báu của cha ông, trao truyền thế hệ này sang thế hệ khác.

+ Dẫn chứng: Tôi và bạn nhìn thấy di sản qua di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, phong tục, lễ hội,...

– Lí do: Vì sao phải giữ gìn di sản của cha ông để lại? Vì giữ gìn di sản của cha ông để lại chính là giữ gìn thành quả lao động của những thế hệ trước.

+ Mở đầu: Giới thiệu sự việc, hiện tượng và nêu ý kiến tán thành của người viết. + Triển khai: Trình bày lí do, dẫn chứng để chứng minh ý kiến đó là đúng. + Kết thúc: Khẳng định lại ý kiến tán thành hoặc nêu ý nghĩa của sự việc, hiện tượng đó đối với cuộc sống. - Cho 2,3 hs nhắc lại ghi nhớ.	- Hs nhắc lại.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu đề HS tham gia vận dụng: <i>Trao đổi với người thân về một chương trình truyền hình có tác động tích cực đối với học sinh.</i> - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS làm việc chung cả lớp và trình bày - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN

Bài 59: VẬN TỐC CỦA MỘT CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh biết khái niệm ban đầu về vận tốc, 1 số đơn vị đo vận tốc.
- Học sinh tính được vận tốc của 1 chuyển động đều và vận dụng để giải quyết 1 số tình huống thực tế.
- Học sinh có cơ hội phát triển năng lực giao tiếp năng lực tư duy và lập luận toán học năng lực mô hình hóa toán học. ...

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về vận tốc
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng vận tốc của chuyển động đều để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi Rung chuông vàng để khởi động bài học. Chọn đáp án đúng Câu 1: 1) 12 giờ 25 phút + 4 giờ 15 phút = ? a. 16 giờ 40 giây b. 16 giờ 35 phút c. 16 giờ 40 phút d. 16 giờ 35 giây Câu 2: 2) 34 phút 58 giây – 14 phút 23 giây = ? a. 19 phút 55 giây b. 20 phút 35 giây c. 20 phút 30 giây d. 19 phút 30 giây	- HS tham gia trò chơi bằng bc - HS lắng nghe. 1c- 2b

Câu 3:  Rùa Ô tô Người Xếp theo thứ tự tên sự vật chạy từ nhanh đến chậm? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới <i>Dựa vào đâu mà ta biết rùa chạy chậm hơn con người, con người chạy chậm hơn ô tô. Bài học hôm nay cô sẽ giúp các em giải đáp những thắc mắc đó nhé. Bài 59: Vận tốc của một chuyển động đều.</i>	Rùa- người- ô tô
2. Khám phá: - Mục tiêu: + Học sinh biết khái niệm ban đầu về vận tốc, 1 số đơn vị đo vận tốc. + Học sinh tính được vận tốc của 1 chuyển động . - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  Chuột túi (Kangaroo) có thể vừa chạy vừa nhảy được 70 m trong 5 giây. Chim én có thể bay được 210 km trong 2 giờ. - GV yêu cầu hs thảo luận nhóm 4 để trả lời: + Học sinh tìm cách tính quãng đường trung bình mỗi giờ chim én bay được, quãng đường trung bình mỗi giờ chuột túi chạy được. - GV giải thích: Ta nói vận tốc trung bình hay nói ngắn gọn là vận tốc của chim én là 105 ki lô mét trên giờ viết tắt là 105 km/h. Vận tốc của chuột túi là 14 mét trên giây viết tắt là 14m/s.	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: - HS thảo luận nhóm 4 trả lời + Quãng đường trung bình mỗi giờ chim én bay được là: $210: 2= 105 \text{ (km)}$ + Trung bình mỗi giây chuột túi chạy được là: $70: 5 = 14 \text{ (m)}$ - HS lắng nghe

+ Muốn tính vận tốc của chuyển động ta làm như thế nào? - Gv gọi các nhóm chia sẻ, nhận xét và rút ra kết luận. KL: Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian. Gọi vận tốc là v, quãng đường là s, thời gian là t, ta có: $V = s : t$	- Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian. - Các nhóm nhận xét - HS lắng nghe và nhắc lại ghi nhớ
2. Hoạt động - Mục tiêu: + Học sinh tính được vận tốc của 1 chuyển động đều và vận dụng để giải quyết 1 số tình huống thực tế. - Cách tiến hành:	
<i>Các em đã biết cách tìm vận tốc của một chuyển động đều. Chúng ta hãy cùng vận dụng nó vào các tình huống thực tế qua phần luyện tập nhé.</i> Bài 1: Trên đường cao tốc một ô tô đi quãng đường 180 ki lô mét trong vòng 2 giờ. Tính vận tốc của ô tô đó theo đơn vị km/h. - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm việc nhóm đôi. - Các nhóm trình bày kết quả - Các nhóm nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, tuyên dương - GV: Muốn tính vận tốc ta làm như thế nào?	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc nhóm đôi: Bài giải Vận tốc của ô tô đó là: $180 : 2 = 90 \text{ (km/h)}$ Đáp số: 90km/h - Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - HS trả lời
Bài 2: Trong 1 phút 40 giây người đi xe đạp đi được đoạn đường 500 mét. Tính vận tốc của người đi xe đạp đó (theo đơn vị m/s.) - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Để tính vận tốc của người đi xe đạp ta làm như thế nào? - Ta có thể lấy 500: 1 phút 40 giây được không? - GV gọi HS nhận xét - Gv yêu cầu hs làm bài 2 vào vở 2 hs làm bảng phụ - Nhận xét bài trên bảng	- HS đọc đề - Muốn tính vận tốc của người đi xe đạp ta lấy quãng đường chia cho thời gian. - HS tl Không vì chưa cùng đơn vị đo. Chúng ta phải đổi 1 phút 40 giây = 100 giây - HS làm bài vào vở sau đó đổi vở chấm chéo - HS nhận xét

KHOA HỌC
BÀI 26: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ về cảm giác an toàn, quyền được an toàn, nguy cơ dẫn đến bị xâm hại.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh nêu được một số tình huống cho cảm giác an toàn và không an toàn, một số việc làm để đảm bảo quyền được an toàn, cách phản đối sự xâm hại.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về dấu hiệu an toàn và không an toàn. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học để đảm bảo an toàn tránh bị xâm hại cho bản thân và những người xung quanh.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết bảo vệ bản thân trước nguy cơ dễ bị xâm hại.

*** Giáo dục quyền con người: Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- Cho hs hát bài “ Năm ngón tay xinh” - Gợi ý các câu hỏi để dẫn dắt vào bài: + Mỗi ngón tay trong bài hát đại diện cho những ai? Cách ứng xử với những người đó như thế nào? + Những câu hát nào được lặp lại nhiều lần trong bài? + Nếu có ai chạm vào vùng đồ bơi của em. Em cảm thấy thế nào và sẽ làm gì trong tình huống đó? + Em hãy kể một tình huống em cảm thấy không an toàn mà em đã trải qua hoặc em biết? - Giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:	- Ngón cái là những người thân; ngón trỏ là thầy cô, bạn bè; ngón giữa là hàng xóm, bạn của bố mẹ.... - Nếu ai chạm vào vùng đồ bơi. Xua tay em nói lớn; Không không em đã lớn rồi. - Hs trả lời . - Hs trả lời .

Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta phải gặp tình huống không an toàn, thậm chí có nguy cơ bị xâm hại. Vậy làm thế nào để biết được và phòng tránh nguy cơ đó, các em sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.	
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại. - Nêu được những việc cần làm để đảm bảo quyền được an toàn, phản đối mọi sự xâm hại. - Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1: Cảm giác an toàn và quyền được an toàn. - GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp: Đọc thông tin trong khung và nêu ý kiến của bản thân về cảm giác an toàn. + GV nhận xét và dẫn dắt: <i>Nếu trường hợp khi chúng ta cảm thấy không an toàn thì sẽ có cảm giác như thế nào? Các em sẽ làm gì để bảo đảm quyền của mình thì chúng ta sẽ tìm hiểu hoạt động tiếp theo.</i> - GV yêu cầu hs làm việc cặp đôi, quan sát kỹ nội dung từng hình từ 1 đến 4 và cho biết: + Những biểu hiện cảm xúc của các bạn trong hình? + Bạn nào an toàn bạn nào đang bị xâm hại đến sự an toàn của cá nhân? - Tổ chức cho học sinh chia sẻ trước lớp. Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4	- Hs đọc thông tin và đưa ra ý kiến về cảm giác an toàn: + Khi có cảm giác an toàn thì chúng ta cảm thấy vui vẻ, thoải mái, không lo lắng, sợ hãi,... - Hs thảo luận theo cặp - Đại diện cặp trình bày: + Hình 1: Một bạn có vẻ mặt lo lắng nói thể hiện ngạc nhiên, có chút lo lắng... khi một người không quen biết muốn làm quen qua không gian mạng... bị xâm hại, mất an toàn về tinh thần ngay cả khi giao tiếp qua mạng. + Hình 2: Bạn có vẻ mặt sợ hãi, người co rúm lại khi bị một bạn lớn hơn, dọa nạt, trấn lột tiền, bị bắt nạt, bị xâm hại, mất an toàn về tinh thần. + Hình 3: Bạn có vẻ mặt rạng rỡ, vui vẻ, thoải mái khi ngồi chơi cùng ông nội cho thấy bạn đang có cảm giác an toàn.

- Giáo viên nhận xét và bổ sung: Dấu hiệu mất an toàn có thể là lời nói, hành động trực tiếp hoặc gián tiếp qua việc:

+ *Giao tiếp không lời như bị bắt buộc đọc, nghe nhìn... nội dung, hình ảnh từ những người không rõ danh tính,.. mối quan hệ ngoài đời hoặc trên không gian mạng. Biểu hiện xâm hại an toàn về tinh thần*

+ *Bị chiếm đoạt tiền / tài sản cá nhân,... biểu hiện xâm hại an toàn về vật chất, tổn thương tinh thần...*

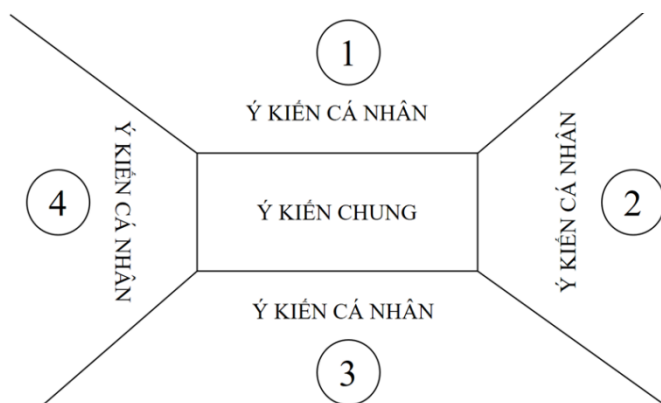
+ *Bị ép buộc, làm điều mình không muốn biểu hiện của xâm hại an toàn thể chất, tinh thần...*

- Khi có cảm giác an toàn chúng ta cảm thấy thế nào?

Hoạt động khám phá 2: Những việc cần làm để đảm bảo quyền được an toàn.

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn thảo luận theo yêu cầu:

+ Theo em, bạn cần làm gì để đảm bảo quyền được an toàn, phản đối mọi sự xâm hại trong những tình huống ở các hình 1, 2, 3, 4?



- GV khen ngợi, khích lệ các nhóm học sinh đã sáng tạo khi nêu được những việc làm phù hợp thể hiện quyền được an toàn của bản thân, phản đối mọi sự xâm hại từ những đối tượng khác.

- GV lưu ý về từ ngữ “Người lạ” ở đây được hiểu là không phải bố mẹ, người thân có thể là người họ hàng lâu ngày chưa gặp, hàng xóm,...

+ Hình 4: Bạn có vẻ mặt khó chịu, thân thể và lời nói phản kháng... khi bị một người phụ nữ ép buộc, đẩy lên xe... bị xâm hại đến thân thể.

- Hs lắng nghe, chia sẻ rút kinh nghiệm

- HS hoạt động nhóm theo hình thức khăn trải bàn

- Đại diện nhóm trình bày: Học sinh chia sẻ cùng nhau nêu được một số việc ở mỗi tình huống như:

+ Hình 1: Giữ an toàn trên không gian mạng: không để lộ thông tin, hình ảnh nhạy cảm, không kết bạn với người lạ, không chia sẻ định vị khi đang sử dụng ứng dụng trên mạng, thoát khỏi ứng dụng khi không dùng... Chia sẻ với bố mẹ, thầy cô, người tin tưởng gọi điện đến tổng đài 111... khi gặp các rắc rối.

+ Hình 2 và 4 : phản đối sự chiếm đoạt tài sản, sự xâm hại về thể chất và tinh thần: Bình tĩnh không tỏ ra sợ hãi, tìm cách thoát khỏi tình huống đối mặt nguy hiểm, quan sát xung quanh và kêu lên để gây chú ý, tìm kiếm sự trợ giúp; không đi một mình, không được giữ im lặng mà cần chia sẻ với bố mẹ, thầy cô, người tin tưởng +Hình 3: Đảm bảo an toàn của bản thân: không ngồi gần tiếp xúc với người

* Giáo dục quyền con người: Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại. - GV nói: Con người có quyền được bảo vệ để không bị xâm hại.	lạ, không phải là người thân trong gia đình, người quen... - HS lắng nghe						
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại. + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực khoa học xã hội, năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: - Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm từ kết quả HĐ1. Em hãy liên hệ thực tế nói với bạn về những tình huống em cảm thấy an toàn và không an toàn. Viết mỗi tình huống vào một thẻ trống(thẻ màu xanh là an toàn; màu vàng là không an toàn) <table border="1" data-bbox="167 1070 858 1256"> <tr> <th>Tình huống an toàn</th><th>Tình huống không an toàn</th></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> </table> - Nhận xét, tuyên dương		Tình huống an toàn	Tình huống không an toàn				
Tình huống an toàn	Tình huống không an toàn						
.....							
.....							
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu:							

Tình huống an toàn	Tình huống không an toàn
- Hôm nay, đến đón em đi học về không phải là bố mà mà chị gái ruột của em	- Một chú đến đón em và bảo bố nhờ đón, chú cho em tiền và bảo lên xe nhanh để chú chở đi mua quần áo mới, nhưng em không biết chú đó là ai.
.....	

- Các nhóm chia sẻ cách xử lý:

+ Tình huống cảm thấy an toàn: Chị gái đến đón em thay bố, mẹ. Em lên xe để chị đón về.

+ Tình huống cảm thấy không an toàn: Em kiên quyết không lên xe của chú đó, không lấy tiền, em vào phòng bác bảo vệ trường để chờ bố, mẹ đến đón.

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn nêu được những việc làm bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ thêm một số tình huống em đã gặp hoặc đã xem trong ti vi, các kênh truyền thông,... để các bạn biết và cùng nhau phòng tránh. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động giáo dục theo chủ đề:

- **Bày tỏ niềm tự hào và cảm xúc của em về cảnh quan thiên nhiên của địa phương và đất nước.**
- **Lập dự án “Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

HS thực hiện:

- Bày tỏ niềm tự hào và cảm xúc và niềm tự hào đối với cảnh quan thiên nhiên của địa phương và đất nước
- Lập được dự án “Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên”

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ được với các bạn về ý kiến cá nhân trong các nhiệm vụ nhóm và hợp tác với các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ hoạt động.

2. Năng lực đặc thù:

- Thiết kế và tổ chức hoạt động: thể hiện qua việc lập dự án “Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên”

3. Phẩm chất

- Phẩm chất yêu nước: tình yêu thiên nhiên, lòng tự hào và ý thức bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.
- Phẩm chất trách nhiệm: chủ động suy nghĩ về các vấn đề của cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và lập dự án “Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên”

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Kế hoạch tổ chức hoạt động, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- Tư liệu về cảnh quan thiên nhiên về cảnh quan thiên nhiên của đất nước, của địa phương: tranh ảnh, bài viết...
- Tư liệu về cảnh quan thiên nhiên bị tàn phá ở địa phương: tranh ảnh, bài viết

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Nhận diện – Khám phá	
1. Khởi động: <i>a) Mục tiêu</i> – Tạo hứng thú cho HS và kết nối vào tiết hoạt động	
<i>b) Cách tiến hành</i>	
- GV tổ chức cho HS hát và vận động theo nhạc bài “Quê hương tươi đẹp” (Dân ca Nùng; đặt lời: Hoàng Anh	HS tham gia hát và vận động theo nhạc
- GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi hát: + Quê hương của bạn nhỏ đẹp như thế nào? + Câu hát nào thể hiện niềm tự hào của bạn nhỏ với cảnh đẹp của quê hương?	HS chia sẻ theo hiểu biết của bản thân

GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Đất nước ta tự hào vì có rất nhiều cảnh đẹp. Mỗi nơi chúng ta đi qua, mỗi cảnh quan thiên nhiên mà chúng ta biết đều để lại ấn tượng và cảm xúc riêng biệt. Chúng ta cùng chia sẻ những cảm xúc và niềm tự hào về những cảnh quan thiên nhiên đó trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Nhận diện – Khám phá	
2. Hoạt động 1: Bày tỏ niềm tự hào và cảm xúc của em về cảnh quan thiên nhiên của địa phương và đất nước <i>a) Mục tiêu</i> – Bày tỏ được niềm tự hào và cảm xúc và niềm tự hào đối với cảnh quan thiên nhiên của địa phương và đất nước	
<i>b) Cách tiến hành</i>	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Du lịch qua màn ảnh nhỏ” + GV sử dụng hình ảnh đoàn tàu du lịch đi qua các ga tàu có cảnh quan thiên nhiên của đất nước để tổ chức trò chơi cho học sinh + GV chia HS thành nhóm 4-6 em và phổ biến luật chơi: • Ở mỗi ga sẽ có một câu hỏi liên quan đến cảnh quan thiên nhiên của đất nước. Trả lời đúng câu hỏi thì sẽ giúp đoàn tàu đi qua ga và hình ảnh về cảnh quan đó sẽ được mở ra. Nếu trả	- HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi và hỏi lại nếu chưa rõ

GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Đất nước ta tự hào vì có rất nhiều cảnh đẹp. Mỗi nơi chúng ta đi qua, mỗi cảnh quan thiên nhiên mà chúng ta biết đều để lại ấn tượng và cảm xúc riêng biệt. Chúng ta cùng chia sẻ những cảm xúc và niềm tự hào về những cảnh quan thiên nhiên đó trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Nhận diện – Khám phá	
lời sai thì quyền trả lời sẽ dành cho nhóm khác. - Nhóm nào trả lời đúng nhiều câu hỏi nhất sẽ thắng cuộc Lưu ý: - Câu hỏi có thể là câu thơ, đoạn nhạc hoặc một đoạn video ngắn... liên quan đến cảnh quan thiên nhiên của đất nước. - GV có thể sử dụng thiết kế trên Powerpoint hoặc lời dẫn về đoàn tàu để tổ chức cho học sinh. - GV tổ chức cho HS chơi	HS tham gia chơi theo hướng dẫn của GV
- GV tổ chức cho HS đóng vai phóng viên, phỏng vấn các bạn sau khi chơi: + Các cảnh quan thiên nhiên em biết qua trò chơi + Kể thêm những cảnh quan thiên nhiên của đất nước ta mà em biết hoặc đã đến thăm. + Chia sẻ cảm xúc và niềm tự hào của bản thân khi được ngắm nhìn những cảnh quan thiên nhiên đó	- HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân và sử dụng các hình ảnh về cảnh quan thiên nhiên mà mình đã biết hoặc đã đến để minh họa cho phần trình bày của mình
- GV tổ chức cho học sinh làm việc cặp đôi, bày tỏ cảm xúc và niềm tự hào của bản thân về một cảnh quan thiên nhiên ở địa phương theo gợi ý: - Nêu tên một cảnh quan thiên nhiên ở địa phương mà em biết - Thể hiện niềm tự hào của em về cảnh quan thiên nhiên đó; - Bày tỏ cảm xúc của em về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương	- HS trao đổi cặp đôi theo hướng dẫn của GV
- GV tổ chức cho HS chơi chuyển hoa để chia sẻ về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và niềm tự hào về cảnh quan thiên nhiên đó	HS tham gia chơi và chia sẻ
- GV tổng kết và kết nối sang hoạt động sau:	HS lắng nghe và suy nghĩ

GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Đất nước ta tự hào vì có rất nhiều cảnh đẹp. Mỗi nơi chúng ta đi qua, mỗi cảnh quan thiên nhiên mà chúng ta biết đều để lại ấn tượng và cảm xúc riêng biệt. Chúng ta cùng chia sẻ những cảm xúc và niềm tự hào về những cảnh quan thiên nhiên đó trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Nhận diện – Khám phá	
<i>Cảnh quan thiên nhiên trên đất nước cũng như ở địa phương ta rất đẹp tuy nhiên hiện nay nhiều cảnh quan bị hư hại vì những tác động của con người. Chúng ta cần làm gì để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. Cùng tìm hiểu trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	
Tìm hiểu – Mở rộng	
3. Hoạt động 2 : Lập dự án “Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên”	
<i>a) Mục tiêu</i> - HS nêu ra được cảnh quan thiên nhiên bị tàn phá - HS lập được dự án “Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên”	
<i>b) Cách tiến hành</i>	
– GV tổ chức cho học sinh làm việc nhóm 4-6 em, sử dụng những hình ảnh, thông tin đã chuẩn bị ở nhà để chia sẻ với nhau về việc cảnh quan thiên nhiên bị xâm hại, tàn phá + GV lưu ý HS đa dạng cách trình bày kết quả thảo luận	– HS sử dụng các tư liệu đã chuẩn bị, chia sẻ trong nhóm theo suy nghĩ
- GV sử dụng kỹ thuật phòng tranh, tổ chức cho học sinh đi xem hình ảnh trưng bày của các nhóm và để lại những ý kiến, cảm xúc của mình ở mỗi nhóm. + GV hướng dẫn thêm cho HS mang bút theo và vẽ biểu tượng trái tim vào phần trưng bày mà em thích.	HS đi tham quan hình ảnh trưng bày của các nhóm và để lại biểu tượng cảm xúc ở phần trưng bày của các nhóm theo hướng dẫn của GV
- GV tổ chức cho học sinh chia sẻ ý kiến về việc cảnh quan thiên nhiên bị xâm hại, tàn phá và cách làm để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên trên lớp. Lưu ý: GV yêu cầu HS trình bày xong mời bạn tiếp theo lên chia sẻ	- HS chia sẻ theo hướng dẫn của GV

GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Đất nước ta tự hào vì có rất nhiều cảnh đẹp. Mỗi nơi chúng ta đi qua, mỗi cảnh quan thiên nhiên mà chúng ta biết đều để lại ấn tượng và cảm xúc riêng biệt. Chúng ta cùng chia sẻ những cảm xúc và niềm tự hào về những cảnh quan thiên nhiên đó trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Nhận diện – Khám phá	
- GV yêu cầu học sinh làm việc nhóm 4-6 em, thảo luận về về mục tiêu dự án bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, đặt tên cho dự án. Gợi ý: - Nhóm chọn bảo tồn cảnh quan thiên nhiên nào ở địa phương. Vì sao? - Mục tiêu của dự án là gì? - Xác định tên của dự án	HS thảo luận theo gợi ý
- GV tổ chức cho các nhóm trình bày về tên dự án và mục tiêu của dự án	HS trình bày về tên và mục tiêu dự án của nhóm mình
- GV tổ chức cho các nhóm tiến hành lập kế hoạch thực hiện dự án theo các bước ở trang 76 trong SHS HĐTN 5 + GV lưu ý học sinh chú ý đến việc phân công công việc cho từng thành viên trong kế hoạch - GV quan sát và hỗ trợ cho các nhóm khi cần thiết	- HS trao đổi, lập kế hoạch thực hiện dự án theo hướng dẫn
- GV mời đại diện các nhóm trình bày về kế hoạch thực hiện dự án của nhóm mình. + GV yêu cầu các nhóm khác đặt câu hỏi và bổ sung thêm cho nhóm bạn.	- HS yêu cầu GV hỗ trợ thêm khi cần HS báo cáo kết quả thảo luận và đặt câu hỏi cho nhóm bạn Ví dụ: hỏi để biết cụ thể từng đầu việc trong kế hoạch; những thiết bị, phương tiện cần chuẩn bị...
- GV tổ chức cho các nhóm điều chỉnh kế hoạch, xây dựng bảng theo dõi tiến độ thực hiện dự án và lựa chọn hình thức báo cáo kết quả dự án + GV đặt câu hỏi gợi ý: Nhóm em sẽ báo cáo dự án theo hình thức nào? + GV nhắc HS có thể tham khảo cách trình bày bảng theo dõi ở trang 77 trong SHS HĐTN 5	HS cùng trao đổi điều chỉnh kế hoạch và xây dựng bảng theo dõi tiến độ thực hiện dự án theo hướng dẫn
- GV mời đại diện các nhóm chia sẻ về cách báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm mình	HS chia sẻ theo nội dung nhóm đã thống nhất
- GV tổng kết hoạt động và nhắc nhở các nhóm theo dõi tiến độ thực hiện dự án và điều chỉnh, báo	- HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu của GV

GV nhận xét và kết nối sang hoạt động sau: <i>Đất nước ta tự hào vì có rất nhiều cảnh đẹp. Mỗi nơi chúng ta đi qua, mỗi cảnh quan thiên nhiên mà chúng ta biết đều để lại ấn tượng và cảm xúc riêng biệt. Chúng ta cùng chia sẻ những cảm xúc và niềm tự hào về những cảnh quan thiên nhiên đó trong hoạt động tiếp theo nhé!</i>	HS lắng nghe
Nhận diện – Khám phá	
cáo giáo viên khi cần hỗ trợ	
4. Tổng kết tiết trải nghiệm	
– GV tổ chức cho HS trao đổi và chia sẻ về những điều mình học được qua tiết hoạt động	- HS chia sẻ theo suy nghĩ của bản thân
- GV nhận xét và dẫn dắt HS về nhà suy nghĩ về những việc cần làm để tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên ở địa phương	HS lắng nghe và thực hi
IV. IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	

KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ
Gửi và mở tệp đính kèm thư điện tử (Tiết 2)
Đã soạn ở tuần 27

Thứ tư, ngày 26 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Bài 18: NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI (4 tiết)

Tiết 1+2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ câu đoạn và toàn bộ văn bản “Người thầy của muôn đời” biết đọc diễn cảm phù hợp với lời văn miêu tả tâm trạng của nhân vật. Biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu.

Đọc hiểu: Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian và địa điểm cụ thể, hiểu được suy nghĩ, cảm xúc cả nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện “Người thầy của muôn đời”: Chu Văn An là một người thầy mẫu mực của nhiều thế hệ học trò. Ông đã dạy học trò biết trân trọng và nhớ ơn những người đã dạy mình. Vì thế, ông đã được các thế hệ học trò yêu mến, kính trọng và là tấm gương để các thế hệ học trò noi theo. Ông thực sự là người thầy của muôn đời.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những cảnh vật ở đồng hoa.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

* Giáo dục quyền con người: Quyền được giáo dục, học tập.

* Giáo dục đạo đức: Ca ngợi, gìn giữ, phát huy truyền thống: "Tôn sư trọng đạo" của người dân Việt Nam

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	

- GV hỏi học sinh :Tiêu đề bài đọc Người thầy của muôn đời gợi cho em suy nghĩ gì?
? Cho HS quan sát tranh và cho biết bức tranh vẽ gì?
Nêu hiểu biết của e về thầy giáo Chu Văn An

- HS trả lời câu hỏi .



- Lắng nghe

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.

2. Khám phá.

- Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ câu đoạn và toàn bộ văn bản “Người thầy của muôn đời” biết đọc diễn cảm phù hợp với lời văn miêu tả tâm trạng của nhân vật. Biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu.

- Cách tiến hành:

2.1. Luyện đọc .

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, với ngữ điệu chung: chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến *những nhân vật nổi tiếng*.
 - + Đoạn 2: Tiếp theo đến *mang ơn sâu nặng*.
 - + Đoạn 3: Phần còn lại.
- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: đạo lý, nổi tiếng...
- GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Cụ đồ cao / nhưng không làm cao/ xói đất,/ mà mở trường dạy học ở quê nhà/ nhằm truyền bá đạo lý/ và đào tạo nhân tài cho đất nước../
- GV HD đọc đúng ngữ điệu: Đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.
- GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn.
- GV nhận xét tuyên dương.

- HS lắng nghe GV đọc.
- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.
- 1 HS đọc toàn bài.
- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.
- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- HS đọc từ khó.
- 2-3 HS đọc câu.

	- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
2.2. Luyện đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc . - GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi một số câu thể hiện lời nói của các nhân vật. - GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai)..	- HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm. - HS nghe GV hướng dẫn cách đọc. - HS luyện đọc nhóm đôi
2.3. Luyện đọc toàn bài. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV mời HS luyện đọc threo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV nhận xét chung.	- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
TIẾT 2	
3. Tìm hiểu bài. - Mục tiêu: Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian và địa điểm cụ thể, hiểu được suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động. - Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện “Người thầy của muôn đời”: Chu Văn An là một người thầy mẫu mực của nhiều thế hệ học trò. Ông đã dạy học trò biết trân trọng và nhớ ơn những người đã dạy mình. Vì thế, ông đã được các thế hệ học trò yêu mến, kính trọng và là tấm gương để các thế hệ học trò noi theo. Ông thực sự là người thầy của muôn đời. - Biết trân trọng công sức của những người đã dạy mình, hiểu rõ đạo lí ‘ uống nước nhớ nguồn’ của dân tộc ta. - Cách tiến hành:	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) - Môn sinh (cách gọi cũ): học trò của cùng một thầy. - Áo dài thâm: áo dài màu đen. - Sập: giường gỗ, mặt liền với chân. - Cụ đồ: thầy giáo già dạy chữ Nho thời trước.	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài.	

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: <i>Đoạn mở đầu bài đọc giới thiệu những gì về thầy giáo Chu Văn An?</i> + Câu 2: <i>Tìm những chi tiết cho thấy các môn sinh rất kính trọng cụ giáo Chu?</i> + Câu 3: <i>Hình ảnh cụ giáo Chu dẫn theo các môn sinh tới thăm người thầy dạy vỡ lòng của cụ nói lên điều gì?</i> + Câu 4: <i>Những hành động nào thể hiện tình cảm của cụ giáo Chu đối với người thầy của mình?</i> + Câu 5: <i>Em học được điều gì từ câu chuyện trên?</i>	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Chu Văn An là một nhà giáo nổi tiếng đời Trần. Cụ đỗ cao nhưng không làm quan mà mở trường dạy học ở quê nhằm truyền bá đạo lí và đào tạo nhân tài cho đất nước. Trường của cụ rất đông học trò và nhiều người đã trở thành những nhân vật nổi tiếng. + Ngay từ sáng sớm, các môn sinh đã tề tựu trước sân nhà cụ giáo Chu để mừng thọ thầy; Họ dâng biếu cụ những cuốn sách quý do chính họ sưu tầm và chép lại; Họ dạ ran khi cụ giáo Chu mời họ cùng tới thăm một người mà cụ mang ơn sâu nặng; Họ kính cẩn đi theo sau cụ. + Hình ảnh cụ giáo Chu dẫn theo các môn sinh tới thăm người thầy dạy vỡ lòng của cụ nói lên: cụ Chu cũng là người rất tôn sư trọng đạo. Giống như những môn sinh đến thăm mình, cụ Chu cũng muốn đến thăm người thầy của chính mình. Cụ hiểu để có được bản thân của hiện tại, dạy dỗ và mang đến thành công cho nhiều người trò là nhờ người thầy đã dạy cho cụ ngày xưa. Cụ luôn biết ơn và ghi nhớ vì vậy cụ mong muốn các môn sinh của mình cũng biết và tôn trọng người thầy vỡ lòng của cụ. + Những hành động thể hiện tình cảm của cụ giáo Chu đối với người thầy của mình là: chấp tay cung kính vái và nói to; khi cụ nặng tai không nghe rõ thì thầy Chu nói lại thật to câu nói vừa rồi một lần nữa.
---	--

- GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. Chu Văn An là một người thầy mẫu mực của nhiều thế hệ học trò. Ông đã dạy học trò biết trân trọng và nhớ ơn những người đã dạy mình. Vì thế, ông đã được các thế hệ học trò yêu mến, kính trọng và là tấm gương để các thế hệ học trò noi theo. Ông thực sự là người thầy của muôn đời. * Giáo dục đạo đức: Ca ngợi, gìn giữ, phát huy truyền thống: "Tôn sư trọng đạo" của người dân Việt Nam - GV yêu cầu HS nêu những việc làm ca ngợi, gìn giữ, phát huy truyền thống: "Tôn sư trọng đạo" của người dân Việt Nam	+ Em học được truyền thống tôn sư trọng đạo từ câu chuyện trên. - 3 - 4 HS nhắc lại nội dung bài học. - HS thực hiện
3.3. Luyện đọc lại. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc (3 em, mỗi em đọc 1 đoạn), đọc nối tiếp diễn cảm bài đọc. - GV mời HS nhận xét nhóm đọc. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS luyện đọc lại diễn cảm theo nhóm 3. - HS nhận xét cách đọc diễn cảm của các nhóm
4. Luyện tập theo văn bản đọc. - Mục tiêu: Ngữ liệu của bài tập có trong chính bài đọc “Người thầy của muôn đời”. Điều này giúp học sinh hiểu thêm về bài đọc. - Cách tiến hành:	
Bài 1. Tìm các câu ghép trong đoạn văn sau: (1) Các môn sinh đồng thanh dạ ran. (2) Thế là thầy đi trước, trò theo sau. (3) Các anh có tuổi đi ngay sau thầy, người ít tuổi hơn nhường bước, mấy chú tóc để trái đào đi sau cùng. (4) Cụ dẫn học trò đi về cuối làng, đến một ngôi nhà tranh đơn sơ nhưng sáng sủa, ấm cúng. - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Mời HS làm việc cá nhân. . - GV mời HS nhận xét nhóm đọc - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS làm bài cá nhân vào vở và trình bày trước lớp. Các câu ghép: - (2) Thế là thầy đi trước, trò theo sau. - (3) Các anh có tuổi đi ngay sau thầy, người ít tuổi hơn nhường bước, mấy chú tóc để trái đào đi sau cùng.

Bài 2. Xác định các vế câu trong những câu ghép tìm được ở bài tập 1 và cho biết chúng được nối với nhau bằng cách nào. - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Mời HS làm việc nhóm đôi vào phiếu học tập và trình bày trước lớp. - Câu (2) có 2 vế: Th ế là thầy đi trước,/ trò theo sau. Hai vế được nối với nhau bằng dấu phẩy. - Câu (3) có 3 vế: Các anh có tuổi đi ngay sau thầy,/ người ít tuổi hơn nhường bước,/ mấy chú để trái đào đi sau cùng. - Các vế được nối với nhau bằng dấu phẩy. - GV mời HS nhận xét các nhóm. - GV nhận xét, tuyên dương. Bài 3. Đặt một câu ghép nói về tình cảm của em đối với thầy cô giáo. - Gv cho hs làm cá nhân. - Gv cho hs đọc nối tiếp câu mình vừa đặt. - Nhận xét, đánh giá	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS làm việc nhóm đôi. - HS nhận xét các nhóm. - HS lắng nghe, sửa chữa. - Hs làm cá nhân. - Hs đọc, lắng nghe
5. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết trân trọng và nhớ ơn những người đã dạy mình. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số câu ca dao, tục ngữ về tình thầy trò. * Giáo dục quyền con người: Quyền được giáo dục, học tập. - GV nói: Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ cá nhân và nêu một HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

TOÁN
Bài 59: VẬN TỐC CỦA MỘT CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh thực hiện đổi đơn vị đo vận tốc km/h ra m/s và ngược lại.
- Học sinh vận dụng được đổi đơn vị đo vận tốc, tính vận tốc của một chuyển động đều để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- Học sinh có cơ hội phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và biết cách tính vận tốc của chuyển động đều.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng tính vận tốc của một chuyển động đều để giải quyết một số vấn đề thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi truyền điện để khởi động bài học. + Câu 1: Theo em, vận tốc là gì? + Câu 2: Nêu cách tính vận tốc. + Câu 3: Nêu các đơn vị đo vận tốc đã học. - Câu 4: Nêu các số đo vận tốc thường gặp trong cuộc sống. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: vận tốc là quãng đường mà chuyển động đó đi được trong 1 đơn vị thời gian. - Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian. $V = s : t$ - km/h, m/s - KM/h, m/s, m/phút, dặm/h, hải lí/ h.... - HS lắng nghe.

<i>Trong thực tế có nhiều đơn vị đo vận tốc. Chúng có mối liên hệ gì với nhau? Làm sao để đổi từ đơn vị km/h sang m/s bài học hôm nay cô cùng các em sẽ giải đáp những thắc mắc đó nhé!</i>	
2. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + Học sinh thực hiện đổi đơn vị đo vận tốc km/h ra m/s và ngược lại. + Học sinh vận dụng được đổi đơn vị đo vận tốc, tính vận tốc của một chuyển động đều để giải quyết một số vấn đề thực tế. - Cách tiến hành:	
Bài 1. Số? - GV gọi HS đọc mẫu bài tập 1 Mẫu: $72 \text{ km/h} = ? \text{ m/s}$. $72 \text{ km/h} = (72\,000 : 3\,600) \text{ m/s} = 20 \text{ m/s}$. - HS thảo luận nhóm đôi để phân tích mẫu. - Yêu cầu hs nêu cách làm - Nhận xét - GV nhận xét và yêu cầu hs làm bài 1a,b vào bảng con - Nhận xét bài trên bảng, đối chiếu kiểm tra đáp án bc - GV nhận xét, tuyên dương	- HS đọc mẫu - HS thảo luận nêu cách làm Ta đổi $72 \text{ km} = 72\,000 \text{ m}$ $1 \text{ giờ} = 3600 \text{ giây}$ - HS làm bảng con - 1 HS lên bảng làm - HS chia sẻ cách làm - $108 \text{ km/h} = (108\,000 : 3600) \text{ m/s} = 30 \text{ m/s}$ - $18 \text{ km/h} = 5 \text{ m/s}$
Bài 2. Chọn câu trả lời đúng. - GV gọi 1 hs đọc đề và nêu yêu cầu của bài. Đà điểu khi cần có thể chạy được 5,25 km trong 5 phút. Tính vận tốc của đà điểu (theo đơn vị m/s) - GV yêu cầu hs làm bài vào vở - GV chấm một số bài	- HS đọc yêu cầu - HS làm bài vào vở Bài làm Đổi $5,25 \text{ km} = 5250 \text{ m}$ $5 \text{ phút} = 300 \text{ giây}$ Vận tốc của đà điểu là: $5250 : 300 = 17,5 \text{ (m/s)}$ Đáp số $17,5 \text{ m/s}$

- GV mời HS trả lời.Nếu hs không trả lời được GV gợi ý + Tính vận tốc xe màu đỏ? + Tính vận tốc xe màu đen? + Tính vận tốc xe màu trắng? - Xe nào có vận tốc lớn nhất? - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	- Suy nghĩ tìm cách giải - $108: 2 = 54\text{km/h} = 15\text{m/s}$ - $112: 7 = 16\text{m/s}$ - Đổi 5 phút = 300 giây $4200: 300 = 14\text{m/s}$ - Xe có vận tốc lớn nhất là xe màu đen 16m/s (đáp án B) - HS lắng nghe
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

ĐẠO ĐỨC

Bài 7: PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số biểu hiện xâm hại.
- Biết vì sao phải phòng tránh xâm hại.
- Biết được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.
- Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác : Biết hợp tác với bạn trong hoạt động nhóm ; tự tin chia sẻ bài trước lớp.
- Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân thông qua việc biết phòng tránh xâm hại cho bản thân.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện qua việc biết quý trọng bản thân, biết phòng. tránh và chống lại các hành vi xâm hại trẻ em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK, SGV, Vở Bài tập Đạo đức 5.
- Powerpoint, Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên kết nối tiết học trước với tiết học sau để thu hút học sinh tập trung. Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS hát bài "5 ngón tay xinh" chiếu hình ảnh quy tắc 5 ngón tay.  Quy tắc “5 ngón tay xinh” nhắc nhở các em điều gì?	- HS hát, quan sát hình ảnh, trả lời nhanh. - HS nêu: Nhắc nhở em cách bảo vệ bản thân; phòng, tránh bị xâm hại. - HS lắng nghe

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV nhận xét, kết luận dẫn vào bài mới: Có nhiều cách để phòng, tránh xâm hại. Trong tiết học này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về các cách khác nhau để phòng, tránh xâm hại, bảo vệ bản thân an toàn trong cuộc sống. - Giáo viên ghi bảng	
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: HS nêu được một số cách phòng, tránh xâm hại trẻ em. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 4: Tìm hiểu một số cách phòng, tránh xâm hại trẻ em. <i>Nhiệm vụ 1: Nhận diện các nguy cơ bị xâm hại</i> * Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: - GV cho HS quan sát 4 bức tranh ở mục a trong SGK/50. - GV đưa câu hỏi: <i>Em hãy nêu tình huống có nguy cơ bị xâm hại trong các bức tranh và giải thích vì sao ?</i> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trao đổi ý kiến và chia sẻ trước lớp. 1 Để chú chờ cháu về nhé! Mình không biết chú ấy nhưng đi nhờ một đoạn chắc không sao! 2 Đi theo cô nhé! Thích quá! Mình không quen cô ấy mà vẫn được tặng quà. 3 Mở cửa cho chú vào nhà nhé! Mình không biết chú ấy. 4 Trời tối rồi mà đường vắng vẻ quá! – GV nhận xét tinh thần, thái độ, kết quả học tập của HS và Kết luận: Một số nguy cơ bị xâm hại: Tiếp xúc một mình với người lạ, đi một mình nơi tối tăm, vắng vẻ...	- HS làm việc cá nhân, quan sát tranh, suy nghĩ, viết câu trả lời vào nháp. - HS thảo luận nhóm đôi. - Đại diện các nhóm chia sẻ - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. + Tranh 1: bạn nữ không quen người đàn ông đó nhưng lại có ý định đi nhờ xe, có thể bị xâm hại về thể chất hoặc tình dục,... + Tranh 2: bạn nam có thể bị xâm hại vì bạn không quen người phụ nữ đó nhưng lại thích thú khi được tặng quà, một người không quen biết mà tặng quà cho bạn thì phần lớn là có mục đích xấu. + Tranh 3: nếu bạn nữ mở cửa cho người đàn ông lạ vào nhà thì sẽ có nguy cơ bị xâm hại về thể chất, tình dục.... + Tranh 4: bạn nam có nguy cơ bị xâm hại nếu gặp người xấu vì bạn đi một mình ở nơi tối tăm, vắng vẻ. - HS lắng nghe

Hoạt động của giáo viên

- GV đưa câu hỏi: *Hãy nêu thêm các tình huống có nguy cơ bị xâm hại khác mà em biết ?*
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trao đổi ý kiến.
- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét, kết luận:

Có nhiều nguy cơ bị xâm hại từ những người xa lạ, thậm chí từ những người quen thuộc xung quanh. Vì vậy, các em cần tỉnh táo nhận diện được những nguy cơ đó để phòng, tránh xâm hại.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách phòng, tránh bị xâm hại (8 phút)

* Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức tranh ở mục b trong SGK, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu cách phòng, tránh bị xâm hại trong các bức tranh ?*
- GV mời đại diện một vài nhóm trả lời câu hỏi.



Hoạt động của học sinh

- HS thảo luận nhóm 4
- Đại diện các nhóm trả lời, bổ sung ý kiến cho nhau: Một số nguy cơ bị xâm hại khác như đưa quá nhiều hình ảnh, thông tin của bản thân lên mạng xã hội; kết bạn, nói chuyện với những người không quen biết, tò mò truy cập vào những trang web có nội dung không lành mạnh; đi chơi với người mới quen trên mạng...

- HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi, ghi kết quả vào nháp để trả lời câu hỏi.

- Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
- + Tranh 1: việc bạn nữ từ chối không đi cùng người lạ có tác dụng phòng, tránh được những nguy cơ bị xâm hại.
- + Tranh 2: bạn nam đã biết từ chối nhận quà từ người phụ nữ mà bạn không quen, điều này giúp bạn tránh được những nguy cơ bị xâm hại.
- + Tranh 3: bạn nữ đã biết cách phòng tránh khi bạn kiên quyết không cho người lạ vào nhà vì việc ở nhà một mình mà có người lạ xin vào nhà có thể dẫn đến nguy cơ bị xâm hại.
- + Tranh 4: bạn nữ luôn đi cùng người thân những lúc phải đi bộ ở nơi vắng vẻ đã tránh được nguy cơ bị xâm hại.
- HS trả lời nhanh: Những cách khác để phòng, tránh bị xâm hại: không cho người khác chạm vào vùng nhạy cảm hay có những hành động ôm ấp, vuốt ve; không chạm vào vùng nhạy cảm của người khác; không nên tò mò về cơ thể người khác để tránh bị lợi dụng dụ dỗ hay vô tình kích thích thú tính của những kẻ xấu...

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả thảo luận của HS và tuyên dương. - GV nêu yêu cầu: Hãy nêu thêm cách phòng, tránh bị xâm hại khác mà em biết ? - GV gọi HS xung phong trả lời. - GV nhận xét, tuyên dương <i>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu cách ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại (9 phút)</i> - GV tổ chức cho HS quan sát 4 bức tranh ở mục c. trong SGK/52 - GV yêu cầu HS lần lượt nêu lại các tình huống trong tranh. - GV giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập nhóm: Câu 1: <i>Em hãy nêu cách ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại trong các bức tranh trên?</i> Câu 2: <i>Ngoài ra, còn có cách ứng phó nào khác khi có cơ bị xâm hại?</i> - GV mời đại diện các nhóm chia sẻ - GV nhận xét, tuyên dương HS. - GV nhận xét, kết luận: Để phòng, tránh xâm hại, các em cần: hạn chế tiếp xúc với người lạ; khi có nguy cơ bị xâm hại, cần phản đối và tìm cách thoát	- HS quan sát tranh. - HS mô tả nội dung từng bức tranh - HS thảo luận nhóm đôi ghi kết quả vào phiếu học tập. - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. + Tranh 1: bạn nam thấy người đàn ông đó có vẻ nguy hiểm nên bạn đã vội vã tránh xa để tránh được nguy cơ bị xâm hại. + Tranh 2: bạn nữ đã vừa chạy vừa hô to để kêu cứu, gây sự chú ý cho mọi người để tránh bị xâm hại. + Tranh 3: bạn nữ đã chia sẻ với cô giáo, nhờ có giúp đỡ khi bị mẹ mắng vô cớ, việc làm này giúp bạn giảm thiểu việc bị xâm hại về tinh thần. + Tranh 4: bạn nữ đã cùng mẹ đến trung tâm tư vấn tâm lý khi bị các bạn cô lập, xa lánh, việc làm này giúp bạn tránh được nguy cơ bị tổn thương tâm lí. - Những cách ứng phó khác khi có nguy cơ bị xâm hại: tìm cách chạy trốn khi bị xâm hại ghi nhớ số điện thoại của cha mẹ, số điện thoại khẩn cấp để sử dụng trong trường hợp nguy hiểm; báo ngay cho người thân khi bị đe dọa; không quá tỏ ra sợ hãi, lo lắng khi bị đe dọa hoặc làm tổn thương.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh								
ra rồi kể lại cho người thân hoặc người có trách nhiệm.									
Chốt kiến thức (5 phút) - GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ, trình bày tóm tắt 4 ý cơ bản trong hoạt động Khám phá. - GV chiếu sơ đồ, chốt những ý cơ bản.									
<table><tr><th>Biểu hiện xâm hại trẻ em</th><th>Hậu quả</th><th>Quy định của pháp luật</th><th>Cách phòng, tránh xâm hại</th></tr><tr><td> • Xâm hại thể chất. • Xâm hại tinh thần. • Bỏ mặc, xao nhãng. </td><td> • Gây tổn hại về sức khỏe và tinh thần. • Giảm khả năng hoà nhập. • Ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em và xã hội. </td><td> • Tùy theo mức độ, tính chất và hậu quả, người xâm hại trẻ em có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. • Phòng, tránh xâm hại trẻ em là trách nhiệm của toàn xã hội. </td><td> • Phản đối quyết liệt. • Tìm cách thoát ra thật nhanh. • Kể lại với người thân hoặc người có trách nhiệm. </td></tr></table>	Biểu hiện xâm hại trẻ em	Hậu quả	Quy định của pháp luật	Cách phòng, tránh xâm hại	• Xâm hại thể chất. • Xâm hại tinh thần. • Bỏ mặc, xao nhãng.	• Gây tổn hại về sức khỏe và tinh thần. • Giảm khả năng hoà nhập. • Ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em và xã hội.	• Tùy theo mức độ, tính chất và hậu quả, người xâm hại trẻ em có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. • Phòng, tránh xâm hại trẻ em là trách nhiệm của toàn xã hội.	• Phản đối quyết liệt. • Tìm cách thoát ra thật nhanh. • Kể lại với người thân hoặc người có trách nhiệm.	
Biểu hiện xâm hại trẻ em	Hậu quả	Quy định của pháp luật	Cách phòng, tránh xâm hại						
• Xâm hại thể chất. • Xâm hại tinh thần. • Bỏ mặc, xao nhãng.	• Gây tổn hại về sức khỏe và tinh thần. • Giảm khả năng hoà nhập. • Ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em và xã hội.	• Tùy theo mức độ, tính chất và hậu quả, người xâm hại trẻ em có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. • Phòng, tránh xâm hại trẻ em là trách nhiệm của toàn xã hội.	• Phản đối quyết liệt. • Tìm cách thoát ra thật nhanh. • Kể lại với người thân hoặc người có trách nhiệm.						
Đọc thông điệp (1 phút) GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc và chia sẻ ý nghĩa của thông điệp. Để phòng, tránh xâm hại Em hãy nhớ điều này Nói không và bỏ chạy Kể cho người lớn ngay.									
3. Củng cố, dặn dò (1 phút). - Dặn HS: Đọc và chuẩn bị các bài tập 3, 4, 5/ SGK (54, 55, 56)									

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Tác giả bài Quốc tế ca

1. Năng lực đặc thù:

- 2. Năng lực chung:**

- ### 3. Phẩm chất:

- ## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Giáo án.

2. Học sinh: Vở rèn chữ.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HỌC SINH
------------------	----------

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. Khởi động: - GV tổ chức cho HS hát - GV giới thiệu bài. 2. Luyện tập: Hoạt động: Viết theo mẫu. - GV hướng dẫn học sinh cách viết, tư thế viết sao cho đúng, đúng cỡ chữ và sạch.	- HS thực hiện. - HS lắng nghe và ghi tên bài. - HS lắng nghe và thực hiện vào vở Tháng 3-1871, Pô-chi-ê tham gia Công xã Pa-ri. ông đã sáng tác bài thơ Quốc tế ca. Bài thơ được nhạc sĩ Pi-e Đơ-gây-tê phổ nhạc năm 1888, nhanh chóng truyền đi khắp nơi và trở thành bài ca của giai cấp công nhân thế giới. Vùng lên, hỡi các nô lệ ở thế gian ! Vùng lên, hỡi ai cực khổ, bần hàn ! Theo Phạm Hải Lê Châu
- Gv quan sát, giúp đỡ, HS gặp khó khăn. - GV nhận xét một số bài. 3. Vận dụng trải nghiệm: - Nhận xét tiết học . - Xem lại bài. Rèn luyện thêm.	- HS rèn chữ. - Hs lắng nghe

Thứ năm, ngày 27 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Tiết 3: VIẾT

Bài: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, một hiện tượng.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng đóng vai nhân vật để thực hiện bài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong đóng vai nhân vật.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: biết đoàn kết, nhân ái và giúp đỡ nhau thi đóng vai nhân vật và thảo luận nhóm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng đã học ở tiết trước. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới	- 1 HS nhắc lại cách . - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, một hiện tượng.. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:	

Đề 1: Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc lập Câu lạc bộ Đọc sách. Đề 2: Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc phát triển hoạt động thể dục, thể thao trong nhà trường. - GV mời HS đọc - GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ 2 đoạn văn và trả lời: 1. Chuẩn bị. - Chọn sự việc, hiện tượng mà em muốn nêu ý kiến tán thành. - Tìm kiếm thông tin có liên quan đến sự việc, hiện tượng mà em muốn nêu ý kiến. - GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương	- 2 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời: - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, một hiện tượng. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
2. Tìm ý Mở đầu: Giới thiệu sự việc, hiện tượng mà em muốn nêu ý kiến tán thành. Nêu rõ ý kiến tán thành của em. Triển khai: - Trình bày những lí do khiến em tán thành sự việc, hiện tượng được nói tới (ví dụ: những tác động tích cực hoặc ý nghĩa của sự việc, hiện tượng.... đối với cộng đồng). - Lựa chọn những dẫn chứng để chứng minh ý kiến của em là đúng. Kết thúc: Khẳng định lại ý kiến của em (ví dụ: nhắc lại ý kiến tán thành) hoặc nêu ý nghĩa của sự việc, hiện tượng đối với bản thân và cộng đồng. - GV mời cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và đưa ra kí kiến của mình. - GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). - GV mời HS đọc ghi nhớ.	- 1 HS đọc yêu cầu 2. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả: Mở đầu: Trường em sắp thành lập Câu lạc bộ Đọc sách, em hoàn toàn tán thành với kế hoạch này. Triển khai: + Lí do thứ nhất vì các bạn học sinh hiện nay không có thói quen đọc sách nhiều. Các bạn trong lớp của em hầu như đều nói, thời gian rảnh sẽ dành cho xem tivi, điện thoại và chơi trò chơi điện tử. Hầu như các bạn không hứng thú với việc cầm một cuốn sách để đọc và nghiền ngẫm. + Lí do thứ hai vì tri thức trong sách có rất nhiều, con người phải đọc sách thì mới có thể học và biết thêm được. Đó cũng là lí do vì sao nên mua sách xuất bản thay vì

3. Góp ý và chỉnh sửa. – Việc lựa chọn lí do và dẫn chứng có phù hợp không? – Các ý có được sắp xếp hợp lí không?	sách in, sách trên mạng. Các thông tin xuất bản được chứng thực và đảm bảo tính đúng đắn hơn là các nội dung trôi nổi trên in-tơ-nét. Đọc kiến thức đúng giúp con người hiểu đúng, biết nhiều hơn. + Lí do thứ ba vì từ đọc sách, sẽ có thêm nhiều câu chuyện, nhiều chủ đề thảo luận, nói chuyện cho các bạn học sinh. Thay vì các chủ đề phiếm, những nội dung dù vui nhưng không lịch sự, thiếu văn hoá vẫn dễ lan truyền trong cộng đồng người trẻ tuổi – sách sẽ mang lại nhiều nội dung để chia sẻ, lan toả cho nhau ý nghĩa hơn. Kết thúc: Em thấy việc thành lập Câu lạc bộ Đọc sách là hợp lí, mang lại nhiều chuyển biến tích cực cho học sinh trong trường. Hi vọng câu lạc bộ Đọc sách sẽ sớm được thành lập trong thời gian gần đây. - HS lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: - GV nêu câu hỏi: Trình bày những lợi ích của việc đọc sách và nêu các lý do e tán thành với việc đó. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe - HS tham gia . - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN

Bài 60: QUÃNG ĐƯỜNG, THỜI GIAN CỦA MỘT CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được quãng đường khi biết vận tốc và thời gian trong một chuyển động đều.
- Tìm được thời gian khi biết quãng đường và vận tốc trong một chuyển động đều.
- Giải quyết được các bài toán thực tế liên quan đến tìm quãng đường, thời gian trong một chuyển động đều.
- Học sinh có cơ hội phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thực hiện được các thao tác tư duy, đặc biệt biết quan sát, giải thích được sự tương đồng và khác biệt trong nhiều tình huống và thể hiện được kết quả của việc quan sát.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề cần giải quyết, sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích để giải quyết vấn đề và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

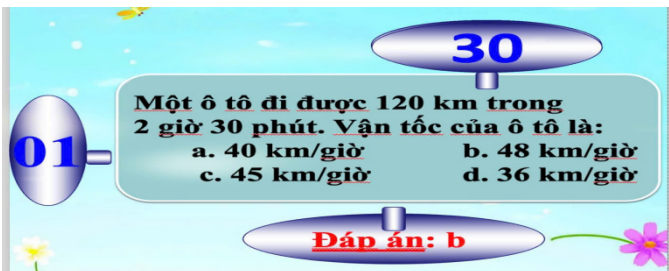
3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: - GV tổ chức cho hs chơi TC: Ai nhanh – ai đúng. - GV trình chiếu câu hỏi – Hs ghi đáp án bảng con. Hết 30 giây hs giơ bảng, bạn nào có đáp án đúng sẽ được 1 điểm đánh dấu (✓) vào góc bảng. Câu 1: Một ô tô đi được 120 km trong 2 giờ 30 phút. Vận tốc của ô tô là: a. 40 km/giờ b. 48 km/giờ	

c. 45 km/giờ

d. 36 km/giờ

Câu 2: Một ô tô khởi hành từ A lúc 7 giờ 30 phút và đến B

lúc 10 giờ 15 phút. Tính vận tốc của ô tô biết quãng đường AB dài 154 km.

a. 56 km/giờ

b. 60 km/giờ

c. 58 km/giờ

d. 62 km/giờ

Câu 3: $s = 900$ km; $t = 1,25$ giờ; $v = ?$

a. 72 km/h

b. 730 km/h

c. 720,5 km/h

d. 720 km/h

+ Muốn tính vận tốc ta làm thế nào?

+Nêu công thức tính vận tốc?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.

02

Một ô tô khởi hành từ A lúc 7 giờ 30 phút và đến B lúc 10 giờ 15 phút. Tính vận tốc của ô tô biết quãng đường AB dài 154 km.

A. 56 km/giờ C. 60 km/giờ
B. 58 km/giờ D. 62 km/giờ

Đáp án: A

03

$S = 900$ km; $t = 1,25$ giờ; $v = ?$

a. 72 km/h b. 730 km/h
c. 720,5 km/h d. 720 km/h

Đáp án: d

- 2 HS TL. Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian.

$V = s : t$

- HS lắng nghe.

2. Khám phá.

- Mục tiêu: Bước đầu hình thành kiến thức tính quãng đường.

GTB: Ở tiết học trước các con đã biết được cách tính vận tốc của một chuyển động. Tiết học này cô trò mình cùng khám phá thêm 1 đơn vị kiến thức về chuyển động đều nhé qua tình huống sau:

GV giới thiệu tình huống (vừa nói vừa trình chiếu PP): Nam, Mai và Rô-bốt đang trên chuyến xe đi tham quan. Các bạn ấy đang nói chuyện về thời gian, vận tốc và quãng đường. GV cho HS đọc lần lượt lời thoại của Nam, Mai và Rô-bốt.

GV chuyển ý, GTB: *Vậy các bạn cần đi bao nhiêu Km nữa để được ăn cơm? Đây chính là nội dung kiến thức mà cô trò mình cùng khám phá trong tiết học toán ngày hôm nay đấy các con ạ!*

+ Bài toán trên cho ta những gì?

+ Bài toán hỏi gì?

+ 65km/h cho chúng ta biết điều gì?

GV: Cho hs thảo luận nhóm 2 để giải quyết tình huống này.

- Hs lắng nghe mắt dời lên màn hình.

Mời 3 hs đóng vai, nói theo lời nhân vật trong tình huống

- HS lắng nghe giáo viên

-Xe đi 65km/h; xe chạy 2 giờ nữa là đến địa điểm ăn cơm.

- Bài toán hỏi: Quãng đường xe chạy trong 2 giờ.

- Một giờ xe chạy được 65km

- GV nhận xét kết quả làm bài của các nhóm. + Dựa vào cách tìm kết quả vừa rồi, các con hãy cho cô biết: Muốn tính quãng đường khi biết vận tốc và thời gian ta làm thế nào? - Gọi 3 – 5 hs nhắc lại + Vận tốc được kí hiệu là V; thời gian được kí hiệu là T; Quãng đường kí hiệu là S. Bạn nào có thể nêu công thức tính Q? + Đó chính là quy tắc tính quãng đường; mời 1 bạn đọc lại quy tắc này trong sgk trang 78	- HS thảo luận nhóm 2 (3 phút) Đại diện 2-3 nhóm trình bày. Các nhóm khác lắng nghe và đặt câu hỏi phản biện. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - Muốn tính quãng đường khi biết vận tốc và thời gian ta lấy vận tốc nhân với thời gian - Công thức tính quãng đường: $S = v \times t$ - 3 HS ghi nhớ SGK trang 78.
Chuyển ý: Qua hoạt động vừa rồi các con đã biết được cách tính quãng đường của 1 chuyển động, để vận dụng và khắc sâu hơn nữa cô cùng các con chuyển sang phần HĐ. Ở phần HĐ này các con vận dụng kiến thức để giải quyết 3 bài tập.	
3. Hoạt động. - Mục tiêu: + Học sinh biết vận dụng kiến thức để tính quãng đường. - Cách tiến hành:	
3.1. Bài 1. *Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức để tính quãng đường. *Cách tiến hành: - GV yêu cầu HS đọc bài + Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? HS làm bài cá nhân + Trong 4 giờ chiếc tàu đi được bao nhiêu m? (gọi 1 bạn lên cho lớp chia sẻ)	- 1 hs đọc, lớp đọc thầm cá nhân - Quãng đường đi của chiếc tàu trong 4 giờ. Quãng đường đi của chiếc tàu trong 4 giờ là: $38,7 \times 4 = 154,8 \text{ (km)}$ Đáp số: 154.8 km Hs lớp đặt câu hỏi để phản biện: -Bạn hãy nêu cách làm của mình? -Bạn làm rất tốt nhưng nếu tớ trình bày như này có được không? $4 \times 38,7 = 145.8\text{km}$ - Bạn hãy nêu lại quy tắc tính quãng đường?
3.2. Bài 2 *Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức để tính quãng đường. *Cách tiến hành: - GV yêu cầu HS đọc bài	-hs đọc, lớp đọc thầm cá nhân Chú chim cất bay với $v = 109\text{m/s}$

+ Bài toán cho biết gì? + Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì? như thế nào? HS thảo luận nhóm đôi để giải quyết yêu cầu của bài tập này. -GV gọi 1 số nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm . - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. Bài 3: Dịp nghỉ lễ, chú Luân bắt đầu lái xe máy về quê lúc 7 giờ sáng. Chú ấy về đến nhà lúc 10 giờ sáng. Hỏi quãng đường về quê dài bao nhiêu ki -lô -mét biết rằng vận tốc trung bình là 50km/h. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu. - GV mời HS trả lời. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.	thời gian bay: 15 giây -Chú chim cất có thể bay được hơn 1km hay không? HS thảo luận nhóm2 NHóm trình bày: -Nhóm em sẽ tìm quãng đường ong bay trong 15 giây - Đổi quãng đường đó về km. -Kết luận theo yc của bài toán. Bài giải: Quãng đường chim cất bay trong 15 giây là: $109 \times 15 = 1635(m)$ Đổi : $1635m = 1,635km$ Vậy chim cất có thể bay hơn 1km - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc cá nhân. - HS trả lời: Thời gian chú Luân đi hết quãng đường về quê là: $10 - 7 = 3 \text{ (giờ)}$ Quãng đường về quê của chú Luân dài là: $50 \times 3 = 150 \text{ (km)}$ Đáp số: 150km
4. Vận dụng trải nghiệm. Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: GV Tổ chức lớp chơi Tc: Tia chớp. GV nêu cách thức chơi: Sau khi câu hỏi cô đưa ra, các con đọc và tìm ra được lời giải/đáp số ghi nhanh vào bảng con, nếu bạn nào có kết quả đúng, nhanh và trình bày được bài làm của mình khi có câu hỏi phản biện của lớp thì người đó sẽ thắng cuộc. Mỗi câu trả lời đúng các	
	- cả lớp lắng nghe.

con sẽ được nhận 1 sao vào quỹ điểm của mình. Ở trò chơi nay cô có 3 câu hỏi:

Câu 1: Một xe máy đi trong 4 giờ với vận tốc 40 km/giờ thì đi được quãng đường dài bao nhiêu ki-lô-mét?

GV gọi 1 hs đọc câu hỏi.

HS làm bài

-Hết thời gian giáo viên bấm chuông

Đáp án: 160km

GV hỏi: Con hãy nêu cách làm của mình?

Câu 2: Một người đạp xe một vòng quanh hồ với vận tốc 9 km/giờ thì hết 10 phút. Tính quãng đường mà người đó đã đi.

GV gọi 1 hs đọc câu hỏi.

HS làm bài

-Hết thời gian giáo viên bấm chuông

Đáp án: 1,5 km

GV hỏi: Con hãy trình bày bài làm của mình được không? 2- 3hs trình bày

Câu 3: Lúc 6 giờ 30 phút, bạn Dũng đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 12km/giờ. Tính quãng đường AB biết Dũng đến B lúc 8 giờ 30 phút.

GV gọi 1 hs đọc câu hỏi.

HS làm bài

-Hết thời gian giáo viên bấm chuông

Đáp án: 24 km

GV hỏi: Con hãy trình bày bài làm của mình được không? 2- 3hs trình bày

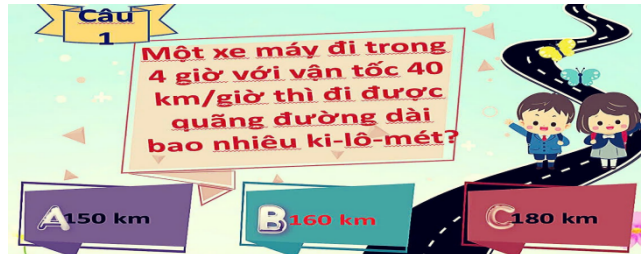
- GV nhận xét tiết học.

- Dặn dò bài về nhà.

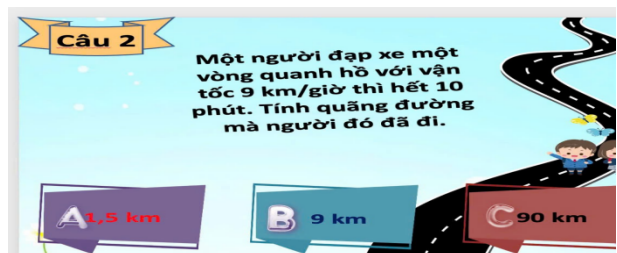
- Cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS ghi đáp án vào bảng:



-HS: Con lấy vận tốc nhân với thời gian:
 $40 \times 4 = 160(\text{km})$



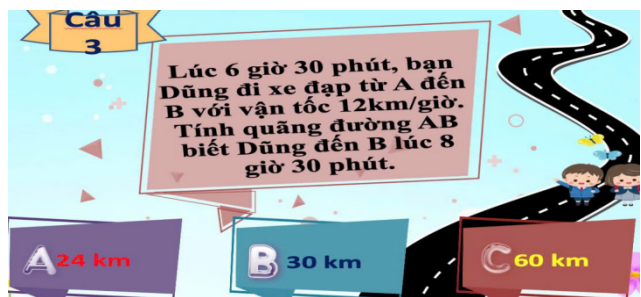
HS giờ kết quả

Cách 1: Quãng đường người đó đi là:

$$9 : 60 \times 10 = 1,5\text{km}$$

Cách 2: Quãng đường người đó đi là:

$$9 \times 10 : 60 = 1,5\text{km}$$



- Cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS ghi đáp án vào bảng:

- trước tiên con đi tìm thời gian đi hết quãng đường lấy $8 \text{ giờ } 30 - 6 \text{ giờ } 30 = 2 \text{ giờ}$

	Sau đó con tìm quãng đường Dũng đi: $12 \times 2 = 24 \text{ km}$
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

BÀI 26: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1.Năng lực đặc thù:

Trình bày được những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu về những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh nêu được một số tình huống những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Xác định và trao đổi về những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và nêu được một số cách phòng tránh ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học để phòng tránh ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết bảo vệ bản thân trước nguy cơ bị xâm hại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Cũng có một số biểu hiện về cảm giác an toàn, tình huống an toàn và quyền được an toàn của cá nhân. - Cách tiến hành:	
-GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi: “Tìm đường an toàn về nhà.” - Phổ biến luật chơi để về nhà an toàn, các đội cần phải vượt qua 3 trạm. Mỗi câu hỏi tương ứng với một trạm đội trả lời đúng và nhanh được tiến 2 bước; trả lời đúng tiến một bước; trả lời sai đứng tại chỗ. <i>Câu 1:</i> Khi có cảm giác an toàn chúng ta thường cảm thấy thế nào? A. Cảm thấy vui vẻ , thoải mái, không sợ hãi.. B. Lo lắng, tức giận, sợ hãi	- Hs chơi trò chơi“Tìm đường an toàn về nhà.” + Đáp án A.

Câu 2: Hiến pháp Việt Nam quy định: Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe....Thuộc điều:

+ Đáp án A.

A. 20,37 Hiến pháp Việt Nam 3013

B. 21,27 Hiến pháp Việt Nam 3013

Câu 3: Khi có người làm ra vẻ vô tình đụng chạm vào cơ thể hoặc các bộ phận kín của bạn, bạn nên:

+ Đáp án B.

A. Mặc kệ bỏ qua

B. Nhìn thẳng vào kẻ đó và nói to hoặc hét lên một cách kiên quyết: không được, dừng lại, có thể kêu cứu nếu cần thiết.

- Nhận xét , dẫn dắt vào bài: Trong những tình huống không an toàn có thể dẫn đến nguy cơ bị xâm hại tình dục. Đó là những tình huống nào chúng ta tìm hiểu ở tiết 2 của bài hôm nay.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Xác định được những tình huống có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục

+ Nêu được những việc làm để phòng tránh và ứng phó có nguy cơ bị xâm hại tình dục.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1: Xác định được những tình huống có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục .

- GV yêu cầu hs làm việc cặp đôi, quan sát kỹ nội dung từng hình từ 5-8 trong SGK. Và cho biết:

+ Những nguy cơ nào có thể dẫn đến bị xâm hại tình dục. Vì sao?

- Tổ chức cho học sinh chia sẻ trước lớp.

- Hs thảo luận theo cặp

- Đại diện trình bày:

+ Hình 5: Bạn ở nhà một mình, nếu bạn cho chú vào nhà mượn đồ, bạn có thể bất an, lo lắng từ khi chú vào nhà đến khi chú ra khỏi nhà. Trường hợp xấu hơn có thể bị xâm hại thân thể như đánh đập, tình dục...

+ Hình 6: Bạn đã từng đi về nhà một mình và đã bày tỏ với mẹ không muốn như vậy. Điều này cho thấy sự lo lắng, bất an và không muốn điều đó lặp lại. Có thể trên đường về nhà, bạn đã từng gặp những tình huống không an toàn. Nên dù chưa có tình huống nào xảy ra



Hình 5



Hình 6



Hình 7



Hình 8

- Yêu cầu học sinh bổ sung thêm những nguy cơ có thể dẫn đến bị xâm hại tình dục? - Gv nhận xét, bổ sung, nhắc học sinh không ở một mình nơi vắng vẻ với “người lạ” người khác giới. Vì rất dễ bị xâm hại đặc biệt là xâm hại tình dục. Các em cần làm gì khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục chúng ta chuyển sang hoạt động tiếp theo. Hoạt động khám phá 2: Những việc làm để phòng tránh và ứng phó có nguy cơ bị xâm hại tình dục. - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm từ những tình huống ở hình 5 đến hình 8. + Nêu những việc làm để phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục?	nhưng bạn cảm thấy không an toàn khi đi một mình... + Hình 7: Bạn đi tham quan cắm trại ở nơi hoang vu vắng vẻ, không có người. Bạn đi vào nhà vệ sinh một mình mà có người lạ với thái độ không thân thiện, rất khả nghi đi theo sau bạn, bạn có thể bị bắt cóc, đe dọa, đánh đập.. + Hình 8: Xung quanh không có người nào, nếu bạn bê đồ vào nhà cùng bác trai sẽ không ai biết bạn vào nhà bác. Nếu bạn bê đồ vào trong nhà cùng bác thì chỉ có một mình bạn với bác trai không phải là người ruột thịt. + Ăn mặc hở hang, tiếp xúc quá thân mật với người khác giới không phải là người thân ruột thịt..... - HS hoạt động nhóm - Đại diện nhóm trình bày: Học sinh chia sẻ cùng nhau nêu được một số việc ở mỗi tình huống như: + Hình 5: Khi ở nhà một mình không cho người lạ vào nhà với bất kỳ lý do gì ;trong một số trường hợp cần hỏi ý kiến bố mẹ trước khi cho người lạ vào nhà... + Hình 6 : Không đi một mình từ nhà đến trường và từ trường về nhà đi cùng nhóm bạn hoặc sử dụng phương tiện đưa đón của nhà trường. Nói với bố mẹ nhờ người tin cậy đưa đón...
--	---



+Hình 7: Không đi một mình ở nơi vắng vẻ, không có người. Khi đến nơi lạ cần đi theo nhóm bạn...

+Hình 8: Không vào nhà hàng xóm mà chưa xin phép/ thông báo trước với bố mẹ, người thân, không ở một mình với người lạ; cần quan sát xung quanh và nhờ người giúp đỡ nói bác trai chờ một chút để thông báo với bố mẹ, người thân trước khi bê đồ cùng bác vào nhà...

- GV khen ngợi, khích lệ các nhóm học sinh đã sáng tạo khi nêu được những việc làm phù hợp để phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại tình dục.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ củng cố những hiểu biết của HS về nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.

+ Rèn luyện kỹ năng ứng phó trong một số tình huống có nguy cơ bị xâm hại.

- Cách tiến hành:

- Yêu cầu HS nêu những tình huống có nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục mà em biết.

- GV ghi lại những tình huống có nguy cơ. GV viên có thể chia sẻ thêm (Những tình huống thực tế hàng ngày có thể diễn ra)

- Yêu cầu học sinh lựa chọn tình huống ở hoạt động 1 đóng vai theo nhóm.

- Hs chia sẻ cá nhân

+ Không đi một mình ở nơi tối tăm, vắng vẻ. Không ở trong phòng một mình với người lạ. Không nhận được tiền, quà có giá trị hoặc sự chăm sóc đặc biệt của người khác mà không rõ lý do...

- Hs đóng vai theo nhóm thể hiện sự ứng phó của mình để đảm bảo an toàn

- Nhận xét, tuyên dương, dặn dò học sinh nhận diện một số nguy cơ và cách phòng tránh bị xâm hại.	
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn nêu được những việc làm tránh bị xâm hại tình dục ,bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ những tình huống có nguy cơ bị xâm hại tình dục, cách ứng phó có thể xảy ra khi đi học, đi chơi hoặc ở nhà. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ + Ở nhà: Khi ở nhà một mình, không cho người lạ vào nhà... + Ở trường: Không cho bạn chạm vào vùng bikini... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

CÔNG NGHỆ
Bài 8: MÔ HÌNH MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Nêu được cách lắp máy phát điện gió.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu về cách lắp mô hình máy phát điện gió.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được một số sản phẩm mô hình máy phát điện gió và vai trò của nó ngoài sách giáo khoa.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và trao đổi với bạn và mọi người về cách lắp mô hình và vai trò của máy phát điện gió trong đời sống. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học lắp ghép được mô hình máy phát điện gió.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích các sản phẩm máy phát điện gió.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

-GV: Bài soạn, SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

-HS: SGK, vở, mô hình, tranh ảnh về sản phẩm máy phát điện gió

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS chơi trò chơi “Ai nhanh và đúng hơn” chọn chi tiết và nêu tên gọi và chọn các chi tiết, dụng cụ lắp ghép mô hình năng lượng điện gió + GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động theo nhóm chọn và nêu tên gọi các dụng cụ, chi tiết lắp mô hình máy phát điện gió. - GV mời một số nhóm trình bày - GV nhận xét, trao thưởng cho nhóm thắng cuộc và dẫn dắt vào bài mới:	- Cả lớp hoạt động nhóm - HS1: nêu tên gọi các bộ phận? - HS2: nêu tên và số lượng các chi tiết? - HS trả lời: + cánh quạt máy phát điện dây, trụ - khung giá đỡ, bóng đèn hay thiết bị dùng điện.

Để biết các bạn tìm hiểu cách dùng và lắp mô hình như thế nào đúng không. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Mô hình máy phát điện gió tiết 3 Lắp ghép mô hình máy phát điện gió”.	+ tấm lớn, tấm chữ L 7 lỗ, 2 cỡ, cle, tua vít, quạt, máy phát điện, dây ,bóng đèn led - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Học sinh trình bày được cách lắp ghép mô hình máy phát điện gió. - Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá . - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong hình 4,5,6- trang 41,42,43 và cho biết tên và cách lắp các bộ phận của mô hình máy phát điện gió rồi điền phiếu - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, thống nhất đáp án, tuyên dương.	- HS quan sát tranh thảo luận và điền phiếu . - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận: 1. Chọn các chi tiết 2. Lắp khung trụ đỡ 3. lắp quạt ,mô tơ và dây dẫn đèn led 4, Ghép đèn và quạt lên khung trụ giá đỡ ở bước 2
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức về lắp mô hình máy phát điện gió. + Vận dụng nhận biết chức năng khác nhau của các bộ phận mô hình máy phát điện gió. - Cách tiến hành:	
Hoạt động trò chơi: “Ai nhanh và đúng hơn” - GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm , Gvtheo dõi hỗ trợ - nếu cần + Nêu các bước lắp ghép và thực hiện lắp ghép theo các bước? - GV mời đại diện các nhóm thực hành lắp ghép, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: Các con rất giỏi đã chọn và lắp ghép được mô hình máy phát điện gió.	- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện. - Các nhóm thảo luận và tiến hành lắp ghép - Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm.	

- Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, vận dụng sử dụng năng lượng xanh sạch để bảo vệ môi trường + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV cho học sinh quan sát mô hình của nhóm mình GVmời HS chia sẻ về một số ứng dụng vận dụng gió đem lại lợi ích cho cuộc sống từ mô hình vừa lắp ráp. - Liên hệ thử tưởng tượng mô hình tạo máy phát điện gió lắp ghép cần có những yêu cầu gì... */Tìm hiểu học hỏi và vận dụng sử dụng nhiều từ nguồn năng lượng gió để bảo vệ môi trường - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà chuẩn bị tiết 4 lắp ghép tạo mô hình máy phát điện gió và đánh giá sản phẩm .	- Học sinh tham gia chia sẻ về một số vận dụng gió vào đời sống của gia đình em ở nhà, hoặc em biết, giải thích lợi ích của việc làm đó trước lớp. + Vận dụng sức gió để chạy tạo điện thắp sáng hạt chạy quạt khi mất điện, tiết kiệm được tiền của lại bảo vệ không làm ô nhiễm môi trường - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

STEM
HỘP ĐỰNG BÚT ĐA NĂNG (4 TIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ.
- Giải quyết được một số vấn đề về đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học.
- Thiết kế và làm được hộp đựng bút đa năng từ các vật liệu được cung cấp và chuẩn bị thêm.
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian quy định.
- Nêu được cách thức giải quyết vấn đề trong quá trình thiết kế và chế tạo sản phẩm sao cho đạt các tiêu chí đề ra.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Chuẩn bị của GV

- Các phiếu học tập, phiếu đánh giá:
 - + Phiếu học tập số 1. Tìm hiểu về hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ (theo nhóm HS).
 - + Phiếu học tập số 2. Lên ý tưởng, thiết kế chi tiết và chế tạo sản phẩm (theo nhóm HS).
 - + Phiếu học tập số 3. Phiếu kiểm tra tiêu chí sản phẩm (theo nhóm HS).
 - + Phiếu đánh giá (dành cho GV).
- Dụng cụ và vật liệu được chuẩn bị cho mỗi nhóm 5 – 6 HS như bảng dưới.

Vật liệu / dụng cụ	Số lượng	Hình ảnh minh họa
Giấy bìa nhiều màu khổ A4	3 tờ	

2. Chuẩn bị của HS

Mỗi nhóm 5 – 6 HS cần chuẩn bị thêm các dụng cụ theo bảng dưới:

TT	Vật liệu / dụng cụ	Số lượng	Hình ảnh minh họa
1	Bộ đồ dùng học tập STEM: bộ ê ke, bút chì, kéo, compa, bút màu, băng dính giấy, keo khô, súng bắn keo và keo nến.	1 bộ	
2	Bìa các-tông	2 tấm	

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

1. Hoạt động 1. Mở đầu (Xác định vấn đề) (10 phút)

Mục tiêu

- HS nhận biết được các sản phẩm công nghệ được tạo ra bằng cách lắp ghép các hình cơ bản.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ làm hộp đựng bút đa năng với các yêu cầu cụ thể.

Tổ chức hoạt động

a) Khởi động

- HS đọc **câu chuyện STEM** về công nghệ sản xuất lồng đèn lắp ghép và trả lời các câu hỏi trang 46 SHS.

Đáp án câu hỏi:

- + Lồng đèn trong hình 1 có hình lập phương, được lắp ghép từ 5 mảnh hình vuông.
- + 4 mảnh hình vuông có hoa tiết trang trí được xếp vuông góc với nhau thành 4 mặt xung quanh lồng đèn và được cố định bằng keo lên mảnh hình vuông còn lại (đáy của lồng đèn). Mặt trên của lồng đèn để trống.

b) Giao nhiệm vụ

- GV giới thiệu một số sản phẩm công nghệ khác cũng được tạo ra bằng cách lắp ghép từ các hình cơ bản như nhà, tủ quần áo,...
- 1, 2 HS đề xuất các vật dụng mà HS có thể chế tạo bằng cách lắp ghép các hình cơ bản.
- HS đọc to các yêu cầu của sản phẩm *Hộp đựng bút đa năng* trong **Thử thách STEM**.
- GV đặt câu hỏi gợi ý để giúp HS nhận ra cần tìm hiểu kiến thức, thao tác kỹ thuật gì để có thể hoàn thành thử thách. (*Đáp án: cần tìm hiểu kiến thức về hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và kỹ thuật ghép các hình cơ bản để tạo thành các hình khối này.*)

2. Hoạt động 2. Kiến thức STEM (Nghiên cứu kiến thức nền) (70 phút)

Mục tiêu

- HS nhận biết được hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ.
- HS làm quen và luyện tập với kỹ thuật tạo hình trụ từ giấy bìa và bìa các-tông.

Tổ chức hoạt động

a) Tìm hiểu về hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ (60 phút)

- 1, 2 HS nêu ví dụ các vật dụng được làm từ hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ.
- GV dùng ứng dụng GeoGebra (<https://www.geogebra.org/>) cho HS quan sát hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ.
 - + Hình khai triển của hình lập phương, hình khai triển của hình hộp chữ nhật: <https://www.geogebra.org/m/vytxvjte>
 - + Hình khai triển của hình trụ: <https://www.geogebra.org/m/JsHykA67>
- HS lần lượt quan sát các hình khối và trả lời câu hỏi:
 - + Hình lập phương/hình hộp chữ nhật/hình trụ được ghép từ bao nhiêu hình cơ bản? Đó là những hình cơ bản nào?
 - + Mỗi hình cơ bản được đặt ở đâu để ghép lại thành các hình lập phương/hình hộp chữ nhật/ hình trụ?
 - + Làm cách nào để tăng chiều cao/chiều dài/chiều rộng của hình lập phương/hình hộp

chữ nhật/hình trụ?

– GV nhận xét câu trả lời của HS và công bố đáp án:

+ Hình lập phương được ghép từ 6 hình vuông có kích thước bằng nhau. Trong đó, 2 hình vuông được đặt ở mặt trên và mặt đáy, 2 hình vuông được đặt ở mặt trước và mặt sau, 2 hình vuông còn lại được đặt ở 2 mặt bên. Để tăng chiều cao/chiều dài/chiều rộng của hình lập phương, cần phải tăng kích thước cạnh của tất cả các hình vuông ghép nên hình lập phương đó.

+ Hình hộp chữ nhật được ghép từ 6 hình chữ nhật. Trong đó, 2 hình chữ nhật được đặt ở mặt trên và mặt đáy, 2 hình chữ nhật được đặt ở mặt trước và mặt sau, 2 hình chữ nhật còn lại được đặt ở 2 mặt bên. Để tăng chiều cao hình hộp chữ nhật, cần tăng kích thước của các hình chữ nhật tạo thành mặt trước, mặt sau và 2 mặt bên của hình hộp chữ nhật đó. Để tăng chiều dài hình hộp chữ nhật, cần tăng kích thước của các hình chữ nhật tạo thành mặt trên, mặt đáy, mặt trước và mặt sau của hình hộp chữ nhật đó. Để tăng chiều rộng hình hộp chữ nhật, cần tăng kích thước của các hình chữ nhật tạo thành mặt trên, mặt đáy và 2 mặt bên của hình hộp chữ nhật đó.

+ Hình trụ được ghép từ 1 hình chữ nhật và 2 hình tròn có bán kính bằng nhau. Trong đó, 2 hình tròn được đặt ở mặt trên và mặt đáy, hình chữ nhật được cuộn tròn lại tạo thành mặt xung quanh. Để tăng chiều cao của hình trụ, cần tăng kích thước của hình chữ nhật tạo nên mặt xung quanh của hình trụ đó. Để tăng độ lớn (tiết diện) của hình trụ, cần tăng bán kính của 2 hình tròn và tăng kích thước của hình chữ nhật tạo nên hình trụ đó.

– GV dùng ứng dụng GeoGebra để biểu diễn sự thay đổi kích thước của hình lập phương/hình hộp chữ nhật/hình trụ khi thay đổi kích thước của các hình cơ bản ghép nên các hình khối.

+ Hình lập phương, hình hộp chữ nhật: <https://www.geogebra.org/m/CwN3Zfzj>

+ Hình trụ: <https://www.geogebra.org/m/bahvrckv>

– GV chốt kiến thức: Hình khai triển của một hình khối là hình có thể gấp lại để được hình khối đó.

– HS làm việc theo nhóm trong 20 phút, hoàn thành Phiếu học tập số 1 để luyện tập nhận biết hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ.

– Đại diện các nhóm HS trình bày kết quả vào Phiếu học tập số 1.

– GV nhận xét câu trả lời của HS và công bố đáp án Phiếu học tập số 1:

Câu 1:	Câu 2a: hình a, c,	Câu 3a: hình a, b	Câu 4a: hình a
A – III, B – I, C – II	d Câu 2b: hình b	Câu 3b: hình c, d, e	Câu 4b: hình 1, 3, 5, 6 hoặc 7

TIẾT 3

b) Tìm hiểu về kỹ thuật tạo hình trụ từ giấy bìa và bìa các-tông (10 phút)

– HS đọc hướng dẫn tạo hình trụ từ giấy bìa và bìa các-tông (trang 50 SHS), sau đó nhận dụng cụ, vật liệu và thực hành thao tác.

– GV đặt câu hỏi để HS hiểu rõ hơn về kỹ thuật tạo hình trụ từ giấy bìa và bìa các-tông: Với vật liệu giấy bìa và bìa các-tông, làm sao để tạo hình trụ có đường kính phần đáy 10 cm? (Đáp án: Vẽ và cắt hình tròn đường kính 10 cm bằng bìa các-tông để làm phần đáy, gấp đôi

2 tờ giấy bìa khổ A4 và dán phân mép lại với nhau để nối dài. Các bước còn lại tương tự như hướng dẫn trong SHS.)

3. Hoạt động 3. Luyện tập và vận dụng (60 phút)

Mục tiêu

- HS thiết kế và làm được hộp đựng bút đa năng từ các vật liệu được cung cấp và chuẩn bị thêm.
- HS nêu được cách thức giải quyết vấn đề trong quá trình thiết kế hộp đựng bút đa năng và giải quyết được một số vấn đề về đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình trong quá trình chế tạo sản phẩm sao cho đạt các tiêu chí đề ra.
- HS hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian quy định.
- HS tự đánh giá được các yêu cầu mà sản phẩm *Hộp đựng bút đa năng* đã đạt được và đánh giá được mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

Tổ chức hoạt động

a) Đề xuất và lựa chọn giải pháp (25 phút)

- Lên ý tưởng
 - HS đọc lại các yêu cầu của sản phẩm *Hộp đựng bút đa năng* trong **Thử thách STEM**.
 - HS làm việc theo nhóm trong 15 phút, phác thảo hộp đựng bút đa năng vào mục 1 – Phiếu học tập số 2 dựa trên các câu hỏi định hướng trong SHS (trang 51).
 - GV quan sát hoạt động của các nhóm và hỗ trợ các nhóm HS gặp khó khăn bằng cách cung cấp thêm các gợi ý:
 - + Độ lớn của mỗi ngăn đựng dụng cụ học tập phụ thuộc vào loại dụng cụ học tập và số lượng dụng cụ học tập chứa trong mỗi ngăn đó. Vì thế cần tính toán, đo kích thước của các dụng cụ học tập trước khi thiết kế các ngăn đựng dụng cụ.
 - + Chiều cao của mỗi ngăn đựng dụng cụ học tập tối thiểu bằng $\frac{2}{3}$ chiều cao của dụng cụ học tập chứa trong mỗi ngăn đó mới đảm bảo dụng cụ học tập không bị ngã đổ.
- Lựa chọn vật liệu, dụng cụ và thiết kế chi tiết
 - HS làm việc theo nhóm, hình thành tiến trình các bước làm sản phẩm bằng cách hoàn thành bảng ở mục 2 – Phiếu học tập số 2.
 - Đại diện 2 nhóm HS báo cáo ý tưởng thiết kế hộp đựng bút đa năng. Các nhóm khác nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).
 - GV nhận xét kết quả hoạt động nhóm và góp ý cho ý tưởng thiết kế hộp đựng bút đa năng của các nhóm.

TIẾT 4

b) Chế tạo sản phẩm, thử nghiệm và đánh giá (25 phút)

- Chế tạo sản phẩm
 - Mỗi nhóm nhận bộ dụng cụ, vật liệu; phân công nhiệm vụ (điền vào bảng ở mục 3 – Phiếu học tập số 2) và cùng làm hộp đựng bút đa năng.
- Thử nghiệm, điều chỉnh và hoàn thiện sản phẩm
 - HS thử sắp xếp các dụng cụ học tập như yêu cầu của **Thử thách STEM** vào các ngăn của hộp đựng bút như dự kiến ở bảng thiết kế.
 - HS dùng Phiếu học tập số 3 (Phiếu kiểm tra tiêu chí sản phẩm) để tự đánh giá hộp đựng bút đa năng của nhóm.

c) Chia sẻ, thảo luận và điều chỉnh (10 phút)

- Các nhóm HS lần lượt chia sẻ về công dụng của sản phẩm hộp đựng bút đa năng của nhóm.
- HS bình chọn cho nhóm có sản phẩm tốt nhất và phần chia sẻ hay nhất.
- GV tuyên dương các nhóm có sản phẩm đạt đủ các tiêu chí; khích lệ các nhóm có kết quả còn hạn chế và cho các nhóm nêu các mong muốn cải tiến sản phẩm (nếu có).
- GV giới thiệu về ứng dụng của hình khai triển hình lập phương, hình hộp chữ nhật, hình trụ và một số hình khối khác trong công nghệ sản xuất hộp giấy như gợi ý trong **STEM và cuộc sống**.

IV. ĐIỀU CHỈNH BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

Thứ sáu, ngày 28 tháng 3 năm 2025

TIẾNG VIỆT

Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về những suy nghĩ, cảm xúc về danh nhân trong cuốn sách đã học.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực đọc sách, đọc các câu chuyện mở rộng để rèn luyện thói quen đọc sách và đưa ra suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong đọc các câu chuyện một cách nghiêm túc và có định hướng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm khi tự đọc sách, suy nghĩ và thể hiện đúng quan điểm về câu chuyện đã đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra ý thức tự đọc của học sinh qua thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc. - Cách tiến hành:	
- GV cho học sinh xem 1 video về danh nhân Việt Nam và dẫn dắt vào bài.	- HS Lắng nghe và cùng trao đổi về nội dung bài . - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc thực hiện yêu cầu đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam, biết ghi chép những thông tin quan trọng. + HS được rèn luyện và phát triển kĩ năng chia sẻ những cảm nhận, hiểu biết về một danh nhân của Việt Nam. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.	

- Cách tiến hành: 1: Đọc sách báo về một danh nhân của Việt Nam và viết phiếu đọc sách theo mẫu. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu mở rộng và giải thích thêm: Danh nhân là người nổi tiếng, có danh tiếng, được xã hội trân trọng. GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động 1 vào phiếu : 2.Trao đổi <i>Trao đổi những suy nghĩ, cảm xúc của em về danh nhân mà em đọc trong sách báo</i> - Gv HS Làm việc nhóm, từng em nói về những điều mình muốn chia sẻ với bạn. VD: + Tên tuổi danh nhân, thời đại họ sống,... + Sự việc đáng nhớ, sự việc gây xúc động,... + Những đóng góp, cống hiến của danh nhân,... + Suy nghĩ, cảm xúc của mình về cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân. 3. Dựa vào những ghi chép trong phiếu đọc sách, trao đổi với bạn những suy nghĩ, cảm xúc của em về danh nhân trong sách báo mà em đã đọc. - GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc nhiều sách, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc thầm yêu cầu; đọc thầm gợi ý trong SGK. + Đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam. Xem gợi ý trong SGK về những cuốn sách viết về danh nhân để đọc và chia sẻ sách báo cho nhau. + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SGK (có thể viết thêm những thông tin khác tùy theo nội dung sách báo đã đọc). Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin mà các bạn chia sẻ. - Hs trao đổi Bác Hồ là tấm gương mẫu mực về sự giản dị và khiêm tốn, luôn gần gũi với nông dân. Tuy là Chủ tịch nước nhưng Bác sống rất giản dị, không kiêu căng mà rất gần gũi, thân thiện với mọi tầng lớp nhân dân. Sự thân thiện của Bác làm cho mọi người thấy tự nhiên và thoải mái, Bác như người cha, người chú, người anh của nhân dân ta. Từ đó, mỗi người cần học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV Viết 3 – 5 câu giới thiệu về một danh nhân trong sách báo mà em đã đọc (có thể sử dụng tranh ảnh, hình vẽ,... để trang trí). Chia sẻ với người thân những thông tin về danh nhân trong bài giới thiệu của em. - GV lưu ý HS khi kể: <i>Kể phải rõ ràng, rành mạch, đúng và đầy đủ các sự việc chính trong câu chuyện.</i>	- HS lắng nghe nhiệm vụ về nhà. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta có rất nhiều anh hùng được sử sách ghi danh, một trong số đó là lãnh tụ Hồ Chí Minh. Người mà được toàn thể nhân dân Việt Nam kính trọng gọi bằng Bác Hồ. Bác là người lãnh đạo nhân dân ta làm cuộc Cách mạng tháng 8, lập lên nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Tiếp đó, Bác lại lãnh đạo hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành thắng lợi hoàn toàn thống nhất đất nước. Bác được UNESCO phong tặng danh hiệu " Anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới." Cả cuộc đời Bác là một tấm gương sáng về đạo đức cách mạng và lối sống giản dị của Bác để cho nhân dân noi theo. Nhờ có sự lãnh đạo của Bác mà Việt Nam đang là thuộc địa của thực dân Pháp nay đã thành một nước độc lập. Để biết ơn Bác, em nguyện ngoan ngoãn chăm học làm theo 5 điều Bác Hồ dạy.
- GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN

Bài 60: QUÃNG ĐƯỜNG, THỜI GIAN CỦA MỘT CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS tìm được thời gian khi cho biết vận tốc và quãng đường trong một chuyển động đều.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm được thời gian khi cho biết vận tốc và quãng đường trong một chuyển động đều.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng quy tắc, công thức tính để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

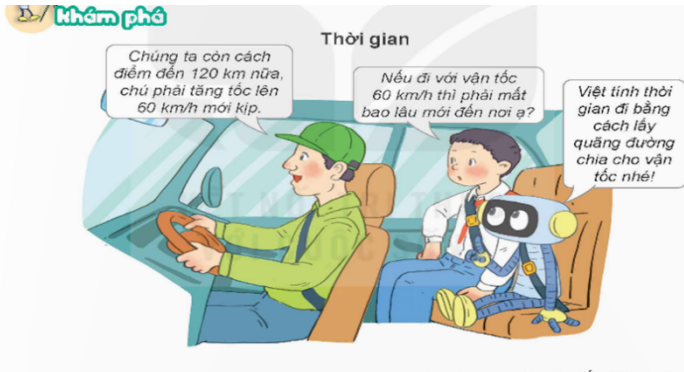
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1 : Một người đi xe máy được quãng đường 92km hết 2 giờ. Tính vận tốc của người đi xe máy? + Câu 2 : Một tàu hỏa đi được quãng đường 97,5km hết 1 giờ 30 phút. Tính vận tốc của tàu hỏa đó. + Câu 3: Quy đồng mẫu số 2 phân số sau: + Câu 3 : Một ô tô đi trong 3 giờ với vận tốc 54km/giờ. Tính quãng đường đi được của ô tô. + Câu 4 : Muốn tính quãng đường, ta làm thế nào?	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 46km/giờ. + Trả lời: 65km/giờ. + Trả lời: 162km/giờ
+ Câu 5 : Muốn tính vận tốc, ta làm thế nào?	+ Trả lời: Muốn tính quãng đường, ta lấy vận tốc nhân với thời gian. (s là quãng đường; v là vận tốc;

- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	t là thời gian) + Trả lời: Muốn tính vận tốc, ta lấy quãng đường chia cho thời gian. $v = s : t$ (v là vận tốc; s là quãng đường; t là thời gian) - HS lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: Bước đầu hình thành kiến thức tính thời gian. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  + Quãng đường mà bác Tài, Việt, Rôbots còn phải đi là bao nhiêu km? + Vận tốc của xe ô tô là bao nhiêu? + Dựa vào gợi ý của Rô bốt, các con hãy TL nhóm 2 tìm thời gian đi ô tô đi hết quãng đường? + GV gọi 1 số nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. + Nêu cách tính thời gian khi biết quãng đường và vận tốc? + Nêu công thức tính thời gian? +GV nhận xét, chốt quy tắc: Muốn tìm thời gian, ta lấy quãng đường chia cho vận tốc. (t là thời gian; s là quãng đường; v là vận tốc) + GV gọi 3-4 hs nhắc lại	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: + Quãng đường mà bác Tài, Việt, Rô bốt còn phải đi là 120 km + Vận tốc của xe ô tô là 60km/h. + HS TL nhóm 2: Nhóm trình bày: $120 : 60 = 2(\text{giờ})$ + Muốn tính thời gian của 1 chuyển động ta lấy quãng đường chia cho vận tốc. + $t = s : v$ + Hs nhắc lại
3. Hoạt động - Mục tiêu:	

+ HS thực hiện cách tính thời gian của một chuyển động.

- Cách tiến hành:

Bài 1.

1 Số ?

Sau trận lũ quét, thầy Nam đi bộ trở lại điểm trường cách nơi xuất phát 9 km. Do đường đi nhiều đồi núi nên thầy chỉ đi được với vận tốc 1,5 km/h.

Thời gian trở lại điểm trường của thầy Nam là ? giờ.



- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc cá nhân: Vận dụng công thức tính thời gian để tìm đáp án của bài
- GV mời học sinh báo kết quả.
- Mời lớp nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc cá nhân: thực hiện tìm thời gian của Nam đến điểm trường ở bài tập 1:
Thời gian trở lại điểm trường của Nam là
 $9 : 1,5 = 6$ (giờ)
- Học sinh báo cáo kết quả.
- Các bạn trong lớp khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. Một vận động viên khuyết tật trượt tuyết với vận tốc 24m/s. Hỏi vận động viên đó hoàn thành quãng đường 600m trong thời gian bao lâu?

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV cùng HS tóm tắt bài toán.

- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.

- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

Bài 3:

3 Chọn câu trả lời đúng.

Một chiếc thuyền xuôi dòng từ thành phố A đi đến thành phố B cách 75 km với vận tốc 30 km/h. Sau đó thuyền ngược dòng từ thành phố B trở về thành phố A với vận tốc 25 km/h. Thời gian về dài hơn thời gian đi là:

- A. 0,5 giờ B. 1 giờ C. 1,5 giờ

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi
- HS tóm tắt bài toán:
+ Vận tốc: 24m/s
+ Quãng đường: 600m
+ Thời gian đi hết quãng đường:
- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.

Giải:

Thời gian vận động viên đó hoàn thành quãng đường đua là:

$$600 : 24 = 25 \text{ (giây)}$$

Đáp số 25 giây

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

- GV mời HS làm việc nhóm 4: Tìm thời gian của thuyền đi xuôi dòng, thời gian của thuyền đi ngược dòng để tìm ra kq bài tập 3.	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc nhóm4: Tìm thời gian của thuyền đi xuôi dòng, thời gian của thuyền đi ngược dòng trong bài tập 3: Thời gian thuyền đi xuôi dòng từ thành phố A đến thành phố B là: $75 : 30 = 2,5 \text{ (giờ)}$ Thời gian thuyền đi ngược dòng từ thành phố A đến thành phố B là: $75 : 25 = 3 \text{ (giờ)}$ Thời gian về dài hơn thời gian đi là $3 - 2,5 = 0,5 \text{ (giờ)}$ + Đáp án: A - Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)
--	--

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- Cách chơi: GV đưa câu hỏi, hs tính và ghi kết quả nhanh vào bảng. Bạn nào có kết quả đúng, nhanh bạn đó thắng cuộc V. Thời gian chơi từ 2-3 phút.

Câu 1:



Ai nhanh - Ai đúng

30

01 Muốn tính thời gian ta làm thế nào?

A. Lấy quãng đường nhân cho vận tốc.
B. Lấy quãng đường chia cho vận tốc.
C. Lấy quãng đường trừ cho vận tốc.

Đáp án: B

Câu 2:



Ai nhanh - Ai đúng

Công thức tính thời gian là :

Câu 2

A. $t = s : v$
B. $t = s \times v$
C. $t = s - v$

- HS lắng nghe trò chơi.
- Các nhóm lắng nghe luật chơi.

+CÂU 1:B

Câu 2: A

CÂU 3

Câu 3: Tính thời gian rồi viết vào ô trống:

A 9,1 giờ

B. 19 giờ

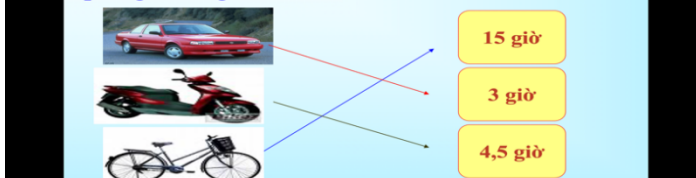
C. 9 giờ

v	9 km/giờ
s	81 km
t	

Câu 3:C

Câu 4

Trên cùng một quãng đường dài 180 km, ba phương tiện tham gia giao thông: Xe ô tô đi với vận tốc 60km/h, xe máy đi với vận tốc 40 km/h, xe đạp đi với vận tốc 12 km/h. Hãy nối các phương tiện tương ứng với số thời gian đi hết quãng đường.



Câu 4:

- Ô tô – 3 giờ

-Xe máy – 15 giờ

-Xe đạp – 4,5 giờ

- HS tham gia chơi.

Các nhóm rút kinh nghiệm.

- GV tổ chức trò chơi.
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Bài 22: CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực nhận thức khoa học Địa lí: Xác định được vị trí địa lí của các châu lục và của các đại dương, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới; nêu được một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục.

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: Khai thác lược đồ, quả Địa Cầu để tìm hiểu về các châu lục và đại dương trên thế giới; sử dụng được bảng số liệu và lược đồ để so sánh một số đặc điểm tự nhiên của các châu lục và so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về các châu lục để xác định được châu lục mà HS yêu thích và muốn khám phá nhất.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động về Lịch sử, Địa lí.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

- Phẩm chất yêu nước, yêu thiên nhiên: Có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "ô cửa bí mật" - Cách chơi: Mỗi ô cửa bí mật có một câu hỏi sau khi trả lời được các câu hỏi sẽ hiện ra một mảnh ghép hình ảnh, câu cuối sẽ đoán hình ảnh hiện ra. + Câu 1. Hãy kể tên các châu lục, các đại dương trên thế giới mà em biết?	- HS tham gia chơi.

+ Câu 2. Châu lục, đại dương nào có diện tích lớn nhất thế giới? + Câu 3. Châu lục, đại dương nào có diện tích nhỏ nhất thế giới? + Câu 4. Hình ảnh trên bảng là châu lục, đại dương nào?  - GV nhận xét, tuyên dương, dẫn dắt vào bài mới.	+ Châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực. + Châu Á có diện tích lớn nhất có 44,4 triệu km². + Châu Đại Dương có diện tích nhỏ nhất có 8 triệu km². + Châu Á, châu Âu - Lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Xác định được vị trí địa lí của một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả Địa Cầu. + Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,..) của các châu lục. - Cách tiến hành: Hoạt động khám phá 1. 1. Các châu lục trên thế giới b) Đặc điểm tự nhiên * Châu Á - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi đọc thông tin trang 94, sử dụng quả Địa Cầu và quan sát hình 2 và thực hiện theo yêu cầu:  ▲ Hình 2. Một phần dãy Hi-ma-lay-a ở Nê-pan (Nepal) + Kể tên và xác định vị trí của một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của châu Á trên quả Địa Cầu. + Nêu một số đặc điểm tự nhiên nổi bật của châu Á.	
- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện theo yêu cầu.	

- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận theo các câu hỏi sau:

+ Em hãy nêu đặc điểm địa hình của châu Á?

+ Châu Á có khí hậu như thế nào?

+ Kể tên các sông, hồ thuộc châu Á?

+ Thiên nhiên châu Á ra làm sao?

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV yêu cầu HS đọc mục em có biết. Cho biết châu Á có đặc điểm gì nổi bật.

- GV nhận xét, tuyên dương.

* Châu Âu

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trang 95, sử dụng quả Địa Cầu và quan sát hình 3, hình 4 và thực hiện theo yêu cầu:



▲ Hình 3. Sông Đa-nuyb đoạn chảy qua Đức



▲ Hình 4. Một phần dãy An-pơ (Alps) ở Thụy Sĩ

+ Em hãy nêu đặc điểm địa hình của châu Âu?

+ Châu Âu có khí hậu như thế nào?

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

+ Châu Á có địa hình đa dạng gồm: Núi, cao nguyên: chiếm 3/4 diện tích châu lục; Các đồng bằng châu thổ rộng lớn

+ Châu Á có đủ các đới khí hậu: xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, hàn đới.

+ Châu Á có hệ thống sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang, Ân - Hằng, Mê Công,...; có các hồ lớn: Ca-xpi, Bai-can, A-ran,..

+ Thiên nhiên châu Á rất đa dạng.

- HS nhận xét bổ sung nếu có.

- HS đọc mục em có biết và trả lời câu hỏi: Châu Á có Đỉnh Ê-vơ-rét (Everest) có độ cao 8848m thuộc dãy Hi-ma-lay-a là đỉnh núi cao nhất thế giới. Hồ Bai-can là hồ sâu nhất thế giới. Hồ chứa khoảng 20% tổng lượng nước ngọt không đóng băng trên thế giới.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm

- HS đọc thông tin đôi lần lượt nêu câu trả lời

+ Đồng bằng ở Châu Âu chiếm 23 diện tích lãnh thổ và kéo dài từ tây sang đông. Đồi núi chiếm 1/3 diện tích lãnh thổ, hệ thống núi cao tập trung ở phía nam.

+ Châu Âu chủ yếu có khí hậu ôn đới.

+ Kể tên và lên bảng xác định vị trí các con sông thuộc châu Âu.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

+ Kể tên và xác định vị trí các sông, hồ thuộc châu Âu? - GV nhận xét, tuyên dương.	
3. Hoạt động luyện tập. - Mục tiêu: Hệ thống lại kiến thức và luyện tập. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS lên bảng xác định vị trí châu Á, châu Âu trên lược đồ. - Em hãy chỉ dãy Hi-ma-lay-a ở trên lược đồ và nêu đặc điểm của đỉnh núi? - Sông Đa - nuyép chảy qua đâu? Em hãy xác định vị trí lên lược đồ?	- 3 - 4 HS lên bảng thực hiện. - HS xác định và nêu đặc điểm nổi bật của đỉnh núi là cao nhất thế giới. - Sông Đa - nuyép chảy qua Đức, HS lên bảng chỉ vị trí của sông Đa - nuyép.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS tham gia trò chơi “Nhanh như chớp” + Luật chơi: chơi theo tổ, trong thời gian 5 phút dựa vào hình ảnh trong SGK và các thông tin đã học mỗi tổ thực hiện mô tả cảnh đẹp thuộc châu Á hoặc châu Âu Tổ nào đúng và hay, nhanh nhất là thắng cuộc. + GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả. + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe luật trò chơi. + Các tổ thực hiện mô tả theo sự hiểu biết qua bài học - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

SHL: Chuẩn bị tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Xác định được những nội dung cần tìm hiểu về thực trạng cảnh quan thiên nhiên
- Xây dựng được phiếu tổng hợp kết quả tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: thể hiện qua việc chủ động đề xuất nội dung, phương pháp tìm hiểu về thực trạng cảnh quan thiên nhiên

- Năng lực giao tiếp – hợp tác: trao đổi và hợp tác với các bạn khi thực hiện nhiệm vụ của nhóm.

2. Năng lực đặc thù

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: thể hiện qua việc xác định nội dung và xây dựng được phiếu tổng hợp kết quả tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên của địa phương

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: thể hiện qua việc xác định các vấn đề cần tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên ở địa phương, góp phần bảo tồn cảnh quan thiên nhiên của địa phương.

- Phẩm chất trách nhiệm: chủ động đưa ra cách tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên và có ý thức thực hiện tìm hiểu cảnh quan thiên nhiên ở địa phương theo yêu cầu của dự án.

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên

- Kế hoạch tổ chức hoạt động, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết hoạt động.

2. Học sinh

- Giấy bìa, bút màu, kéo, keo dán...

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ hoạt động	
- GV tổ chức cho HS hát và vận động theo nhạc của bài hát “Mái trường mến yêu” (Sáng tác: Lê Quốc Thắng) - GV tổ chức cho HS trao đổi sau khi hát: + <i>Vì sao bạn nhỏ thấy yêu ngôi trường của mình?</i> + <i>Bài hát muốn nói với em điều gì?</i> - GV nhận xét và dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp.	- HS hát và vận động theo nhạc. - HS trả lời theo suy nghĩ - HS lắng nghe.

2. Hoạt động 1: Tổng kết hoạt động tuần 28 và phương hướng hoạt động tuần 29	
<i>a) Mục tiêu:</i> Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.	
<i>b) Cách tiến hành:</i>	
* Đánh giá kết quả tuần 28 - GV tổ chức cho lớp thực hiện đánh kết quả hoạt động trong tuần vừa qua + GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. + GV quan sát và hỗ trợ cho lớp trưởng (nếu cần) - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần) * Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Lưu ý: Nếu trong tuần có những hoạt động của trường triển khai thì bạn cán bộ lớp được giao phụ trách nội dung đó sẽ triển khai hoạt động. - GV yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng mời các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến khắc phục những hạn chế của lớp trong tuần qua. Các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến theo suy nghĩ của bản thân. - Lớp trưởng mời GV nhận xét - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.

+ Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - GV yêu cầu lớp trưởng điều khiển phần thảo luận - GV mời lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận của lớp về kế hoạch tuần tới. - GV nhận xét, góp ý, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- Lớp trưởng mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Lớp trưởng tổng hợp lại kết quả thảo luận và báo cáo trước lớp. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề: Chuẩn bị tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên	
<i>a) Mục tiêu:</i> - Xác định được những nội dung cần tìm hiểu về về thực trạng cảnh quan thiên nhiên - Xây dựng được phiếu tổng hợp kết quả tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên	
<i>b) Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4-6 em (theo nhóm của hoạt động trước vì liên quan đến kế hoạch thực hiện dự án) và trao đổi về những nội dung cần tìm hiểu về thực trạng của cảnh quan thiên nhiên theo gợi ý ở nhiệm vụ 1, trang 77 SHS HĐTN 5 + GV gợi ý thêm cho HS về cách trình bày kết quả thảo luận với nhiều hình thức (sơ đồ tư duy, ghi chép kết hợp vẽ (Sketchnote)....	- HS thảo luận và đưa ra nội dung, phương pháp tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên ở địa phương
- GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và xin ý kiến bổ sung của các nhóm khác bằng cách chuyển bảng thảo luận cho nhóm khác nhận xét + GV hướng dẫn thêm cho HS khi góp ý xong 1 nhóm thì tiếp tục chuyển tiếp sang nhóm khác cho đến khi nhận lại được bảng thảo luận nhóm mình.	- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm xây dựng phiếu tổng hợp kết quả tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên theo gợi ý ở nhiệm vụ 2, trang 77 SHS HĐTN5 + GV hướng dẫn thêm cho HS về việc phân công công việc cụ thể cho từng bạn trong nhóm	HS làm việc nhóm theo hướng dẫn

để thực hiện việc tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên hiệu quả Ví dụ: bổ sung thêm một cột về người thực hiện vào phiếu tổng hợp kết quả tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên	
- GV mời đại diện các nhóm trình bày về phiếu phiếu tổng hợp kết quả tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên của nhóm mình. - GV mời các nhóm khác bổ sung hoặc nêu câu hỏi thêm (nếu có)	- HS báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình - HS đặt câu hỏi làm rõ thêm về cách đưa ra minh chứng
- GV nhận xét và dặn dò HS thực hiện tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên theo yêu cầu dự án và ghi vào phiếu tổng hợp kết quả	HS lắng nghe và thực hiện.
4. Tổng kết / cam kết hành động – GV động viên và nhắc HS các việc cần chú ý thực hiện để đạt được kế hoạch hoạt động tuần đề ra - GV kiểm tra các nội dung mà HS đăng kí tham gia tổ chức trong sự kiện “Chung tay bảo vệ môi trường” tuần sau. - GV nhắc HS chủ động trao đổi với GV khi cần hỗ trợ trong việc tìm hiểu thực trạng cảnh quan thiên nhiên của địa phương.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm - HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu của GV
IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG 	

TIẾT ĐỌC THƯ VIỆN

TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

ĐỌC NHỮNG CÂU TRUYỆN VỀ LÒNG TRUNG THỰC

I. MỤC TIÊU:

1- Kiến thức

- HS biết chọn sách truyện nói về tính trung thực đúng trình độ đọc của mình.
- Biết cách mô tả thông tin về quyển sách. Biết cách mở đầu, kể diễn biến theo đúng thứ tự xảy ra và kết thúc câu chuyện. Và biết nêu lên ý nghĩa bài học của câu chuyện liên quan tính tự trọng.

2- Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng khai thác sách vở thông tin trong thư viện, dùng lời văn của mình để kể lại câu chuyện, tránh dùng rập khuôn.

3- Thái độ:

- Giúp HS ham đọc sách, có thói quen đọc sách.
- Có tính tự trọng, không “đạo văn” của người khác.

II. CHUẨN BỊ:

*Chuẩn bị của nhân viên thư viện:

- Danh mục sách và truyện nói về tính trung thực.
- Sách truyện Giá trị của danh dự, Biết nhận lỗi là ngoan, Những hạt thóc giống....

* Học sinh: Nhật kí đọc của HS...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

Hoạt động của nhân viên thư viện	Hoạt động của học sinh
I- TRƯỚC KHI ĐỌC * Hoạt động 1: - Kiểm tra đồ dùng của học sinh. - Ổn định trật tự. Hoạt động 2: Trò chơi “ ghép nghĩa ứng với từ” - Cho 5 thẻ giải nghĩa (sắp lộn xộn) lên trên bàn, úp không thấy chữ, đánh số phía sau Trung nghĩa (1) Trung hậu (2) Trung kiên (3) Trung thực (4) (5)	- Làm theo yêu cầu của cô giáo *Hoạt động nhóm: - Học sinh đại diện nhóm chọn bất kì một thẻ giải nghĩa, mở ra đọc to, sau đó chọn ghép vào từ phù hợp. - Nếu đúng thì được ghi điểm cho nhóm . Nếu sai thì úp lại vị trí cũ không được ghi điểm. - Lần lượt đến nhóm khác.

(*Ghi chú: 5 thẻ giải nghĩa có 1 thẻ có nghĩa không phù hợp, cuối cùng loại ra sau khi đã chọn xong*)

- Nhận xét tuyên dương.
- Giới thiệu bài mới

II- TRONG KHI ĐỌC:

*** Hoạt động 1 Đọc truyện**

- Đọc cho các em nghe chung: Giá trị của danh dự, công ty sữa Xuân Thu.
(kết hợp tranh phóng to nếu có)

- Nêu lần lượt câu hỏi sau khi đọc xong.
- + Truyện có những nhân vật nào
- + Các nhân vật làm gì? Nói gì?
- + Những chi tiết nào trong truyện làm em thích, cảm động? Vì sao?
- + Bài học rút ra từ câu truyện là gì?
- Nhận xét

* Cả lớp ngồi gần lại thầy cô để nghe kể.

- Nghe câu chuyện Giá trị của danh dự, công ty sữa Xuân Thu.

- Đôi bạn: Trao đổi nội dung các câu hỏi trả lời.

NGƯỜI SOẠN	<i>Ngày 5 tháng 3 năm 2025</i> TỔ TRƯỞNG
Nguyễn Thị Trúc Như	Nguyễn Thị Hoài Thanh

KÍ DUYỆT <i>Ngày 7 tháng 3 năm 2025</i> PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thanh Hải